

KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

GIẢNG GIẢI

TẬP 11



HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ

KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

Hán dịch : Sa môn Thật Xoa Nan Đà
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tập 11

Hòa Thượng **TUYÊN HOÁ**

Giảng giải



Chùa/Pagode Kim Quang
75 Allée Circulaire
93600 Aulnay Sous Bois-France
Tel./Fax : 01.48.69.01.24
e-mail : kimquangtu@hotmail.com
website: chuakimquang.com



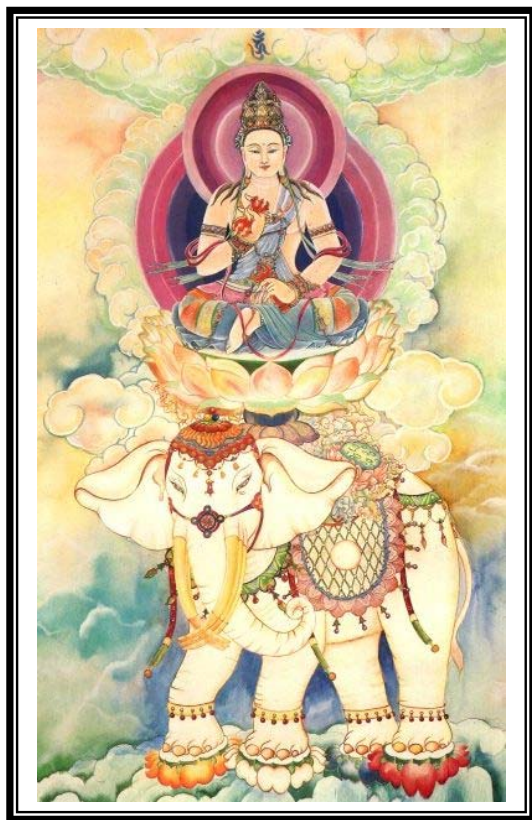
NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT



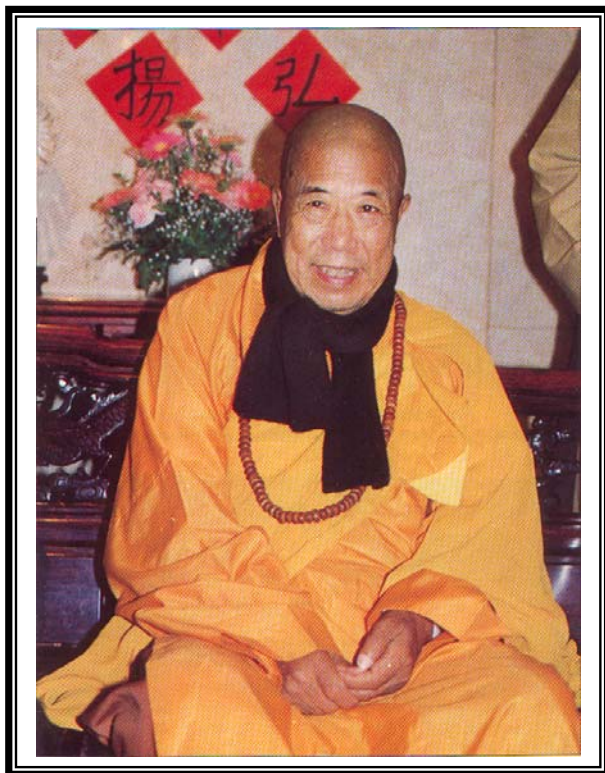
NAM MÔ THANH TỊNH ĐẠI HẢI CHÚNG
HỘI THƯỢNG PHẬT BỒ TÁT



NAM MÔ ĐẠI TRÍ VĂN THÙ SƯ LỢI BỒ TÁT



NAM MÔ ĐẠI HẠNH PHỔ HIỀN BỒ TÁT



HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ

Nội dung

QUYỂN HAI MƯƠI MỐT

Phẩm mười tạng vô tận thứ hai mươi hai.....9

QUYỂN HAI MƯƠI HAI

Phẩm thăng lên cung trời Đâu Suất thứ hai mươi ba.....111

Phẩm kệ khen ngợi trên cung trời Đâu Suất thứ hai mươi
bốn.....271



KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

Hán dịch : Sa môn Thật Xoa Nan Đà
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định
Hoà thượng Tuyên Hoá giảng giải

QUYÊN HAI MƯỜI MỘT PHẨM MƯỜI TẶNG VÔ TẬN THỨ HAI MƯỜI HAI

Mỗi pháp môn Kinh Hoa Nghiêm, đều nói về mười thứ. Vì mười là đại biểu cho số vô tận. Do đó: "Trùng trùng vô tận, vô tận trùng trùng". Đạo lý này, hết thuở vị lai cũng nói không hết. Vì nguyên nhân này, cho nên phẩm này gọi là Phẩm Mười Tặng Vô Tận, pháp chẳng cùng tận đều bao quát ở trong phẩm này.

Bồ Tát đầy đủ nguyện như vậy, thì lập tức đắc được mười tặng vô tận:

1. Tặng vô tận khắp thấy chư Phật.
2. Tặng vô tận tổng trì không quên.
3. Tặng vô tận quyết rõ các pháp.
4. Đại bi cứu hộ.
5. Đủ thứ tam muội.
6. Mãn tâm chúng sinh, phước đức rộng lớn.
7. Diễn nói tất cả pháp, trí huệ thâm sâu.
8. Báo được thần thông.

9. Trụ vô lượng kiếp.

10. Tạng vô tận vào vô biên thế giới.

Nguyên của Bồ Tát, tức là:

1. Chúng sinh vô biên thế nguyện độ.

2. Phiền não vô tận thế nguyện đoạn.

3. Pháp môn vô lượng thế nguyện học.

4. Phật đạo vô thượng thế nguyện thành.

Đây là bốn thế nguyện lớn của Bồ Tát. Phạm là Bồ Tát, trước hết đều phát bốn thế nguyện này, tu hành viên mãn thì lại phát đại nguyện đặc biệt, giống như mười đại nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền .v.v...

Bấy giờ, Bồ Tát Công Đức Lâm, lại bảo các Bồ Tát rằng: Phật tử ! Đại Bồ Tát có mười thứ tạng. Quá khứ vị lai hiện tại, chư Phật đã nói, sẽ nói và đang nói.

Khi bắt đầu giảng phẩm mười tạng vô tận, thì vị đại Bồ Tát Công Đức Lâm, Ngài có tâm bi tha thiết, bèn đối với hết thầy Bồ Tát trong pháp hội Hoa Nghiêm nói: "Các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát trong Bồ Tát, nên tu mười pháp tạng vô tận. Mười pháp tạng này, là pháp quá khứ chư Phật đã nói, là pháp vị lai chư Phật sẽ nói, là pháp hiện tại chư Phật đang nói, để giáo hoá tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh bỏ mê về với giác ngộ, sớm thành Phật đạo".

Những gì là mười ? Đó là: Tín tạng. Giới tạng. Tàm tạng. Quý tạng. Văn tạng.

Thí tạng. Huệ tạng. Niệm tạng. Trì tạng. Biện tạng. Đó là mười.

Gì gọi là mười tạng ? Tạng nghĩa là vô tận. Còn có nghĩa là sinh ra uẩn tạng. Mười tạng đó là:

1. Tín tạng: Tín pháp tạng.
2. Giới tạng: Giới pháp tạng.
3. Tàm tạng: Tàm pháp tạng.
4. Quý tạng: Quý pháp tạng.
5. Văn tạng: Văn pháp tạng.
6. Thí tạng: Thí pháp tạng.
7. Huệ tạng: Huệ pháp tạng.
8. Niệm tạng: Niệm pháp tạng.
9. Trì tạng: Trì pháp tạng.
10. Biện tạng: Biện pháp tạng.

Hiện tại đưa ra tên của mười tạng, sẽ giải thích ở sau.

Pháp môn mười pháp tạng này, là mẹ của chư Phật ba đời. Mười phương ba đời tất cả chư Phật, đều từ trong mười pháp môn vô tận sinh ra. Cho nên phẩm này rất là quan trọng, hy vọng các vị nên đặc biệt chú ý nghe giảng, bớt khỏi vọng tưởng, đặc được nhiều trí huệ.

Tin hay tiêu trừ trước không tin là nghiệp. Giới hay phòng ngừa sự phạm giới là nghiệp. Tàm (hổ) dùng đối trị không biết hổ, dừng lại làm ác là nghiệp. Quý (thẹn) dùng đối trị không biết thẹn, dừng lại làm ác là nghiệp. Văn hay phá vô tri là nghiệp. Thí dùng để dứt tham sân là nghiệp. Huệ dùng để phá si là nghiệp. Niệm dùng đối trị không chuyên chú là nghiệp. Trì dùng đối trị mất thủ hộ là nghiệp.

Biện dùng đối trị khó nhạo thuyết là nghiệp. Đây là sự giải thích của Sớ Sao đối với mười tạng.

THỨ NHẤT: TÍN TẠNG

Phật tử ! Những gì là tín tạng của đại Bồ Tát?

Đại Bồ Tát Công Đức Lâm lại gọi một tiếng: Các vị đệ tử của Phật ! Gì gọi là tín tạng pháp của đại Bồ Tát tu hành ?

Hiện tại Bồ Tát Công Đức lâm nói ra mười đạo lý tín tạng, các vị nên tụ tinh hội thần để nghe, đừng để lỡ cơ hội.

Bồ Tát này, tin tất cả pháp đều không. Tin tất cả pháp đều không tướng. Tin tất cả pháp đều không nguyện. Tin tất cả pháp đều không làm. Tin tất cả pháp đều không phân biệt. Tin tất cả pháp đều không chỗ nương. Tin tất cả pháp đều không thể lường. Tin tất cả pháp đều vô thượng. Tin tất cả pháp đều khó siêu việt. Tin tất cả pháp đều không sinh.

Vị Bồ Tát này tu tín tạng, Ngài tin mười pháp này:

1. Tin tất cả pháp đều là không, đều là vắng lặng. Do đó:

"Quét tất cả pháp,
Lìa tất cả tướng".

2. Tin tất cả pháp đều là không hình, không tướng.
Do đó:

"Các pháp tướng vắng lặng
Không thể dùng lời nói".

Vì là vắng lặng, cho nên chẳng có hình tướng. Bản thể của pháp là đường lối lẽ đã bạc, nơi tâm hành đã diệt.

3. Tin tất cả pháp đều là không nguyện, chẳng có nguyện cầu và hy vọng. Tu pháp đừng có tâm xí đồ và tham lam, muốn đắc được lợi ích gì, đó đều là vọng tưởng. Phải không đừng có tướng nguyện cầu, cũng không tướng, cũng không nguyện, đó mới là chân tinh thần tu pháp.

4. Tin tất cả pháp đều chẳng có kẻ làm, cũng chẳng có kẻ thọ.

5. Tin tất cả pháp đều chẳng có phân biệt. Bản thân của pháp là bình đẳng, không thể nói pháp của tôi cao, pháp của bạn thấp. Hoặc pháp của tôi là pháp thiện, pháp của bạn là pháp ác, tự nó chẳng có sự phân biệt như thế.
Do đó:

"Pháp đều bình đẳng,
Chẳng có cao thấp".

6. Tin tất cả pháp chẳng có chỗ mà sinh ra.

7. Tin tất cả pháp không thể lường. Tuy nhiên không tướng, không nguyện, không làm, không phân biệt, lại không chỗ nương, nhưng vẫn có vô lượng vô số.

8. Tin tất cả pháp là diệu pháp vi diệu thâm sâu vô thượng. Tuy nhiên pháp không thể lường, nhưng chẳng có pháp nào cao hơn nó.

9. Tin tất cả pháp chẳng có pháp nào siêu hơn nó được.

10. Tin tất cả pháp đều không chỗ sinh.

Nếu Bồ Tát hay tùy thuận tất cả pháp như vậy, sinh niềm tin thanh tịnh rồi, thì nghe các Phật pháp không thể nghĩ bàn, tâm chẳng khiếp nhược. Nghe tất cả chư Phật không thể nghĩ bàn, tâm chẳng khiếp nhược. Nghe cõi chúng sinh không thể nghĩ bàn, tâm chẳng khiếp nhược. Nghe pháp giới không thể nghĩ bàn, tâm chẳng khiếp nhược. Nghe cõi hư không không thể nghĩ bàn, tâm chẳng khiếp nhược. Nghe cõi Niết Bàn không thể nghĩ bàn, tâm chẳng khiếp nhược. Nghe đời quá khứ không thể nghĩ bàn, tâm chẳng khiếp nhược. Nghe đời vị lai không thể nghĩ bàn, tâm chẳng khiếp nhược. Nghe đời hiện tại không thể nghĩ bàn, tâm chẳng khiếp nhược. Nghe vào tất cả kiếp không thể nghĩ bàn, tâm chẳng khiếp nhược.

Bồ Tát tin mười pháp như đã nói ở trên, tùy thuận tất cả pháp, sinh ra tâm tin thanh tịnh rồi, mà chẳng chấp trước. Nghe đến mười thứ cảnh giới không thể nghĩ bàn,

mà tâm chẳng khiếp nhược. Vì Bồ Tát có định lực, như như chẳng động, rõ ràng sáng suốt, cho nên chẳng sinh tâm sợ hãi.

1. Bồ Tát nghe được các Phật pháp không thể dùng tâm suy nghĩ, không thể dùng lời luận bàn, tâm chẳng sợ hãi, chẳng sinh tâm thối chuyển.

2. Bồ Tát nghe được tất cả chư Phật diệu không thể tả, tâm chẳng sợ hãi, chẳng sinh tâm thối chuyển.

3. Bồ Tát nghe được cõi chúng sinh không thể nghĩ bàn, tâm chẳng sợ hãi, chẳng sinh tâm thối chuyển.

4. Bồ Tát nghe được pháp giới không thể nghĩ bàn, tâm chẳng sợ hãi, chẳng sinh tâm thối chuyển.

5. Bồ Tát nghe được cõi hư không không thể nghĩ bàn, tâm chẳng sợ hãi, chẳng sinh tâm thối chuyển.

6. Bồ Tát nghe được cõi Niết Bàn không thể nghĩ bàn, tâm chẳng sợ hãi, chẳng sinh tâm thối chuyển.

7. Bồ Tát nghe được đời quá khứ không thể nghĩ bàn, tâm chẳng sợ hãi, chẳng sinh tâm thối chuyển.

8. Bồ Tát nghe được đời vị lai không thể nghĩ bàn, tâm chẳng sợ hãi, chẳng sinh tâm thối chuyển.

9. Bồ Tát nghe được đời hiện tại không thể nghĩ bàn, tâm chẳng sợ hãi, chẳng sinh tâm thối chuyển.

10. Bồ Tát nghe được vào tất cả kiếp không thể nghĩ bàn, tâm chẳng sợ hãi, chẳng sinh tâm thối chuyển.

Tại sao ? Vì Bồ Tát này ở chỗ chư Phật, một lòng tin vững chắc, biết trí huệ của Phật vô biên vô tận.

Bồ Tát nghe được mười thứ cảnh giới không thể nghĩ bàn rồi, mà tâm chẳng khiếm nhược, khiến cho tâm bồ đề càng tăng trưởng, càng dũng mãnh. Đây là nguyên nhân gì ? Dưới đây là Bồ Tát Công Đức Lâm tự hỏi tự trả lời. Vì vị Bồ Tát này tu tín tạng, thưở xưa Ngài ở chỗ đạo tràng của các Đức Phật, một lòng hướng về niềm tin đạo bồ đề vững chắc, đối với Phật pháp tin sâu chẳng nghi ngờ. Ngài biết trí huệ của chư Phật vô biên không cùng tận. Hết thưở vị lai, nói cũng không hết được.

Ở trong mười phương vô lượng các thế giới. Mỗi thế giới đều có vô lượng chư Phật. Nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đã đắc được, đang đắc được, sẽ đắc được. Đã ra đời, đang ra đời, sẽ ra đời. Đã vào Niết Bàn, đang vào Niết Bàn, sẽ vào Niết Bàn.

Chẳng những ở trong thế giới Ta Bà, có vô lượng chư Phật xuất hiện ra đời. Cho đến mười phương hết thấy tất cả thế giới, ở trong mỗi thế giới, đều có vô lượng chư Phật xuất hiện ra đời. Tóm lại, mười phương thế giới có bao nhiêu chúng sinh, thì có bấy nhiêu đức Phật. Tại sao nói như vậy ? Vì mỗi chúng sinh đều là Phật tương lai. Phật quá khứ, là Phật đã thành. Phật hiện tại là Phật đang thành. Phật vị lai là tất cả chúng sinh sẽ thành Phật.

Vô lượng chư Phật đối với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đều viên mãn thành tựu. Cho nên nói đã đắc được, đang đắc được, sẽ đắc được. Đắc được là chứng

được, đã chứng quả vị Phật, hiện tại chứng được quả vị Phật, tương lai sẽ chứng được quả vị Phật. Chư Phật đã ra đời, hiện tại chư Phật ra đời, tương lai chư Phật ra đời. Quá khứ chư Phật đã vào Niết Bàn, hiện tại chư Phật cũng vào Niết Bàn, vị lai chư Phật cũng sẽ vào Niết Bàn.

Niết Bàn tức là không sinh không diệt. Đến được cảnh giới Niết Bàn, tức là đắc được thường, lạc, ngã, tịnh, bốn đức. Tóm lại, phiền não diệt rồi, tức là Niết Bàn. Do đó: "Phiền não vô tận thế nguyện đoạn". Chúng ta không cần đoạn phiền não, mà là phải biến phiền não. Tại sao ? Vì ở trong kinh Phật có nói: "Phiền não tức bờ đề". Nếu đoạn trừ phiền não, thì bờ đề cũng chẳng còn. Vậy phải làm sao ? Phải biến ! Biến phiền não thành bờ đề. Song, chẳng dễ gì biến ! Không dễ biến cũng phải biến, chìa khoá tu đạo là tại chỗ này. Phiền não là gì ? Tức là sân hận, tức là nóng giận, tức là lửa vô minh, Do đó: "Lửa vô minh hay thiêu huỷ rừng công đức". Nếu chẳng có nóng giận, thì chẳng có phiền não. Chẳng có phiền não, thì sẽ đến được bờ kia.

Tôi đã từng làm bài kệ: "Tôi vào lúc thuở xưa, lửa sân cao hơn trời, thiêu sạch rừng công đức, nên nay thọ khổ báo". Đây là tôi tự chú giải cho mình. Tuy nhiên tôi sống tại nước Mỹ giàu có, nhưng ngày chỉ ăn một bữa, tại sao ? Vì lửa sân của tôi cao hơn trời, cho nên thiêu sạch hết phước báo, phải tiếp thọ khổ báo. Do đó có thể chứng minh, phiền não chẳng những chẳng tốt đối với mọi người, mà đối với mình cũng chẳng lợi ích gì. Cho nên nói phiền não vô tận thế nguyện đoạn.

Trí huệ của chư Phật đó, không tăng, không giảm, không sinh, không diệt, không tiến, không lùi, không gần, không xa, không biết, không bỏ.

Bồ Tát tu hành, phải ôm lấy ba chữ "kiên, thành, hằng" làm tông chỉ. Có tâm tin kiên cố, có tâm tin kiên thành, có tâm tin hằng thường, tin sâu không nghi. Đối với trí huệ của chư Phật cũng chẳng tăng, cũng chẳng giảm, cũng chẳng sinh, cũng chẳng diệt, cũng chẳng tiến, cũng chẳng lùi, cũng chẳng gần, cũng chẳng xa, cũng chẳng biết, cũng chẳng bỏ.

Bồ Tát là tu mà không tu, chứng mà không chứng, hành sở vô sự. Tu sáu độ vạn hạnh, chỉ là trách nhiệm của Ngài phải làm, nghĩa vụ phải xong, chẳng có mong cầu. Tuy nhiên Bồ Tát minh bạch tất cả pháp, chiếu rõ tất cả pháp, nhưng chẳng có sự chấp trước về sự hiểu biết, buông xả được tất cả.

Bồ Tát nầy vào trí huệ của Phật, thành tựu tâm tin vô biên vô tận. Đắc được niềm tin nầy rồi, thì tâm chẳng thối chuyển, tâm chẳng tạp loạn, không thể phá hoại được, không ô nhiễm chấp trước. Thường có căn bản, tùy thuận Thánh nhân, trụ nhà Như Lai.

Vị Bồ Tát này tu tín tạng, tại sao Ngài được như vậy ? Vì vào trong trí huệ của chư Phật, cho nên đối với tất cả đều chẳng chấp trước. Thành tựu tâm tin không ngần mé, không cùng tận. Bồ Tát đắc được tâm tin kiên cố rồi, thì tâm chẳng thối chuyển, cũng chẳng tạp loạn. Không thể phá hoại được, cũng chẳng nhiễm trước. Thường có căn bản trí huệ, tùy thuận Thánh nhân, thường trụ nhà Phật (đạo tràng). Bồ Tát thường huân tu ở trong Phật pháp.

Hộ trì tất cả giống tánh của tất cả chư Phật. Tăng trưởng tin hiểu của tất cả Bồ Tát. Tùy thuận căn lành của tất cả Như Lai. Sinh ra phương tiện của tất cả chư Phật.

Trụ tại nhà Phật, phải hộ trì giống tánh của tất cả chư Phật, khiến cho giống Phật chẳng dứt, do đó: "Tục Phật huệ mạng". Giảng Kinh thuyết pháp, là hoằng dương Phật pháp, khiến cho mọi người sớm thành Phật đạo. Tăng trưởng tất cả tin hiểu của tất cả Bồ Tát, tùy thuận căn lành tu hành của chư Phật, thì tự nhiên sẽ thành Phật. Thành Phật rồi, sẽ sinh ra pháp môn phương tiện của tất cả chư Phật, để giáo hoá chúng sinh.

Đó gọi là tín tạng của đại Bồ Tát.

Các đạo lý vừa nói ở trên, là pháp môn tín tạng thứ nhất của đại Bồ Tát tu hành.

Bồ Tát trụ nơi tín tạng này, sẽ nghe và thọ trì tất cả Phật pháp, vì chúng sinh diễn nói, đều khiến cho họ khai ngộ.

Bồ Tát thường tu hành tín tạng kiên cố. Tại sao ? Vì:

"Tín là nguồn đạo mẹ công đức
Dưỡng lớn tất cả các pháp lành".

Có tâm tin, mới có thể tu hành, tu hành mới có thể khai ngộ, khai ngộ mới có đại trí huệ. Bồ Tát trụ ở trong tín tạng này, sẽ được nghe tất cả Phật pháp, mà thọ trì tất cả Phật pháp, do đó: "Y pháp tu trì". Nghe trì tất cả Phật pháp rồi, rộng vì tất cả chúng sinh diễn nói diệu pháp này, khiến cho họ nghe pháp khai ngộ, y pháp tu hành, sẽ chứng quả vị Phật.

THỨ HAI: GIỚI TẠNG

Phật tử ! Những gì là giới tạng của đại Bồ Tát ?

Đại Bồ Tát Công Đức Lâm lại gọi một tiếng: Các vị đệ tử của Phật ! Gì gọi là giới tạng của đại Bồ Tát tu hành ?

Bồ Tát này thành tựu: Giới khắp lợi ích. Giới chẳng thọ. Giới chẳng trụ. Giới không hồi hận. Giới không trái cãi. Giới chẳng tổn hại. Giới không tạp uế. Giới

không tham cầu. Giới không lỗi lầm. Giới không huỷ phạm.

Vị Bồ Tát này tu giới tạng, Ngài thành tựu mười thứ giới này:

1. Giới lợi ích khắp.
 2. Giới chẳng thọ.
 3. Giới chẳng trụ.
 4. Giới không hối hận.
 5. Giới không tranh cãi.
 6. Giới chẳng tổn hại.
 7. Giới không tạp ứ.
 8. Giới không tham cầu.
 9. Giới không lỗi lầm.
 10. Giới không huỷ phạm.
- Ở dưới có sự giải thích tỉ mỉ.

Thế nào là giới lợi ích khắp ? Bồ Tát này thọ trì giới thanh tịnh, vốn là lợi ích tất cả chúng sinh.

Giới có ba tụ tịnh giới:

1. Luật nghi giới: Giới tất cả sự oai nghi.
2. Thiệp pháp giới: Giới tu hành tất cả pháp lành.
3. Lợi ích chúng sinh giới: Giới lợi ích tất cả chúng sinh.

Gì là giới lợi ích khắp tất cả chúng sinh ? Vị Bồ Tát này tu giới tạng, thọ trì giới thanh tịnh, vì lợi ích tất cả chúng sinh. Gì là giới thanh tịnh ? Tức là giữ gìn năm giới: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói

dối, không uống rượu. Đây là giới lớn căn bản. Vì giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu, năm việc này trực tiếp, hoặc gián tiếp tổn hại sự an toàn và lợi ích chúng sinh. Vì vậy, cho nên Phật tử phải thọ trì giới khắp lợi ích chúng sinh.

Thế nào là giới chẳng thọ ? Bồ Tát này chẳng thọ tất cả các giới của ngoại đạo tu hành. Nhưng tánh tự tịnh tấn. Phụng trì giới thanh tịnh bình đẳng của chư Phật Như Lai ba đời.

Gì là giới chẳng thọ ? Vị Bồ Tát này tu giới tạng, Ngài chẳng tiếp thọ tất cả tà giới của ngoại đạo tu hành. Vì giới của ngoại đạo đều là giới chẳng rốt ráo, cho nên chẳng thọ trì giới này. Nhưng tánh tự dừng mãnh tinh tấn, phụng trì giới báu kim cương quang minh thanh tịnh bình đẳng của chư Phật ba đời.

Ấn độ có rất nhiều ngoại đạo, tu trì giới chẳng thanh tịnh, có kẻ giữ giới bò, có kẻ giữ giới chó, có kẻ giữ giới nai, có kẻ giữ giới chim .v.v...học cách sống của loài súc sinh, nhận rằng có thể được sinh về trời, nhưng chẳng biết nhân quả. Đây đều là tà giới, nên không thể thọ trì.

Thế nào là giới chẳng trụ ? Bồ Tát này thọ trì giới thì: Tâm chẳng trụ dục giới. Tâm chẳng trụ sắc giới. Tâm chẳng trụ vô

sắc giới. Tại sao ? Vì chẳng cầu sinh về đó mà trì giới.

Gì là giới chẳng trụ ? Bồ Tát tu giới tạng, khi thọ trì giới, thì trong tâm chẳng có sự chấp trước dục niệm, chẳng có sắc tướng, chẳng có vô sắc tướng. Tam giới tức là : Dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Chúng sinh trong dục giới, có tình dục, thân hình, tâm thức. Chúng sinh ở sắc giới, tuy chẳng có tình dục, nhưng có thân hình, có tâm thức. Chúng sinh ở cõi vô sắc, chỉ có tâm thức mà thôi. Tóm lại, dục giới có tư tưởng dâm dục, sắc giới có ý niệm sắc đẹp, vô sắc giới có phân biệt chấp trước. Cho nên vẫn ở trong sinh tử luân hồi, mà không thoát khỏi được tam giới.

Bồ Tát chẳng muốn sinh về cõi trời, chẳng muốn hưởng thụ phước báo. Vì phước báo hưởng thụ hết, vẫn phải đoạ xuống nhân gian, để hưởng thụ phước báo dư thừa còn lại. Phạm là người vinh hoa phú quý, đa số là người trời sinh xuống nhân gian. Phạm là người nghèo hèn khổ sở, đa số là từ địa ngục tái sinh lên. Tuy nhiên không thể nói một cách đại khái, nhưng chẳng cách xa ngoài phạm vi nhân quả là bao. Bồ Tát vì chẳng cầu sinh về cõi trời, cho nên thọ trì giới chẳng trụ.

Thế nào là giới không hối hận ? Bồ Tát này luôn được an trụ tâm không hối hận, tại sao ? Vì chẳng làm tội nặng, chẳng làm xiểm nịnh dối trá, chẳng phá tịnh giới.

Gì là giới không hối hận ? Vị Bồ Tát này tu giới tạng, thường thường đắc được an trụ, tâm chẳng có hối

hận. Tại sao ? Vì Ngài chẳng phạm hai lỗi, chẳng làm hai tội. Chẳng làm xiêm nịnh, chẳng dối trá. Chỉ thọ trì giới luật thanh tịnh, tuyệt đối chẳng phá tịnh giới.

Thế nào là giới không trái cãi ? Bồ Tát này chẳng trái với giới của Phật chế ra, cũng chẳng tạo lập lại. Tâm luôn tùy thuận giới hướng về Niết Bàn. Thọ trì đầy đủ, không có huỷ phạm. Chẳng vì trì giới mà não hại chúng sinh khác, khiến cho họ sinh khổ. Chỉ muốn cho tất cả chúng sinh tâm thường hoan hỉ, mà trì giới.

Gì là giới không trái cãi ? Vị Bồ Tát này tu giới tạng, Ngài chẳng trái, chẳng tranh cãi giới luật của chư Phật ba đời đã thành lập. Ngài chẳng tự thành lập giới luật khác. Trong tâm thường tùy thuận giới hướng về con đường Niết Bàn để tu hành. Thọ trì đầy đủ chẳng huỷ phạm. Ngài chẳng vì mình mà trì giới, để não hại chúng sinh khác. Chẳng nhiều loạn chúng sinh, chẳng khiến cho chúng sinh có sự khổ não, chỉ muốn tất cả chúng sinh tâm hoan hỉ. Do nhân duyên đó, mà thọ trì tịnh giới không trái cãi.

Thế nào là giới không não hại ? Bồ Tát chẳng vì trì giới mà học các chú thuật, tạo những phương thuốc não hại chúng sinh. Chỉ vì cứu hộ tất cả chúng sinh, mà trì giới.

Gì là giới chẳng nã hại ? Bồ Tát tu tịnh giới, chẳng vì trì giới mà học tà pháp của ngoại đạo, chú thuật của Thiên ma, hoặc chế tạo các thuốc mê hồn .v.v... để nã hại chúng sinh, để thương hại chúng sinh. Bồ Tát vì cứu hộ tất cả chúng sinh lìa khổ được vui, cho nên thọ trì tịnh giới chẳng nã hại chúng sinh.

Thế nào là giới chẳng tạp ? Bồ Tát này chẳng chấp biên kiến, chẳng trì tạp giới. Chỉ quán duyên khởi, trì giới thoát khỏi ba cõi.

Gì là giới chẳng tạp ? Vị Bồ Tát này tu tịnh giới, Ngài chẳng chấp trước biên kiến, tức là chẳng chấp thường, chẳng chấp đoạn hai bên tà kiến. Chẳng giữ tạp giới, tức là chẳng giữ tà giới của bàng môn tà đạo. Chỉ quán sát đạo lý mười hai nhân duyên sinh diệt, mà thọ trì tịnh giới thoát khỏi ba cõi.

Thế nào là giới không tham cầu ? Bồ Tát này chẳng hiện tướng khác lạ, hình ảnh mình có đức. Chỉ vì đầy đủ pháp pháp xuất ly mà trì giới.

Gì là giới không tham cầu ? Vị Bồ Tát này tu giới tạng, Ngài chẳng hiện tướng đặc biệt, để hình ảnh mình có đức, hoặc tham đồ cúng dường. Người tu đạo đừng dùng năm phương pháp tà mạng (nuôi mạng sống bất chánh), để duy trì đời sống:

1. Trá hiện tướng lạ.
2. Thỉnh người cúng dường.
3. Chiêm tướng cát hung.
4. Lớn tiếng hiện oai.
5. Nói công đức mình.

Năm thứ hành vi này, đều là biểu hiện sự pháp giới. Bồ Tát chẳng có những tham cầu bất chánh như thế. Chỉ vì đầy đủ pháp xuất ly thế gian, mà thọ trì tịnh giới không tham cầu.

Thế nào là giới không lỗi lầm ? Bồ Tát này chẳng tự cống cao, nói mình trì giới. Thấy người phá giới, cũng chẳng khinh thị phỉ báng, khiến cho họ hổ thẹn, chỉ một lòng trì giới.

Gì là giới không lỗi lầm ? Vị Bồ Tát này tu giới tạng, Ngài chẳng có tâm kiêu ngạo, chẳng cống cao, chẳng ngã mạn. Chẳng đề cao đức hạnh của mình, nói tôi là người trì tịnh giới. Nếu thấy người phá giới, cũng chẳng phỉ báng, chẳng khinh thường, chẳng nói lỗi của họ, chẳng nói tội của họ. Chỉ dùng thân làm khuôn phép, khiến cho đối phương sinh tâm hổ thẹn. Chỉ một lòng thọ trì giới luật.

Thế nào là giới không huỷ phạm ? Bồ Tát này vĩnh viễn dứt trừ giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, chưởi mắng, và lời vô nghĩa, tham sân si, tà kiến.

Thọ trì đầy đủ mười nghiệp lành. Lúc Bồ Tát trì giới không huỷ phạm, nghĩ như vậy: Tất cả chúng sinh huỷ phạm tịnh giới, đều do điên đảo. Chỉ có đức Phật Thế Tôn, biết được chúng sinh, bởi nhân duyên gì, mà sinh tâm điên đảo, huỷ phạm tịnh giới. Tôi phải thành tựu vô thượng bồ đề, rộng vì chúng sinh nói pháp chân thật, khiến cho họ lìa điên đảo.

Gì là giới không huỷ phạm ? Vị Bồ Tát này tu giới tạng, Ngài đã vĩnh viễn dứt sạch hành vi mười điều ác. Phụng hành pháp thập thiện, tức cũng là ba nghiệp thanh tịnh. Thân nghiệp có ba pháp lành:

1. Không giết hại, ngược lại phóng sinh.
2. Không trộm cắp, ngược lại bố thí.
3. Không tà dâm, vì Bồ Tát vẫn là người xuất gia.

Nếu là người xuất gia thì tuyệt đối cấm dâm.

Nghiệp miệng có bốn pháp lành:

1. Không nói dối, nói lời chân thật.
2. Không nói hai lưỡi, đối với ông A không nói chuyện thị phi của ông B, đối với ông B không nói lời thị phi của ông A.
3. Không chưởi mắng, tuyệt đối không mắng người, không phê bình người.
4. Không nói lời vô nghĩa, tức là thêu dệt, chẳng nói về chuyện tư tình nam nữ, chẳng tả tình ái nam nữ.

Ý nghiệp có ba pháp lành:

1. Không tham, biết đủ thì an vui.
2. Không sân, hoà mục tương xử.
3. Tà kiến, tức là ngu si, nếu chẳng ngu si, thì trí huệ sẽ hiện tiền. Bồ Tát thọ trì đầy đủ mười nghiệp lành này.

Khi Bồ Tát thọ trì giới không huỷ phạm, Ngài quán tưởng như vậy: "Tất cả chúng sinh tại sao phải huỷ phạm giới thanh tịnh ? Vì chúng sinh có tà tri tà kiến, cho nên cứ làm việc điên đảo. Chỉ có Phật mới biết nhân duyên gì mà chúng sinh điên đảo, huỷ phạm giới luật thanh tịnh. Tôi phải thành tựu vô thượng bồ đề, rộng vì chúng sinh diễn nói pháp chân thật, khiến cho tất cả chúng sinh lìa khỏi điên đảo".

Đó là giới tạng thứ hai của đại Bồ Tát.

Đạo lý vừa nói ở trên là pháp môn giới tạng thứ hai của đại Bồ Tát tu hành.

Phật tử ! Những gì là tàm tạng của đại Bồ Tát ?

Bồ Tát Công Đức Lâm lại gọi một tiếng: Các vị đệ tử của Phật ! Gì gọi là tàm tạng của đại Bồ Tát tu hành ?

Bồ Tát này nghĩ nhớ các điều ác đã làm trong quá khứ, mà sinh tâm hổ thẹn.

Vị Bồ Tát này tu tàm tạng, Ngài hồi tưởng nghĩ nhớ lại, đời đời kiếp kiếp trong quá khứ, đã làm đủ thứ các việc ác, mà sinh tâm hổ thẹn, sửa lỗi làm mới.

Bồ Tát đó tâm tự nghĩ rằng: Tôi từ đời vô thủy đến nay, với các chúng sinh đều cùng nhau làm cha mẹ, anh em, chị em, nam nữ. Đủ tham, sân, si, kiêu mạn, xiêm nịnh, dối trá, và tất cả các phiền não khác, nên não hại với nhau, lăng đoạt lẫn nhau, gian dâm giết hại lẫn nhau, chẳng có việc ác nào mà không làm.

Bồ Tát tu tâm tạng, Ngài trong tâm quán tưởng như vậy: "Tôi từ vô thủy kiếp cho đến nay, với tất cả chúng sinh, cùng nhau làm lục thân quyến thuộc. Đời này tôi làm cha mẹ, đời sau lại làm con cái, thay đổi lẫn nhau. Đời này làm anh em, đời trước làm chị em, cho đến nam nữ (vợ chồng), luân chuyển tuần hoàn, giống như diễn kịch. Tại một đời này, lúc diễn vai này, lúc diễn vai khác. Đây đủ tâm tham, tâm sân, tâm si. Lại có tâm kiêu ngạo tự mãn, lại có tâm xiêm nịnh dối trá. Vì có tất cả phiền não, cho nên não hại lẫn nhau. Bạn làm tôi phiền não, tôi làm bạn phiền não. Bạn làm thương hại tôi, tôi làm thương hại bạn. Bạn chướng ngại tôi, tôi chướng ngại bạn. Bạn quấy nhiễu tôi, tôi quấy nhiễu bạn, lăng nhục lẫn nhau, báo thù lẫn nhau. Làm việc gian dâm, làm việc giết hại, chẳng có việc ác gì mà không làm. Do đó mà đời đời kiếp kiếp trở thành tội nhân đại tội ác".

Tất cả chúng sinh, cũng đều như vậy. Vì các phiền não mà tạo ra các tội ác. Cho

nên người người chẳng cung kính nhau, chẳng tôn trọng nhau, chẳng tùy thuận nhau, chẳng khiêm nhường nhau, chẳng chỉ dạy nhau, chẳng hộ tiếc nhau, lại giết hại nhau, oán thù lẫn nhau.

Bồ Tát lại nghĩ: Chẳng những tôi là tình hình như vậy, hết thảy tất cả chúng sinh, cũng đều tình hình như vậy. Vì vô minh mà điên đảo, cho nên tạo ra đủ thứ nghiệp ác. Vì nhân duyên đó, cho nên người người chẳng cung kính lẫn nhau, chẳng tôn trọng nhau, chẳng tùy thuận nhau, chẳng khiêm nhường nhau, chẳng chỉ dẫn nhau, chẳng ái tiếc nhau. Chẳng có tâm từ bi, chẳng có tâm thương xót, chỉ có tâm ích kỷ lợi mình, chỉ có tâm tham danh tham lợi, bạn tranh tôi đoạt, tạo thành thảm kịch tàn sát lẫn nhau, oán thù lẫn nhau. Tình hình này thật khiến cho người không lạnh mà run. Lúc này mặt người mà lòng dạ thú, chẳng có tư hào lương tri, hoặc cảm tình tồn tại.

Tự nghĩ tôi và các chúng sinh, quá khứ vị lai hiện tại, thực hành pháp không hổ thẹn. Ba đời chư Phật đều thấy biết. Nếu nay không đoạn trừ hạnh không hổ thẹn, thì chư Phật ba đời cũng sẽ thấy tôi. Sao tôi vẫn thực hành không dứt, không thể được.

Bồ Tát nói: Tôi tự nghĩ thân thể tôi và tất cả chúng sinh. Trong quá khứ, vị lai, hiện tại trong ba đời, thường hành pháp không hổ thẹn, chuyên làm nghiệp ác tạo tội. Hành vi không hổ thẹn của tôi và chúng sinh, ba đời chư Phật đều biết mà nhìn thấy rất rõ ràng. Nếu hiện tại hành vi không hổ thẹn chẳng dứt, thì ba đời chư Phật cũng biết nhìn thấy được. Tôi phải làm sao ? Vẫn hành pháp không hổ thẹn chẳng ngừng chẳng ? Đây tuyệt đối không thể được ! Tôi phải đoạn trừ hành vi không hổ thẹn, mà tu pháp hổ thẹn.

Do đó, tôi phải chuyên tâm đoạn trừ, để chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, rộng vì chúng sinh nói pháp chân thật.

Vì nhân duyên đó, cho nên tôi phải chuyên tâm để dứt trừ hành vi không hổ thẹn. Tôi phải chứng được quả Phật Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, rộng vì chúng sinh diễn nói Phật pháp chân thật, khiến cho chúng sinh nghe pháp khai ngộ, y pháp phụng hành.

Đó gọi là tàm tạng thứ ba của đại Bồ Tát.

Đạo lý vừa nói ở trên, là pháp môn tàm tạng thứ ba của đại Bồ Tát tu hành.

THỨ TƯ: QUÝ TẠNG

Phật tử ! Những gì là quý tạng của đại Bồ Tát ?

Đại Bồ Tát Công Đức Lâm lại gọi một tiếng: Các vị đệ tử của Phật ! Gì gọi là quý tạng của đại Bồ Tát tu hành ?

Bồ Tát này tự thẹn, từ thuở xưa đến nay, ở trong năm dục, có đủ thứ sự tham cầu, không biết nhàm đủ. Do đó mà tăng trưởng tham, sân, si, tất cả phiền não. Nay tôi không nên làm việc này nữa.

Vị Bồ Tát này tu quý tạng, tự sinh tâm thẹn ăn năn. Nghĩa là cảm thấy mình làm những việc có lỗi với người, trong tâm có sự hổ thẹn, thẹn nguyện từ nay về sau không tái phạm nữa. Trong Luận Du Già có nói:

"Trong sinh tâm sáu hổ là tà
Ngoài sinh tâm sáu hổ là quý".

Chánh nhân quân tử, một đời làm việc, ngửa mặt lên không thẹn với trời, cúi xuống không tủi với đất, quang minh lỗi lạc. Vị Bồ Tát này, tự thẹn từ thuở xưa vô lượng kiếp đến nay, ở trong năm dục, có đủ thứ sự tham cầu. Tham trước sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần, xúc trần. Cảnh giới năm trần này, hay khiến cho con người điên đảo mà mê hoặc. Hoặc tham luyện tài, sắc, danh, ăn, ngủ. Năm dục này là địa ngục năm căn, người tu đạo phải cẩn thận, đừng bị cảnh giới năm trần làm lay chuyển, mà phải dùng ý chí kim cương, định lực kiên cố để chuyển cảnh giới.

Tức cũng là như như chẳng động, rõ ràng sáng suốt. Nếu chẳng lay động, thì sẽ chuyển được cảnh giới.

Vị Bồ Tát này tự thẹn đối với năm dục có đủ thứ sự tham cầu, chẳng có lúc nào nhàm chán, hoặc biết đủ. Vì tham mà không chán, cho nên tăng trưởng tham, sân, si, mạn, nghi, tất cả phiền não. Vị Bồ Tát này nói: "Hiện tại tôi không nên tham vui năm dục nữa, phải mau tu pháp môn thanh tịnh".

Bồ Tát lại nghĩ như vậy: Chúng sinh chẳng có trí huệ, khởi các phiền não, làm đủ các pháp ác. Chẳng cung kính nhau, chẳng tôn trọng nhau, cho đến triển chuyển oán thù lẫn nhau. Các việc ác như vậy, chẳng có việc gì mà không làm. Tạo rồi hoan hỷ, tìm cầu sự khen ngợi. Đui mù không có mắt trí huệ, chẳng thấy biết gì.

Bồ Tát lại quán tưởng như vậy: Hết thảy tất cả chúng sinh, vì chẳng có mắt trí huệ, nên sinh ra tất cả phiền não, mới làm tất cả pháp ác, cho nên ai ai cũng chẳng cung kính nhau, chẳng tôn trọng nhau. Cho đến triển chuyển oán thù lẫn nhau. Những việc ác như vậy đều làm hết, làm rồi lại sinh tâm vui mừng, truy cầu việc ác, mà tự khen ngợi, cho rằng là hài lòng. Giống như người mù, chẳng có mắt trí huệ, chẳng biết chẳng thấy, tự làm việc quấy, mà còn cho rằng là đúng.

Ở trong bụng mẹ, nhập thai thọ sinh, thành thân như bản. Cho đến lúc tóc bạc mặt nhăn. Người có trí huệ quán sát, đây chỉ là từ dâm dục mà sinh ra, chẳng phải là pháp thanh tịnh. Ba đời chư Phật thấy đều thấy biết. Nếu nay tôi vẫn làm việc đó, tức là khi dôi chư Phật ba đời. Cho nên tôi phải tu hành hổ thẹn, sớm thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, rộng vì chúng sinh nói pháp chân thật.

Con người ở trong bụng mẹ, nhập thai thọ sinh, do tinh cha huyết mẹ thành thân do bản. Sinh ra rồi, từ nhỏ lớn lên, rồi trưởng thành, sau đó già nua, đầu tóc bạc phơ, mặt mày nhăn nhó, đi đứng chằng linh động. Người có trí huệ, quán sát sự biến hoá này, thân thể là do từ dâm dục mà sinh ra, chẳng phải là pháp thanh tịnh. Ba đời chư Phật đều biết đều thấy. Giả sử, hiện tại tôi không sửa đổi, vẫn tham chấp năm dục như trước, tăng trưởng ba độc, đó là khi dôi ba đời chư Phật. Vì nhân duyên này, cho nên tôi phải tu hành pháp quý tạng, sớm thành tựu quả Phật Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, rộng vì tất cả chúng sinh diễn nói Phật pháp chân thật.

Đó gọi là quý tạng thứ tư của đại Bồ Tát.

Đạo lý vừa nói ở trên, là pháp môn quý tạng thứ tư của đại Bồ Tát tu hành.

THỨ NĂM: VĂN TẠNG

Phật tử ! Những gì là văn tạng của đại Bồ Tát ?

Đại Bồ Tát Công Đức Lâm lại gọi một tiếng: Các vị đệ tử của Phật ! Gì là văn tạng của đại Bồ Tát tu hành ?

Bồ Tát này biết: Việc này có, nên việc này có. Việc này không, nên việc này không. Việc này khởi, nên việc này khởi. Việc này diệt, nên việc này diệt. Là pháp thế gian. Là pháp xuất thế gian. Là pháp hữu vi. Là pháp vô vi. Là pháp hữu ký. Là pháp vô ký.

Vị Bồ Tát này tu văn tạng, Ngài biết mười thứ pháp này, là từ nghe nhiều mà đắc được. Do đó: "Bác học đa văn", mới có trí huệ, nếu "Cô lậu quả văn", tức là ngu si. Những gì là mười pháp ? Đó là:

1. Vì việc này có, cho nên việc này có.
2. Vì việc này không, cho nên việc này không.
3. Vì việc này duyên khởi, cho nên việc này duyên khởi.
4. Vì việc này tịch diệt, cho nên việc này tịch diệt.
5. Pháp này là pháp thế gian.
6. Pháp kia là pháp xuất thế gian.

7. Hoặc là pháp hữu vi.
 8. Hoặc là pháp vô vi.
 9. Hoặc là pháp có số ký.
 10. Hoặc là pháp vô số ký.
- Dưới đây sẽ giải thích tỉ mỉ.

Những gì là việc này có, nên việc này có ? Đó là vô minh có, nên hành có. Những gì là việc này không, nên việc này không ? Đó là thức không, nên danh sắc không. Những gì là việc này khởi, nên việc này khởi ? Đó là ái khởi, nên khổ khởi. Những gì là việc này diệt, nên việc này diệt ? Đó là hữu diệt, nên sinh diệt.

Gì là việc này có nên việc này có ? Vì ai ai cũng đều có vô minh. Có vô minh, thì có hành. Đoạn Kinh văn này nói về đạo lý mười hai nhân duyên. Gì là vô minh ? Tức là chẳng hiểu biết, chẳng hiểu biết tức là điên đảo. Do đó: "Khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo", đều từ vô minh mà khởi. Vì chẳng hiểu biết, nên có hành vi điên đảo. Có hành vi điên đảo, thì tất cả tất cả đều hiện ra.

Gì là việc này không nên việc này không ? Đây là nói chẳng có thức, thì chẳng có danh sắc. Vì một niệm vô minh khởi lên, thì có tánh hành vi. Có tánh hành vi rồi, thì có thức (thai nhi). Có thức thì có danh sắc, danh là hệ thống thần kinh của thai nhi, sắc là nhục thể của thai nhi. Nếu chẳng có thức, thì chẳng có danh sắc.

Gì là việc này khởi, nên việc này khởi ? Tức là nói nhân duyên của ái sinh khởi rồi, thì sẽ có khổ. Có ái cảm thấy rất khoái lạc, kỳ thật, khoái lạc là nguồn gốc của khổ đau. Do đó: "Đoạn dục khởi ái", đây mới là pháp cơ bản của sự tu đạo.

Gì là việc này diệt, nên việc này diệt ? Tức là nói hữu diệt rồi, thì chẳng có sinh. Sinh diệt rồi, thì chẳng có già chết, đây là nguồn gốc giải quyết vấn đề sinh tử, không còn thọ khổ luân hồi nữa, mà đắc được vui Niết Bàn.

Mười hai nhân duyên phân làm hai cửa: Một là cửa lưu chuyển, hai là cửa hoàn diệt. Cửa lưu chuyển là: Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử. Đây là nhân quả ba đời, nhân duyên cảm khổ nghiệp, cuối rồi lại bắt đầu, luân hồi không gián đoạn. Cửa hoàn diệt là: Vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử diệt. Do đó có thể biết, vô minh diệt thì chẳng còn sinh tử. Cho nên chỉ cần đoạn vô minh, thì chẳng có phiền não gì nữa.

Những gì là pháp thế gian ? Đó là: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Gì là pháp thế gian ? Tức là pháp hữu lậu, có lỗi nói là năm uẩn, tức là: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, năm thức sắc tâm pháp. Sắc nghĩa là biến ngại: Những gì mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân xúc, đều là sắc pháp.

Thọ nghĩa là lãnh nạp: Cảnh giới trong tâm tiếp thọ, liền sinh khởi sự cảm thọ tác dụng. Tưởng nghĩa là thủ tượng: Năm căn tiếp thọ năm trần rồi, liền sinh ra tư tưởng. Hành nghĩa là phiên lưu: Có tư tưởng rồi, liền có biểu hiện hành vi. Thức nghĩa là liễu biệt: Có hành vi rồi, liền sinh ra tâm phân biệt thương ghét. Tóm lại, sắc uẩn do nhân duyên mà có, pháp hữu vi. Thọ tưởng hành thức bốn uẩn do vọng niệm sinh ra, là tâm pháp. Đây đều là pháp thế gian.

Những gì là pháp xuất thế gian ? Đó là: Giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến.

Gì là pháp xuất thế gian ? Tức là pháp vô lậu, có lỗi nói là năm phần pháp thân. Tức cũng là : Giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Nhờ năm công đức này mà thành tựu thân Phật. Do giới sinh ra định, do định sinh ra huệ, do huệ đoạn trừ được hoặc, hoặc dứt thì được giải thoát. Giải thoát phá được tất cả chướng, phản chiếu quán tâm, tức là giải thoát tri kiến.

Nói đơn giản.

- Giới: Đoạn trừ được các việc ác, hay tu các việc lành.

- Định: Tin sâu pháp đại thừa, tâm vĩnh viễn chẳng thối chuyển.

- Huệ: Tâm chẳng chướng ngại, chiếu rõ tự tánh. Quán sát thân tâm, mà chẳng chấp trước.

- Giải thoát: Cởi mở sự ràng buộc của nghiệp hoặc, thoát khỏi quả khổ ba cõi.

- Giải thoát tri kiến: Tức là hậu đắc trí. Do giải thoát mà đắc được giải thoát tri kiến. Đây là pháp xuất thế gian.

Những gì là pháp hữu vi ? Đó là : Dục giới, sắc giới, vô sắc giới, chúng sinh giới.

Gì là pháp hữu vi ? Tức là pháp có chỗ làm, là pháp nương nhân duyên mà làm. Đây là sự tướng khác biệt. Nói về dục giới, có hình tướng nam nữ, do dâm dục mà thọ thân. Sắc giới, tuy nhiên chẳng có hình tướng nam nữ, nhưng có tất cả sắc tướng. Vô sắc giới, tuy nhiên vô sắc tướng, nhưng vẫn còn có tâm chấp trước. Chúng sinh giới, do chúng duyên tụ tập mà có sinh. Đây đều là pháp hữu vi.

Những gì là pháp vô vi ? Đó là: Hư không, Niết Bàn, số duyên diệt, phi số duyên diệt, duyên khởi, pháp tánh trụ.

Gì là pháp vô vi ? Tức là pháp không chỗ làm. Tức cũng là pháp lìa nhân duyên làm nên. Là lý tánh bình đẳng. Nói về hư không: Tức là lìa khỏi tất cả chướng ngại, chẳng có vật có thể hiển hiện ra. Niết Bàn: Vì tánh tịch diệt, là tánh tịnh Niết Bàn. Quả của sự tánh tịnh là viên tịnh Niết Bàn. Số duyên diệt: Số là huệ số, do huệ làm duyên, lựa chọn các hoặc, hiển được lý diệt. Phi số duyên diệt: Chẳng phải do huệ số diệt hoặc đắc được. Chỉ dùng tánh tịnh và duyên khuyết hiển ra. Duyên khởi: Tức là mười hai nhân duyên. Mười hai nhân duyên tức là Phật tánh, cho nên là vô pháp tánh. Pháp tánh trụ: Tức là chân như, thể tánh của các pháp, lìa hư vọng mà chân thật là chân, thường trụ không

đôi là như. Tánh của chân như là pháp, cho nên là pháp tánh. Còn là tánh Như Lai tạng, viên thành thật tánh, Phật tánh, pháp giới .v.v...đây đều là pháp vô vi.

Những gì là pháp hữu ký ? Đó là: Bốn Thánh đế, bốn quả Sa Môn, bốn biện, bốn vô sở úy, bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám Thánh đạo phần.

Gì là pháp hữu ký ? Tức là có thiện, có ác, có thể chiêu cảm ái phi ái quả, cho nên, có thể ký lục (ghi nhớ).

- Bốn Thánh Đế, tức là: Khổ, tập, diệt, đạo.

- Bốn quả Sa Môn, tức là: Quả Tu đà hoàn, dịch là nhập lưu. Quả Tư đà hàm, dịch là nhất lai. Quả A na hàm, dịch là bất lai. Quả A la hán, dịch là vô sinh.

- Bốn biện, tức là bốn biện vô ngại: Pháp vô ngại, nghĩa vô ngại, từ vô ngại, nhạo thuyết vô ngại.

- Bốn vô sở úy: Tức là nhất thiết trí vô sở úy, lậu tận vô sở úy, nói chướng đạo vô sở úy, nói đạo hết khổ vô sở úy.

- Bốn niệm xứ, tức là: Quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã.

- Bốn chánh cần, tức là: Điều ác đã sinh khiến dứt trừ, điều ác chưa sinh khiến cho đừng sinh, điều thiện chưa sinh khiến cho sinh ra, điều thiện đã sinh khiến cho tăng trưởng.

- Bốn thần túc, tức là bốn như ý túc: Dục như ý túc, tâm như ý túc, cần như ý túc, huệ như ý túc.

Năm căn, tức là: Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, huệ căn.

Năm lực, tức là : Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, huệ lực.

Bảy giác phần, tức là: Trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, khinh an giác phần, niệm giác phần, định giác phần, xả giác phần.

Tám Thánh đạo phần, tức là: Chánh kiến, chánh ngữ, chánh tư duy, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Đây là ba mươi bảy phẩm trợ đạo.

Những gì là pháp vô ký ? Đó là: Thế gian có bờ mé, thế gian không bờ mé. Thế gian cũng có bờ mé, cũng không bờ mé. Thế gian chẳng bờ mé, chẳng không bờ mé vô. Thế gian có thường, thế gian vô thường. Thế gian cũng có thường, cũng vô thường. Thế gian chẳng có thường, chẳng vô thường. Như Lai diệt rồi có, Như Lai diệt rồi không. Như Lai diệt rồi cũng có cũng không. Như Lai diệt rồi chẳng có chẳng không. Tôi và chúng sinh có, tôi và chúng sinh không. Tôi và chúng sinh cũng có cũng không. Tôi và chúng sinh chẳng có chẳng không.

Gì là pháp vô ký (chẳng nghi nhớ)? Tức là chẳng thiện chẳng ác, không thể chiêu cảm quả ái chẳng ái, không thể ký lục. Đó là thế gian có bờ mé ? Thế gian chẳng có bờ mé ? Thế gian cũng có bờ mé, cũng chẳng có bờ mé ? Thế gian chẳng phải có bờ mé, cũng chẳng phải không bờ mé ? Thế gian là có thường ? Thế gian là vô thường ? Thế gian cũng có thường cũng vô thường ? Thế gian chẳng phải có thường, cũng chẳng phải vô thường ? Như Lai diệt rồi là có ? Như Lai diệt rồi là không ? Như Lai diệt rồi cũng có cũng không ? Như Lai diệt rồi chẳng phải có chẳng phải không ? Tôi và chúng sinh là có ? Tôi và chúng sinh là không ? Tôi và chúng sinh cũng có cũng không ? Tôi và chúng sinh chẳng phải có chẳng phải không ? Bốn câu hỏi này, không cách chi ghi nhớ, nên gọi là vô ký.

Quá khứ có bao nhiêu Như Lai vào Niết Bàn, bao nhiêu Thanh Văn, Bích Chi Phật vào Niết Bàn. Vị lai có bao nhiêu Như Lai, bao nhiêu Thanh Văn Bích Chi Phật, bao nhiêu chúng sinh. Hiện tại có bao nhiêu đức Phật trụ, bao nhiêu Thanh Văn Bích Chi Phật trụ, bao nhiêu chúng sinh trụ ?

Trong quá khứ có bao nhiêu Như Lai vào Niết Bàn ? Có bao nhiêu Thanh Văn vào Niết Bàn ? Có bao nhiêu Bích Chi Phật vào Niết Bàn ? Vị lai có bao nhiêu Như Lai ? Có bao nhiêu Thanh Văn ? Có bao nhiêu Bích Chi Phật ? Có bao nhiêu chúng sinh ? Hiện tại có bao nhiêu đức Phật

trụ ? Có bao nhiêu Thanh Văn trụ ? Có bao nhiêu Bích Chi Phật trụ ? Có bao nhiêu chúng sinh trụ ? Tam thừa phàm Thánh có bao nhiêu ? Đây cũng là vô biên vô số, không thể ghi nhớ.

Những vị Như Lai nào ra đời trước nhất, những vị Thanh Văn Bích Chi Phật nào ra đời trước nhất, những vị chúng sinh nào ra đời trước nhất? Những vị Như Lai nào ra đời sau cùng, những vị Thanh Văn Bích Chi Phật nào ra đời sau cùng, những chúng sinh nào ra đời sau cùng? Pháp nào trước nhất, pháp nào sau cùng ?

Những vị Như Lai nào ra đời trước nhất ? Những vị Thanh Văn nào ra đời trước nhất ? Những vị Bích Chi Phật nào ra đời trước nhất ? Những vị Như Lai nào ra đời sau nhất ? Những vị Thanh Văn nào ra đời sau nhất ? Những vị Bích Chi Phật nào ra đời sau nhất ? Pháp gì trước nhất ? Pháp gì sau nhất ? Đây cũng là pháp không thể ghi nhớ.

Thế gian từ nơi nào đến, đi về chỗ nào? Có bao nhiêu thế giới thành, có bao nhiêu thế giới hoại? Thế giới từ nơi nào đến, đi về chỗ nào ?

Thế gian từ đâu đến ? Thế gian đi về đâu ? Có bao nhiêu thế giới thành ? Lại có bao nhiêu thế giới hoại ? Thế

giới từ nơi nào đến ? Lại đi về đâu ? Đây cũng là pháp không thể ghi nhớ.

Những gì là bờ mé ban đầu của sinh tử, những gì là bờ mé cuối cùng của sinh tử ? Đó gọi là pháp vô ký.

Gi là bờ mé ban đầu của sinh tử ? Gi là bờ mé cuối cùng của sinh tử ? Những vấn đề này cũng không thể ghi nhớ.

Đạo lý ở trên vừa nói đều là pháp vô ký.

Đại Bồ Tát, bèn nghĩ như vậy: Tất cả chúng sinh, ở trong sinh tử, không có đa văn, không thể biết rõ tất cả những pháp này. Tôi phải phát tâm, trì tạng đa văn, để chúng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì các chúng sinh mà nói pháp chân thật.

Đại Bồ Tát, Ngài quán tưởng như vậy: "Hết thấy chúng sinh, đều đến đi ở trong sinh tử luân hồi, chẳng có trí huệ nghe nhiều, không thể biết rõ tất cả pháp vừa nói ở trên: Tức là pháp thế gian, pháp xuất thế gian. Pháp hữu vi, pháp vô vi. Pháp hữu ký, pháp vô ký. Tôi phải thọ trì tạng đa văn, để chúng được Phật quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, rộng vì tất cả chúng sinh diễn nói pháp chân thật, khiến cho họ minh bạch pháp này".

Đó là tạng đa văn thứ năm của đại Bồ Tát.

Đạo lý vừa nói ở trên, là pháp môn tạng đa văn thứ năm của đại Bồ Tát tu hành.

THỨ SÁU: THÍ TẠNG

Phật tử ! Những gì là thí tạng của đại Bồ Tát ?

Đại Bồ Tát Công Đức Lâm lại gọi một tiếng: Các vị đệ tử của Phật ! Gì gọi là thí tạng của đại Bồ Tát tu hành ? Kinh văn phân làm mười đoạn để thuyết minh.

Bồ Tát này thực hành mười thứ bố thí. Đó là: Phân giảm thí, kiệt tận thí, nội thí, ngoại thí, nội ngoại thí, nhất thiết thí, quá khứ thí, vị lai thí, hiện tại thí, cứu kính thí.

Vị Bồ Tát này tu tạng thí, Ngài tu hành mười thứ pháp môn bố thí. Đó là:

1. Phân giảm thí.
2. Kiệt tận thí.
3. Nội thí.
4. Ngoại thí.
5. Nội ngoại thí.
6. Nhất thiết thí.
7. Quá khứ thí.
8. Vị lai thí.

9. Hiện tại thí.

10. Cứu kính thí.

Ở dưới có giải thích rõ ràng.

**Phật tử ! Những gì là Bồ Tát phân
giảm thí ? Bồ Tát này bầm tánh nhân từ,
thích làm bố thí. Nếu có thức ăn ngon,
chẳng tự ăn một mình, mà muốn ban cho
chúng sinh, sau đó mới ăn. Phàm tất cả vật
nhận được, cũng đều như vậy.**

Các vị Phật tử ! Gì là phân giảm thí của Bồ Tát tu ?
Vị Bồ Tát này tu phân giảm thí, bầm tánh của Ngài nhân ái
từ mẫn, Ngài ưa thích bố thí. Nếu được thức ăn ngon, Ngài
chẳng thọ dụng một mình, mà là phân chia cho tất cả chúng
sinh, để mọi người cùng ăn, sau đó mới chịu ăn thức ăn
ngon. Do đó: "Xả mình vì người", phàm là thọ đồ cúng
dường, như quần áo, đồ nằm, thuốc men, châu báu
.v.v...cũng đều như vậy, trước hết phân chia cho chúng
sinh, sau đó mình mới thọ dụng.

**Nếu lúc mình ăn, bèn nghĩ như vậy:
Trong thân của tôi có tám vạn hộ trùng,
nuơng tôi mà ở. Thân tôi sung túc, thì
chúng cũng sung túc. Thân tôi đói khổ, thì
chúng cũng đói khổ. Nay tôi thọ tất cả thức
ăn uống này, nguyện khiến cho cho tất cả
chúng sinh, khắp được no đủ. Vì bố thí cho**

chúng, nên tôi tự ăn, chứ chẳng tham vị ngon.

Vị Bồ Tát này, khi Ngài ăn thức ăn ngon, bèn nghĩ như vậy: "Ở trong thân tôi, có tám vạn bốn ngàn con vi trùng, chúng nương thân tôi mà tồn tại. Do đó: "Nương nhau mà sống". Tôi ăn no mới an vui, chúng cũng ăn no mới an vui. Nếu thân thể tôi đói khổ, thì chúng cũng đói khổ. Hiện tại tôi ăn những thức ăn ngon này, xin khiến cho chúng khắp được no đủ. Vì tám vạn bốn ngàn con vi trùng này tồn tại, cho nên mới ăn uống. Nhưng chẳng tham vị ngon, chẳng phân biệt mặn ngọt đắng cay chua năm vị, mà là gián tiếp cúng dường cho những con vi trùng này".

Lại nghĩ như vậy: Tôi ở trong đêm dài, mền chấp thân này, muốn khiến cho sung túc, mà ăn uống. Nay đem những thức ăn này, bố thí cho chúng sinh. Nguyện thân thể tôi vĩnh viễn dứt tham chấp, đó gọi là phân giảm thí.

Vị Bồ Tát này, lại quán tưởng như vậy: "Tôi ở trong bao đêm dài, đam ái chấp trước thân thể của tôi, bảo vệ thân thể của tôi. Lúc nào, ở đâu, vì khiến cho thân thể sung túc mà thọ tất cả thức ăn uống. Hiện tại dùng những thức ăn uống của tôi bố thí cho tất cả chúng sinh. Nguyện cho thân thể của tôi vĩnh viễn lìa khỏi tham ái, mà chẳng chấp trước". Đây là Bồ Tát tu thí tạng, là pháp môn tu hành phân giảm thí thứ nhất.

Thế nào là Bồ Tát kiệt tận thí ? Phật tử ! Bồ Tát này được các thứ thức ăn uống thượng hạng, hương hoa, quần áo, đồ tư sanh. Nếu tự thọ dụng thì an vui sống lâu. Nếu mình chẳng dùng mà đem bố thí cho người, thì sẽ nghèo khổ chết sớm.

Gì là Bồ Tát tu hành kiệt tận thí ? Các vị Phật tử ! Vị Bồ Tát này, Ngài đắc được các thứ thức ăn uống thượng hạng nhất, và quần áo cùng với hương hoa .v.v... Đủ thứ đồ dưỡng mạng sống. Nếu tự mình thọ dụng, thì sẽ được an ổn sung sướng, lại được sống lâu trường thọ. Nếu tự mình không dùng, mà đem bố thí cho người khác, thì mình sẽ nghèo cùng khôn khổ, mạng sống chẳng được bao lâu.

Bấy giờ, hoặc có người đến nói như vậy: Nay Ngài hãy đem tất cả ban cho tôi. Bồ Tát tự nghĩ: Tôi từ vô thủy đến nay, vì đói khát, mà đã mất đi vô số thân, chưa từng lợi ích cho chúng sinh, dù nhỏ như sợi lông, để được lợi lành. Nay tôi cũng sẽ giống như thỏ xưa, mà bỏ thân mạng. Do đó hãy vì lợi ích chúng sinh, tùy theo những gì mình có, tất cả đều xả bỏ, cho đến

hết mạng sống, cũng chẳng sên tiếc. Đó gọi là kiệt tận thí.

Lúc đó, hoặc có người nghèo khổ, đến trước mặt Bồ Tát, nói như vậy: "Xin Ngài bây giờ hãy đem tất cả thức ăn uống thượng hạng, các thứ hương hoa và quần áo, đủ thứ đồ tư sanh, thầy đều nhường cho tôi". Lúc bấy giờ, Bồ Tát nghĩ: "Tôi từ vô thủy kiếp cho đến nay, vì đói khát, mà đã từng chết đi không biết bao nhiêu lần. Tôi chưa từng bố thí chút nào cho chúng sinh, dù nhỏ như sợi lông, để lợi ích tất cả chúng sinh, cho nên chẳng đắc được lợi ích. Hiện tại tôi cũng sẽ giống như thuở xưa, mất đi thân mạng. Vì nhân duyên đó, cho nên tôi cam tâm tình nguyện đem tất cả đồ tư sanh, bố thí lợi ích cho chúng sinh. Tùy theo hết thầy tất cả của cải châu báu, thầy đều bố thí cho chúng sinh cần. Cho đến mạng sống chẳng còn nữa, tôi cũng chẳng sên tiếc, không thể xả bỏ không được". Đây là Bồ Tát tu thí tạng, pháp môn tu hành kiệt tận thí thứ hai.

**Thế nào là Bồ Tát nội thí ? Phật tử !
Bồ Tát này tuổi trẻ mạnh khỏe, đoan
chánh xinh đẹp, có hương hoa y phục dùng
trang nghiêm thân. Mới thọ lễ quán đảnh,
lên ngôi Chuyển Luân Vương, đầy đủ bảy
báu, thống trị bốn thiên hạ.**

Thế nào là Bồ Tát tu nội thí ? Các vị Phật tử ! Vị Bồ Tát này đang lúc tuổi trẻ mạnh khỏe, ngũ quan của Ngài đoan chánh, tướng mạo xinh đẹp. Ngài có đủ thứ hương

hoa, đủ thứ y phục, để trang nghiêm thân. Vua mới thọ xong nghi thức lễ quán đảnh, lên ngôi làm chuyển luân thánh vương. Đây đủ bảy báu: Bánh xe báu, châu báu, voi báu, ngựa báu, binh báu, nữ báu, thần chủ tạng báu. Vị kim luân vương này, Ngài thống lãnh một bốn thiên hạ, tức là bốn đại châu.

Bấy giờ, hoặc có người đến bạch với vua rằng: Đại vương nên biết, nay tôi già yếu, thân mang bệnh nặng, cô cút, gầy ốm, sắp chết mất. Nếu được tay chân máu thịt, đầu mắt tuỷ não của thân thể nhà vua, thì mạng sống của tôi sẽ mạnh khoẻ sống lâu. Xin nguyện đại vương, đừng có suy lường sển tiếc, chỉ thấy từ bi, bố thí cho tôi.

Lúc đó, hoặc có người già nhiều bệnh hoạn, đến chỗ vua, tâu rằng: "Đại vương ! Ngài nên biết, hiện tại thân thể của tôi rất suy nhược, mà lại già yếu mang nhiều bệnh nặng, lại là người cô độc không chỗ nương tựa, xương cốt gầy ốm như củi, chẳng còn bao lâu nữa sẽ phải chết mất. Nếu tôi được tay chân, hoặc máu thịt, hoặc đầu mắt, hoặc tuỷ não của nhà vua, thì thân thể của tôi sẽ mạnh khoẻ, mạng sống của tôi sẽ lâu hơn, chỉ hy vọng đại vương từ bi, thương xót tôi, đem thân thể của đại vương bố thí cho tôi, đừng có suy lường, đừng có tính toán, đừng có sển tiếc. Chỉ mong đại vương phát tâm từ bi, đem tất cả bố thí cho tôi. Tôi mới có thể cải tử hồi sinh, phản lão hoàn đồng.

Bằng không thì tôi chẳng có hy vọng sống sót, sắp phải chết mất".

Bấy giờ, Bồ Tát bèn nghĩ như vậy: Nay thân thể này của tôi, sau này rồi cũng sẽ chết, chẳng có lợi ích gì. Nay đúng thời, phải mau xả cứu chúng sinh. Nghĩ rồi liền bố thí, tâm chẳng hối tiếc, đó gọi là nội thí.

Lúc đó, Vị Bồ Tát tuổi trẻ mạnh khoẻ, Ngài bèn nghĩ như vậy: "Hiện tại thân thể của tôi, tuy cuộc sống hưởng thụ vinh hoa phú quý, nhưng cuối cùng sẽ có ngày phải chết. Lúc ấy, chẳng những mình chẳng có lợi ích gì, cũng chẳng có ích lợi gì cho chúng sinh. Hiện tại có người đến cầu xin đầu mắt tủy não của ta, thật là đúng thời. Tôi không nên có tư hào sèn tiếc bố thí cho người cho người đến cầu xin, để cứu tế tất cả chúng sinh". Suy nghĩ như vậy rồi, liền bố thí cho chúng sinh, mà tâm chẳng hối tiếc, chẳng có tư tưởng xả không được. Đây là Bồ Tát tu thí tạng, pháp môn tu hành nội thí thứ ba.

Thế nào là Bồ Tát ngoại thí ? Phật tử ! Bồ Tát này tuổi trẻ khoẻ mạnh xinh đẹp, các tướng tốt đầy đủ, có hoa quý y phục thượng đẳng, dùng trang nghiêm thân. Mới thọ lễ quán đảnh, lên ngôi Chuyển Luân Vương, đầy đủ bảy báu, thống trị bốn thiên hạ.

Thế nào là Bồ Tát tu ngoại thí ? Các vị Phật tử ! Vị Bồ Tát này tu ngoại thí, lúc Ngài còn trẻ khoẻ mạnh, đoan trang xinh đẹp, lại có đức hạnh. Đầy đủ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp. Có hoa quý và y phục thượng đẳng, dùng trang nghiêm thân. Vua thọ lễ quán đảnh, lên làm ngôi Chuyển Luân Thánh Vương, đầy đủ bảy báu, thống trị bốn châu thiên hạ.

Bấy giờ, hoặc có người đến bạch với vua rằng: Nay tôi rất bần cùng, các khổ bức bách. Xin ngài nhân từ, thương xót tôi, xả bỏ ngôi vua này, nhường lại cho tôi, để tôi thống trị, hưởng thọ phước lạc ngôi vua.

Lúc đó, hoặc có người nghèo khổ, đến trước mặt vua cầu xin nói: "Hiện tại tôi rất bần cùng, chịu đủ thứ khổ bức bách. Xin đại vương nhân ái từ mẫn, đặc biệt thương xót tôi ! Bồ thí nhường ngôi vua lại cho tôi, dùng những tài vật này để nuôi dưỡng tánh mạng của tôi. Tôi sẽ thống trị bốn châu thiên hạ, hưởng thọ khoái lạc phước báo của đại vương hưởng".

Bấy giờ, Bồ Tát bèn nghĩ như vậy: Tất cả sự giàu sang phần vinh, tất sẽ suy tàn. Lúc suy tàn không thể làm lợi ích cho chúng sinh được nữa. Nay tôi phải tùy sự yêu cầu của họ, làm cho họ mãn nguyện.

Nghĩ như vậy rồi liền bố thí, mà tâm chẳng hối tiếc. Đó gọi là ngoại thí.

Lúc đó, vị Bồ Tát tuổi trẻ mạnh khỏe xinh đẹp, Ngài quán tưởng như vậy: "Tất cả sự vật, nếu có lúc phồn vinh thịnh vượng, tất định cũng sẽ có lúc suy tàn. Nếu lúc vinh hoa phú quý suy tàn hết, thì không thể lợi ích cho chúng sinh. Hiện tại tôi phải làm mãn nguyện của chúng sinh, khiến cho họ sở cầu toại tâm, mãn nguyện tất cả, đạt được mục đích, đều đại hoan hỉ". Bồ Tát quán tưởng như vậy rồi, bèn lập tức đem ngôi vua bố thí cho chúng sinh, cũng chẳng hối tiếc. Đây là Bồ Tát tu thí tạng, pháp môn tu hành ngoại thí thứ tư.

Bố thí phải "Tam luân thể không", mới thật là chân bố thí. Gì là "Tam luân thể không ?" Nói đơn giản đó là chẳng có kẻ thí, cũng chẳng có vật thí, ở giữa càng chẳng có kẻ thọ nhận. Nếu tam luân này không, thì chẳng có sự chấp trước. Nếu có tư tưởng như vậy: Tôi là kẻ bố thí, đây là vật tôi bố thí, họ là người nhận vật tôi thí. Đây là bố thí chấp tướng, là xí đồ danh lợi, chẳng có công đức.

Thế nào là Bồ Tát nội ngoại thí ? Phật tử ! Bồ Tát này như trên đã nói, làm vua Chuyển Luân Vương, đầy đủ bảy báu, thống trị bốn thiên hạ. Bây giờ, hoặc có người đến bạch với vua rằng: Ngôi vua Chuyển Luân Vương này, vua ngự trị đã lâu, tôi chưa từng được, xin nguyện đại

vương, hãy nhường cho tôi, cùng với thân vua làm thần nô bộc cho tôi.

Gì là Bồ Tát tu nội ngoại thí ? Nội thí tức là bố thí đầu mắt tuỷ não, ngoại thí tức là bố thí đất nước vợ con. Các vị Phật tử ! Vị Bồ Tát này tu nội ngoại thí, Ngài tuổi trẻ khoẻ mạnh, tướng tốt trang nghiêm, như tình hình ở trên đã nói Bồ Tát tu ngoại thí. Ngài làm vua Chuyển Luân Vương, đầy đủ bảy báu, thống lãnh bốn châu thiên hạ.

Lúc đó, hoặc có người đến chỗ vua mà bạch rằng: "Ngôi vua Chuyển Luân Vương này, đại vương đã ngự trị lâu rồi. Tôi chưa từng được làm vua Chuyển Luân Vương. Xin đại vương từ bi, xả bỏ ngôi vua này, nhường lại cho tôi, kể cả thân nhà vua cũng bố thí cho tôi, làm đại thần cho tôi, hoặc làm nô bộc cho tôi. Nếu đại vương có thể bố thí cho tôi, thì tôi sẽ mãn nguyện, đó mới là hành vi của đại Bồ Tát tu Bồ Tát đạo".

Bấy giờ, Bồ Tát bèn nghĩ rằng: Thân tôi và châu báu, cùng với ngôi vua, đều là pháp vô thường tan hoại. Nay tôi mạnh khoẻ cường tráng, giàu có thiên hạ, kẻ xin hiện tiền, đem vật không kiên cố để cầu pháp kiên cố. Nghĩ như vậy rồi liền bố thí, cho đến dùng thân cung kính chuyên cần làm tôi tớ, tâm chẳng hối tiếc. Đó gọi là nội ngoại thí.

Lúc đó, Vị Bồ Tát này bèn quán tưởng như vậy: "Thân thể và của cải của tôi, cùng với ngôi vua Chuyển Luân, đều là vô thường, tương lai sẽ tan hoại, không thể vĩnh viễn tồn tại. Hiện tại tôi đang thời kỳ trẻ mạnh khỏe, giàu có bốn thiên hạ. Hiện nay có người cầu xin thân thể và ngôi vua của tôi, tôi nên đem thân thể và ngôi vua không bền vững bố thí cho chúng sinh, để cầu pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác bền vững". Nghĩ như vậy rồi, lập tức đem thân thể và ngôi vua bố thí, cho đến dùng thân làm nô bộc, cung kính, siêng năng, hầu hạ ông vua mới, mà trong tâm chẳng có hối tiếc. Đây tức là Bồ Tát tu thí tạng, pháp môn tu hành nội ngoại thí thứ năm.

**Thế nào là Bồ Tát thí tất cả ? Phật tử !
Bồ Tát này cũng như nói ở trên, làm vua
Chuyển Luân Vương, đầy đủ bảy báu,
thống trị bốn thiên hạ.**

Gì là Bồ Tát tu bố thí tất cả ? Các vị Phật tử ! Vị Bồ Tát này tu thí tất cả, cũng giống như Bồ Tát tu nội ngoại thí như đã nói ở trên. Làm vua Chuyển Luân Vương, đầy đủ bảy báu, thống lãnh bốn thiên hạ.

**Bấy giờ, có vô lượng người bạn cùng,
đến trước mặt vua, bèn nói rằng: Đại
vương tiếng tăm vang khắp mười phương,
chúng tôi nghe tin, nên đến đây. Chúng tôi
đều có sở cầu, xin đại vương thùy từ khắp,**

khiến cho chúng tôi đều được đầy đủ. Bây giờ, các người nghèo ở chỗ đại vương đó, hoặc cầu xin đất nước, hoặc xin vợ con, hoặc xin chân tay, máu thịt tim gan, đầu mắt tuỷ não.

Lúc đó, có vô lượng vô số người nghèo khổ, đến trước mặt vua, tâu với vua rằng: "Đại vương ! Ngài rất có tiếng tăm ưa thích bố thí, vang khắp mười phương. Chúng tôi những người nghèo khổ này, vì nghe tin đồn đại vương bố thí, cho nên đến đất nước này. Chúng tôi đều có sở cầu, xin đại vương thùy từ lân mẫn chúng tôi, khiến cho chúng tôi đều được vật mong cầu". Bây giờ, những người nghèo khổ ở trước mặt vua, có người cầu xin đất nước của vua, hoặc có người xin vợ con của vua, hoặc có người xin tay chân, máu thịt, tim gan, đầu mắt tuỷ não .v.v... của vua. Tóm lại, mỗi người đều có sở cầu.

Bây giờ, Bồ Tát tâm nghĩ như vậy: Tất cả ân ái, tất sẽ biệt ly, mà đối với chúng sinh, chẳng có sự lợi ích. Nay tôi vì muốn vĩnh viễn xả bỏ tham ái, đem những thứ nhất định sẽ ly tán này, làm mãn tâm nguyện của chúng sinh. Nghĩ như vậy rồi, thấy đều đem bố thí, tâm chẳng hối hận, cũng chẳng sinh tâm khinh nhàm chúng sinh. Đó gọi là thí tất cả.

Lúc bấy giờ, Bồ Tát trong tâm bèn quán tưởng như vậy: "Đất nước và vợ con mà ta thương mến, tương lai tất sẽ có lúc phân biệt ly tán, song đối với chúng sinh chẳng có lợi ích gì. Tôi muốn vĩnh viễn xả bỏ tham ái, đem những vật tất sẽ phân tán, để làm mãn nguyện tâm chúng sinh". Bồ Tát nghĩ tưởng như vậy rồi, bèn đem đầu mắt tuỷ não, đất nước vợ con, thả đều bố thí cho những người khốn khổ đó, mà tâm chẳng sinh hối hận và oán hận. Đối với chúng sinh tâm tham, cũng chẳng sinh tâm khinh tiện nhằm chán. Đây là Bồ Tát tu thí tạng, pháp môn tu hành bố thí tất cả thứ sáu.

Thế nào là Bồ Tát quá khứ thí ? Bồ Tát này nghe hết thấy công đức quá khứ của chư Phật Bồ Tát. Nghe rồi chẳng chấp trước, biết rõ thông đạt chẳng có, chẳng khởi phân biệt. Chẳng tham, chẳng đắm, cũng chẳng cầu lấy, không chỗ nương cậy. Thấy pháp như mộng, chẳng có bèn vững. Nơi các căn lành, chẳng khởi hữu tưởng, cũng chẳng chỗ nương. Chỉ vì giáo hoá trước thủ chúng sinh, thành thực Phật pháp, mà vì họ diễn nói.

Gì là Bồ Tát tu quá khứ thí ? Vì Bồ Tát này, nghe công đức tu hành của chư Phật Bồ Tát quá khứ, nghe rồi cũng chẳng chấp trước nơi công đức, nhưng thấu rõ thông

đạt tất cả công đức chẳng có, cho nên chẳng khởi tâm phân biệt, cũng chẳng tham đồ công đức, cũng chẳng đắm công đức, cũng chẳng cầu lấy công đức của chư Phật Bồ Tát quá khứ, cũng chẳng chổ nương cậy. Minh bạch tất cả các pháp, như huyền như mộng, chẳng có bền vững, vốn là không. Căn lành của mình tu, với căn lành của chư Phật Bồ Tát quá khứ, đều không khởi hữu tướng, cũng chẳng chấp trước, cũng chẳng nương tựa. Chỉ vì giáo hoá chúng sinh, cho nên thủ trước chúng sinh. Vì khiến cho họ thành tựu Phật quả, viên mãn bồ đề, mà vì chúng sinh diễn nói Phật pháp.

Lại quán sát các pháp quá khứ, tìm cầu mười phương đều không thể được. Nghĩ như vậy rồi, nơi pháp quá khứ, thấy đều xả bỏ. Đó gọi là quá khứ thí.

Vị Bồ Tát này, Ngài lại quán sát tất cả pháp quá khứ, cho đến tìm cầu khắp mười phương thế giới, đều không thể đắc được tất cả pháp tồn tại. Quán tưởng như vậy rồi, đối với tất cả pháp quá khứ, đều không thể lưu luyến, đều xả bỏ hết. Đây là Bồ Tát tu thí tạng, pháp môn tu hành quá khứ thí thứ bảy.

Thế nào là Bồ Tát vị lai thí ? Bồ Tát này nghe chư Phật vị lai tu hành, thấu rõ thông đạt chẳng có, chẳng thủ lấy tướng, chẳng muốn vãng sanh về các cõi nước chư Phật, chẳng đắm, chẳng chấp, cũng chẳng

sinh nhằm chán, chẳng đem căn lành hồi hướng về đó, cũng chẳng ở nơi đó mà thối chuyển căn lành. Thường siêng tu hành, chưa từng xả bỏ.

Gì là Bồ Tát tu hành vị lai thí ? Vị Bồ Tát này, nghe được pháp môn tu hành của chư Phật vị lai, thấu hiểu thông đạt tất cả pháp chẳng có, đều là không, cho nên chẳng thủ lấy các tướng, chẳng muốn lìa khỏi cõi nước của mình, mà vãng sinh về các cõi chư Phật khác. Cũng chẳng đấm pháp của chư Phật tu. Cũng chẳng chấp trước pháp của chư Phật tu hành, cũng chẳng sinh tâm nhằm chán. Cũng chẳng đem căn lành của mình tu hành, để hồi hướng về chư Phật vị lai. Cũng chẳng vì căn lành của chư Phật, là chẳng để gì tu hành thành công, mà thối thất căn lành tâm bồ đề. Đây là vị Bồ Tát đối với tất cả đều chẳng chấp trước. Bồ Tát luôn luôn tinh tấn, tuyệt đối chẳng giải đãi. Pháp môn tu hành chẳng khi nào xả bỏ.

Chỉ muốn vì cảnh giới đó, nhiếp lấy chúng sinh, vì họ nói pháp chân thật, khiến cho họ thành thực Phật pháp. Nhưng pháp này chẳng có xứ sở, chẳng phải không xứ sở. Chẳng trong, chẳng ngoài, chẳng gần, chẳng xa. Lại nghĩ như vậy: Nếu pháp chẳng có, không thể không xả. Đó gọi là vị lai thí.

Vị Bồ Tát này, chỉ muốn y chiếu cảnh giới của tất cả chúng sinh để nhiếp lấy chúng sinh (giống như nam châm hút sắt, hút chúng sinh vào trong Phật pháp). Vì chúng sinh diễn nói pháp chân thật, khiến cho chúng sinh thành thực Phật pháp, sớm thành Phật đạo. Tuy nhiên dùng pháp để giáo hoá chúng sinh, nhưng pháp này chẳng có xứ sở, nghĩa là đừng chấp trước vào pháp này. Cũng chẳng phải là pháp chẳng có xứ sở. Tức nhiên chẳng chấp trước, vậy pháp chẳng dùng chẳng ? Chẳng phải, mà là tùy duyên nói pháp: Nếu gặp được cảnh giới này, thì nói pháp này. Nếu chẳng có cảnh giới này, thì pháp này cũng là không. Tóm lại, khi đáng nói pháp thì nói pháp, chứ chẳng phải là chấp trước mà nói pháp.

Pháp này cũng chẳng từ bên trong sinh ra, cũng chẳng phải từ bên ngoài chiêu cảm vào. Đây là dạy người đừng chấp trước. Pháp này chẳng phải nơi gần có, cũng chẳng phải nơi xa có. Đây cũng là pháp chấp trước người. Vị Bồ Tát này, lại quán tưởng như vậy: "Tất cả pháp đều chẳng chân thật, vốn là vắng lặng. Tức nhiên là chẳng có, lại hà tất phải chấp trước pháp ? Nên xả bỏ tất cả pháp". Đây là Bồ Tát tu thí tạng, pháp môn tu hành vị lai thí thứ tám.

Thế nào là Bồ Tát hiện tại thí ? Bồ Tát này nghe các trời Tứ Thiên Vương, trời Ba Mươi Ba, trời Dạ Ma, trời Đâu Suất Đà, trời Hoá Lạc, trời Tha Hoá Tự Tại, trời Phạm Thiên, trời Phạm Thân, trời Phạm Phụ, trời Phạm Chúng, trời Đại Phạm, trời

Quang Thiên, trời Thiếu Quang, trời Vô Lượng Quang, trời Quang Âm, trời Tịnh Thiên, trời Thiếu Tịnh, trời Vô Lượng Tịnh, trời Biến Tịnh, trời Quảng Thiên, trời Thiếu Quảng, trời Vô Lượng Quảng, trời Quảng Quả, trời Vô Phiền, trời Vô Nhiệt, trời Thiện Kiến, trời Thiện Hiện, trời Sắc Cứu Cánh, cho đến nghe bậc Thanh Văn, Duyên Giác, đầy đủ công đức. Nghe rồi, tâm của Bồ Tát này chẳng mê, chẳng mất, chẳng tụ, chẳng tán. Chỉ quán các hạnh như mộng chẳng thật, chẳng có tham trước.

Gì là Bồ Tát tu hiện tại thí ? Vì Bồ Tát này, nghe đến sáu cõi trời dục giới và mười tám cõi sắc giới cùng với hàng nhị thừa, hết thấy công đức, trong tâm chẳng có tham luyến. Tại sao ? Vì quán các hạnh đều vô thường.

Nay giải thích sơ lược về sáu cõi trời dục giới:

1. Trời Tứ Thiên Vương: Ở giữa sườn núi Tu Di, bốn phương đều có bốn vị Thiên Vương trấn thủ. Phương đông là Trì Quốc Thiên Vương, phương nam là Tăng Trưởng Thiên Vương, phương tây là Quảng Mục Thiên Vương, phương bắc là Đa Văn Thiên Vương. Vì có bốn vị Thiên Vương suất lãnh chư Thiên, nên gọi là chúng Thiên.

2. Trời Đao Lợi: Dịch là Trời Ba Mươi Ba. Ở trên đỉnh núi Tu Di, bốn phương đều có tám vị trời, lại thêm

chính giữa một vị trời, thống lãnh ba mươi ba trời, nên gọi là Trời Ba Mươi Ba. Trời Tứ Thiên Vương và trời Đao Lợi đều ở tại núi Tu Di, còn gọi là địa cư Thiên. Bốn cõi trời còn lại, ở trong hư không phía trên đỉnh Tu Di, nên gọi là không cư Thiên.

3. Trời Dạ Ma: Dịch là trời Thời Phần. Cõi trời này chẳng có ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, sao, thân người trời tự phóng ra ánh sáng, lấy hoa sen nở làm ngày, hoa sen úp lại làm đêm.

4. Trời Đâu Suất: Dịch là trời Tri Túc. Mỗi vị Phật khi sắp thành Phật, thì ở tại nội viện cõi trời này hậu bồ Phật vị, cho nên còn gọi là trời Bồ Xứ. Đương Lai Hạ Sinh Di Lặc Tôn Phật, đang ở tại nội viện thuyết pháp, đợi khi kiếp tăng giảm xuống tám vạn tuổi, thì sẽ đến thế giới Ta Bà, để giáo hoá chúng sinh.

5. Trời Hoá Lạc: Nơi cảnh biến hoá ra tự vui. Muốn gì thì biến ra ra cái đó, biến hoá vô cùng, là trời Khoái Lạc.

6. Trời Tha Hoá Tự Tại: Cõi trời này lấy sự khoái lạc của cõi trời khác, làm sự khoái lạc của cõi trời mình. Sáu cõi trời này đều có dục niệm nam nữ.

Cõi sắc giới có mười tám cõi trời. Nhưng tại Kinh này ghi có hai mươi hai cõi trời, kỳ thật đại đồng tiểu dị.

1. Trời Phạm Thiên: Túc là trời Thanh Tịnh, chẳng có dục niệm nam nữ. Chẳng có hình tướng nam nữ, đều là thân nam.

2. Trời Phạm Thân: Chúng sinh ở cõi trời này, thân thể rất thanh tịnh, trong tâm cũng chẳng có tạp niệm.

3. Trời Phạm Chúng: Là quyến thuộc của trời Đại Phạm ở.

4. Trời Phạm Phụ: Là phụ thân của trời Đại Phạm ở.

5. Trời Đại Phạm: Tức là Thiên Vương. Ông ta phát hiệu thống lãnh các trời. Đây là trời Sơ Thiên, vẫn có ngôn ngữ. Đến trời nhị thiên thì chẳng còn ngôn ngữ, mà là dùng ánh sáng để thay thế cho ngôn ngữ.

6. Trời Quang Thiên: Kẻ thiên định ở cõi trời này, ở trong định phóng quang.

7. Trời Thiêu Quang: Khấp thân thể phóng ra ánh sáng, nhưng chẳng sáng.

8. Trời Vô Lượng Quang: Chẳng những từ thân phóng quang, mà trong miệng cũng phóng quang, phóng ra vô lượng ánh sáng.

9. Trời Quang Âm: Trong trí huệ quang lại vang ra âm thanh, thay thế nói pháp. Đây là trời Nhị Thiên, chẳng có ngôn ngữ, chỉ có ánh sáng.

10. Trời Tịnh Thiên: Cõi trời này tất cả đều thanh tịnh, chẳng có tạp nhiễm.

11. Trời Thiêu Tịnh: Cõi trời này tuy nhiên thanh tịnh, nhưng chẳng viên mãn.

12. Trời Vô Lượng Tịnh: Cõi trời này thanh tịnh, đã đến trình độ viên mãn, nhưng chẳng khấp, lại chẳng cứu kính.

13. Trời Biến Tịnh: Cõi trời này thanh tịnh, đặc biệt viên mãn, lại khấp hết. Đây là cảnh giới trời Tam Thiên, rất khoái lạc. Nhưng một số người tu thiên định, chẳng muốn ở đây lâu, sợ rằng sẽ thối mất đạo tâm, cho nên tích cực vượt qua trời tam thiên, đến được trời Tứ Thiên. Mới có thể tránh khỏi sự uy hiếp của nạn gió lớn.

14. Trời Quảng Thiên: Tức là cõi trời phước đức rộng lớn. Ở cõi trời Sơ Thiên, tuy lìa khỏi khổ não, vẫn còn ưu não. Trời Nhị Thiên, tuy đã lìa khỏi ưu não, vẫn còn hi

lạc. Trời Tam Thiên, đã tiêu diệt tất cả tâm hoan hỷ. Là vui thuần tạp thanh tịnh. Trời Tứ Thiên, hỷ lạc đều xả bỏ.

15. Trời Thiểu Quang: Còn là Trời Phước Sinh. Cõi trời này vì chẳng thọ diệu lạc, mà sinh phước thanh tịnh.

16. Trời Vô Lượng Quang: Còn là Trời Phước, cõi trời này chẳng thọ ba nạn lớn nước, lửa, gió, hưởng thọ phước báo vô lượng.

17. Trời Quang Quả: Cõi trời này là quả của phàm phu tu, phước báu rất lớn, nhưng chẳng chứng quả. Điểm này phải chú ý ! Đây là cảnh giới của trời Tứ Thiên.

18. Trời Vô Phiền: Kẻ thiên định dừng mãnh tinh tấn, sinh về cõi trời này, thì chẳng còn tất cả mọi phiền não. Vì chẳng trở lại cõi dục giới thọ sinh tử nữa.

19. Trời Vô Nhiệt: Sinh về cõi trời này, thì chẳng còn kiến tư hoặc (hoặc thấy nghĩ) của dục giới, và bệnh chấp phiền não. Trong tâm khoái lạc thanh tịnh.

20. Trời Thiện Kiến: Sinh về cõi trời này, trừ khử nhiệt phiền não, trong tâm mát mẻ, tinh tấn tu tĩnh lự, có thể đắc được thiên nhãn, khéo thấy mười phương thế giới.

21. Trời Thiện Hiện: Sinh về cõi trời này, khéo biến hiện, vì chướng ngại của thiên đã trừ khử, đạt đến cảnh giới tận thiện tận mỹ.

22. Trời Sắc Cứu Cánh: Đến cõi trời sắc giới tối cao, đã tận cùng sắc tánh, biết rõ sắc tánh, dùng không làm thể. Người lợi căn trực tiếp thoát khỏi ba cõi, chứng quả A la hán. Người độn căn, còn phải đến vô sắc giới, tu tứ không định, tuần tự trải qua Trời Tứ Không, mới chứng được tứ quả, đắc được bậc vô học. Do đó: "Những gì cần làm đã làm xong, không còn thọ sinh nữa". Năm cõi trời ở trên là

Trời Ngũ Bát Hoàn, tức là chẳng trở lại dục giới thọ sinh tử nữa, là chỗ ở của tam quả A la hán.

Thời gian trên trời và thời gian ở nhân gian khác nhau. Vì trên trời quá sung sướng, cho nên cảm thấy thời gian trôi qua rất nhanh. Thời gian ở nhân gian và thời gian ở địa ngục cũng khác nhau. Chúng sinh ở địa ngục thống khổ vạn phần, cho nên cảm thấy thời gian trôi qua rất chậm. Nói về thời gian ở cõi trời Tứ Thiên Vương, một ngày một đêm ở đây, bằng ở dưới nhân gian năm mươi năm. (Mỗi tầng trời ở trên thì tính gấp đôi thời gian). Một ngày một đêm ở nhân gian bằng ở địa ngục năm mươi năm, tại sao ? Vì nghiệp lực chiêu cảm, khi hưởng vui, thì cảm thấy thời gian quá ngắn; khi thọ khổ, thì cảm thấy thời gian quá dài.

Vị Bồ Tát này cho đến nghe được bậc Thanh Văn và Duyên Giác đầy đủ công đức, thì tâm chẳng mê hoặc, cũng chẳng chấp trước. Vị Bồ Tát này tu hiện tại thí, tư tưởng và hành vi của Ngài đều thanh tịnh không ô nhiễm.

Vị Bồ Tát này, nghe được cảnh giới đã nói ở trên, tâm của Ngài chẳng mê, chẳng mất, cũng chẳng chú ý, cũng chẳng tán loạn. Chỉ quán sát các hạnh, giống như mộng, hư vọng chẳng thật. Do đó:

"Các hạnh vô thường,
Là pháp sinh diệt.
Sinh diệt diệt rồi,
Tịch diệt là vui".

Cho nên cảnh giới khoái lạc của chư Thiên, Bồ Tát đều chẳng chấp trước, cũng chẳng tham luyến.

Vì khiến cho chúng sinh xả lìa cõi ác, tâm của Ngài chẳng có phân biệt, tu Bồ Tát đạo, thành tựu Phật pháp, mà vì họ khai triển diễn nói. Đó gọi là hiện tại thí.

Bồ Tát vì khiến cho tất cả chúng sinh, xả lìa súc sinh, naga quỷ, địa ngục, ba đường ác. Tâm của Ngài chẳng sinh phân biệt, để tu Bồ Tát đạo, lợi ích tất cả chúng sinh, mà thành tựu pháp của Phật đắc được. Lại vì chúng sinh diễn nói diệu pháp. Đây là Bồ Tát tu thí tạng, pháp môn tu hành hiện tại thí thứ chín.

Thế nào là Bồ Tát cứu kính thí ? Phật tử ! Bồ Tát này, giả sử có vô lượng chúng sinh, hoặc có người không mắt, hoặc có người không tai, hoặc có người không mũi lưỡi, cùng với tay chân, đến chỗ Bồ Tát, bạch rằng: Thân tôi bạc phúc, các căn tàn tật thiếu khuyết. Xin ngài nhân từ, dùng phương tiện khéo léo, xả bỏ những gì Ngài có, khiến cho tôi được đầy đủ.

Gì là Bồ Tát tu cứu kính thí ? Các vị Phật tử ! Vị Bồ Tát này, giả sử có vô lượng chúng sinh, hoặc họ chẳng có mắt, hoặc họ chẳng có tai, hoặc họ chẳng có mũi lưỡi, hoặc họ chẳng có chân tay. Họ đều đến chỗ Bồ Tát, bạch với Bồ Tát rằng: "Thân thể của tôi chẳng có phước báo, cho nên sáu căn tàn tật thiếu khuyết, chẳng đầy đủ. Xin Bồ Tát

nhân từ, phát lòng trắc ẩn, dùng phương tiện khéo léo, xả bỏ hết thầy tất cả những gì Ngài có, để bố thí cho chúng tôi. Khiến cho chúng tôi chỗ sáu căn không đầy đủ, đều được viên mãn. Đây là sự cầu xin của chúng tôi, hy vọng Bồ Tát đáp ứng yêu cầu của chúng tôi, đừng khiến chúng tôi thất vọng" !

Bồ Tát nghe rồi, lập tức bố thí cho. Giả sử do đây trải qua A tăng kỳ kiếp, các căn không đủ, tâm Bồ Tát cũng chẳng sinh một niệm hối tiếc.

Vị Bồ Tát này nghe vô lượng chúng sinh các căn không đủ, yêu cầu như vậy, tâm chẳng do dự, bèn lập tức đem sáu căn của mình xả cho chúng sinh. Giả sử từ đây về sau, trải qua vô lượng A tăng kỳ kiếp thời gian, mà sáu căn của mình không đủ, cũng chẳng sinh một tâm niệm hậu hối tiếc nuối.

Chỉ tự quán sát thân thể, từ khi bắt đầu nhập thai, thân hình chẳng thanh tịnh, chịu cảnh sinh già bệnh chết. Lại quán thân này, chẳng có chân thật, chẳng có hỗ thẹn, chẳng phải là vật Thánh hiền, hôi dơ chẳng sạch, gân cốt chẳng chít với nhau, máu thịt kết lại. Chín lỗ thường chảy ra, ai cũng nhòm góm, quán như vậy rồi, chẳng sinh một tâm niệm thương tiếc chấp trước.

Bồ Tát tự quán sát thân thể của mình, từ khi bắt đầu nhập thai, thì do tinh cha huyết mẹ vật bất tịnh, cấu thành thân thể này. Ở trong bào thai, phân đoạn sinh ra mắt tai mũi lưỡi thân năm căn. Thai nhi thành thực rồi, liền sinh ra thế giới năm trước này, thọ đủ thứ khổ não, trải qua bốn giai đoạn sinh già bệnh chết, lại diệt mất trở về không, chẳng có hình ảnh dấu vết.

Bồ Tát lại quán sát thân thể của mình, nghiên cứu kỹ càng, thì tìm chẳng ra một vật nào là chân thật không biến đổi, đều là hư vọng. Lại chẳng có tâm hổ thẹn. Thân thể này chẳng phải là thân thể của Thánh hiền, mà là thân thể hôi dơ chẳng sạch, chẳng qua là gân cốt chằng chịt với nhau, lại có máu thịt kết lại với xương cốt. Thân này là chín lỗ thường chảy ra vật bất tịnh. Những thứ này khiến cho ai ai cũng nhòm góm ! Bồ Tát quán sát như thế xong, đối với thân thể chẳng sinh một tâm niệm thương tiếc và chấp trước.

Lại nghĩ như vậy: Thân này nguy hiểm, suy nhược, chẳng có bền vững. Nay sao tôi lại sinh tâm luyện ái, chấp trước ? Nên đem bố thí cho họ, khiến cho họ mãn nguyện.

Vị Bồ Tát này, lại quán tưởng như vậy: "Thân thể này rất nguy hiểm, và suy nhược, vốn chẳng bền vững. Hiện tại tại sao tôi còn tham luyện túi da hôi thối này ? Nó sớm muộn gì cũng sẽ chết. Cho nên khi có cơ hội, nên đem

nó bố thí cho tất cả chúng sinh, để làm mãn tâm nguyện của chúng sinh".

Như chỗ tôi làm, dùng đây khai đạo tất cả chúng sinh, khiến cho họ thân tâm chẳng sinh tham ái, thấy đều được thành tựu, trí thân thanh tịnh. Đó gọi là cứu kính thí.

Vị Bồ Tát này lại nghĩ: "Giống như những gì tôi làm, dùng tâm từ bi để khai đạo tất cả chúng sinh. Chẳng những tôi chẳng tham luyến thân tâm tánh mạng của tôi, mà cũng khiến cho chúng sinh chẳng tham luyến thân tâm tánh mạng của họ". Hoàn toàn thành tựu thân trí huệ thanh tịnh. Đây tức là Bồ Tát tu thí tạng, pháp môn tu hành cứu kính thí thứ mười.

Đó là thí tạng thứ sáu của đại Bồ Tát.

Mười sự bố thí như đã nói ở trên, đây là pháp môn thí tạng thứ sáu của đại Bồ Tát tu hành.

THỨ BẢY: HUỆ TẠNG

Phật tử ! Những gì là huệ tạng của đại Bồ Tát ?

Đại Bồ Tát Công Đức Lâm, lại gọi một tiếng: Các vị đệ tử của Phật ! Gì gọi là huệ tạng của đại Bồ Tát tu hành ?

Bồ Tát này nơi sắc biết như thật. Sắc tập biết như thật. Sắc diệt biết như thật. Sắc diệt đạo biết như thật. Nơi thọ tướng hành thức biết như thật. Thọ tướng hành thức tập biết như thật. Thọ tướng hành thức diệt biết như thật. Thọ tướng hành thức diệt đạo biết như thật.

Bồ Tát tu huệ tạng, đối với năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) và bốn đế (khổ, tập, diệt, đạo), hai thứ pháp này, phải thấu suốt chân thật, mới có trí huệ giáo hoá chúng sinh.

Đối với sắc uẩn (nghĩa là chất ngại, có hình tướng), phải chân thật minh bạch, biết rõ sắc uẩn là hư vọng, chẳng thật tại. Do sắc uẩn lại sinh ra khổ, tập, diệt, đạo, pháp bốn đế, chẳng bị bốn pháp này ràng buộc. Do sắc uẩn mà chiêu cảm tập đế, cũng phải biết rõ chân thật. Do sắc uẩn mà chứng được diệt đế, cũng phải biết rõ chân thật. Do sắc uẩn mà chứng được diệt đạo đế, cũng phải biết rõ chân thật.

Đối với thọ uẩn (nghĩa là lãnh nạp, chẳng có hình tướng), đối với tưởng uẩn (nghĩa là thủ tượng, chẳng có hình tướng), đối với hành uẩn (nghĩa là thiên lưu, chẳng có hình tướng), đối với thức uẩn (nghĩa là liễu biệt, chẳng có hình tướng). Bốn uẩn này cũng phải thấu suốt chân thật. Có cảm giác tốt đẹp, thì muốn lãnh thọ cảnh giới này. Cảm thọ rồi, bèn sinh tưởng uẩn. Có tưởng uẩn rồi, bèn sinh ra hành uẩn. Hành uẩn là niệm niệm dôi đổi, niệm niệm không ngừng. Có hành uẩn rồi, bèn sinh ra đủ thứ tâm thức phân

biệt. Tâm thức có năng lực phán đoán, phân biệt được tốt xấu. Do thọ tướng hành thức mà chiêu cảm tập đế, cũng phải biết chân thật. Do thọ tướng hành thức mà chứng được diệt đế, cũng phải biết chân thật. Do thọ tướng hành thức mà tu diệt đạo đế, cũng phải biết chân thật. Nếu chẳng bị cảnh giới làm mê hoặc, mà chuyển được cảnh giới, thì sẽ thành tựu vô thượng bồ đề.

Nếu chúng ta đối với pháp năm uẩn và pháp bốn đế, chẳng thấu hiểu với nhau, thì không thể viên dung vô ngại, sẽ sinh ra đủ thứ chấp trước. Giống như kén làm thợ, tự vây khốn mình, chẳng được giải thoát. Minh bạch đạo lý này, thì sẽ đắc được giải thoát. Đắc được giải thoát rồi, thì không còn bị khổ tập diệt đạo mê hoặc, sẽ biết khổ, đoạn tập, mộ diệt, tu đạo. Nếu chẳng minh bạch lý của nó, thì sẽ chẳng biết khổ, không thể đoạn tập, cũng không thể mộ diệt, cũng không thể tu đạo. Nơi sắc uẩn minh bạch bốn đế là không, thì đối với thọ tướng hành thức bốn uẩn, cũng như vậy, đều là không, tự tánh sẽ chẳng bị năm uẩn che đậy. Lúc đó, sẽ đắc được đại quang minh tạng, tánh Như Lai tạng. Pháp năm uẩn bốn đế này, phải hạ một phen khổ công đề nghiên cứu, thì mới hiểu rõ triệt đế. Lúc nào năm uẩn đều không, thì lúc đó sẽ độ được tất cả khổ ách.

Nơi vô minh biết như thật, vô minh tập biết như thật, vô minh diệt biết như thật, vô minh diệt đạo biết như thật.

Vị Bồ Tát này, Ngài đối với pháp mười hai nhân duyên, cũng hiểu biết chân thật. Nhân duyên thứ nhất tức là vô minh, nghĩa là chẳng hiểu biết, chẳng minh bạch chân

thật. Vô minh này sinh ra hành, hành sinh ra thức, thức sinh ra danh sắc, danh sắc sinh ra lục nhập, lục nhập sinh ra xúc, xúc sinh ra thọ, thọ sinh ra ái, ái sinh ra thủ, thủ sinh ra hữu, hữu sinh ra sinh, có sinh rồi sẽ có già chết. Mười hai nhân duyên này, do cái này có, nên sinh ra cái kia. Nếu tiêu diệt vô minh rồi, thì hành vi cũng chẳng còn, cho đến già chết cũng chấm dứt. Đạo lý này rất đơn giản, nhưng người thật minh bạch, rất ít lại càng ít. Do đó: "Một niệm không giác sinh tam tế", tức cũng là "Một niệm không giác sinh vô minh". Tướng tam tế tức là hiện tướng, nghiệp tướng, chuyển tướng, cho nên đối với vô minh phải hiểu biết chân thật. Mục đích chúng ta tu đạo, tức là diệt trừ gốc rễ vô minh gây họa hoạn, nếu nhổ bật được gốc rễ, thì chẳng còn phiền não nữa. Lúc bấy giờ tâm được thanh tịnh, trí huệ hiện tiền. Bằng không nhổ cỏ không tận gốc, thì qua mùa xuân gặp mưa, lại sinh ra. Vậy làm thế nào nhổ được gốc rễ vô minh ? Tức là siêng tu giới định huệ, tiêu diệt tham sân si. Lúc nào không còn ba độc vọng tưởng, thì lúc đó sẽ nhổ sạch gốc rễ vô minh, chẳng còn hậu hoạn nữa.

Vị Bồ Tát này đối với vô minh khổ đế, phải biết chân thật. Vô minh tập đế, phải biết chân thật. Vô minh diệt đế, phải biết chân thật. Vô minh diệt đạo đế, phải biết chân thật. Nếu hiểu biết chân thật, thì sẽ đoạn trừ vô minh, sẽ chẳng còn phiền não nữa.

Nơi ái biết như thật, ái tập biết như thật, ái diệt biết như thật, ái diệt đạo biết như thật.

Chúng ta chúng sinh tại sao phải thọ khổ luân hồi ?
Đều vì một niệm vô minh, rồi có hành vi. Tại sao có hành vi ? Vì có ái. Phải hiểu rõ ái sinh ra như thế nào ? Và có quan hệ gì với vô minh ? Và có quan hệ gì với khổ tập diệt đạo bốn đế ? Điểm này phải rõ ràng. Nếu hiểu biết chân thật, biết khổ, đoạn tập, mộ diệt, chân lý tu đạo, thì chẳng có chướng ngại, sẽ không chuyển tới chuyển lui ở trong sinh tử luân hồi, sẽ đắc được tự tại, được giải thoát, thoát khỏi ba cõi, tránh khỏi luân hồi, đến được bờ kia, hưởng an vui chân thật.

Vị Bồ Tát này, đối với ái khổ biết như thật, ái tập biết như thật, ái diệt biết như thật, ái diệt đạo biết như thật. Cho nên Bồ Tát tu đoạn dục khử ái, đã tu đến viên mãn, chẳng còn phần đoạn sinh tử, cũng chẳng còn thọ biến dịch sinh tử nữa.

Nơi Thanh Văn biết như thật, pháp Thanh Văn biết như thật, Thanh Văn tập biết như thật, Thanh Văn Niết Bàn biết như thật.

Thanh Văn là bậc nghe âm thanh của Phật mà ngộ đạo. Nghe âm thanh gì ? Nghe âm thanh Phật nói pháp khổ, tập, diệt, đạo, bốn đế. Pháp này phải biết chân thật. Chẳng phải biết một hiểu nửa, biết ngoài da ngoài lông, mà chẳng biết nội dung chân thật tánh. Đối với pháp của Thanh Văn tu, phải biết chân thật. Đối với tập chiêu cảm của Thanh Văn tu, phải biết chân thật. Làm thế nào để dứt phiền não ? Làm thế nào để chứng bồ đề ? Thanh Văn tu pháp gì có thể

chứng được thường, lạc, ngã, tịnh, bốn đức Niết Bàn ? Đều phải biết chân thật.

Nơi Độc Giác biết như thật, pháp Độc Giác biết như thật, Độc Giác tập biết như thật, Độc Giác Niết Bàn biết như thật.

Độc Giác là tự mình giác ngộ, vào mùa xuân xem trăm hoa nở, mùa thu xem vạn vật điêu tàn, quán sát tìm cầu cảnh giới tự sinh tự diệt đó, khoát nhiên khai thông gút mắc nhân duyên, biết rõ tánh của toàn thể đại dụng, bản thể của tất cả vạn vật, đều minh bạch thông đạt.

Độc giác tức là tên khác của Duyên Giác. Lúc không có Phật ở đời, người tu mười hai nhân duyên mà ngộ đạo, thì gọi là Độc Giác. Khi có Phật ở đời, người tu mười hai nhân duyên mà ngộ đạo, thì gọi là bậc Duyên Giác. Duyên Giác quán pháp mười hai nhân duyên, thì biết do vô minh mà sinh ra tất cả, cho nên chẳng dùng vô minh để làm việc. Con người vì có vô minh, mà làm việc điên đảo. Nếu chẳng có vô minh, thì đương nhiên chẳng làm việc điên đảo. Phải biết tất cả nghiệp ác, đều do điên đảo mà ra. Do đó, trước hết phải dứt trừ vô minh, thì phiền não tự nhiên sẽ diệt. Pháp mười hai nhân duyên tức là một bánh xe, chuyển động không ngừng, cho nên gọi là bánh xe sinh mạng.

Đối với Độc Giác làm thế nào để thành tựu quả vị, phải biết chân thật. Đối với pháp Độc Giác (mười hai nhân duyên) cũng phải biết chân thật. Đối với Độc Giác làm thế nào để dứt phiền não (trước khi ngộ), cũng phải biết chân thật. Đối với Độc Giác chứng được Hữu Dư Niết Bàn (còn

có chút tập khí, vô minh, phiền não), cũng phải biết chân thật.

Nhị thừa (Thanh Văn, Duyên Giác) tuy nhiên đã dứt sinh tử, nhưng chỉ là dứt phần đoạn sinh tử (sinh tử trong ba cõi). Song, biến dịch sinh tử vẫn chưa dứt (sinh tử ngoài ba cõi). Gì là phần đoạn sinh tử ? Phần tức là một phần. Bạn có một phần của bạn, tôi có một phần của tôi. Đoạn tức là thân đoạn, thân đoạn này của tôi là sáu thước, hoặc tám thước (thước Tàu); thân đoạn của bạn là tám thước, hoặc chín thước. Tóm lại, ai nấy đều có một phần, ai nấy đều có thân đoạn. Từ sinh đến chết, một phần này, một thân đoạn này, đều là hư vọng. Gì là biến dịch sinh tử ? Tức là niệm sinh ra, niệm niệm sinh, niệm niệm diệt, sinh diệt không ngừng. Một niệm sinh ra là một sự sinh, một niệm diệt, tức là một sự chết, đây gọi là biến dịch sinh tử.

Nơi Bồ Tát biết như thật, pháp Bồ Tát biết như thật, Bồ Tát tập biết như thật, Bồ Tát Niết Bàn biết như thật.

Bồ Tát dịch là giác hữu tình, hoặc là hữu tình giác, ý nghĩa đại đồng tiểu dị. Đối với Bồ Tát phải nhận thức chân thật, phải nhận thức chân thật pháp của Bồ Tát tu. Nếu chẳng minh bạch pháp của Bồ Tát tu, thì sẽ không chân chánh minh bạch Bồ Tát.

Pháp của Bồ Tát tu là sáu độ:

1. Bố thí: Đối trị được tham sân.
2. Trì giới: Đối trị được phóng dật.
3. Nhẫn nhục: Đối trị được sân hận.
4. Tinh tấn: Đối trị được giải đãi.

5. Thiên định: Đối trị được tán loạn.
6. Trí huệ: Đối trị được ngu si.

Ngoài ra còn tu vạn hạnh, tức cũng là hành Bồ Tát đạo, tất cả đều vì chúng sinh. Bồ Tát chẳng những hành sáu độ vạn hạnh bên ngoài, mà còn hành sáu độ vạn hạnh bên trong; chỉ biết hướng bên ngoài giáo hoá chúng sinh, mà tự tánh chúng sinh chẳng giáo hoá, cũng chẳng có độ chúng sinh. Bồ Tát phát tâm bồ đề, trước hết giáo hoá tám vạn bốn ngàn chúng sinh bên trong, Do đó:

"Tự tánh chúng sinh thế nguyện độ
Tự tánh phiền não thế nguyện đoạn
Tự tánh pháp môn thế nguyện học
Tự tánh Phật đạo thế nguyện thành".

Bồ Tát làm thế nào đoạn tập đế ? Làm thế nào chứng được Vô Dư Niết Bàn ? (chẳng còn tập khí, vô minh, phiền não). Làm thế nào dứt trừ biến dịch sinh tử ? Đây tất cả đều phải biết chân thật. Phải đầy đủ những trí huệ này, mới minh bạch được những pháp này.

Biết như thế nào ? Biết từ nghiệp báo các hành nhân duyên tạo tác. Tất cả đều hư giả, chẳng thật. Chẳng có cái ta, chẳng bền vững, chẳng có chút pháp có thể được thành lập.

Bồ Tát Công Đức Lâm tự hỏi tự trả lời. Biết như thế nào ? Biết tất cả chúng sinh, do khởi hoặc, tạo nghiệp, cho nên thọ quả báo. Có hành vi như vậy, nhân duyên như vậy,

thì tạo thành đủ thứ nghiệp báo. Do đó: "Trông nhân gì ? Kết quả đó". "Tạo nghiệp gì ? Thọ báo đó". Đây là định luật vạn cổ bất biến. Tất cả hết thảy, đều do nhân duyên sinh ra. Nếu chẳng có nhân duyên, thì chẳng có tất cả pháp. Pháp nhân duyên sinh ra, vốn là không. Do đó:

"Pháp do nhân duyên sinh ra
Ta nói tức là không
Đó gọi là giả danh
Cũng gọi nghĩa trung đạo".

Vạn sự vạn vật ở thế gian, thảy đều chẳng chân thật, cho nên bất tất phải chấp trước.

Thân thể của chúng ta, cũng là giả. Bất quá là do bốn đại (đất nước gió lửa) giả hợp mà tạo thành thân năm uẩn. Suốt ngày vì nó mà bận rộn, vì nó mà khổ sở. Đến lúc nó cũng chẳng màng tới bạn, bỏ đi chẳng có chút cảm tình gì. Thân thể là giả, nhưng tự tánh là thật. Tự tánh trụ ở trong thân thể, giống như người ở trong phòng, phòng hư hoại thì người dọn nhà đi chỗ khác. Thân thể hư hoại thì tự tánh cũng phải dọn nhà đi. Tự tánh tức là thức thứ tám. Lúc mê hoặc thì gọi là thức A lại gia, lúc tỉnh thì gọi là đại quang minh tạng, hoặc gọi là tánh Như Lai tạng, cũng có thể gọi là chân như. Tóm lại, tức là Phật tánh. Do đó "chuyển thức thành trí".

Phải thấu suốt hết thảy tất cả, đều là hư vọng không thật. Thân thể này không nhất định là ta, hết thảy sự vật, cũng không nhất định là của ta. Vì tất cả hết thảy đều chẳng bền vững, đều là vô thường. Tức nhiên là vô thường, lại hà tất phải chấp trước ? Chấp trước nó lại có ích gì ? Chẳng có chút pháp nào chân thật có thể tồn tại, để được

thành lập. Đều do nhân duyên sinh ra, do nhân duyên diệt đi. Phải nhìn xuyên thủng nó, buông xả nó, thì mới đắc được tự tại giải thoát.

Muốn khiến cho chúng sinh biết thật tánh, rộng vì tuyên nói. Nói những gì ? Nói các pháp không thể hoại. Những Pháp gì không thể hoại ? Sắc không thể hoại, thọ tướng, hành, thức, không thể hoại. Vô minh không thể hoại. Pháp Thanh Văn, pháp Độc Giác, pháp Bồ Tát, không thể hoại.

Tuy nhiên Bồ Tát biết tất cả đều là vô thường, chẳng bền vững, nhưng vẫn muốn khiến cho tất cả chúng sinh biết pháp tánh chân thật. Gì là pháp tánh chân thật ? Tức là bản thể của pháp, là vắng lặng, chẳng có một thật thể, giống như hư không. Nếu minh bạch tất cả là không, là chẳng có, như vậy thì chẳng có chấp trước. Chẳng có chấp trước, thì được giải thoát. Bồ Tát vì tất cả chúng sinh, tuyên nói đạo lý này.

Tuyên nói gì ? Tuyên nói các pháp không thể hoại. Tại sao không thể hoại ? Vì là không. Nếu có hình có tướng, thì sẽ biến hoại. Không hình không tướng, thì hoại cái gì ? Có gì để hoại ?

Pháp gì không thể hoại ? Sắc pháp năm uẩn không thể hoại. Thọ, tướng, hành, thức, bốn pháp này cũng không thể hoại. Vô minh cũng không thể hoại. Cho đến pháp Thanh Văn (bốn đế), pháp Duyên Giác (mười hai nhân

duyên), pháp Bồ Tát (sáu độ), những pháp này đều không thể hoại.

Tại sao ? Vì tất cả pháp đều không làm, chẳng có ai làm. Không lời nói, không xứ sở. Không sinh không khởi, không cho, không lấy, không động chuyển, không tác dụng.

Vì nhân duyên gì, mà nói pháp năm uẩn, pháp Thanh Văn, pháp Duyên Giác, pháp Bồ Tát, đều không thể hoại ? Vì tất cả pháp, chẳng có làm, cũng chẳng có người làm. Tức nhiên chẳng có làm và kẻ làm, lại có gì có thể phá hoại, cho nên chẳng có lời lẽ có thể nói ra. Do đó:

"Đường lời lẽ đã bậc,
Nơi tâm hành đã diệt".

Pháp này cũng chẳng phải có xứ sở nhất định. Cũng chẳng có sinh, cũng chẳng có diệt, cũng chẳng có khởi, cũng chẳng có hoại. Bản thể của pháp, không thể cho chút gì, cũng chẳng lấy đi chút gì, cũng chẳng có động chuyển, vì nó là vắng lặng. Do đó:

"Các pháp từ xưa nay
Thường tự tịch diệt tướng
Không thể dùng lời nói".
Cho nên chẳng có sự tác dụng.

Bồ Tát thành tựu vô lượng huệ tạng như vậy, dùng chút ít phương tiện, thấu rõ

tất cả pháp, thì tự nhiên thông đạt, không do kẻ khác giác ngộ.

Vị Bồ Tát này tu huệ tạng, Ngài minh bạch đủ thứ lý không, biết tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bọt bóng, như sương cũng như điện, cho nên tất cả đều không chấp trước, vì không chấp trước, nên thành tựu vô lượng trí huệ tạng.

Bồ Tát thành tựu vô lượng huệ tạng, dùng chút ít pháp phương tiện để quán sát tất cả các pháp, thì sẽ thấu hiểu tất cả pháp, chiếu rõ tất cả pháp, lý thể của pháp chân như thật tướng. Lúc đó, tự nhiên sẽ minh bạch thông đạt được lý, không cần nhờ pháp phương tiện, liền được khai ngộ.

Huệ vô tận tạng này, có mười thứ không thể tận, nên nói là vô tận. Những gì là mười ? Đó là: Đa văn thiện xảo, nên không thể tận. Gần gũi thiện tri thức, nên không thể tận. Khéo phân biệt câu nghĩa, nên không thể tận. Vào sâu pháp giới, nên không thể tận. Dùng một vị trí trang nghiêm, nên không thể tận. Tập tất cả phước đức, tâm chẳng nhàm mỏi, nên không thể tận. Vào tất cả môn đà la ni, nên không thể tận. Phân biệt được lời lẽ âm thanh của tất cả chúng sinh, nên không thể

tận. Dứt được nghi hoặc của tất cả chúng sinh, nên không thể tận. Vì tất cả chúng sinh, hiện tất cả thần lực của Phật, để giáo hoá điều phục, khiến cho họ tu hành không gián đoạn, nên không thể tận. Đó là mười.

Trí huệ tạng này là vô cùng vô tận, vĩnh viễn nói không hết được. Nói một cách tổng quát, phân ra làm mười pháp không thể tận. Những gì là mười pháp ?

1. Đa văn thiện xảo: Đa văn tức là nghe nhiều Phật pháp, tức cũng là nghe nhiều nhớ rộng. Tôn giả A Nan, Ngài là đa văn bậc nhất, phàm là pháp của Phật nói ra, Ngài đều nhớ hết ở trong biển não. Do đó: "Một khi lọt vào tai, vĩnh viễn không quên". Vì đa văn, mới phương tiện khéo léo nói ra đủ thứ diệu pháp, đây là không thể cùng tận.

2. Gần gũi thiện tri thức: Thiện tri thức đem pháp lành ban cho chúng sinh, dùng đạo lý chánh tri chánh kiến, diễn nói các pháp thật tướng. Muốn học Phật pháp, thì phải vĩnh viễn gần gũi thiện tri thức, xa lìa ác tri thức. Tại sao ? Vì tư tưởng của ác tri thức là tà tri tà kiến, nên dễ đoạ lạc vào ba đường ác.

3. Khéo phân biệt câu nghĩa: Đối với nghĩa lý của câu văn trong Kinh điển, phải phân tích rõ ràng. Không thể không cầu mong thấu hiểu, càng không thể biết một hiểu nửa, tựa đúng mà sai; chẳng những khiến người lầm lẫn, mà còn có hại cho chính mình.

4. Vào sâu pháp giới: Tự tánh vào sâu pháp giới, hợp mà làm một. Do đó: "Tận hư không, khắp pháp giới". Đây là không thể cùng tận.

5. Dùng một vị trí trang nghiêm: Một vị trí tức là trí huệ chân như thật tướng. Dùng trí này để trang nghiêm pháp thân, trang nghiêm cõi Phật, trang nghiêm tất cả cảnh giới .v.v...đây là không thể cùng tận.

6. Tập tất cả phước đức, tâm chẳng nhàm mỏi: Phạm là trợ giúp kẻ khác làm công đức, đều là phước đức, phước đức do ít tập thành nhiều. Viên mãn phước đức, liền được giải thoát. Tuy nhiên làm đủ thứ phước đức, nhưng chẳng có lúc nào nhàm mỏi, tận lực mà làm, chẳng có cùng tận.

Chúng ta người tu đạo, tất cả mọi thời, mọi nơi, dùng trí huệ quang minh để chiếu soi thân tâm của mình, đây là tập tất cả phước đức. Do đó:

"Chúng sinh vô biên thế nguyện độ,
Phiền não vô tận thế nguyện đoạn,
Pháp môn vô lượng thế nguyện học,
Phật đạo vô thượng thế nguyện thành".

Đây là bốn thế nguyện lớn của Bồ Tát phát ra. Chúng ta phải phản tỉnh một phen: Chúng ta đến độ chúng sinh, chứ chẳng phải chúng sinh đến độ chúng ta. Chúng ta đến đoạn phiền não, chứ không phải dạy phiền não đến đoạn chúng ta. Chúng ta đến học Phật pháp, chứ chẳng phải dạy Phật pháp đến học chúng ta. Chúng ta đến thành Phật đạo, chứ chẳng phải dạy Phật đạo đến thành chúng ta. Diễm này các vị phải đặc biệt chú ý !

7. Vào tất cả môn Đà la ni: Đà la ni dịch là tổng trì, "tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa", tức cũng là tổng trì

thân khẩu ý ba nghiệp thanh tịnh. Phải vào sâu tất cả pháp môn tông trì. Cần thận lời nói hành động, không nên nói lời vô nghĩa, tức là tông tất cả pháp. Làm nhiều công đức, trang nghiêm thân, tức là trì vô lượng nghĩa. Trí huệ này không thể cùng tận.

8. Phân biệt được lời nói âm thanh của tất cả chúng sinh: Bồ Tát chẳng học tất cả lời nói, mà hiểu được tất cả lời nói. Tại sao ? Vì trí huệ không thể nghĩ bàn, cho nên cùng lúc có thể phân biệt được trăm ngàn lời nói và âm thanh. Chẳng những phân biệt được rõ ràng, mà còn trả lời được các vấn nạn, trí huệ này cũng không thể cùng tận.

9. Dứt được nghi hoặc của tất cả chúng sinh: Tại sao chúng sinh chẳng tương ưng với đạo ? Vì có nghi hoặc. Đối với Phật pháp bán tín bán nghi, cho nên chẳng tương ưng với đạo. Chúng ta người tu đạo, không nên có tâm lý nửa tin nửa nghi, phải có chánh tín chánh niệm. Bằng không thì, đối với sự tu hành không thể thành tựu đạo nghiệp. Bồ Tát có trí huệ, Ngài hiểu rõ thị phi, dứt trừ nghi hoặc của chúng sinh. Trí huệ này không thể cùng tận.

10. Vì tất cả chúng sinh, hiện tất cả thần lực: Bồ Tát vì giáo hoá tất cả chúng sinh, vì điều phục tất cả chúng sinh, nên hiện ra tất cả thần thông lực, để khiến cho tất cả chúng sinh tu hành Phật pháp, chẳng gián đoạn. Trí huệ này cũng không thể cùng tận. Đây là mười pháp không thể cùng tận.

Đó là huệ tạng thứ bảy của đại Bồ Tát. Bồ Tát trụ nơi tạng này, đắc được trí huệ vô tận, khắp khai ngộ tất cả chúng sinh.

Đạo lý như vừa nói ở trên, tức là pháp môn huệ tạng thứ bảy của đại Bồ Tát tu hành. Bồ Tát tu tạng này, sẽ đắc được trí huệ Bát Nhã vô tận, khắp khiến cho tất cả chúng sinh đều được khai ngộ, chứng được Phật đạo.

THỨ TÁM : NIỆM TẠNG

Phật tử ! Thế nào là niệm tạng của đại Bồ Tát ?

Đại Bồ Tát Công Đức Lâm lại gọi một tiếng: Các vị đệ tử của Phật ! Gì gọi là niệm tạng của đại Bồ Tát phải tu hành ?

Bồ Tát này xả lìa nghi hoặc, đắc được niệm đầy đủ.

Vị Bồ Tát này tu niệm tạng, Ngài đã xả lìa được nghi hoặc. Đắc được nghĩ nhớ đầy đủ. Tức cũng là thuở xưa trong nhiều đời nhiều kiếp, hết thấy tất cả sự việc, đều nghĩ nhớ rõ ràng, mà chẳng quên mất.

Nghĩ nhớ quá khứ một đời hai đời, cho đến mười đời, trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn đời, vô lượng trăm ngàn đời.

Ở trong niệm tạng nói có mười thứ vô tận:

1. Đời.
2. Kiếp.
3. Phật danh.
4. Thọ ký.

5. Diễn giáo.
6. Chúng hội.
7. Nói nghĩa.
8. Căn tánh.
9. Sở trị.
10. Năng trị.

Dưới đây sẽ phân biệt nói rõ.

Vị Bồ Tát này, có thể nhớ lại được trong quá khứ một đời, những gì đã làm, thực hành, chẳng những nghĩ nhớ lại một đời, nghĩa là đời thứ hai, thọ thân là nam, hay nữ ? Tên họ là gì ? Sinh ra ở đâu ? Cũng đều nhớ biết rõ. Cho đến trong mười đời, trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn đời, khởi những hoặc gì ? Tạo những nghiệp gì ? Thọ quả báo gì ? Thấy đều ghi nhớ rõ ràng. Thậm chí ở trong vô lượng đời, gieo trồng nhân duyên gì ? Kết quả gì ? Hết thấy tất cả hạnh nghiệp, đều nhớ rõ không quên. Đây là nói đời vô lượng.

Kiếp thành, kiếp hoại, kiếp thành hoại, chẳng phải một kiếp thành, chẳng phải một kiếp hoại, trăm kiếp, ngàn kiếp, trăm ngàn ức Na do tha, cho đến vô lượng, vô số, vô biên, vô đẳng, bất khả số, bất khả xưng, bất khả tư, bất khả lường, bất khả thuyết, bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp.

Kiếp dịch là phân biệt thời tiết. Do đó:

"Ngày tháng năm gọi là thời

Thành trụ hoại không gọi là kiếp".

Nói tóm lại, không thể tính đếm thời gian gọi là kiếp. Có phương pháp tính đếm kiếp là: Dùng tuổi thọ con người đến tám vạn bốn ngàn tuổi làm tiêu chuẩn, cứ mỗi trăm năm giảm xuống một tuổi, thân cao cũng giảm xuống một tấc, giảm xuống còn mười tuổi là ngừng. Sau đó cứ mỗi trăm năm lại tăng lên một tuổi, thân cao thêm một tấc, tăng đến tám vạn bốn ngàn tuổi là ngừng. Một lần tăng một lần giảm là một kiếp. Một ngàn kiếp là một tiểu kiếp. Hai mươi tiểu kiếp là một trung kiếp. Bốn trung kiếp là một đại kiếp. Tuổi thọ của trái đất là có thành, trụ, hoại, không, bốn trung kiếp. Nói tóm lại, tuổi thọ của trái đất là thời gian một đại kiếp.

Kiếp thành, kiếp hoại, kiếp thành hoại. Ở trong chẳng phải một kiếp thành, chẳng phải một kiếp hoại, chẳng phải một kiếp thành hoại, đủ thứ sự việc, Bồ Tát đều có thể nghĩ nhớ lại. Dù ở trong trăm kiếp, ngàn kiếp, trăm ngàn ức Na do tha kiếp, đủ thứ sự việc, Bồ Tát cũng có thể nghĩ nhớ lại được. Cho đến vô lượng, vô số, vô biên, vô đẳng, bất khả số, bất khả xung, bất khả thuyết .v.v... hết thấy sự việc, Bồ Tát đều nghĩ nhớ lại được. Đây là nói kiếp vô tận.

Nhớ một danh hiệu Phật, cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết danh hiệu Phật.

Bồ Tát nghĩ nhớ lại một danh hiệu Phật, cho đến nhiều bất khả thuyết bất khả thuyết danh hiệu Phật, đều ghi nhớ rõ ràng, không thể quên danh hiệu của một vị Phật nào. Đây là danh hiệu Phật vô tận.

Nhớ một vị Phật ra đời nói thọ ký, cho đến nhiều bất khả thuyết bất khả thuyết vị Phật ra đời nói thọ ký.

Nghĩ nhớ một vị Phật xuất hiện ra đời, vì tất cả Bồ Tát nói pháp thọ ký. Cử hành lễ quán đánh (Bồ Tát thọ lễ quán đánh, trở thành Pháp Vương tử), cho đến nhiều bất khả thuyết bất khả thuyết vị Phật xuất hiện ra đời, vì tất cả Bồ Tát nói pháp, thọ ký, quán đánh, đều nhớ rõ không quên. Đây là thọ ký vô tận.

Nhớ một vị Phật ra đời nói Tu đa la, cho đến nhiều bất khả thuyết bất khả thuyết vị Phật ra đời nói Tu đa la.

Nghĩ nhớ một vị Phật xuất hiện ra đời, để nói Tu đa la (dịch là Kinh). Cho đến nhiều bất khả thuyết bất khả thuyết vị Phật xuất hiện ra đời để nói Kinh điển, đều ghi nhớ rõ ràng. Đây là điển giáo vô tận.

Như Tu đa la, Kỳ dạ, thọ ký, Già đà, Ni đà na, Ưu đà na, bốn sự, bốn sinh, phương quảng, vị tăng hữu, ví dụ, luận nghị, cũng đều như vậy.

Nghĩ nhớ bất khả thuyết bất khả thuyết chư Phật nói Kinh điển, đều ghi nhớ, tức là nói mười hai bộ Kinh điển, cũng đều nhớ hết không quên. Nay giải thích sơ lược về mười hai bộ Kinh như sau:

1. Tu đa la: Dịch là khế Kinh. Trên khế với lý của chư Phật, dưới hợp với căn cơ của chúng sinh. Còn dịch là trường hàng. Từ "Nhu thị ngã văn" bắt đầu, cho đến cuối cùng "Tín thọ phụng hành" là ngừng, đây gọi là Trường Hàng. Có lời lại nói có bốn ý nghĩa:

- A. Pháp bản: Tức là căn bản của pháp.
- B. Kinh: Tức là trường hàng.
- C. Trục thuyết: Nói rất thẳng.
- D. Thánh giáo: Pháp của Phật nói là Thánh giáo.

Đại Sư Viễn Công phân "Pháp bản" ra làm năm ý nghĩa:

- a. Giáo là lý bản: Giáo là nói căn bản của lý.
- b. Kinh là luận bản: Kinh là căn bản của luận nghị.
- c. Tổng là biệt bản: Tổng tướng là căn bản của biệt tướng. (Tu đa la là tổng tướng, mười một loại kia là biệt tướng).
- d. Sơ là hậu bản: Một khi đầu tiên bắt đầu là căn bản của cuối cùng.
- e. Lược là rộng bản: Lược nói là căn bản của rộng nói.

Tu đa la còn có bốn ý nghĩa:

A. Quán: Xâu lại những nghĩa lý đã nói. Tức là xâu nghĩa lý đã nói ra lại với nhau. Giống như hạt chuỗi, là dùng sợi chỉ, xâu 108 hạt chuỗi lại với nhau, cho nên người Ấn Độ gọi Kinh là chỉ khâu.

B. Nhiếp: Nhiếp thọ những chúng sinh giáo hoá. Dùng pháp của Kinh nhiếp vào trong cửa Phật pháp.

C. Thường: Xưa nay không thay đổi.

D. Pháp: Ba đời đều đồng nhau. Đây là một phương pháp giải thích.

Tu đa la còn có bốn ý nghĩa:

A. Nghĩa là thùng đen: Giống như gỗ theo lảng mục đen mà ngay thẳng, vọng tâm hay theo Kinh Phật mà lìa tà.

B. Nghĩa là suối vọt: Suối nước từ dưới đất vọt lên, trôi chảy không ngừng, lấy không hết được; dùng để giải khát. Nói chung, chẳng có lúc nào cùng tận.

C. Nghĩa là sinh ra: Triển chuyển chất sinh, càng sinh càng nhiều.

D. Nghĩa là hiển bày: Hiển bày đạo lý lý sự. Đây là một lối nói khác. Ở trên là lược giải "Tu đa la".

2. Kỳ dạ: Dịch là ứng tụng, còn là kệ tụng. Đáng tụng nghĩa lý trong trường hàng ở trên, dùng kệ để tụng lại. Hoặc dùng bốn chữ, hoặc năm chữ, hoặc bảy chữ làm một câu, một bài bốn câu, khiến cho người tụng dễ nhớ.

3. Hoà già la na: Dịch là thọ ký. Chư Phật thọ ký riêng biệt thành Phật cho Bồ Tát. Giống như Bồ Tát Di Lặc, bốn danh là A Dật Đa, Phật thọ ký là Phật Di Lặc, tương lai sẽ đến thế giới Ta Bà thành Phật.

4. Già đà: Dịch là phúng tụng, là có thể dùng kệ tụng xướng. Còn là cô khởi tụng, chẳng có quan hệ gì với Kinh văn ở trên, và cũng chẳng có quan hệ gì với Kinh văn ở sau. Ở trong Kinh văn, đột nhiên nói ra bài kệ bốn câu, như Kinh Pháp Cú.

5. Ni đà na: Dịch là nhân duyên. Hoặc nói nhân duyên của Phật, hoặc nói nhân duyên của đệ tử. Phạm là nói Kinh điển, đều có nhân duyên. Bắt đầu tất cả Kinh điển là phần tựa, đây là nhân duyên Kinh.

6. Ưu đà na: Dịch là tự thuyết. Kinh điển của Phật nói, trước hết do đệ tử thỉnh pháp, sau đó mới nói pháp. Chỉ có Kinh A Di Đà, là Kinh không hỏi mà tự nói. Tại sao ? Vì pháp này chẳng có ai hiểu biết được. Song, Phật từ bi, không thể không nói, cho nên không hỏi mà tự nói Kinh A Di Đà, xiển dương pháp môn tịnh độ.

7. Đế mục đa già: Dịch là bốn sự. Phật tuyên nói sự việc đời trước của đệ tử, giống như Phẩm Bồ Tát Dược Vương Bốn Sự trong Kinh Pháp Hoa.

8. Đồ đà già: Dịch là bốn sanh. Phật tự nói sự việc thọ thân của mình trong quá khứ. Trong quá khứ đã từng làm nai chúa, làm Chuyển Luân Thánh Vương .v.v. Khi hành Bồ Tát đạo, đã từng xả bỏ vô số thân khả ái. Những nhân duyên thưở xưa này, đều ghi lại ở trong Bốn Sinh.

9. Tỳ Phật lược: Dịch là phương quảng. Nói Kinh văn chân lý phương chánh quảng đại. Trong Kinh Niết Bàn có nói: "Đại thừa phương đẳng Kinh điển, nghĩa lý rộng lớn".

10. A phù đạt ma: Dịch là vị tăng hữu. Hoặc nói pháp quá khứ chư Phật chưa từng nói, hoặc nói pháp hiếm có. Giống như khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hàng sanh, thì liền đi bảy bước, hoa sen đỡ chân, tay trái chỉ trời, tay phải chỉ đất thốt ra:

"Thiên thượng Thiên hạ,
Duy ngã độc tôn".

Nghĩa là:

"Trên trời dưới nhân gian,
Mình ta tôn quý hơn hết".

Đây tức là pháp hiếm có.

11. A ba đà na: Dịch là ví dụ. Dùng phương pháp ví dụ, để nói rõ nghĩa lý Kinh văn. Ví dụ tuy nhiên chẳng phải là chân lý, nhưng nói rõ được chân lý.

12. Ưu ba đề xá: Dịch là luận nghị. Nói đơn giản đó là thảo luận vấn đề. Có khi Đức Phật hỏi, đệ tử đáp. Có khi đệ tử hỏi, Đức Phật đáp. Hoặc Bồ Tát luận nghị với nhau. Trong bốn Kinh Phẩm Vấn Minh, tức là luận nghị.

Đây là giải thích sơ lược về mười hai bộ, còn gọi là mười hai phần giáo.

Nhớ một chúng hội, cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết chúng hội.

Bồ Tát nghĩ nhớ lại pháp nghe ở trong một đại chúng hải hội, chẳng quên mất. Cho đến Kinh văn của chư Phật nói ở trong nhiều bất khả thuyết bất khả thuyết đại chúng hải hội, từng câu từng câu đều nhớ rõ không quên. Đây là chúng hội vô tận.

Nhớ diễn nói một pháp, cho đến diễn nói bất khả thuyết bất khả thuyết pháp.

Nghĩ nhớ lại vì chúng sinh diễn nói nghĩa lý một pháp, cho đến diễn nói bất khả thuyết bất khả thuyết nghĩa lý, đều ghi nhớ không quên. Pháp môn niệm tạng, tức là nghe rộng nhớ nhiều. Đây là nói nghĩa vô tận.

Nhớ một căn đủ thứ tánh, cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết căn đủ thứ tánh.

Nghĩ nhớ lại căn tánh của một loại chúng sinh, ở trong một loại chúng sinh, có đủ thứ căn tánh. Cho đến đủ thứ căn tánh của nhiều loại chúng sinh bất khả thuyết bất khả thuyết, đều phân biệt được rõ ràng, nhớ được rõ ràng, mà chẳng hỗn loạn. Đây là căn tánh vô tận.

Nhớ một căn vô lượng đủ thứ tánh, cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết căn vô lượng đủ thứ tánh.

Nghĩ nhớ lại một loại chúng sinh, có vô lượng vô biên đủ thứ căn tánh. Cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết nhiều loại chúng sinh, có vô lượng vô biên đủ thứ căn tánh, đều ghi nhớ không quên.

Nhớ một phiền não đủ thứ tánh, cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết phiền não đủ thứ tánh.

Nghĩ nhớ lại một thứ phiền não, có đủ thứ nhân tố, sinh ra tánh phiền não. Cho đến nhiều bất khả thuyết bất khả thuyết phiền não, đủ thứ tánh phiền não, đều ghi nhớ không quên. Đây là sở trị vô tận.

Nhớ một tam muội đủ thứ tánh, cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết tam muội đủ thứ tánh.

Nghĩ nhớ lại một thứ tam muội, ở trong có đủ thứ tánh định. Cho đến có nhiều bất khả thuyết bất khả thuyết

tam muội, đủ thứ tánh định, cũng đều nhớ rõ. Đây là năng trị vô tận. Ở trước là sở trị phiền não, đây là năng trị phiền não. Dùng nước tam muội trí bi, để trị vô lượng phiền não trần sa.

Niệm tạng này có mười thứ. Đó là: Niệm vắng lặng, niệm thanh tịnh, niệm chẳng trước, niệm minh triệt, niệm lìa trần, niệm lìa đủ thứ trần, niệm lìa cấu, niệm quang diệu, niệm khả ái lạc, niệm không chướng ngại.

Bồ Tát ở trong niệm tạng này có mười thứ niệm:

1. Niệm vắng lặng: Tức là yên lặng chẳng động, cảm mà toại thông, tức cũng là vì tinh lự tương ưng.

2. Niệm thanh tịnh: Một chút nhiễm ô cũng chẳng có, tức cũng là vì vô lậu đều chuyên.

3. Niệm chẳng trước: Chẳng hỗn loạn, chẳng ô trước, tức cũng là vì tịnh tín.

4. Niệm minh triệt: Quang minh thấu suốt, giống như pha lê, tức cũng là vì biết rõ.

5. Niệm lìa trần: Lìa khỏi đủ thứ trần lao vọng niệm, tức cũng là vì chẳng thủ lấy.

6. Niệm lìa đủ thứ trần: Lìa khỏi hết thấy tất cả trần lao vọng niệm, tức cũng là vì lìa phân biệt.

7. Niệm lìa cấu: Lìa khỏi tất cả niệm bụi trần nhiễm ô, tức cũng là vì lìa sự biết.

8. Niệm quang diệu: Phóng trí huệ quang, chiếu sáng tất cả, tức cũng là vì ban cho huệ.

9. Niệm khả ái lạc: Niệm này rất đáng ưa thích, rất đáng vui, tức cũng là vì đủ các đức trên.

10. Niệm không chướng ngại: Niệm vô sở tri chướng, tức cũng là vì lìa các ác trên.

Bồ Tát trụ ở niệm này, thì tất cả thế gian không thể nhiễu loạn. Tất cả dị luận không thể biến động. Căn lành đời trước đều được thanh tịnh. Nơi các pháp thế gian không thể nhiễm trước. Các ma ngoại đạo không thể phá hoại được. Chuyển thân thọ sanh không quên mất. Quá khứ hiện tại vị lai nói pháp vô tận. Ở trong tất cả thế giới, đồng ở với chúng sinh, chưa từng lỗi lầm. Vào trong chúng hội đạo tràng của tất cả chư Phật, chẳng có chướng ngại. Chỗ tất cả chư Phật đều được gần gũi.

Vị Bồ Tát này tu pháp mười niệm, khi tu niệm này thì hết thấy tất cả pháp thế gian, chẳng có một pháp nào có thể nhiễu loạn tâm của Ngài được. Tất cả dị luận của hết thấy thiên ma ngoại đạo, không thể biến động tư tưởng của Ngài được. Dù thứ căn lành của Ngài đã trồng trong quá khứ, đều đắc được thanh tịnh. Đối với tất cả pháp thế gian không có sự ô nhiễm và chấp trước. Tất cả chúng ma và ngoại đạo, không cách chi phá hoại được Bồ Tát. Đời này thọ mạng hết, đến nơi khác thọ sinh, thì tất cả sự việc trong

đời trước đều hoàn toàn nhớ hết, một chút cũng không quên. Trong đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai, diễn nói diệu pháp chẳng cùng tận. Ở trong mười phương tất cả thế giới, thị hiện thân chúng sinh, và đồng ở với chúng sinh, cùng nhau sinh hoạt. Tuy nhiên cùng ở, nhưng Bồ Tát đã lìa khỏi tham sân si, chẳng có mọi sự chấp trước, cho nên chẳng có lỗi lầm. Giống như hoa sen mọc từ trong bùn, mà chẳng nhiễm bùn. Bồ Tát hay vào pháp hội đạo tràng của tất cả chư Phật, để làm ảnh hưởng chúng, giúp Phật hoằng pháp, mà chẳng có chướng ngại. Tóm lại, muốn đi đến đạo tràng nào, thì đến đạo tràng đó, tuyệt đối chẳng bị hạn chế. Ngài đến chỗ chư Phật trong mười phương, để gần gũi chư Phật, cúng dường chư Phật, thừa sự chư Phật.

Đó gọi là niệm tụng thứ tám của đại Bồ Tát.

Pháp môn vừa nói ở trên, tức là pháp môn niệm tụng thứ tám của đại Bồ Tát tu hành.

THỨ CHÍN : TRÌ TỤNG

Phật tử ! Thế nào là trì tụng của đại Bồ Tát ?

Đại Bồ Tát Công Đức Lâm lại gọi một tiếng: Các vị đệ tử của Phật ! Gì gọi là trì tụng của đại Bồ Tát tu hành ?

Bồ Tát này thọ trì Tu đà la của chư Phật nói. Văn câu nghĩa lý, chẳng có quên

mất. Một đời thọ trì, cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết đời thọ trì.

Vị Bồ Tát này tu trì tạng, Ngài hay thọ trì Tam Tạng mười hai bộ Kinh điển, của mười phương ba đời tất cả chư Phật nói. Văn tự ở trong Kinh điển từ lúc bắt đầu cho đến lúc kết thúc, Ngài đều có thể đọc tụng, lại hay biên chép. Nghĩa lý của mỗi câu Kinh văn, chẳng những thấu rõ triệt để, mà còn chẳng quên mất. Lọt vào mắt thấy rồi, thì vĩnh kiếp không quên. Bồ Tát một đời thọ trì pháp tạng này, tiếp tục cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết nhiều đời tương lai, cũng vẫn thọ pháp tạng này, mà vĩnh viễn không quên mất.

Thọ trì một danh hiệu Phật, cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết danh hiệu Phật.

Vị Bồ Tát này, thọ trì danh hiệu của một vị Phật, chẳng có quên mất. Cho đến thọ trì nhiều bất khả thuyết bất khả thuyết danh hiệu Phật, cũng chẳng quên mất.

Thọ trì một kiếp số, cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp số.

Vị Bồ Tát này, thọ trì một kiếp số, chẳng có quên mất. Cho đến thọ trì nhiều bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp số, cũng chẳng quên mất.

Thọ trì một Phật thọ ký, cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết Phật thọ ký.

Vị Bồ Tát này, thọ trì một vị Phật thọ ký biệt hiệu cho những Bồ Tát khác, chẳng có quên mất. Cho đến thọ trì nhiều bất khả thuyết bất khả thuyết vị Phật thọ ký biệt hiệu cho những Bồ Tát khác, cũng chẳng quên mất.

Thọ trì một Tu đa la, cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết Tu đa la.

Vị Bồ Tát này, thọ trì một bộ Kinh điển. Cho đến thọ trì nhiều bất khả thuyết bất khả thuyết bộ Kinh điển, cũng chẳng quên mất.

Thọ trì một chúng hội, cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết chúng hội.

Vị Bồ Tát này, thọ trì một chúng hội đạo tràng. Cho đến thọ trì nhiều bất khả thuyết bất khả thuyết chúng hội đạo tràng, cũng chẳng quên mất.

Thọ trì diễn nói một pháp, cho đến diễn nói bất khả thuyết bất khả thuyết pháp.

Vị Bồ Tát này, thọ trì diễn nói một pháp. Cho đến thọ trì diễn nói nhiều bất khả thuyết bất khả thuyết pháp, cũng chẳng quên mất.

Thọ trì một căn vô lượng đủ thứ tánh, cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết căn vô lượng đủ thứ tánh.

Vị Bồ Tát này, thọ trì một loại chúng sinh vô lượng đủ thứ căn tánh. Cho đến thọ trì nhiều bất khả thuyết bất khả thuyết loại chúng sinh vô lượng đủ thứ căn tánh, cũng chẳng quên mất.

Thọ trì một phiền não đủ thứ tánh, cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết phiền não đủ thứ tánh.

Vị Bồ Tát này, thọ trì đối trị một thứ phiền não đủ thứ tánh. Cho đến thọ trì đối trị nhiều bất khả thuyết bất khả thuyết phiền não đủ thứ tánh, cũng chẳng quên mất.

Thọ trì một tam muội đủ thứ tánh, cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết tam muội đủ thứ tánh.

Vị Bồ Tát này, thọ trì một thứ tam muội đủ thứ tánh, đối trị đủ thứ phiền não. Cho đến thọ trì nhiều bất khả thuyết bất khả thuyết định lực, để đối trị bất khả thuyết bất khả thuyết phiền não đủ thứ tánh, cũng chẳng quên mất.

Phật tử ! Trì tạng này vô biên, khó viên mãn được, khó đến được tột đáy, khó được gần gũi. Không thể chế phục. Vô

lượng, vô tận, đủ oai lực lớn. Là cảnh giới của Phật, chỉ có Phật mới thấu rõ được.

Các vị đệ tử của Phật ! Pháp môn trì tụng này, chẳng có bờ mé. Không dễ gì tu pháp môn trì tụng này được viên mãn. Vì không thể tu hành viên mãn, cho nên không thể đạt đến chỗ rốt ráo của trì tụng được, cũng không thể hiểu biết triệt để được. Pháp này không dễ gì tu, phải thời khắc niệm niệm không quên, thọ trì không quên. Càng không dễ gì tu pháp này, thì pháp này càng khó viên mãn. Không viên mãn, cho đến không biết được tột đáy của nó, cũng chẳng dễ gì gần gũi. Tu hành pháp này, thì thiên ma ngoại đạo không thể phá hoại được, không cách chi chế phục được. Pháp môn trì tụng này, chẳng có số lượng, chẳng có cùng tận, lại đầy đủ oai lực rộng lớn. Đây là cảnh giới của Phật, chỉ có Phật mới thấu hiểu được, dù Bồ Tát cũng không thể hiểu biết cảnh giới này.

Đó gọi là trì tụng thứ chín của đại Bồ Tát.

Pháp môn vừa nói ở trên là pháp môn trì tụng thứ chín của đại Bồ Tát tu hành.

THỨ MƯỜI: BIỆN TỤNG

Phật tử ! Thế nào là biện tụng của đại Bồ Tát ?

Đại Bồ Tát Công Đức Lâm lại gọi một tiếng: Các vị đệ tử của Phật ! Gì gọi là biện tạng của đại Bồ Tát tu hành ?

Bồ Tát này có trí huệ thâm sâu, biết rõ thật tướng. Rộng vì chúng sinh diễn nói các pháp, chẳng trái với kinh điển của tất cả chư Phật.

Vị Bồ Tát này tu biện tạng, Ngài có trí huệ Bát Nhã thâm sâu, biết rõ được lý thể của các pháp thật tướng. Dùng đủ thứ nhân duyên, đủ thứ ví dụ, đủ thứ giải thuyết, rộng vì tất cả chúng sinh diễn nói đạo lý của các pháp thật tướng. Nhưng cũng chẳng trái với Kinh điển của chư Phật nói. Nghĩa lý nói ra hoàn toàn hợp với tâm Phật, chẳng có chỗ nào tơ hào trái ngược.

Nói pháp một phẩm, cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết phẩm pháp. Nói một danh hiệu Phật, cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết danh hiệu Phật. Như vậy nói một thế giới, nói một Phật thọ ký. Nói Một Tu đa la, nói một chúng hội, nói diễn một pháp, nói một căn vô lượng đủ thứ tánh, nói một phiền não vô lượng đủ thứ tánh, nói một tam muội vô lượng đủ thứ tánh,

cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết tam muội vô lượng đủ thứ tánh.

Vị Bồ Tát này nói pháp một phẩm, cho đến nói bất khả thuyết bất khả thuyết nhiều phẩm pháp. Nói danh hiệu của một vị Phật, cho đến nói bất khả thuyết bất khả thuyết nhiều danh hiệu Phật, giống như nói pháp, nói một thế giới, nói một vị thọ ký, nói một bộ Kinh, nói một chúng hội, nói diễn pháp một thánh giáo, nói một loại chúng sinh vô lượng đủ thứ tánh, nói một thứ phiền não có vô lượng đủ thứ tánh. Nói một thứ định có vô lượng đủ thứ tánh, cho đến nói bất khả thuyết bất khả thuyết định vô lượng đủ thứ tánh. Đây là đạo lý dùng một diễn nói nhiều, dùng nhiều quy về một. Do đó: "Một làm vô lượng, vô lượng làm một". Bồ Tát có trí huệ biện tài như vậy, cho nên đến để vì chúng sinh nói pháp, giáo hoá chúng sinh, khiến cho họ sớm thành Phật đạo.

Hoặc một ngày diễn nói, hoặc nửa tháng một tháng diễn nói, hoặc trăm năm ngàn năm trăm ngàn năm diễn nói. Hoặc một kiếp trăm kiếp ngàn kiếp trăm ngàn kiếp diễn nói. Hoặc trăm ngàn ức Na do tha kiếp diễn nói. Hoặc vô số vô lượng cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp diễn nói. Kiếp số có thể hết, nhưng nghĩa lý của một câu văn diễn nói khó hết được.

Vị Bồ Tát này, hoặc một ngày diễn nói biện luận pháp này. Hoặc nửa tháng một tháng diễn nói biện luận pháp này. Hoặc trăm năm, ngàn năm, trăm ngàn năm, để nói biện luận pháp này, đều không thể hết được. Do đó: "Biện tài vô ngại". Hoặc trải qua một kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, trăm ngàn kiếp, hoặc trải qua trăm ngàn ức Na do tha kiếp. Hoặc trải qua vô lượng vô biên vô số kiếp, cho đến trải qua bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp, để nói biện luận pháp này, cũng không thể nói hết được. Dù số kiếp có thể hết, nhưng nghĩa lý của một câu một văn trong biện tạng, nói không thể hết được.

Tại sao ? Vì Bồ Tát này thành tựu mười thứ tạng vô tận. Thành tựu tạng này, thì nhiếp được tất cả pháp môn đà la ni hiện ở trước. Trăm vạn A tăng kỳ môn đà la ni dùng làm quyến thuộc. Đắc được đà la ni này rồi, thì dùng pháp quang minh, để rộng vì chúng sinh diễn nói pháp.

Ở trước có nói ở trong bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp, thời gian nhiều kiếp như thế, cũng không thể phát huy hết nghĩa lý của một câu một văn được, đây là nguyên nhân gì ? Vì vị Bồ Tát này tu biện tạng, Ngài thành tựu mười thứ tạng vô tận. Thành tựu biện luận tạng, có thể nhiếp thọ tất cả pháp môn tổng trì, hiện ở trước. Có trăm vạn A tăng kỳ môn tổng trì làm quyến thuộc, đắc được trăm vạn A tăng kỳ môn tổng trì rồi, thì dùng trí huệ biện tài pháp quang minh, để vì chúng sinh diễn nói tất cả các pháp. Bồ Tát bi

tâm thiết thiết, chẳng nhằm chán, đem pháp phân môn biệt loại, giải nói tỉ mỉ, khiến cho chúng sinh nghe rồi, liền đắc được lợi ích.

Khi Bồ Tát nói pháp thì dùng lối rộng dài, vang ra âm thanh vi diệu, sung mãn mười phương, tất cả thế giới. Tùy theo căn tánh của chúng sinh, đều khiến cho họ được đầy đủ, tâm được hoan hỉ. Diệt trừ tất cả phiền não trần cấu ràng buộc. Khéo vào tất cả âm thanh ngôn ngữ văn tự biện tài, khiến cho tất cả chúng sinh, không dứt giống Phật, tâm thanh tịnh liên tục. Cũng dùng pháp quang minh, để diễn nói pháp, chẳng có cùng tận, chẳng sinh tâm mỗi một.

Vị Bồ Tát này, khi diễn nói vô lượng pháp, thì dùng lối rộng dài, phát ra âm thanh vi diệu, khiến cho tất cả chúng sinh nghe được, đều sinh tâm hoan hỉ. Pháp âm vi diệu này, sung mãn đến hết bảy mươi phương thế giới, tùy theo căn tánh của chúng sinh, mà đắc được lợi ích khác nhau. Trong Kinh Pháp Hoa có nói: "Nước một vị, cỏ cây rừng rậm, tùy theo lớn nhỏ mà thấm nhuần". Khiến cho tất cả chúng sinh đều được đầy đủ, sinh tâm hoan hỉ. Diệt trừ quét sạch tất cả phiền não trần cấu ràng buộc. Bồ Tát khéo vào tất cả âm thanh, ngôn ngữ, văn tự, biện tài. Đây tức là

diệt trừ phiền não cấu tham sân si, sinh ra quang minh giới định huệ. Khiến cho tất cả chúng sinh tu giới định huệ, khi được viên mãn thì giống Phật chẳng dứt, bồ đề chẳng mai một, tâm thanh tịnh liên tục không gián đoạn. Dùng trí huệ biện tài pháp quang minh, để vì tất cả chúng sinh diễn nói tất cả các pháp, chẳng có lúc nào cùng tận, chẳng sinh tâm mỗi một.

Tại sao ? Vì Bồ Tát này thành tựu vô biên thân, tận hư không khắp pháp giới.

Tại sao Bồ Tát nói pháp nghĩa lý vô cùng vô tận ? Vì bất cứ nói thời gian lâu dài bao nhiêu, cũng cảm thấy chẳng mỗi một. Tại sao ? Vì vị Bồ Tát này, Ngài thành tựu pháp thân không bờ mé (vô biên thân), lớn mà không ngoài, nhỏ mà không trong, đến đi vô ngại, động tĩnh nhất nguyên. Do đó: "Tận hư không, khắp pháp giới".

Đó là biện tạng thứ mười của đại Bồ Tát.

Pháp môn vừa nói ở trên, là pháp môn biện tạng thứ mười của đại Bồ Tát tu hành.

Tạng này vô cùng tận, không phân đoạn, không gián đoạn, không đối khác, không chướng ngại, không thoái chuyển, thâm sâu không đáy, khó có thể vào được, vào khắp tất cả môn Phật pháp.

Biện tạng này, là vô cùng vô tận, không có phần, không có đoạn, chẳng có gián đoạn, chẳng có biến hoá, chẳng có chướng ngại, chẳng có thối chuyển, chẳng có đày. Tu pháp biện tạng, đáy của nó rất thâm sâu, không dễ gì chân chánh minh bạch. Tu hành pháp này, tuy nhiên không dễ gì thâm nhập, nhưng có thể vào khắp trong tất cả môn Phật pháp. Trong tất cả môn Phật pháp, đều có pháp biện tạng này.

Phật tử ! Mười thứ tạng vô tận này, có mười thứ pháp vô tận. Khiến cho các Bồ Tát rốt ráo thành tựu vô thượng bồ đề.

Các vị đệ tử của Phật ! Tu mười thứ pháp môn vô tận tạng này, lại đắc được mười thứ pháp vô tận. Khiến cho hết thảy Bồ Tát, muốn tu pháp này, rốt ráo đều thành tựu Phật quả vô thượng bồ đề.

Những gì là mười ? Vì lợi ích tất cả chúng sinh. Vì dùng bốn nguyện khéo hồi hướng. Vì tất cả kiếp không đoạn tuyệt. Vì tận hư không giới đều khai ngộ tâm vô hạn. Vì hồi hướng hữu vi mà chẳng chấp trước. Vì một niệm cảnh giới tất cả pháp vô tận. Vì đại nguyện tâm không đổi khác. Vì khéo nhiếp lấy các đà la ni. Vì được chư Phật hộ niệm. Vì thấu rõ tất cả pháp đều như huyễn.

Gì là mười pháp vô tận ? Sẽ giải thích sau đây:

1. Lợi ích tất cả chúng sinh: Nghĩa là phải lợi ích hết thầy chúng sinh. Do đó: "Phàm là việc ích lợi, thầy đều đi làm". Phàm là việc có lợi ích cho chúng sinh, làm không được cũng phải cố gắng làm, không sợ khó khăn. Đó mới là pháp tu khó làm mà làm được.

2. Dùng bốn nguyện khéo hồi hướng: Người hành Bồ Tát đạo, cần phải phát đại nguyện Bồ Tát, do đó:

"Chúng sinh vô biên thế nguyện độ,
Phiền não vô tận thế nguyện đoạn,
Pháp môn vô lượng thế nguyện học,
Phật đạo vô thượng thế nguyện thành".

Đây là nguyện lực căn bản, sau đó lại phát mười đại nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền:

Một là lễ kính các Đức Phật.

Hai là khen ngợi Như Lai.

Ba là rộng tu cúng dường.

Bốn là sám hối nghiệp chướng.

Năm là tùy hỷ công đức.

Sáu là thỉnh chuyên pháp luân.

Bảy là thỉnh Phật ở lại đời.

Tám là thường học theo Phật.

Chín là luôn thuận chúng sinh.

Mười là thầy đều hồi hướng.

Nguyện căn bản phát ra, hồi hướng cho pháp giới tất cả chúng sinh. Chẳng vì tự cầu, mà vì chúng sinh hành Bồ Tát đạo. Đây là hồi tự hướng tha.

3. Tất cả kiếp không đoạn tuyệt: Ở trong vô lượng vô biên kiếp, tu hành chẳng bao giờ ngừng, cũng không ngừng phát tâm bồ đề hành Bồ Tát đạo, càng lợi ích chúng sinh không bao giờ ngừng.v.v... tất cả mọi thời, tất cả mọi nơi, tất cả kiếp, hồi hướng công đức cho chúng sinh không bao giờ ngừng. Bồ Tát vì chúng sinh lìa khổ được vui, mà không mỏi mệt. Vì khiến cho chúng sinh thoát khỏi ba cõi, hiện thân nói pháp, bỏ qua cơ hội thành Phật. Do đó: "Đào giá từ thuyền", trở lại thế giới Ta Bà, phổ độ chúng sinh. Tinh thần này vĩnh viễn không đoạn tuyệt.

4. Tận hư không giới đều khai ngộ tâm vô hạn: Minh bạch tự tánh, tức là tận hư không giới. Ngộ được bản thể của pháp giới, nghĩa là minh tâm kiến tánh, trở về nguồn cội, chúng được thân pháp giới, tức cũng là vô biên thân. Đây là Bồ Tát chúng được bản thể lý không. Chúng được bản thể của hư không. Mọi sự chấp trước, phiền não, chướng ngại, thảy đều không còn nữa. Tại sao ? Vì như hư không, chúng được trí huệ hư không. Tuy nhiên tại thế gian, hành mà không hành, làm mà không làm, tu mà không tu, chúng mà không chúng. Đến được cảnh giới này, thì tâm và hư không hợp mà làm một, chẳng có sự giới hạn, chẳng có sự chấp trước.

5. Hồi hướng hữu vi mà chẳng chấp trước: Tuy nhiên là như vậy, nhưng vẫn phải hồi hướng hữu vi, mà chẳng chấp trước hữu vi. Không thể nói: "Tôi chúng được lý không, gì cũng chẳng làm ! Tức nhiên hành mà không hành, làm mà không làm, tu mà không tu, chúng mà không chúng, thì dạy nó là không". Chẳng phải lười nói pháp như thế. Tuy chúng được lý không vô vi, vẫn phải hồi hướng hữu vi. Đây tức là minh bạch đạo lý chân không. Từ trong

chân không vẫn phải sinh ra diệu hữu. Không sinh diệu hữu, chỉ là chân không, thì chẳng có dụng gì. Do đó:

"Chân không chẳng ngại diệu hữu
Diệu hữu chẳng ngại chân không".

Vẫn phải hồi hương tất cả hữu vi. Gì là hữu vi ? Phàm là có hình có tướng, đều gọi là hữu vi. Trong Kinh Kim Cang có nói:

"Phàm hết thấy tướng,
Đều là hư vọng.
Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng,
Tức thấy Như Lai".

Tuy nhiên chẳng hữu vi, nhưng vẫn không thể không có hữu vi. Vẫn có hữu vi, mà chẳng chấp trước hữu vi. Trong Kinh Kim Cang có nói:

"Tất cả pháp hữu vi
Như mộng huyễn bọt bóng
Như sương cũng như điện
Hãy quán sát như thế".

Tuy nhiên là vô vi, cũng phải hồi hương hữu vi. Do đó: "Hành sở vô sự", đừng chấp trước vào hữu vi.

6. Một niệm cảnh giới tất cả pháp vô tận: Cảnh giới trong một niệm, đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Do đó: "Một niệm tức ba ngàn, ba ngàn tức một niệm". Hết thấy tất cả phiền não của chúng ta, đều do một niệm tạo thành. Nếu một niệm không sinh, thì sẽ đến được cảnh giới giải thoát. Giống như người tu hành, tu hành nhiều năm, một niệm không sinh, thì thường ở trong định. Hốt nhiên sinh ra một niệm, muốn làm tổng thống, thì kiếp sau sẽ làm

tổng thống, nhưng đây là việc phiền não, khiến cho tâm chẳng thanh tịnh. Vì quan hệ đến quốc tế, làm cho đầu não cân bằng, tạo ra nhiều khổ não.

7. Đại nguyện tâm không thay đổi: Người tu hành, thì vĩnh viễn không thối thất tâm bồ đề, không thay đổi tâm bồ đề. Phải thời khắc kiên trì tâm bồ đề. Tâm bồ đề tức là tâm đại nguyện trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sinh, đại nguyện tức là thuyền qua biển. Từ bờ sinh tử bên này, qua sông phiền não, và đạt đến bờ Niết Bàn bên kia. Đại nguyện này, phải kiên cố như kim cương, vĩnh viễn không phá hoại, mới được như như chẳng động, rõ ràng sáng suốt.

8. Khéo nhiếp lấy các Đà la ni: Bồ Tát khéo nhiếp lấy vô lượng vô biên môn tổng trì, cùng nhau làm quyến thuộc. Giống như tám vạn bốn ngàn pháp môn, đều là đệ nhất, chẳng có đệ nhị, cho nên gọi là pháp môn không hai. Do đó:

"Pháp đều bình đẳng,
Chẳng có cao thấp".

Người tu đạo hoan hỷ pháp môn nào mà tương ưng, thì pháp môn đó là đệ nhất, pháp môn chẳng tương ưng, thì không thể nói là đệ nhất. Tuy nhiên pháp môn đó đối với bạn chẳng tương ưng, nhưng lại tương ưng với kẻ khác. Cho nên môn nào cũng đều đệ nhất, chẳng có đệ nhị. Nói tóm lại, phạm là pháp môn đối cơ, tức là đệ nhất.

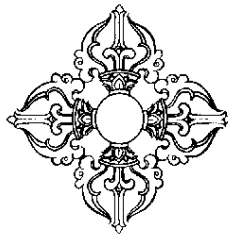
9. Được tất cả chư Phật đều hộ niệm: Vì hay nhiếp lấy tất cả Đà la ni, cho nên tất cả chư Phật đều đến hộ niệm gia trì, khiến cho bạn tăng trưởng trí huệ, thấu rõ tất cả pháp hữu vi, đều là hư vọng không thật.

10. Thấu rõ tất cả pháp đều như huyễn: Thấy tất cả pháp hữu vi đều là không, pháp vô vi căn bản cũng chẳng có. Tất cả pháp như huyễn không thật, thấu hiểu được đạo lý này thì tất cả đều chẳng chấp trước.

Chúng ta người tu đạo, đừng chấp trước "cái ta". Nếu có tư tưởng về "cái ta", thì không thể nào thoát khỏi được ba cõi. Cho nên Phật mới đề tỉnh chúng ta, phải không ta, không người, không chúng sinh, không thọ mạng, bốn tướng. Như vậy mới quét được tất cả pháp, lìa tất cả tướng.

Đó là mười pháp vô tận, hay khiến cho chỗ thật hành của tất cả thế gian, đều được rốt ráo đại tạng vô tận.

Đây là mười pháp vô tận, pháp pháp chẳng cùng tận. Khiến cho tất cả thế gian người hành Bồ Tát đạo, thấy đều đắc được đại pháp tạng rốt ráo viên mãn vô tận.



**KINH HOA NGHIÊM
ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT
QUYỂN HAI MƯƠI HAI**

**PHẨM THĂNG LÊN CUNG TRỜI ĐÂU SUẤT
THỨ HAI MƯƠI BA**

Hán dịch: Sa Môn Thật Xoa Nan Đà
Việt dịch: Thích Minh Định
Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói xong Phẩm Thập Tạng tại cung trời Dạ Ma rồi, lại thăng lên cung trời Đâu Suất, vì Thiên chúng diễn nói pháp môn Thập Hội Hương. Pháp này là pháp Bồ Tát tu tam hiền (thập trụ, thập hạnh, thập hội hương).

Một số người thăng lên, thăng lên kia mà lìa khỏi đây. Song, sự thăng lên của Đức Phật, thăng lên kia mà chẳng lìa khỏi đây. Đây là đạo lý gì ? Vì Phật có thân thông diệu dụng, không rời khỏi toà, mà ở trong định đến cung trời Đâu Suất thuyết pháp.

Đâu Suất là tiếng Phạn, dịch là "tri túc". Người trời ở cõi trời này rất là biết đủ (tri túc); bất cứ những gì, vừa đủ là thôi, không cầu nhiều. Do đó:

"Kẻ biết đủ thì an vui
Người nhẫn nhịn thì yên ổn".

Trời Đâu Suất là tầng trời thứ tư của cõi dục giới, ở trên trời Dạ Ma, ở dưới trời Hoá Lạc. Cõi trời này có nội viện và ngoại viện. Nội viện là chỗ ở của các Bồ Tát bồ xứ Phật vị. Hiện tại Bồ Tát Di Lạc (Phật vị lai) ở tại nội viện. Ngoại viện là nơi Thiên chúng ở, hiện tại Bồ Tát Di Lạc vì họ diễn nói diệu pháp.

Tại sao con người chẳng biết tri túc ? Vì nhiều tham, nhiều dục, tham mà không biết chán, tham cầu không ngừng. Ban ngày tỉnh cũng tham, ban đêm trong mộng cũng tham. Tại sao phải tham ? Vì chẳng biết đủ. Nếu biết đủ, thì sẽ chẳng tham cầu. Chúng ta khởi tâm tham, là vì có dục vọng. Nếu chẳng có dục vọng, thì chẳng có tham. Không tham thì biết đủ, biết đủ thì an vui, an vui thì chẳng có phiền não. Chẳng có phiền não thì chẳng chấp trước, chẳng chấp trước thì đắc được giải thoát. Chúng ta tu đạo là tu không chấp trước. Buông xả mọi việc thì sẽ đắc được giải thoát.

Bất cứ là việc gì, đều phải nhẫn nại, không nhẫn được cũng phải nhẫn. Lúc đó, trời cũng an, chẳng hàng tai hoạ. Đất cũng yên, chẳng làm cho chấn động. Do đó:

"Nhẫn là báu vô giá
Ai ai xử không tốt
Nếu hay dùng được nó
Mọi sự đều sẽ tốt".

Con người có rất nhiều phiền não, là vì chẳng có công phu nhẫn nhục. Nếu học được công phu nhẫn nhục của Bồ Tát Di Lạc, thì sẽ chẳng có tai hoạ, tất cả đều bình an. Bồ Tát Di Lạc nói:

"Lão quê mặc áo vá

Cơm lạc no đầy bụng
Áo vá che giá hàn
Vạn sự hãy tùy duyên
Có người mắng lão quê
Lão quê chỉ nói tốt
Có người đánh lão quê
Lão quê nằm lăn ra
Khặt nhỏ vào mặt lão
Để nó khô tự nhiên
Ta cũng chẳng nhọc sức
Họ cũng chẳng phiền não
Đây là Ba La Mật
Là báu ở trong diều
Nếu biết tin tức này
Lo gì đạo chẳng thành".

Văn từ của bài kệ này, tuy nhiên rất là đơn giản, nhưng triết lý bên trong không thể nghĩ bàn. Bây giờ giải thích sơ lược như sau:

"Lão quê mặc áo vá": Lão quê tức là lão già rất ngu xuẩn. Ngài tự cảm thấy mình rất ngu xuẩn, tại sao ? Vì Ngài có cái bụng bự, lại mặc áo vá. Áo vá tức là áo rách rưới rồi vá lại, vá rồi lại rách, trước sau đều vá đi vá lại. Biểu thị chẳng chấp vào hình tướng mặc quần áo. Quần áo tuy rách, có thể che đỡ lạnh là được rồi.

"Cơm lạc no đầy bụng": Ngài ăn cơm rất là thanh đạm, cho đến muối cũng chẳng có. Chỉ cần no bụng là được, không cần ngon hay không ngon. Đây là chẳng chấp vào sự ăn uống.

Chùa Kim Sơn chúng ta cũng chẳng chấp vào sự ăn uống, mỗi ngày ăn rau cải lượm từ đồng rác chợ bỏ. Nhưng

chúng ta vẫn có rau cải ăn. Vị lão già quê này, cho đến rau cải cũng chẳng có ăn, chỉ ăn thức ăn đạm bạc vô vị, nhưng vẫn ăn no bụng, do đó: "Tâm rộng thể mập". Ngài chẳng sầu, chẳng lo, mở miệng thường cười, cho nên người sau này làm một câu đối liền rằng:

"Bụng bự hay chứa,
Chứa việc thiên hạ khó chứa.
Mở miệng liền cười,
Cười người thế gian đáng cười".

Thân thể của chúng ta, giống như cái máy, lúc nào cũng phải thêm chút dầu, thì nó mới làm việc. Bằng không thì phải bãi công. Thân thể của chúng ta, ăn cơm mới sống được, mới có thể làm việc. Nếu không cho nó ăn cơm, thì nó sẽ bãi công, gì cũng chẳng làm. Thậm chí nó thị oai với chủ nhân rằng: "Ôi tôi muốn chết". Chủ nhân bị nó uy hiếp, liền đầu hàng với nó, cho nó ăn uống, để duy trì mạng sống. Bồ Tát Di Lặc rất thấu hiểu về túi da hôi thối bốn đại giả hoà hợp này, chẳng phải là vật tốt, cho nên cho nó ăn no là được.

"Áo vá che đỡ lạnh": Tại sao phải vá ? Vì muốn che lạnh. Cho nên vá lại chỗ rách rưới, vá tới vá lui vẫn phải vá, chuẩn bị khi mùa đông để che mưa gió.

"Vạn sự hãy tùy duyên": Vị lão già quê này, bất cứ gặp việc gì, cũng đều tùy duyên. Do đó: "Việc đến thì ứng, việc đi thì lặng". Có tấm lòng như thế, cho nên tâm rộng thể mập. Ngài tùy duyên tiêu trừ nghiệp cũ, không tạo nghiệp mới. Tuy nhiên tùy duyên, nhưng chẳng thay đổi. Chẳng phải tùy duyên thì thay đổi, mà là tùy duyên không thay đổi. Do đó:

"Tuỳ duyên không đổi,
Không đổi tuỳ duyên".

Ngài có tông chỉ nhất định. Là gì ? Tức là không tham.

"Có người mắng lão quê": Giả sử có người vô duyên cô có đến mắng tôi, thì tôi cũng chẳng nổi giận, coi như đang thưởng thức ca hát. Hoặc coi như họ nói tiếng ngoại quốc, nghe không hiểu, thì chẳng có phiền não.

"Lão quê chỉ nói tốt": Gặp được cảnh giới này, thì lão quê nói: "Tôi phải khen ngợi bạn. Mắng rất tốt, mắng rất đúng, bạn là thiện tri thức của tôi, chỉ đạo tôi, rất cảm kích sự mắng chửi của bạn. Tôi đáng bị bạn mắng, tôi rất vui vẻ, hy vọng bạn thường đến mắng tôi". Giống như Bồ Tát Thường Bất Khinh, Ngài đánh lễ người ta, còn bị người đánh mắng, chẳng những Ngài chẳng nóng giận, ngược lại còn tươi cười ha ha ! Thấy người là đánh lễ, lễ xong thì bỏ chạy đi. Tại sao ? Sợ người sinh phiền não.

Tôi có mấy câu này:

"Có người huỷ báng tôi,
Như được ăn cơm no.
Đây là thật bổ thí,
Sao vui mà chẳng làm"?

Nếu như có người mắng tôi, thì tôi tuyệt đối chẳng nổi giận, mà còn nói mắng rất là đúng. Bạn ca hát, rất là êm tai, tôi rất thích nghe. Bạn đang nói tiếng Anh chẳng ! Tôi nghe chẳng hiểu gì cả. Quán tưởng như vậy, thì tự nhiên sẽ sóng yên gió lặng.

"Có người đánh lão quê": Giả sử có người vô duyên vô cớ đến đánh tôi, thì tôi tuyệt đối chẳng chống đỡ, tuỳ họ

làm gì thì làm, khi họ đánh đủ thì ngừng, tôi cũng chẳng nói gì.

"Lão quê nằm lãn ra": Tôi một chút phiền não cũng chẳng có, tôi tự nằm ra, xin họ cứ đánh. Lúc đó, họ sẽ xuất khí, tự nhiên sẽ vô sự. Đây là công phu thật là diệu. Các bạn ai có công phu như thế, thì sẽ thăng lên trên cung trời Đâu Suất, lắng nghe Bồ Tát Di Lặc diễn nói diệu pháp tại pháp hội Long Hoa.

"Khặt nhổ vào mặt lão": Nếu có ai khặt nhổ nước bọt vào mặt tôi, thì tôi cũng chẳng đếm xỉa tới, cũng chẳng lau chùi. Tại sao ? Vì chẳng khởi phiền não, chẳng bị cảnh giới làm lay chuyển. Ngài đã tu đến trình độ như như chẳng động, rõ ràng sáng suốt.

"Đề nó tự nhiên khô": Đề nó tự khô lấy ! Hà tất vì nó mà bận tâm. Nước bọt ở trên mặt lại có ngại gì ? Đừng để ý đến, thì tự nhiên sẽ vô sự. Ai ai cũng nghĩ như thế, thì làm gì thế giới chẳng thái bình !

"Tôi cũng chẳng nhọc sức": Nếu được như thế thì chẳng lay động, coi như chẳng có chuyện gì. Tôi bớt được nhiều khí lực, không cần dùng tay để lau chùi nó.

"Họ cũng chẳng phiền não": Họ nhìn tôi chẳng có chuyện gì, cũng chẳng lau chùi nước bọt của họ khặt, thì họ sẽ tự nhiên tâm bình khí hoà, chẳng có phiền não. Tinh thần nhẫn nhục này thật là quá vĩ đại ! Chúng ta nên học tập làm cho bằng được như Bồ Tát Di Lặc.

"Đây là Ba La Mật": Đây là pháp môn Ba La Mật. Nhẫn nhục được sẽ đến được bờ bên kia, bờ bên kia tức là nơi không sinh không diệt, chỉ có các điều vui, chẳng có các sự khổ. Ai ai cũng đều biết, nhưng không làm. Tại sao ? Vì xả bỏ chẳng đặng hưởng thụ năm dục.

"Đó là báu trong diệu": Đây tức là diệu trong diệu, báu trong báu, báu vô giá, diệu báu chân chánh nhãn nhục.

"Nếu biết tin tức này": Nếu biết được tin tức nhãn nhục, nếu minh bạch đạo lý nhãn nhục. Như vậy, tất cả chẳng có chướng ngại gì cả.

"Lo gì đạo chẳng thành": Tình hình như vậy, vạn sự hanh thông, viên dung vô ngại. Bất cứ tu đạo gì, thấy đều được thành tựu. Tại sao không thành đạo ? Đều vì chấp trước thân thể, cho rằng đáng ưa thích, lúc nào cũng bảo vệ nó. Kỳ thật, thân thể chỉ là túi da hôi thối. Tôi thường nói: Vật ở trong bụng là đồ hôi thối nhất. Lúc ăn thì thơm, thải ra thì thối. Bất cứ ai cũng đều như vậy. Vậy, thân thể có gì đáng ưa thích ? Có gì để chấp trước ? Nếu có người mắng bạn, hoặc đánh bạn, phải nhẫn thọ, đừng nổi giận. Phải minh bạch khi chết, thì thân thể đáng ưa thích này lại đi đến nơi đâu ? Chúng ta tu đạo, tức là mượn giả tu thật, ngàn vạn không thể được giả quên thật. Phải trở về nguồn cội, phải bỏ mê về với giác ngộ. Tu hành được như thế, tức là biết tri túc.

Thiên chúng ở cõi trời Đâu Suất, ít dục biết đủ. Bồ Tát ở nội viện đều đoạn dục, chẳng có mong cầu gì hết. Các Ngài đều phát tâm Bồ đề, hành Bồ Tát đạo. Tất cả vì hạnh phúc của chúng sinh, vì giáo hoá chúng sinh, cải ác hướng thiện, mà không ngừng nghỉ. Tuy nhiên hạnh khổ, nhưng là an vui. Lấy việc độ chúng sinh làm trách nhiệm của mình, đây là đại nguyện của Bồ Tát.

Bạn hay biết đủ, thì bạn sẽ thăng đến cung trời Đâu Suất. Họ hay biết đủ, thì họ cũng sẽ thăng đến cung trời Đâu Suất. Tóm lại, Ai hay biết đủ, thì người đó được sinh về cõi trời Đâu Suất. Phật pháp là bình đẳng, chẳng có

quan niệm giai cấp, chẳng có phân biệt thân sơ, hoàn toàn phải dựa vào công đức chân thật. Ai có thuần căn lành thì sẽ thăng đi lên. Người trên thế gian, nếu thường biết đủ, thì thế giới Ta Bà này sẽ biến thành thế giới "Biết Đủ". Lúc đó, đời ác năm trước chúng ta đang ở, sẽ biến thành cõi trời Đâu Suất an vui, chẳng sầu chẳng lo, tiêu diêu tự tại.

Hiện tại Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ngôi kiết già trên toà báu kim cương dưới cội bồ đề, đã vào trong định. Nhưng Ngài đến cung trời Đâu Suất, vì các đại Bồ Tát hậu bồ Phật vị và mười phương tất cả đại Bồ Tát, cùng với vô lượng Thiên chúng, diễn nói diệu pháp không thể nghĩ bàn.

Phẩm này là phẩm thứ hai mươi ba trong Kinh Hoa Nghiêm, cho nên gọi là Phẩm Thăng Lên Cung Trời Đâu Suất Thứ Hai Mươi Ba.

Bấy giờ, do thần lực của đức Phật, mười phương tất cả thế giới, mỗi mỗi bốn thiên hạ trong cõi Diêm Phù Đề, đều thấy đức Như Lai ngôi dưới cội bồ đề, đều có Bồ Tát nương thần lực của đức Phật, mà diễn nói pháp. Ai cũng đều cho rằng mình luôn luôn ở trước đức Phật.

Lúc đó, đức Thế Tôn lại dùng thần lực, chẳng lìa khỏi dưới cội bồ đề này, và đỉnh núi Tu Di, cung trời Dạ Ma, mà đi đến cung trời Đâu Suất, điện Trang Nghiêm Tất Cả Diệu Báu.

Khi Đức Phật thăng lên cung trời Đâu Suất, thì dùng đại thần lực, chẳng lìa khỏi toà kim cang dưới cội bồ đề, đỉnh núi Tu Di (trời Đạo Lợi), cung trời Dạ Ma, mà đến cung trời Đâu Suất, Bảo Điện Trang Nghiêm Các Diệu Báu, vì đại chúng hải hội diễn nói diệu pháp Hoa Nghiêm.

Trong Kinh điển Phật giáo, nói Phật có đại oai thần lực. Thần lực này, là do ba A tăng kỳ tu phước huệ, trăm kiếp vun trồng tướng tốt mà thành. Vì Phật có đại oai thần lực, cho nên hết thấy chúng sinh trong mười phương thế giới, đều thấy Phật ngồi ở dưới cội bồ đề.

Tư tưởng của chúng ta quá hẹp hòi, chỉ biết thế giới này. Kỳ thật, khắp mười phương có vô lượng thế giới. Bất quá, cách xa trái đất của chúng ta quá xa, dùng mắt thịt nhìn chẳng thấy mà thôi, mà tư tưởng của một số người cũng không đạt đến cảnh giới này. Ba ngàn năm trước đây, Phật đã biết có tiểu thiên thế giới (một ngàn thế giới là một tiểu thiên thế giới), trung thiên thế giới (một ngàn tiểu thiên thế giới là một trung Thiên thế giới), đại thiên thế giới (một ngàn trung thiên thế giới là một đại thiên thế giới). Tính theo nhà thiên văn hiện tại, một trái đất là một thế giới. Trong thái dương hệ có rất nhiều tinh cầu. Trong hệ ngân hà có vô số thái dương hệ. Còn ở trong hư không có vô số hệ ngân hà. Vậy thế giới rốt ráo có bao nhiêu ? Có nhiều bất khả thuyết bất khả thuyết, chẳng phải số thiên văn có thể tính được. Dù máy vi tính, cũng không thể thống kê được số mục chính xác. Song, Phật nhìn một cái là biết hết thấy hết.

Chúng ta ở trong trái đất này, chẳng có đi đến trái đất khác, cho nên cho rằng chẳng có trái đất khác, đây là

kiến giải quá hẹp hòi. Đưa ra một thí dụ để thuyết minh: Năm trăm năm về trước, khi chưa phát hiện đại lục mới, thì ở tây bán cầu vẫn có Châu Mỹ tồn tại. Bất quá, chẳng có phát hiện ra mà thôi, không thể nói là chẳng có mảnh đất Châu Mỹ này. Hiện tại chúng ta chẳng đi đến trái đất khác, cũng không dùng cái thấy hẹp hòi, nói chẳng có trái đất khác. Khi Kha Luân Bố phát hiện đại lục rồi, thì lúc đó, mọi người mới tin có nước Mỹ, đất rộng vật nhiều, sinh sản phong phú, trở thành nước sung sướng trên thế gian, ai ai cũng muốn đến. Tương lai phát hiện một trái đất khác, cũng là tình hình như vậy.

Chẳng những có thế giới khác, mà còn có nhiều vô lượng vô biên, ở trong mỗi thế giới, đều có bốn đại châu. Trong mỗi Nam Diêm Phù Đề dưới cội bồ đề, đều có Phật đang ở đó thành Chánh Giác. Trong mỗi Bồ Đề Đạo Tràng, đều có vô số Bồ Tát ở trong đó, cung kính Đức Phật, cúng dường Phật, lắng nghe Phật tuyên nói diệu pháp Hoa Nghiêm.

Bấy giờ, vua trời Đâu Suất, ở xa thấy đức Phật đến.

Pháp thân của Phật hường về điện Bảo Trang Nghiêm mà đến. Lúc đó, vua trời Đâu Suất từ xa thấy Đức Phật đến, rất là vui mừng, có thể nói vui mừng như điên. Bèn lập tức chuẩn bị tất cả đồ trang nghiêm, để chào đón Đức Phật quang lâm.

Pháp thân của Phật là vô tận vô bất tại, Ngài muốn đến nơi nào, thì sẽ đến nơi đó, chẳng bị thời gian và không gian hạn chế. Phật là tận hư không khắp pháp giới, tùy thời

tuỳ lúc có thể thị hiện diệu sắc thân, khiến cho hết thấy chúng sinh đều được thấy, cảm thấy mình ở trước Đức Phật, giống như Phật chuyên vì mình nói pháp. Cũng giống như đạo lý mặt trời ở trước mình. Chỉ cần tâm nước thanh tịnh, thì có lúc sẽ thấy được Phật, do đó:

"Bồ Tát thanh lương nguyệt
Thường du tất kính không
Chúng sinh tâm cầu tịnh
Bồ đề ảnh hiện trung".

Lập tức bày toà sư tử ma ni ở giữa điện. Toà sư tử đó dùng các diệu báu cõi trời làm thành. Do quá khứ tu hành các căn lành mà có được. Do thần lực của tất cả Như Lai hiện ra. Do vô lượng trăm ngàn ức Na do tha A tăng kỳ căn lành sinh ra. Do tịnh pháp của tất cả Như Lai sinh khởi. Có vô biên phước lực trang nghiêm sáng chói, nghiệp báo thanh tịnh, không thể phá hoại được. Người quán sát đều vui mừng, chẳng có nhàm đủ. Là pháp xuất thế, chẳng phải pháp ô nhiễm thế gian. Tất cả chúng sinh đều đến quán sát, chẳng có ai biết hết sự tốt đẹp vi diệu của nó.

Vua trời Đâu Suất thấy Phật đến, lập tức bày pháp toà Sư Tử Trang Nghiêm Bảo Tạng Ma Ni, ở tại Điện Bảo

Trang Nghiêm. Toà sư tử đó, dùng tất cả diệu báu các cõi trời làm thành. Một mặt là do vua trời Đâu Suất trong quá khứ tu hành các căn lành mà thành tựu, một mặt là do nguyện lực và thần lực của tất cả chư Phật hiện ra. Cảnh giới này, là do vô lượng trăm ngàn ức Na do tha A tăng kỳ căn lành sinh ra. Cũng là diệu pháp thanh tịnh trang nghiêm của tất cả chư Phật sinh khởi. Có vô lượng vô biên sức phước đức trang nghiêm sáng chói. Nghiệp quả thanh tịnh này (sức phước đức và sức thần thông), chẳng phải năng lực của thiên ma ngoại đạo có thể phá hoại được.

Ai nhìn được sự trang nghiêm này, đều sinh tâm vui mừng. Bất cứ nhìn bao lâu, cũng chẳng có khi nào nhàm đủ. Sự trang nghiêm này, là do tu pháp xuất thế lực độ vạn hạnh thanh tịnh trang nghiêm, chứ chẳng phải pháp nhiễm ô thế gian trang nghiêm. Hết thấy Thiên chúng trời Đâu Suất, đều đến quán sát Bảo Điện dùng các diệu báu trang nghiêm, cũng đến gần gũi Đức Phật, chiêm ngưỡng Phật. Song, chẳng có ai thật sự minh bạch cảnh giới tốt đẹp không thể nghĩ bàn này.

Toà sư tử đó, có trăm vạn ức tầng cấp, bao bọc chung quanh, trăm vạn ức lưới vàng, trăm vạn ức trướng hoa, trăm vạn ức trướng báu, trăm vạn ức trướng man, trăm vạn ức trướng hương, giăng bày phía trên. Tràng hoa thòng rủ xuống tỏa hương thơm xông khắp. Có trăm vạn ức lọng man, trăm vạn ức lọng báu, chư Thiên cầm nắm. Bốn

mặt thẳng hàng. Trăm vạn ức y báu, giảng bày phía trên.

Chung quanh toà sư tử đó, có trăm vạn ức tầng cấp vòng quanh bốn phía. Lại có trăm vạn ức lưới vàng, trướng hoa, trướng báu, trướng man, trướng hương, giảng che phía trên toà sư tử, để làm trang nghiêm. Tràng hoa thông rữ xuống, hương thơm toả khắp đạo tràng pháp hội.

Trăm vạn ức đại biểu số mục rất nhiều, số mục này là số mục không rõ ràng. Ngoại trừ Phật Bồ Tát ra, phàm phu không thể nói ra được. Tại sao mỗi sự vật đều trăm vạn ức ? Vì biểu thị sự long trọng trang nghiêm. Sự trang nghiêm này, lúc tại nhân địa, tu hành lục độ vạn hạnh, trì giới thanh tịnh mà thành tựu. Tức cũng là siêng tu giới định huệ, tiêu diệt tham sân si, mới hiện ra đủ thứ sự trang nghiêm.

Chúng ta chúng sinh hoan hỷ mùi thơm, mà chẳng được mùi thơm. Tại sao ? Vì chẳng gìn giữ giới luật, luôn luôn phóng dật. Người trên trời, do phước đức thành tựu, cho nên trên thân toả ra phảng phất mùi thơm, khiến cho người ngửi được có cảm giác mát mẻ. Nếu người trời không toả mùi thơm, thì chứng minh họ sẽ sắp chết, lúc đó phát sinh tín hiệu, do đó: "Năm tướng suy hiện ra". Chúng ta phàm phu không giữ giới, cho nên trên thân toả ra mùi hôi, khiến cho người ngửi, nôn mửa ba ngày. Các bà quý phái và các tiểu thư, vì trên thân toả ra mùi hôi, cho nên phải dùng nước hoa quý giá, tắm lên quần áo và thân thể, để giảm bớt mùi hôi, đây chỉ có hiệu quả nhất thời. Thứ mùi thơm này là do con người làm, chứ chẳng phải là tự

nhiên. Muốn thân thể toả ra mùi thơm, thì hãy mau giữ gìn giới luật. Đây là phương pháp giải quyết căn bản.

Người trời chẳng vào cảnh giới sắc thanh hương vị xúc pháp sáu trần, cho nên hiện cảnh giới sáu trần trang nghiêm. Phạm phu thì tham cảnh giới sáu trần, nhưng chẳng có cảnh giới này, cho nên theo đuổi mùi thơm tránh mùi hôi. Chúng ta sống ở trong đời ác năm trước, tuy nhiên chẳng thanh tịnh, nhưng trôi theo quên quay trở lại, xả bỏ chẳng được. Thế giới Cực Lạc phương tây, chẳng có các sự khổ, chỉ hưởng các sự vui, vàng ròng làm đất, có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới La, hoan nghinh di dân đến ở, làm công dân chẳng có điều kiện. Song, chúng sinh lại kỳ quái, thế giới Cực Lạc sung sướng như thế, vẫn không muốn đi đến ở. Thế giới Ta Bà khổ não, vẫn không muốn lia bỏ, đây thật là đáng thương xót !

Lại có trăm vạn ức lọng hoa, lọng man, lọng báu. Chư Thiên dùng tay cầm nắm các thứ lọng này, đứng thẳng hàng khắp bốn phương, rất là ngay thẳng, trang nghiêm. Lại có trăm vạn ức y báu, giảng bày ở phía trên toà sư tử, để làm trang nghiêm.

Trăm vạn ức lầu các chói sáng trang nghiêm. Trăm vạn ức lưới ma ni. Trăm vạn ức lưới báu giảng che phía trên. Trăm vạn ức lưới chuỗi báu, thông rũ xuống khắp bốn phía. Trăm vạn ức lưới đồ trang nghiêm. Trăm vạn ức lưới lọng. Trăm vạn ức lưới y. Trăm vạn ức lưới trướng báu,

dùng giếng ở phía trên. Trăm vạn ức lưới hoa sen báu, nở toả ra ánh sáng. Trăm vạn ức lưới hương báu, hương thơm mỹ diệu, làm vui lòng đại chúng.

Lại có trăm vạn ức lâu các, rất là mỹ lệ, sáng chói, trang nghiêm, hùng tráng. Lại có trăm vạn ức lưới báu ma ni và trăm vạn ức lưới các thứ báu, che phủ ở phía trên đạo tràng. Lại có trăm vạn ức lưới chuỗi báu, thông rữ khắp bốn phía đạo tràng, năm quang mười sắc, sáng lạng chói mắt. Cảnh giới như thế thật là không thể nghĩ bàn.

Lại có trăm vạn ức lưới đồ trang nghiêm, lưới lọng báu, lưới y báu, lưới trướng báu. Những thứ lưới này giếng bủa ở phía trên đạo tràng, để làm trang nghiêm. Lại có trăm vạn ức lưới hoa sen báu, hoa đó đặc biệt tươi đẹp, khiến cho người thấy ưa thích ngắm nhìn. Lại có trăm vạn ức lưới hương, thứ hương này đặc biệt thơm tho, mỹ diệu khác thường, khiến cho người ngửi sinh tâm hoan hỷ, đắc được cảnh giới pháp hỷ sung mãn.

Trăm vạn ức trướng linh báu, linh đó lay động vang ra tiếng hoà nhã. Trăm vạn ức trướng chiên đàn báu, hương thơm xông khắp. Trăm vạn ức trướng hoa báu, hoa đó sum sê tươi tốt. Trăm vạn ức trướng y các màu sắc vi diệu, ít có trên đời. Trăm vạn ức trướng Bồ Tát. Trăm vạn ức

trướng tạp sắc. Trăm vạn ức trướng vàng thật. Trăm vạn ức trướng lưu ly. Trăm vạn ức trướng đủ thứ báu, thủy đều giảng bày phía trên. Trăm vạn ức trướng tất cả báu. Báu đại ma ni, dùng làm trang nghiêm.

Lại có trăm vạn ức trướng linh báu, linh đó khi lay động thì vang ra âm thanh hoà nhã, rất là êm tai, khiến cho người nghe tỉnh thức.

Lại có trăm vạn ức trướng báu chiên đàn, mùi hương xông khắp đạo tràng. Lại có trăm vạn ức trướng hoa báu, hoa đó nở ra rất là tươi tốt xinh đẹp. Lại có trăm vạn ức trướng y các màu sắc vi diệu, y các màu sắc vi diệu đó, ở trên thế gian rất là hiếm có. Ai thấy được thứ y này, thì nhất định mắt nhìn chẳng tạm ngừng, sinh tâm hoan hỉ. Lại có trăm vạn ức trướng Bồ Tát, trướng tạp sắc, trướng vàng thật, trướng lưu ly, trướng đủ thứ báu, hoàn toàn giảng bày ở phía trên đạo tràng. Lại có trăm vạn ức trướng tất cả báu, dùng báu đại ma ni để trang nghiêm.

Trăm vạn ức hoa báu tốt đẹp, nghiêm sức khắp chung quanh. Trăm vạn ức trướng tần bà, xen tạp đặc thù vi diệu. Trăm vạn ức man báu. Trăm vạn ức man hương, thông rĩ bốn phía. Trăm vạn ức hương trời kiên cố, hương đó xông khắp nơi. Trăm vạn ức đồ anh lạc trời trang

nghiêm. Trăm vạn ức chuỗi hoa báu. Trăm vạn ức chuỗi thắng tạng báu. Trăm vạn ức chuỗi ma ni báu. Trăm vạn ức chuỗi biển ma ni báu, dùng trang nghiêm thân toà. Trăm vạn ức tơ lụa báu đẹp, dùng treo thòng rũ xuống.

Lại có trăm vạn ức hoa báu tốt đẹp, giảng bày khắp chung quanh, nghiêm sức rất mỹ lệ. Lại có trăm vạn ức trướng tần bà. Tần bà dịch là "thân ảnh chất", giống như hình bóng, đều có chất báu ở phía trên toả sáng ra. Cảnh giới này rất là thù thắng vi diệu, xen lẫn với nhau, sậm la vạn tượng, tơ hào chẳng tạp loạn. Lại có trăm vạn ức man báu và man hương, treo thòng rũ xuống khắp bốn phía, để làm nghiêm sức. Sự trang nghiêm này, trùng trùng vô tận. Lại có trăm vạn ức hương trời kiên cố, thứ hương này xông khắp trên không gian. Lại có trăm vạn ức chuỗi trời đồ trang nghiêm, chuỗi hoa báu, chuỗi thắng tạng báu, chuỗi ma ni báu, chuỗi biển ma ni báu, dùng để trang nghiêm thân toà sư tử. Chuỗi là dùng bảy báu kết thành, thòng rũ trên thân toà, để làm đồ nghiêm sức. Lại dùng trăm vạn ức tơ lụa báu đẹp, dùng treo thòng rũ xuống, để làm cho trang nghiêm.

Trăm vạn ức nhân đà la kim cang báu. Trăm vạn ức tự tại ma ni báu. Trăm vạn ức diệu sắc tạng vàng thật, dùng làm nghiêm sức. Trăm vạn ức Tỳ Lô Giá Na

ma ni báu. Trăm vạn ức nhân đà la ma ni báu, quang minh chiếu sáng. Trăm vạn ức ma ni báu trời kiên cố, dùng làm cửa sổ. Trăm vạn ức thanh tịnh công đức ma ni báu, rực rỡ màu sắc vi diệu. Trăm vạn ức thanh tịnh diệu tạng báu, dùng làm cửa lớn. Trăm vạn ức báu bán nguyệt tối thắng trong đời. Trăm vạn ức tạng báu ma ni ly cầu. Trăm vạn ức sư tử điện ma ni báu, xen tạp trang nghiêm. Trăm vạn ức tâm vương ma ni báu, sở cầu như ý. Trăm vạn ức diêm phù đàn ma ni báu. Trăm vạn ức thanh tịnh tạng ma ni báu. Trăm vạn ức đế tràng ma ni báu, đều phóng quang minh, che phủ phía trên. Trăm vạn ức bạch ngân tạng ma ni báu. Trăm vạn ức Tu Di tràng ma ni báu, trang nghiêm các tạng báu.

Lại có trăm vạn ức nhân đà la kim cang báu, tự tại ma ni báu, diệu sắc chân kim tạng, làm trang sức gián thố. Lại có trăm vạn ức Tỳ Lô Giá Na (biến nhất thiết xứ) ma ni báu và nhân đà la (Thiên chủ) ma ni báu, phóng đại quang minh, chiếu sáng mười phương thế giới. Lại có trăm vạn ức ma ni báu trời kiên cố, dùng làm cửa sổ. Lại có trăm vạn ức thanh tịnh công đức ma ni báu, rực rỡ các màu sắc đẹp vi diệu. Lại có trăm vạn ức thanh tịnh diệu tạng báu, dùng

làm cửa lớn. Lại có trăm vạn ức báu bán nguyệt tối trắng trong đời, tạng ma ni báu ly cầu, sư tử diện ma ni báu, dùng những báu này, gián thố trang nghiêm đạo tràng. Lại có trăm vạn ức tâm vương ma ni báu (châu như ý), châu báu này, khiến cho mọi sở cầu đều toại tâm như ý. Lại có trăm vạn ức diêm phù đàn ma ni báu, thanh tịnh tạng ma ni báu, để trang ma ni báu. Những báu này thấy đều phóng đại quang minh, che phủ phía trên, chiếu sáng khắp mười phương. Lại có trăm vạn ức bạch ngân tạng ma ni báu và Tu Di tràng ma ni báu, để trang nghiêm các tạng báu.

Trăm vạn ức chuỗi chân châu. Trăm vạn ức chuỗi lưu ly. Trăm vạn ức chuỗi báu màu đỏ. Trăm vạn ức chuỗi ma ni. Trăm vạn ức chuỗi báu quang minh. Trăm vạn ức chuỗi đủ thứ tạng ma ni. Trăm vạn ức chuỗi chân châu đỏ rất đáng ưa thấy. Trăm vạn ức chuỗi vô biên sắc tướng tạng ma ni báu. Trăm vạn ức chuỗi báu rất thanh tịnh vô tỉ. Trăm vạn ức chuỗi trắng quang minh ma ni báu, giăng bày thông rữ khắp chung quanh, dùng để trang nghiêm. Trăm vạn ức thân ma ni thù diệu nghiêm sức. Trăm vạn ức nhân đà la diệu sắc báu.

Lại có trăm vạn ức chuỗi chân châu, chuỗi lưu ly, chuỗi báu màu đỏ, chuỗi ma ni, chuỗi báu quang minh,

chuỗi đủ thứ tạng ma ni, chuỗi chân châu đỏ rất đáng ưa thấy, chuỗi vô biên sắc tướng tạng ma ni báu, chuỗi báu rất thanh tịnh vô tỉ, chuỗi trắng quang minh ma ni báu. Dùng mười thứ chuỗi này, giảng bày thông rữ khắp bốn phía, để trang nghiêm.

Tại sao phải dùng những chuỗi giá trị để trang nghiêm đạo tràng ? Vì để biểu thị sự thù thắng, không thể nghĩ bàn. Cũng khiến cho chúng sinh tâm tham, đều nguyện ý sinh về cõi trời, được chút châu báu. Tuy nhiên chẳng đắc được, nhưng nhìn thấy, trong tâm cũng vui mừng. Phạm là chúng sinh có tâm tham, phải tu công đức phước trời (tu thập thiện giữ năm giới), khi công đức viên mãn thì sẽ được sinh về cõi trời. Do đó:

"Trước dùng câu dục móc
Sau khiến họ vào Phật trí".

Nếu chẳng như thế, thì tại sao phải nói ra những đồ trang nghiêm ? Nhất là dùng các châu báu để trang nghiêm, vì chúng sinh có tâm tham, một khi nghe về cõi trời có châu báu, thì họ sẽ phát tâm Bồ đề, nỗ lực tu đạo, tu về đến cõi trời để nhìn thấy. Những thứ châu báu có hình tướng này, không thể chấm dứt sinh tử. Do đó, lại tiến thêm một bước, phát tâm Bồ đề, dũng mãnh tinh tấn tu hành đạo vô thượng Bồ đề, thành tựu đạo quả vô thượng. Bây giờ, sẽ thoát khỏi ba cõi, chấm dứt sinh tử.

Lại có trăm vạn ức thân ma ni, thù thắng vi diệu, dùng để nghiêm sức đạo tràng. Lại có trăm vạn ức nhân đà la diệu sắc báu, dùng để nghiêm sức đạo tràng. Phật đến cung trời Đâu Suất Điện Bảo Trang Nghiêm thuyết pháp, vua trời Đâu Suất được vinh hạnh, cho nên đem hết những

đồ quý giá, đề trang nghiêm đạo tràng, biểu thị sự hoan nghênh Đức Phật đến.

Trăm vạn ức hương chiên đàn đen. Trăm vạn ức hương cảnh giới không thể nghĩ bàn. Trăm vạn ức hương thập phương diệu. Trăm vạn ức hương tối thắng. Trăm vạn ức hương rất đáng ưa thích, đều toả hương thơm, xông khắp mười phương. Trăm vạn ức hương tần bà la, xông khắp mười phương. Trăm vạn ức hương tịnh quang, xông khắp chúng sinh. Trăm vạn ức hương đủ màu sắc không bờ mé, xông khắp tất cả cõi nước chư Phật, vĩnh viễn không tan mất. Trăm vạn ức hương thoa. Trăm vạn ức hương xông. Trăm vạn ức hương đốt, mùi hương toả ra, xông khắp tất cả. Trăm vạn ức hương hoa sen tạng trầm thủy, vang ra âm thanh lớn. Trăm vạn ức hương du hí, hay chuyển tâm của chúng sinh. Trăm vạn ức hương a lâu na, mùi thơm xông khắp, hương vị thơm ngọt. Trăm vạn ức hương hay khai ngộ, đến khắp tất cả, khiến cho ai nghĩ được,

các căn đều vắng lặng. Lại có trăm vạn ức hương vô tỉ hương vương, đủ thứ sự trang nghiêm.

Ở trước dùng đủ thứ lọng báu, đủ thứ trướng báu, đủ thứ chuỗi báu, để trang nghiêm đạo tràng. Hiện tại dùng đủ thứ hương, để trang nghiêm đạo tràng. Cung trời Đâu Suất có đạo tràng như vậy, cảnh giới như vậy, đều đặc biệt thù thắng, đặc biệt trang nghiêm. Trước hết trang nghiêm đạo tràng tốt đẹp, sau đó cung kính chư Phật, diễn nói Hoa Nghiêm pháp lớn. Đây là do thành tích rộng tu cúng dường của vua trời Đâu Suất, cũng do Ngài tu phước đức mà thành tựu, cũng do nguyện lực của tất cả chư Phật mà thành tựu, cũng do tất cả chúng sinh cảm ứng đạo giao mà thành tựu.

Có trăm vạn ức hương chiên đàn đen, hương cảnh giới không thể nghĩ bàn, hương thập phương diệu, hương tối thắng, hương rất đáng ưa thích, những thứ hương này đều toả ra hương thơm ngát mũi, xông khắp mười phương thế giới. Lại có trăm vạn ức hương tần bà la, hương thơm toả khắp mười phương. Lại có trăm vạn ức hương tịnh quang, hương thơm thanh tịnh lại quang minh, xông khắp mười phương thế giới tất cả chúng sinh. Phạm là ai người được hương thơm này, đều phát tâm bồ đề, tu đạo bồ đề vô thượng. Lại có trăm vạn ức hương đủ thứ màu sắc không bờ mé, xông khắp đến mười phương tất cả cõi nước chư Phật, hương thơm đó vĩnh viễn không tan mất.

Lại có trăm vạn ức hương thoa, hương xông, hương đốt, những thứ hương thơm này toả ra, xông khắp pháp giới tất cả chúng sinh. Lại có trăm vạn ức hương liên hoa

tạng trầm thủy, thứ hương chiên đàn này rất nặng, bỏ vào trong nước, sẽ chìm xuống đáy, cho nên gọi là hương trầm thủy (chìm xuống nước). Thứ hương này có mùi thơm đặc biệt, đốt lên rồi, ở nơi rất xa, cũng đều ngửi được mùi thơm này. Lại hay vang ra âm thanh rất lớn, thật là diệu không thể tả. Lại có trăm vạn ức hương du hí, thứ hương này, hay chuyển tâm ô nhiễm của chúng sinh thành tâm thanh tịnh, từ ác chuyển thành thiện, mà phát tâm bồ đề. Lại có trăm vạn ức hương a lâu na (màu hồng đỏ), thứ hương này xông khắp tất cả pháp giới, hương vị rất là thơm ngọt. Lại có trăm vạn ức hương hay khai ngộ, toả khắp mọi nơi, hay khiến cho chúng sinh ngửi được mùi hương này, các căn đều vắng lặng, khai mở đại trí huệ. Lại có trăm vạn ức hương vô tỉ hương vương, làm đủ thứ sự trang nghiêm.

Nguyên liệu chế hương, đa số dùng gỗ chiên đàn, ít dùng hoa, hoặc cỏ làm hương liệu.

Mưa trăm vạn ức mây hoa trời. Mưa trăm vạn ức mây hương trời. Mưa trăm vạn ức mây hương bột trời. Mưa trăm vạn ức mây hoa trời câu tô ma. Mưa trăm vạn ức mây hoa trời ba đầu ma. Mưa trăm vạn ức mây hoa trời ưu bát la. Mưa trăm vạn ức mây hoa trời câu vật đầu. Mưa trăm vạn ức mây hoa trời phân đà lợi. Mưa trăm vạn ức mây hoa trời mạn đà la. Mưa trăm vạn ức mây tất cả hoa trời.

Giống như trời mưa xuống nhiều hàng trăm vạn ức mây hoa trời, mây hương trời, mây hương bột trời, mây hoa trời câu tô ma, mây hoa trời ba đầu ma (hoa sen đỏ), mây hoa trời ưu bát la (hoa sen xanh), mây hoa trời câu vật đầu (hoa sen vàng), mây hoa trời phân đà lợi (hoa sen trắng), mây hoa trời mạn đà la (hoa tiêu bạch), mây tất cả hoa trời. Tuy nhiên mưa đủ thứ hoa, nhưng chẳng dính đất, mà lơ lửng ở trong không gian, cho nên gọi là mây.

Mưa trăm vạn ức mây y trời. Mưa trăm vạn ức mây ma ni báu. Mưa trăm vạn ức mây lọng trời. Mưa trăm vạn ức mây phan trời. Mưa trăm vạn ức mây mũ trời. Mưa trăm vạn ức mây đồ trang nghiêm trời. Mưa trăm vạn ức mây man báu trời. Mưa trăm vạn ức mây chuỗi báu trời. Mưa trăm vạn ức mây hương chiên đàn trời. Mưa trăm vạn ức mây hương trầm thủy trời.

Lại mưa xuống nhiều hàng trăm vạn ức mây y trời, mây ma ni báu, mây lọng trời, mây phan trời, mây mũ trời, mây đồ trang nghiêm trời, mây man báu trời, mây chuỗi báu trời, mây hương chiên đàn trời, mây hương trầm thủy trời. Lại mưa mười thứ mây này để làm trang nghiêm.

Kiến tạo trăm vạn ức tràng báu. Treo trăm vạn ức phan báu. Thòng rũ trăm vạn

ức tơ lụa báu. Đốt trăm vạn ức lò hương. Bày trăm vạn ức man báu. Cầm trăm vạn ức quạt báu. Cầm trăm vạn ức phát báu. Treo trăm vạn ức lưới linh báu, gió thổi lay động vang ra tiếng vi diệu. Trăm vạn ức lan can bao bọc chung quanh. Trăm vạn ức cây báu đa la, thứ lớp thẳng hàng. Trăm vạn ức cửa sổ báu đẹp, mỹ lệ trang nghiêm. Trăm vạn ức cây báu, che mát khắp chung quanh. Trăm vạn ức lầu các báu, nối dài nghiêm sức. Trăm vạn ức cửa báu, giảng bày chuỗi báu. Trăm vạn ức linh vàng, vang ra tiếng vi diệu. Trăm vạn ức chuỗi tướng cát tường, nghiêm tịnh rủ xuống. Trăm vạn ức báu tất để ca, hay trừ các điều ác. Trăm vạn ức tạng vàng, vàng tơ thêu thành. Trăm vạn ức lọng báu, do các thứ báu làm cán, cầm giữ thẳng hàng. Trăm vạn ức lưới đồ tất cả báu trang nghiêm, thấy đều trang nghiêm xen kẽ với nhau.

Kiến lập trăm vạn ức tràng báu, treo trăm vạn ức phan báu, thông rủ xuống trăm vạn ức tơ lụa báu, đốt lên

trăm vạn ức lưu hương, giảng bày trăm vạn ức man báu, tay cầm trăm vạn ức quạt báu, tay cầm trăm vạn ức phát báu, phía trên treo giảng trăm vạn ức lưới linh báu, khi gió thổi lay động linh báu, sẽ vang ra tiếng hay vi diệu, rất là êm tai. Có trăm vạn ức lan can, bao bọc khắp chung quanh.

Có trăm vạn ức cây đa la báu, cây này cao lớn, khoảng hơn bảy mươi thước, quả của nó ăn được. Dịch ra là "cây ngạn", hàng lối ngay thẳng, nhìn trái nhìn phải đều thẳng hàng. Đây là biểu thị tu hành phải tu đủ thứ hạnh môn. Tu hành đủ thứ hạnh môn thành tựu, đạt đến cảnh giới viên mãn, cũng gọi là thứ lớp thẳng hàng. Lại có trăm vạn ức cửa sổ lớn nhỏ, dùng báu đẹp tạo thành, chẳng những mỹ lệ, mà còn trang nghiêm.

Có trăm vạn ức cây báu che mát khắp chung quanh, cành lá sum sê, che lấp ánh sáng mặt trời, khiến cho có cảm giác mát mẻ. Có trăm vạn ức lầu các báu, lầu thêm lầu, các thêm các, nối tiếp không ngừng, rất là nghiêm túc. Có trăm vạn ức cửa báu, mỗi cửa đều giảng treo chuỗi, thông rủ xuống. Có trăm vạn ức linh vàng, treo ở mỗi góc lầu các, khi gió thổi lay động, vang ra các thứ tiếng âm nhạc, đồng thời hoà tấu, vang ra tiếng hay tuyệt vời. Có trăm vạn ức chuỗi tương cát tường, trang nghiêm thanh tịnh thông rủ xuống. Có trăm vạn ức báu tất để ca, hay trừ diệt được các điều ác. Thấy được tất cả sự trang nghiêm đạo tràng, đều có cảm giác sung sướng an lạc, trừ sạch tất cả tham sân si trong tâm, và tám vạn bốn ngàn phiền não. Tại sao chúng ta có phiền não ? Vì chẳng nhìn thấy được cảnh giới trang nghiêm tướng tốt đẹp của cung trời Đâu Suất Điện Bảo Trang Nghiêm, cho nên mỗi ngày xem phiền não như ăn cơm.

Có trăm vạn ức tạng vàng (bằng vải), dùng vàng thêu thành. Có trăm vạn ức lọng báu, đều dùng bảy báu làm thành. Cán lọng báu, dùng các thứ báu làm thành. Người trời cầm giữ lọng báu, tất cả đều ngay hàng thẳng lối, ngang dọc đều ngăn nắp, chẳng có lộn xộn. Có trăm vạn ức lưới đồ tất cả báu trang nghiêm, thảy đều trang nghiêm xen kẽ đạo tràng.

Trăm vạn ức quang minh báu, phóng ra đủ thứ ánh sáng. Trăm vạn ức quang minh, chiếu sáng khắp mọi nơi. Trăm vạn ức nhật tạng luân. Trăm vạn ức nguyệt tạng luân, đều do vô lượng sắc báu tập thành. Trăm vạn ức hương lửa ngọn, ánh sáng chiếu triệt. Trăm vạn ức tạng hoa sen, đua nở tươi tốt. Trăm vạn ức lưới báu. Trăm vạn ức lưới hoa. Trăm vạn ức lưới hương, che phủ phía trên.

Có trăm vạn ức quang minh báu, những kỳ trân dị báu này, phóng ra đủ thứ ánh sáng, chiếu sáng đạo tràng. Lại có trăm vạn ức quang minh, chiếu sáng khắp tất cả mọi nơi. Lại có trăm vạn ức nhật tạng luân và nguyệt tạng luân, đều dùng vô lượng sắc báu tích tập mà thành. Lại có trăm vạn ức hương lửa ngọn, ánh sáng của nó chiếu triệt hư không pháp giới. Lại có trăm vạn ức tạng hoa sen, hàng lối ngay thẳng, hoa nở ra rất tươi tốt, xinh đẹp. Lại có trăm

vạn ức lưới báu, lưới hoa, lưới hương, thầy đều che phủ ở phía trên.

Trăm vạn ức y báu trời. Trăm vạn ức y trời màu xanh. Trăm vạn ức y trời màu vàng. Trăm vạn ức y trời màu đỏ. Trăm vạn ức y trời màu kỳ diệu. Trăm vạn ức y trời đủ thứ báu kỳ diệu. Trăm vạn ức y đủ thứ hương xông. Trăm vạn ức y tất cả báu làm thành. Trăm vạn ức y tươi trắng, thầy đều khéo giảng bày, ai thấy cũng hoan hỉ.

Có trăm vạn ức y báu trời, y trời màu xanh, y trời màu vàng, y trời màu đỏ, y trời màu kỳ diệu, y trời đủ thứ báu kỳ diệu, y đủ thứ hương xông, y tất cả báu làm thành, y tươi trắng. Những y trời này là y phục của người trời mặc, dùng các thứ báu làm thành. Thứ y phục này nhẹ ấm lại tốt đẹp, chẳng cần may vá, do đó: "y trời không may", tự nhiên mà có. Cũng chẳng giặt dũ, vì người trời chẳng có bụi bặm. Phước trời tức là nghĩ thức ăn, thì thức ăn đến, nghĩ quần áo thì quần áo đến, chẳng có phiền não về ăn uống, quần áo, chỗ ở, thường chuyên tâm ngồi thiền. Những thứ y phục này khéo giảng bày ở trong đạo tràng, bất cứ ai nhìn thấy được những y phục này, đều sinh tâm đại hoan hỉ.

Trăm vạn ức tràng linh trời. Trăm vạn ức tràng lưới vàng, vang ra âm thanh

vi diệu. Trăm vạn ức tràng trời thù, các tia đầy đủ. Trăm vạn ức tràng hương, giảng bày lưới hương. Trăm vạn ức tràng hoa, mưa xuống tất cả hoa. Trăm vạn ức tràng y trời, treo giảng y đẹp. Trăm vạn ức tràng báu ma ni trời, do các thứ báu trang nghiêm. Trăm vạn ức tràng đồ trang nghiêm trời, các thứ đồ trang sức. Trăm vạn ức tràng man trời, đủ thứ các hoa man, bày hàng khắp bốn phía. Trăm vạn ức tràng lọng trời, linh báu hoà kê, nghe được đều hoan hỉ.

Có trăm vạn ức tràng linh trời và tràng lưới vàng, khi gió thổi lay động, vang ra tiếng hay vô cùng, rất êm tai. Có trăm vạn ức tràng trời thù, các tia đều đầy đủ. Có trăm vạn ức tràng hương, giảng bày lưới hương, để làm nghiêm túc. Có trăm vạn ức tràng hoa, mưa xuống tất cả các hoa báu, do đó: "Trời mưa hoa báu, lát đất rơi xuống", để trang nghiêm tu sức đạo tràng. Có trăm vạn ức tràng y trời, treo giảng tất cả y đẹp. Có trăm vạn ức tràng báu ma ni trời, dùng các thứ báu trang nghiêm. Có trăm vạn ức tràng đồ trang nghiêm, dùng hết thảy đồ để nghiêm túc. Có trăm vạn ức tràng man trời, đủ thứ hoa man, từng hàng từng hàng khắp bốn phía. Có trăm vạn ức tràng lọng trời, trên tràng có linh báu cùng nhau hoà kê, mà chẳng tạp loạn, rất

là thứ tự, khiến cho người nghe đều sinh tâm hoan hỷ, chẳng có phiền não. Chỗ diệu là tại chỗ này.

Trăm vạn ức loa trời, vang ra âm thanh vi diệu. Trăm vạn ức trống trời, vang ra âm thanh lớn. Trăm vạn ức không hầu trời, vang ra âm thanh vi diệu. Trăm vạn ức mâu ni la trời, vang ra âm thanh lớn vi diệu. Trăm vạn ức các tạp nhạc trời, đồng thời đều tấu lên. Trăm vạn ức nhạc trời tự tại, vang ra âm thanh vi diệu, âm thanh đó vang đến khắp tất cả cõi Phật. Trăm vạn ức nhạc trời biến hoá, âm thanh như tiếng vang, ứng khắp tất cả. Trăm vạn ức trống trời, do đánh mà vang ra âm thanh vi diệu. Trăm vạn ức nhạc trời như ý, tự nhiên vang ra tiếng, âm tiết hoà với nhau. Trăm vạn ức các tạp nhạc trời, vang ra âm thanh vi diệu, diệt trừ các phiền não.

Có trăm vạn ức loa trời, dùng miệng thổi kêu lên, vang ra âm thanh vi diệu. Có trăm vạn ức trống trời, trống trời không đánh mà tự kêu, vang ra âm thanh rất lớn. Âm thanh đó diệu không thể tả, kẻ điếc nghe được tiếng trống, kẻ mù nhìn thấy được hình trống. Có trăm vạn ức không hầu trời (đồ nhạc xưa), vang ra âm thanh vi diệu. Có trăm

vạn ức mâu ni la trời (trống phong), vang ra âm thanh lớn. Nhạc trời trước khi chưa tấu, nó tự động kêu lên trước, khiến cho tất cả người trời đều nghe được. Có trăm vạn ức các tạp nhạc trời, đồng thời đều tấu lên, rất là êm tai. Có trăm vạn ức nhạc trời tự tại, hoà tấu vang ra âm thanh vi diệu rất êm tai, truyền đến khắp mười phương tất cả cõi nước chư Phật. Có trăm vạn ức nhạc trời biến hoá, vốn là diệu âm của các thứ nhạc, nhưng có thể biến hoá âm thanh vô cùng. Một âm có thể biến hoá làm vô lượng âm, vô lượng âm vang ra một thứ âm, sự biến hoá này không thể nghĩ bàn. Thứ âm thanh này, giống như tiếng vang, ứng khắp tất cả căn cơ của chúng sinh, khiến cho họ thanh tâm quả dục, chẳng có mọi sự phiền não.

Mỗi ngày chúng ta nghiên cứu Kinh điển, thì nhất định chẳng có phiền não và chẳng có nóng giận mới đúng. Làm thế nào mới có thể không có ? Thì phải tu hành pháp môn lục độ vạn hạnh; tức cũng là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ. Mỗi người đều phải đặc biệt chú ý đạo lý lục độ. Nghiên cứu Kinh điển, phải tin, hiểu, hành, chứng, phải chiếu theo Kinh điển mà thực hành, chẳng phải dùng đầu miệng niệm một niệm, làm tam muội đầu miệng cho là xong việc, mà phải cung hành thực tiễn thực hành, mới đạt đến mục tiêu mong muốn.

Người tu đạo, gặp mọi cảnh giới, phải nhận thức rõ ràng. Bất cứ là thật hay giả, là thuận hay nghịch, đều đừng chấp trước, chẳng động tâm, như vậy thì chẳng bị cảnh giới lay chuyển, mà chuyển được cảnh giới. Bằng không, chẳng có định lực, chẳng phân thật giả, chấp trước cảnh giới, sẽ bị cảnh giới lay chuyển, dễ làm quyền thuộc của ma vương, cho nên không thể không cẩn thận. Tốt nhất là nên nghiên

cứu tử tử về năm mươi thứ âm ma nói ở trong Kinh Lăng Nghiêm. Hiểu rõ rồi thì chẳng bị hiểm kế của ma vương.

Các vị ! Có muốn nghe âm nhạc ở trên trời chăng ? Vậy thì phải tu pháp môn nhẫn nhục, đừng nóng giận, đừng mắng chửi người. Khi công phu tu hành nhẫn nhục viên mãn rồi, thì sẽ chứng được thiên nhĩ thông, có thể nghe được âm nhạc ở trên trời. Đại khái là tình hình như vậy, tin hay không do bạn.

Có trăm vạn ức trống trời, do đánh mà vang ra âm thanh vi diệu. Có trăm vạn ức nhạc trời như ý, thứ nhạc này, toại tâm như ý, tự nhiên diễn tấu, âm thanh và tiết tấu phối hợp với nhau, khiến cho người càng nghe càng thích thú. Có trăm vạn ức các tạp nhạc trời, thứ tạp nhạc này âm thanh vang ra rất là vi diệu, không thể nghĩ bàn, muốn nghe tiếng lớn, thì tiếng sẽ lớn. Muốn nghe tiếng nhỏ, thì tiếng sẽ nhỏ. Muốn nghe tiếng dài, thì tiếng sẽ dài. Muốn nghe tiếng ngắn, thì tiếng sẽ ngắn. Khiến cho tâm của bạn vừa ý, sinh đại hoan hỉ. Có tâm hoan hỉ, thì tất cả phiền não sẽ tiêu trừ sạch. Lúc đó, căn lành tăng trưởng, tâm ác chẳng sinh.

Trăm vạn ức tiếng vừa ý, khen ngợi cúng dường. Trăm vạn ức tiếng rộng lớn, khen ngợi thừa sự. Trăm vạn ức tiếng thâm sâu, khen ngợi tu hành. Trăm vạn ức các tiếng hay, khen nghiệp quả của Phật. Trăm vạn ức tiếng vi tế, khen lý như thật. Trăm vạn ức tiếng chân thật không chướng

ngại, khen hạnh xưa của Phật. Trăm vạn ức tiếng thanh tịnh, khen ngợi quá khứ cúng dường chư Phật. Trăm vạn ức tiếng pháp môn, khen ngợi sự vô úy tối thắng của chư Phật. Trăm vạn ức tiếng vô lượng, khen công đức vô tận của các Bồ Tát. Trăm vạn ức tiếng Bồ Tát địa, khen ngợi khai thị hạnh tương ưng của tất cả Bồ Tát địa. Trăm vạn ức tiếng không đoạn tuyệt, khen công đức của Phật chẳng có đoạn tuyệt.

Có trăm vạn ức tiếng pháp vừa ý, bất cứ loại chúng sinh nào, nghe được tiếng này, đều sinh tâm hoan hỉ vui mừng. Ở trong tiếng này nói pháp, khen ngợi sự cúng dường chư Phật, có công đức gì ? Cúng dường Tam Bảo, xả một được vạn, rộng gieo trồng ruộng phước, thì tăng trưởng căn lành bồ đề. Có trăm vạn ức tiếng pháp rộng lớn, trong tiếng này nói pháp, khen ngợi thừa sự chư Phật. Có trăm vạn ức tiếng pháp thâm sâu, ở trong tiếng này nói pháp, khen ngợi lợi ích của sự tu hành. Tu tất cả pháp, đắc được tất cả quả vị. Do đó:

"Ông tu ông đắc, bà tu bà đắc,
Ai tu này đắc, không tu không đắc".

Đây là danh ngôn rất chí lý. Lại có trăm vạn ức các tiếng hay, tiếng pháp hay này, khen ngợi hạnh nghiệp tu hành lục độ vạn hạnh của chư Phật trong quá khứ, mới

chứng được quả giác vô thượng bồ đề. Lại có trăm vạn ức tiếng vi tế, tiếng pháp vi tế này khen ngợi lý thể chân như thật tướng. Lại có trăm vạn ức tiếng chân thật không chướng ngại, khen ngợi Phật thuở xưa tu hành đủ thứ hạnh môn. Lại có trăm vạn ức tiếng thanh tịnh, khen ngợi khi Phật tại quá khứ tu hành đạo Bồ Tát, thì cúng dường chư Phật như thế nào. Lại có trăm vạn ức tiếng pháp môn, khen ngợi mười phương chư Phật chứng được pháp môn vô sở úy tối thù thắng. Lại có trăm vạn ức tiếng vô lượng, khen ngợi công đức tu hành lục độ vạn hạnh của các Bồ Tát, là chẳng có cùng tận. Lại có trăm vạn ức tiếng Bồ Tát địa, khen ngợi khai thị thập địa Bồ Tát, tu hành như thế nào, thành tựu như thế nào, hạnh môn tương ưng ra sao. Lại có trăm vạn ức tiếng không đoạn tuyệt, khen ngợi hết thảy công đức của mười phương chư Phật, chẳng có khi nào đoạn tuyệt.

Trăm vạn ức tiếng tùy thuận, tán thán khen ngợi hạnh thấy Phật. Trăm vạn ức tiếng pháp thâm sâu, khen ngợi tất cả pháp vô ngại trí lý tương ưng. Trăm vạn ức tiếng rộng lớn, tiếng đó sung mãn tất cả cõi Phật. Trăm vạn ức tiếng vô ngại thanh tịnh, tùy tâm ưa thích, đều khiến cho họ hoan hỉ. Trăm vạn ức tiếng chẳng trụ ba cõi, khiến cho người nghe vào sâu pháp tánh. Trăm vạn ức tiếng hoan hỉ, khiến cho người nghe

tâm chẳng chướng ngại, tin sâu cung kính. Trăm vạn ức tiếng cảnh giới Phật, tùy sự phát ra, thấy đều khai ngộ tất cả pháp nghĩa. Trăm vạn ức tiếng đà la ni, khéo diễn nói tất cả câu pháp khác nhau, quyết rõ tạng bí mật của Như Lai. Trăm vạn ức tiếng tất cả pháp, tiếng đó hoà xướng, khắc hoà các thứ nhạc.

Có trăm vạn ức tiếng tùy thuận, tùy thuận căn tánh của chúng sinh, mà nói pháp âm, tán thán khen ngợi tu hành như thế nào, mới có thể được thấy Phật nghe pháp, sau đó thành Phật. Lại có trăm vạn ức tiếng pháp thâm sâu, thứ pháp âm vi diệu thâm sâu vô thượng này, tán thán tất cả pháp, và lý vô ngại trí huệ tương ứng. Tức cũng là tu pháp gì, thì kế quả vị đó. Có trí huệ thanh tịnh, thì sẽ minh bạch tất cả đạo lý tương ứng. Lại có trăm vạn ức tiếng rộng lớn, thứ pháp âm này có thể truyền đến khắp mười phương tất cả cõi Phật. Lại có trăm vạn ức tiếng thanh tịnh vô ngại, thứ pháp âm viên dung vô chướng ngại này, chẳng những thanh tịnh, mà còn tùy thuận tâm ưa thích của chúng sinh, thấy đều khiến cho họ hoan hỷ. Lại có trăm vạn ức tiếng chẳng trụ ba cõi, khiến cho chúng sinh nghe được tiếng pháp này, thì vào sâu pháp tánh, trí huệ vô ngại. Lại có trăm vạn ức tiếng cảnh giới Phật, tùy thuận âm thanh vi diệu của Phật nói, hay khai thị tất cả nghĩa lý của diệu pháp, vô cùng vô tận. Lại có trăm vạn ức tiếng Đà la ni, tiếng này khéo diễn nói hết thấy tất cả câu pháp khác

nhau. Tức là mỗi câu, mỗi chữ đều có vô lượng nghĩa lý bao hàm ở trong Đà la ni. Lại hay diễn xướng tất cả diệu pháp, ở trong tất cả pháp, lại tụng trì trăm vạn ức tiếng Đà la ni, biến hoá vô cùng, nghĩa lý vô cùng, có đủ thứ sự phân biệt. Quyết định thấu rõ tạng bí mật của Phật nói, tức cũng là pháp môn mật tông. Pháp môn này vì kia nói, đây chẳng biết, vì đây nói, kia chẳng biết, cùng nhau chẳng biết, cho nên là pháp mật. Lại có trăm vạn ức tiếng tất cả pháp, ở trong hư không, tự nhiên có pháp âm tuyên lưu, đây là pháp âm do Phật biến hoá làm ra. Pháp âm này hoà mỹ mà diễn xướng, tất cả chúng sinh đều nghe được, tương ứng với tất cả âm nhạc.

Hôm nay (ngày 9/4/1976) bắt đầu thất Đại Bi. Buổi tối sau khi sám tịnh rồi, thì bắt đầu tụng trì Thần Chú Đại Bi. Chú Đại Bi này là Thần Chú quá khứ chín mươi chín ức Hằng hà sa số Đức Phật đã nói. Bồ Tát Quán Thế Âm vì thương xót tất cả chúng sinh, mà phát tâm đại bi, trở lại con thuyền từ bi, đến thế giới Ta Bà này, để độ tất cả chúng sinh thoát khỏi biển khổ, đắc được giải thoát. Do đó:

"Biển khổ không bờ, hồi đầu là bến".

Chỉ cần kiên thành trì tụng Chú Đại Bi, thì sẽ có cảm ứng không thể nghĩ bàn.

Bồ Tát Quán Thế Âm ở trong vô lượng kiếp về trước, nghe được Thiên Quang Vương Tịnh Trụ Như Lai, vì Ngài diễn nói pháp Đại Bi Thần Chú, dùng tay sắc vàng rờ đầu. Nghe pháp rồi, liền vượt qua bậc Bát Địa Bồ Tát, tâm sinh đại hoan hỷ, lập tức phát tâm bồ đề: "Nếu tôi có thể lợi ích tất cả chúng sinh, thì khiến cho tôi tức thời sinh ngàn tay ngàn mắt". Phát nguyện rồi, hốt nhiên đại địa

chấn động, quang minh của mười phương chư Phật, chiếu đến thân Ngài, lúc đó sinh ra tướng trang nghiêm ngàn tay ngàn mắt. Tay có sức đề bạt, mắt dùng để chiếu sáng. Ngàn tay ngàn mắt biểu thị có ngàn thứ thần thông và trí huệ.

Ý nghĩa của Chú Đại Bi là: "Bi hay cứu khổ", bất cứ có khốn khổ hoạn nạn gì, nếu có thể thành tâm khẩn thiết tụng niệm Chú Đại Bi, thì đều đắc được bình an, gặp hung hoá cát. Bồ Tát Quán Thế Âm nói với Phật: "Nếu chúng sinh tụng trì Chú Đại Bi, mà không thể mãn nguyện, thì thế không thành Chánh Giác, trừ phi kẻ bất thiện hoặc không chí thành".

Tụng trì Chú Đại Bi, chẳng những đắc được tự tại, mà còn sở cầu đều mãn nguyện. Có thể lìa khỏi khổ nạn, mà đắc được khoái lạc. Qua khỏi được nguy hiểm, mà đắc được sự bình an. Làm thế nào lìa được khổ nạn ? Là phải tụng Chú Đại Bi. Làm thế nào để thoát nguy hiểm ? Thì phải tụng trì Chú Đại Bi. Đừng xem Chú Đại Bi đơn giản bình thường. Tôi nói cho bạn biết, nếu trong quá khứ, hiện tại, chẳng có căn lành, thì cho đến tên của Chú Đại Bi cũng chẳng được nghe qua, hà huống là tụng trì ! Hiện tại chẳng những nghe được tên của Chú Đại Bi, mà còn chí thành trì tụng Chú Đại Bi, đây là cơ hội trăm ngàn kiếp khó gặp được, lại có bậc thiện tri thức chỉ đạo, tụng trì như thế nào, thọ trì ra sao, tu trì như thế nào, có thể thấy đây là bạn xem trọng. Tóm lại, Chú Đại Bi có sự lợi ích không thể nghĩ bàn.

Nội trong bảy ngày này, phải thành tâm thành ý, tất cung tất kính tụng trì Chú Đại Bi. Tụng đến cực điểm, thì tâm chẳng vọng tưởng. Lúc đó, tâm địa thanh tịnh, hoặc có người thấy hào quang, hoặc có người thấy hoa. Hoặc có

người được Bồ Tát Quán Âm rờ đầu, gia trì để khai mở trí huệ. Hoặc có người ngửi được hương thơm lạ. Nhưng cũng có nhiều người tuy nhiên chí thành khẩn thiết tụng trì Chú Đại Bi, nhưng chẳng gặp được cảnh giới gì. Bạn đừng buồn, phải tiếp tục tụng trì. Đến lúc, nhất định sẽ có cảnh giới cảm ứng đạo giao, hiện ra ở trước mặt bạn.

Bất cứ thấy được cảnh giới, hoặc chẳng thấy được cảnh giới, đều phải tinh tấn tụng trì. Thấy người tướng đoan chánh, đừng chấp trước vào tướng đoan chánh. Chẳng thấy được người tướng đoan chánh, cũng đừng sinh tâm tự ti mặc cảm: "Ôi ! Tôi chẳng có căn lành, tại sao tôi chẳng thấy được Bồ Tát ?" Căn lành thành thực có khi sớm, có khi muộn. Nếu cảm giác căn lành của mình chưa thành thực, thì nên tài bồi căn lành, làm nhiều việc công đức. Do đó:

"Chưa trồng căn lành,
Thì khiến cho trồng căn lành.
Đã trồng căn lành,
Thì khiến cho tăng trưởng.
Đã tăng trưởng thì khiến cho thành thực.
Đã thành thực thì khiến cho được giải thoát".

Các vị lần đầu tiên đến Chùa Kim Sơn, nghiên cứu Phật pháp, tu tập Phật pháp, phải đem tâm thành ra học tập, chẳng sợ khổ, chẳng sợ khó. Trong bảy ngày phải dừng mãnh tinh tấn, đừng khởi vọng tưởng. Nếu một mặt tu hành, một mặt khởi vọng tưởng, thì công phu sẽ chẳng chuyên nhất. Chẳng chuyên nhất thì chẳng đắc được sự cảm ứng. Do đó:

"Chuyên nhất thì linh,

Phân chia thì tán".

Chuyên nhất tâm niệm, thì sẽ linh cảm. Nếu tạp niệm lẫn lẫn thì chẳng có sự cảm ứng. Điểm này các vị phải đặc biệt chú ý.

Tụng trì Chú Đại Bi, đắc được sự lợi ích, dù suốt thuở vị lai nói cũng không hết được. Phạm là người tụng trì Chú Đại Bi, tuyệt đối chẳng đoạ vào ba đường ác. Nếu đoạ vào ba đường ác, thì Bồ Tát Quán Thế Âm Ngài cũng không thành Phật. Người tụng trì Chú Đại Bi, thì tất cả sự ngu si, nếu không biến thành trí huệ, thì Bồ Tát Quán Thế Âm Ngài không thành Phật. Chú Đại Bi trị được tám vạn bốn ngàn thứ bệnh của thế gian. Nếu có bệnh tật, thậm chí bác sĩ đông tây cũng bó tay, nếu bạn kiên thành tụng trì Chú Đại Bi, thì nhất định không thuốc mà khỏi bệnh. Tức có thần hiệu không thể nghĩ bàn như thế.

Ở Chùa Kim Sơn có người đã được cảm ứng như thế. Chứng bệnh rất là khó chữa trị, tụng Chú Đại Bi làm cho tuyệt chứng hết bệnh. Thần lực của Chú Đại Bi diệu không thể tả. Chỉ xem công phu của các vị trong bảy ngày này như thế nào, ai có tâm thành thì người đó sẽ có cảm ứng, đắc được sự lợi ích. Người có bệnh, thì bệnh sẽ khỏi. Người không bệnh, thì sẽ khai mở trí huệ. Cầu gì thì được nấy. Cho nên Chú Đại Bi là bất khả tư nghĩ Quảng Đại Linh Cảm Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni. Đà la ni dịch là "tổng trì", "Tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa". Tức cũng là Chú, hoặc là chân ngôn, là lời bí mật.

Chú có bốn nghĩa:

1. Trong Chú có tên của vua quý thần, tiểu quý nghe đến tên vua, thì chẳng dám làm càn, đều phải giữ quy cụ.

2. Như khẩu lệnh trong quân đội. Tương ưng thì vô sự, không tương ưng thì trị tội.

3. Chú hay bí mật tiêu mất tội nghiệp của bạn, khiến cho người không biết.

4. Chú là lời lẽ bí mật của chư Phật, chỉ có Phật mới biết đạo lý của Chú.

Các vị lần này đến tham gia pháp hội thất Đại Bi, đều là căn lành đầy đủ, có đức hạnh, nhân duyên thành thực, mới đến Chùa Kim Sơn. Hy vọng các vị đã vào trong núi báu thì không thể tay không ra về. Phải đắc được châu báu, thọ dụng vô cùng. Gì là châu báu ? Tức là Chú Đại Bi. Chú Đại Bi có thể trị bệnh, có thể hàng ma, có thể khai mở trí huệ, có thể bảo hộ bình an. Tóm lại, cầu gì thì được nấy, nhất định toại tâm mãn nguyện.

Pháp hội thất Đại Bi lần này, là pháp hội rất đặc biệt. Ở Trung Quốc cũng rất ít niệm Chú Đại Bi, niệm kỷ lục liên tục trong bảy ngày. Ở các nước khác có niệm bảy ngày hay không, thì tôi không biết. Song, ở nước Mỹ, tôi tin đây là lần đầu tiên. Cho nên hy vọng các vị đem tâm chân thành ra để tụng trì Chú Đại Bi, công đức vô lượng.

Hiện tại chúng ta đang đả thất Đại Bi, niệm Chú Đại Bi, tức cũng là trăm vạn ức tiếng Đà la ni. Hiện tại đang niệm Đại Bi Đà la ni thần diệu chương cú. Mỗi người niệm mấy ngàn vạn lần, hiện tại mấy mươi người niệm, cũng gọi là trăm vạn ức tiếng Đà la ni.

Tại cung trời Đâu Suất, có rất nhiều Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn và tất cả Thánh chúng, đang tụng trì Chú Đại Bi, hoặc tụng Chú Lăng Nghiêm, hoặc tụng mười Chú nhỏ, cho nên có trăm vạn ức tiếng Đà la ni. Chú Đại Bi tại tất cả mọi nơi, tất cả mọi thời, đều có thể tụng trì. Tóm lại,

đi đứng nằm ngồi, đều có thể trì tụng. Khi tụng Chú Lăng Nghiêm, thì tốt nhất là tụng trì vào bốn giờ sáng sớm. Vì hư không thanh tịnh, hay hoạch được cảm ứng. Lúc đó, trên không các Thần Thánh đi qua chỗ đó, một khi nghe tiếng của Chú, thì liền chấp tay đứng hầu. Đứng hầu niệm Chú xong rồi, mới có thể hành động. Đây là chứng minh công đức của việc tụng Chú. Cho nên tụng trì lời Chú, phải cung kính vạn phần, trịnh trọng để tụng, không thể cẩu thả, phô diễn sự việc. Nơi tụng Chú tốt nhất là chánh điện, nơi thờ Phật, nơi yên tĩnh cũng được. Nhưng phải là nơi trang nghiêm thanh tịnh.

Có trăm vạn ức Bồ Tát sơ phát tâm, hốt nhiên thấy toà sư tử, càng thêm tăng trưởng tất cả trí tâm. Trăm vạn ức Bồ Tát trị địa, tâm thanh tịnh hoan hỉ. Trăm vạn ức Bồ Tát tu hành, ngộ hiểu thanh tịnh. Trăm vạn ức Bồ Tát sinh quý trụ, trụ thắng chí lạc. Trăm vạn ức Bồ Tát phương tiện đầy đủ, khởi hạnh đại thừa. Trăm vạn ức Bồ Tát chánh tâm trụ, siêng tu tất cả đạo Bồ Tát. Trăm vạn ức Bồ Tát bất thoái, tịnh tu tất cả bậc Bồ Tát. Trăm vạn ức Bồ Tát đồng chân, được tất cả tam muội quang minh của Bồ Tát. Trăm vạn ức Bồ Tát pháp vương tử, vào cảnh giới chư Phật

không thể nghĩ bàn. Trăm vạn ức Bồ Tát quán đảnh, hiện được thập lực của vô lượng Như Lai.

Có trăm vạn ức Bồ Tát sơ phát tâm, hốt nhiên nhìn thấy được toà sư tử, càng tăng trưởng thêm tất cả tâm trí huệ. Đó là giảm bớt vô minh, chẳng có điên đảo vọng tưởng. Lại có trăm vạn ức Bồ Tát trị địa trụ, chẳng có điên đảo, chẳng có vọng tưởng, đã đắc được thanh tịnh. Vì trong ngoài thân tâm đều thanh tịnh, cho nên sinh đại hoan hỉ. Lại có trăm vạn ức Bồ Tát tu hành trụ, tâm thanh tịnh hoan hỉ rồi, bèn khai ngộ đắc được đại giải thoát, chẳng còn tất cả mọi phiền não, đây là ngộ hiểu thanh tịnh. Lại có trăm vạn ức Bồ Tát sinh quý trụ, trụ nơi thắng chí lạc, phát tâm đại bồ đề, dũng mãnh tinh tấn, chẳng thoái lui chí nguyện đã phát, thời thời sinh tâm hoan hỉ vui mừng, chẳng có tâm lo sầu. Lại có trăm vạn ức Bồ Tát phương tiện cụ túc trụ, các Ngài thuở xưa tuy nhiên phát tâm bồ đề, nhưng đối với chí nguyện đại thừa vẫn không kiên cố, khi đắc được bậc này rồi, thì bèn sinh khởi hạnh môn tu hành đại thừa. Lại có trăm vạn ức Bồ Tát chánh tâm trụ, siêng năng tinh tấn tu hành tất cả hạnh môn của Bồ Tát. Lại có trăm vạn ức Bồ Tát bất thoái trụ, thanh tịnh tu hành hạnh môn của thập địa Bồ Tát tu. Bất thoái tức là ba bất thoái:

1. Vị bất thoái: Chẳng thoái lui về bậc nhị thừa.
2. Niệm bất thoái: Chẳng thoái lui hạnh môn của Bồ Tát tu.
3. Hạnh bất thoái: Tu hành Bồ Tát đạo chẳng thoái lui.

Lại có trăm vạn ức Bồ Tát đồng chân trụ, đắc được chánh định chánh thọ và trí huệ quang minh của tất cả Bồ Tát. Lại có trăm vạn ức Bồ Tát Pháp Vương tử trụ, các Ngài tuy nhiên chưa chứng được quả vị Phật, nhưng đều vào được cảnh giới không thể nghĩ bàn của chư Phật, tức cũng là có thần thông diệu dụng của chư Phật. Lại có trăm vạn ức Bồ Tát quán đảnh trụ, các Ngài biến hoá toại tâm như ý, mà hiện ra thập lực trí huệ và thần thông của Phật.

Trăm vạn ức Bồ Tát được thần thông tự tại. Trăm vạn ức Bồ Tát sinh ra sự hiểu biết thanh tịnh. Trăm vạn ức Bồ Tát tâm sinh ưa thích. Trăm vạn ức Bồ Tát tin sâu chẳng hoại. Trăm vạn ức Bồ Tát thế lực rộng lớn. Trăm vạn ức Bồ Tát tiếng đồn tăng trưởng. Trăm vạn ức Bồ Tát diễn nói pháp nghĩa, khiến cho trí huệ quyết định. Trăm vạn ức Bồ Tát chánh niệm chẳng loạn. Trăm vạn ức Bồ Tát sinh trí huệ quyết định. Trăm vạn ức Bồ Tát được sức nghe thọ trì, thọ trì tất cả Phật pháp. Trăm vạn ức Bồ Tát sinh ra vô lượng giác ngộ hiểu biết rộng lớn. Trăm vạn ức Bồ Tát an trụ tín căn.

Có trăm vạn ức Bồ Tát, đắc được thần thông tự tại, không cần tác ý và quán sát, lập tức biết nhân duyên của tất

cả cảnh giới. Nhưng A la hán phải tác ý (nghĩ tưởng) và quán sát (nhập định), sau đó mới biết nhân duyên của tất cả cảnh giới. Có trăm vạn ức Bồ Tát, sinh ra trí huệ thanh tịnh, khéo hiểu tất cả các pháp. Có trăm vạn ức Bồ Tát, nơi pháp trong tâm sinh ra ưa thích, tức cũng là lấy pháp làm vui.

Có trăm vạn ức Bồ Tát, đối với tất cả Phật pháp, sinh ra tâm tin kiên cố, chẳng bị bàng môn tà đạo phá hoại. Bồ Tát phát tâm, tin sâu chẳng nghi, ý chí kiên cố. Do đó:

"Tin là nguồn đạo mẹ công đức
Dưỡng lớn tất cả các pháp lành".

Có tâm tin kiên cố rồi, mới không hoại tâm bồ đề. Có trăm vạn ức Bồ Tát, thế lực của các Ngài rất là rộng lớn. Tại sao Bồ Tát vẫn phải có thế lực ? Vì có thế lực lớn, mới hàng phục được Thiên ma ngoại đạo. Giống như Bồ Tát Đại Thế Chí, một khi Ngài dơ tay cất chân lên, thì đại địa có sáu thứ chấn động. Thiên ma ngoại đạo từ xa trông thấy mà bỏ chạy, do đó: "Nghe danh mất vía". Vì vậy, cho nên Bồ Tát có thế lực rộng lớn. Chẳng phải dùng thế lực đi đàn áp người, mà là dùng thế lực đi cứu người. Có trăm vạn ức Bồ Tát, danh đồn của các Ngài càng ngày càng tăng trưởng. Bồ Tát chẳng cầu danh, chẳng cầu lợi. Tại sao danh đồn vẫn tăng trưởng ? Vì Bồ Tát có danh đồn, có thể khiến cho chúng sinh nghe danh, mà phát tâm bồ đề. Giống như danh đồn của bốn vị đại Bồ Tát (Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Địa Tạng), ai ai nghe cũng đều sinh tâm tín ngưỡng, do tin mà phát tâm tu đạo. Lại khiến cho tất cả thiên ma ngoại đạo nghe danh mà khiếp sợ, chẳng dám tác quái. Vì

vậy cho nên Bồ Tát phải danh đồn tăng trưởng. Nhưng Bồ Tát chẳng chấp vào danh.

Có trăm vạn ức Bồ Tát, thời khắc diễn nói nghĩa lý tất cả diệu pháp. Ở trong một nghĩa lý, có thể diễn nói vô lượng nghĩa lý; vô lượng nghĩa lý, chẳng lìa khỏi một nghĩa lý. Do đó:

"Một làm vô lượng,
Vô lượng làm một".

Chẳng những khiến cho trí huệ của mình, mà cũng khiến cho chúng sinh nghe được các pháp yếu nghĩa, thì trí huệ có thể quyết định, đoạn trừ tất cả nghi hoặc. Có trăm vạn ức Bồ Tát, các Ngài đắc được chánh niệm, chánh định, chánh tư duy. Có chánh niệm rồi, thì chánh định hiện tiền. Chánh định hiện tiền, thì chẳng tán loạn. Lại có trăm vạn ức Bồ Tát, trí huệ quang minh của các Ngài rất nhạy bén, đối với tất cả các pháp chẳng có hoài nghi, sinh ra trí huệ quyết định. Lại có trăm vạn ức Bồ Tát, đắc được nghe mà thọ trì, trì mà tu, tu mà huệ, nghe huệ hiện tiền. Do đó: "Một khi lọt vào tai, vĩnh viễn là hạt giống đạo", không thể biến đổi, đây là sức nghe trì, cũng không thể quên mất, đây là biểu hiện nghe huệ. Có trí huệ rồi, sự lý chẳng rõ, nghĩ đến sẽ biết ngay. Biết rồi, vẫn phải tu hành. Tu hành mới thành tựu tất cả hạnh môn, đây là tu huệ thành tựu. Cho nên phải y pháp tu hành. Chẳng tu hành mà có trí huệ, thì chẳng có chuyện ấy, giống như đếm châu báu thế cho người khác, cuối cùng mình chẳng có gì cả. Có trăm vạn ức Bồ Tát, sinh ra vô lượng vô biên giác ngộ và kiến giải rộng lớn. Có trăm vạn ức Bồ Tát, an trụ nơi tín căn, đối với Phật pháp tư hào chẳng hoài nghi. Do tin, tấn, niệm, định, huệ

năm căn, mà sinh ra tin, tấn, niệm, định, huệ, năm lực. Có năm lực này tài bồi, thì tín căn tăng trưởng, tấn căn tăng trưởng, niệm căn tăng trưởng, định căn tăng trưởng, huệ căn tăng trưởng. Có trí huệ rồi, thì chuyên tâm tu hành, môn nào cũng đều thông, Do đó:

"Một thông tất cả thông".

Trăm vạn ức Bồ Tát, đắc được bố thí Ba La Mật, hay bố thí tất cả. Trăm vạn ức Bồ Tát, đắc được trì giới Ba La Mật, giữ đầy đủ các giới. Trăm vạn ức Bồ Tát, đắc được nhẫn nhục Ba La Mật, tâm chẳng vọng động, thấy đều nhẫn thọ được tất cả Phật pháp. Trăm vạn ức Bồ Tát, đắc được tinh tấn Ba La Mật, hay thực hành vô lượng tinh tấn xuất ly. Trăm vạn ức Bồ Tát, đắc được thiền Ba La Mật, đầy đủ vô lượng thiền định quang minh. Trăm vạn ức Bồ Tát, đắc được Bát Nhã Ba La Mật, trí huệ quang minh, chiếu sáng khắp. Trăm vạn ức Bồ Tát, thành tựu đại nguyện, thấy đều thanh tịnh. Trăm vạn ức Bồ Tát, đắc được đền trí huệ, chiếu rõ pháp môn. Trăm vạn ức Bồ Tát, đắc được pháp quang của mười phương chư Phật chiếu soi. Trăm

vạn ức Bồ Tát, đến khắp mười phương, diễn nói pháp là ngu si.

Có trăm vạn ức Bồ Tát, chúng được bố thí Ba La Mật. Ba La Mật dịch là "đến bờ kia". Hay bố thí mới đến được bờ kia. Bố thí có ba:

1. Tài thí: Phân ra có nội tài và ngoại tài. Nội tài tức là đầu mắt tuỷ não, ngoại tài tức là đất nước vợ con. Phải bố thí tất cả cho người cần.

2. Pháp thí: Tức là giảng Kinh thuyết pháp, hoặc ấn tống phát hành Kinh, hoặc dịch Kinh chú giải, thậm chí hiến thân cho Phật giáo, dùng công sức làm việc công đức, đều thuộc về phạm vi bố thí pháp.

3. Vô úy thí: Nếu có người gặp việc sợ sệt, thì phải tìm cách giải cứu, hoặc an ủi họ, khiến cho họ được bình an.

Nếu Bồ Tát chẳng đắc được tinh tấn Ba La Mật, thì chẳng muốn bố thí. Chẳng những chẳng bố thí cho người, mà ngược lại dạy người bố thí cho mình. Nếu chẳng hướng ngoại bố thí, ngược lại do ngoài hướng nội bố thí, đây chẳng nói đến được sự bố thí, mà là tham. Bố thí tất cả, tức là trong ngoài đều thí xả cho người khác. Không thể nói tôi bố thí những tài vật gì ? Tôi làm những việc tốt nào ? Tôi có những công đức gì ? Có những tư tưởng như thế, tức là chấp tướng. Nếu chấp tướng, thì chỉ có phước báu sinh về cõi trời. Giống như ngựa bắn cung lên trời, sức lực hết thì vẫn rơi xuống đất. Cho nên hưởng phước trời hết, sẽ sinh xuống nhân gian, hoặc thọ khổ, hoặc hưởng phước, chiêu đến đời sau chẳng được như ý.

Các bạn hãy xem những người giàu trên thế gian, đa số họ từ trên trời hưởng phước hết rồi, lại sinh xuống nhân gian, hoặc làm phú ông, hoặc làm kẻ bần cùng, có người được như ý, có người chẳng được như ý. Nếu chẳng chấp trước tướng, sẽ là bố thí rất ráo. Đem công đức bố thí này, hồi hướng nơi Phật đạo, thì tương lai sẽ thành Phật.

Lại có trăm vạn ức Bồ Tát, chúng được trì giới Ba La Mật. Phải giữ gìn giới luật, thì mới đạt đến được bờ bên kia. Giới có nhiều loại. Tại gia có năm giới, tám giới, và giới Bồ Tát. Xuất gia Sa Di có mười giới, Tỳ Kheo có hai trăm năm mươi giới, Tỳ Kheo Ni có ba trăm bốn mươi tám giới. Còn thọ giới Bồ Tát mười giới trọng bốn mươi tám giới khinh. Năm giới là giới lớn căn bản. Phạm là Phật giáo đồ, nhất định phải giữ đừng phạm. Ai ai cũng giữ được năm giới, thì gia đình mỹ mãn, xã hội an ninh, quốc gia giàu mạnh, thế giới hoà bình.

Lại có trăm vạn ức Bồ Tát, chúng được nhẫn nhục Ba La Mật. Hay tu pháp môn nhẫn nhục, tu đến lúc viên mãn, thì sẽ đạt đến được bờ bên kia. Tu hành hạnh nhẫn nhục chẳng dễ dàng. Có thể nhẫn được một lần, hai lần, tối đa là ba lần, nhẫn đến lần thứ tư, thì chẳng nhẫn được nữa. Thậm chí một lần cũng không nhẫn được. Phải biết, không nhẫn được, thì chẳng đến được bờ bên kia.

Tại sao không thể nhẫn được ? Vì chẳng có định lực, lý trí chẳng khống chế được tình cảm, tình cảm lay động thì nhẫn chẳng được. Người tu đạo tức là tu nhẫn. Tu pháp như thế nào ? Trước hết phải giữ giới, đề phòng được nghiệp ác thân miệng ý. Do giới sinh định, do định sinh huệ. Do đó:

"Mắt thấy hình sắc trong chẳng có,

Tai nghe chuyện đời tâm chẳng hay".

Đối cảnh vô tâm, tức là nhãn. Cổ Đức có nói:

"Niệm động trăm việc có,
Niệm ngừng vạn việc không".

Khí thể gian (son hà đại địa) và hữu tình thể gian, đều do một niệm vô minh tạo thành. Nếu phá được một niệm vô minh, thì tất cả đều không.

Nhãn có sinh nhãn, pháp nhãn, vô sinh pháp nhãn. Có người tôn kính bạn, mà bạn chẳng sinh tâm kiêu ngạo. Có người phỉ báng bạn, mà bạn chẳng sinh tâm sân hận, đây là sinh nhãn. Phải nhãn lạnh nóng đói khát, phải an tường nhãn thọ, chẳng khởi lo sầu, đây là pháp nhãn. Bồ Tát đã chứng được vô sinh pháp nhãn, chẳng thấy có chút pháp sinh, cũng chẳng thấy có chút pháp diệt, tức là nhãn trong tâm. Các pháp không tương sinh, các pháp không tương diệt. Phật pháp như biển cả, nhưng đừng nhìn mà thờ dài, mà phải có tâm ưa thích, đây cũng là nhãn. Nhãn ở nơi tâm, chẳng phải thấy được Phật pháp mà sinh tâm thối lui. Phật pháp quá nhiều, cũng nhãn thọ được. Phật pháp thâm sâu, cũng nhãn thọ được. Phật pháp quá diệu, cũng nhãn thọ được. Tóm lại, đều nhãn thọ được. Đây tức là nhãn nhục Ba La Mật. Bất cứ như thế nào, tâm cũng chẳng vọng động, nhãn thọ được tất cả Phật pháp.

Lại có trăm vạn ức Bồ Tát, chứng được tinh tấn Ba La Mật. Tinh tấn có hai: Một là thân tinh tấn, hai là tâm tinh tấn. Siêng tu pháp lành là thân tinh tấn, siêng tu thiện đạo là tâm tinh tấn. Hay tinh tấn, thì sẽ thoát khỏi ba cõi, vượt qua sáu nẻo, chấm dứt sinh tử, chứng được Phật đạo.

Tu như thế nào ? Đừng phóng dật, đừng giải đãi. Dững mãnh tinh tấn, chẳng có pháp thứ hai nào khác.

Lại có trăm vạn ức Bồ Tát, chứng được thiền Ba La Mật. Thiền tức là thiền na, dịch là "tĩnh lực". Nghĩa là quét trừ tất cả vọng tưởng, chuyên tâm một chánh niệm. Như vậy sẽ đầy đủ vô lượng thiền định quang minh. Vì có tam muội, sẽ có trí huệ quang minh hiện tiền. Do đó: "Trí huệ giải thoát". Thứ trí huệ này là trí huệ căn bản, tức cũng là thành tựu bốn thứ trí (thành sở tác trí, diệu quán sát trí, bình đẳng tánh trí, đại viên cảnh trí).

Lại có trăm vạn ức Bồ Tát, chứng được Bát Nhã Ba La Mật. Bát Nhã dịch là "trí huệ". Bát Nhã có ba thứ:

1. Văn tự Bát Nhã.
2. Quán chiếu Bát Nhã.
3. Thật tướng Bát Nhã.

Thứ trí huệ quang minh này, hay chiếu sáng tận hư không khắp pháp giới. Trí huệ này ở trong thiền định sinh ra. Do đó:

"Thông suốt các pháp là trí
Dứt hoặc chứng lý là huệ".

Lại có trăm vạn ức Bồ Tát, thành tựu đại nguyện lực đã phát ra thuở xưa, thấy đều thanh tịnh. Nguyện có hai:

- Một là cầu bồ đề nguyện: Trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sinh.

- Hai là lợi lạc tha nguyện: Tức là tự giác giác tha, tự độ độ tha, tự lợi lợi tha. Tu hành chẳng phát nguyện, cũng giống như cây nở hoa mà chẳng kết trái.

Lại có trăm vạn ức Bồ Tát, đắc được tất cả đèn trí huệ, quang minh chiếu sáng tất cả pháp môn, tức cũng là

chiếu rõ các pháp thật tướng. Thứ trí huệ này có phân ra thật trí và vọng trí. Gặp được cảnh giới, chẳng suy nghĩ mà biết là thật trí. Nếu suy gẫm nghiên cứu là vọng trí.

Lại có trăm vạn ức Bồ Tát, được pháp quang của mười phương chư Phật chiếu sáng. Do đó: "Phật quang phổ chiếu", chiếu sáng tất cả chúng sinh. Phàm là được Phật quang chiếu đến, thì nhất định sẽ khai mở trí huệ. Làm thế nào để được Phật quang chiếu đến ? Thì phải siêng tu giới định huệ, diệt trừ tham sân si. Khi nào tu được công đức viên mãn, thì lúc đó được pháp quang của chư Phật chiếu đến.

Lại có trăm vạn ức Bồ Tát, đến khắp mười phương thế giới, vì tất cả chúng sinh diễn nói phương pháp lìa ngu si. Tức cũng là diễn nói pháp môn đặc được trí huệ. Có trí huệ rồi, thì biết rõ thiện ác, chẳng làm chuyện điên đảo. Tức cũng là chẳng khởi hoặc, chẳng tạo nghiệp ác, thì tương lai chẳng thọ quả báo. Lìa ngu si, chứng trí huệ, đây là mục đích học Phật.

Tại sao chúng ta có phiền não ? Là vì ngu si. Tại sao có vô minh ? Vì ngu si. Tại sao có sự nóng giận ? Vì ngu si. Tại sao có điên đảo ? Vì ngu si. Tất cả hết thảy đều vì ngu si mà tạo thành. Tạo ra nghiệp điên đảo, không thể thoát khỏi ba cõi. Muốn thoát khỏi ba cõi, thì trước hết phải học Phật pháp chẳng có ngu si. Siêng học Bát Nhã, siêng tu Bát Nhã, mới có thể lìa khỏi ngu si, mới có thể không có điên đảo. Đây là pháp môn cơ bản.

Trăm vạn ức Bồ Tát, vào khắp tất cả cõi nước chư Phật. Trăm vạn ức Bồ Tát, pháp thân tùy thời đến tất cả cõi nước chư

Phật. Trăm vạn ức Bồ Tát, được âm thanh của Phật, hay rộng khai ngộ. Trăm vạn ức Bồ Tát, đắc được sinh ra tất cả trí phương tiện. Trăm vạn ức Bồ Tát, đắc được thành tựu tất cả pháp môn. Trăm vạn ức Bồ Tát, thành tựu pháp trí, giống như thật tràng, hay hiển bày khắp tất cả Phật pháp. Trăm vạn ức Bồ Tát, thị hiện được cảnh giới của Như Lai.

Có trăm vạn ức Bồ Tát, các Ngài vào được khắp tất cả cõi nước chư Phật, giúp Phật hoằng pháp, giáo hoá chúng sinh. Có trăm vạn ức Bồ Tát, pháp thân của các Ngài, tùy thời tùy lúc đến tất cả cõi nước chư Phật, diễn nói diệu pháp, khiến cho chúng sinh phát tâm bồ đề. Có trăm vạn ức Bồ Tát, các Ngài nghe được âm thanh của chư Phật nói pháp, mà rộng khai ngộ, cũng khiến cho chúng sinh khai ngộ, đây là tinh thần từ bi của Bồ Tát. Có trăm vạn ức Bồ Tát, các Ngài đắc được pháp phương tiện nhất thiết trí, dùng pháp phương tiện này, để giáo hoá chúng sinh. Có trăm vạn ức Bồ Tát, các Ngài chứng được hết thấy tất cả pháp môn, đều đã thành tựu, tức cũng là tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn môn đều tu thành công. Có trăm vạn ức Bồ Tát, các Ngài đã thành tựu trí huệ pháp, giống như thật tràng báu, hay hiển bày khắp tất cả Phật pháp, khiến cho tất cả chúng sinh, cũng thấu rõ được nghĩa chân thật của Phật pháp. Có trăm vạn ức Bồ Tát, các Ngài đều thị hiện được tất cả cảnh giới của Như Lai.

Trăm vạn ức các Thiên tử, cung kính lễ bái. Trăm vạn ức Long Vương, quán sát không nhàm mỏi. Trăm vạn ức Dạ Xoa Vương, chấp tay trên đỉnh đầu. Trăm vạn ức Càn Thát Bà Vương, khởi tâm tin thanh tịnh. Trăm vạn ức A Tu La Vương, dứt tâm kiêu mạn. Trăm vạn ức Ca Lô La Vương, miệng ngậm vải lụa. Trăm vạn ức Khẩn Na La Vương, hoan hỉ nhảy nhót. Trăm vạn ức Ma Hầu La Già Vương, hoan hỉ chiêm ngưỡng. Trăm vạn ức chủ thế gian, cuối đầu làm lễ. Trăm vạn ức Đào Lợi Thiên Vương, chiêm ngưỡng không nháy mắt. Trăm vạn ức Dạ Ma Thiên Vương, hoan hỉ khen ngợi. Trăm vạn ức Đâu Suất Thiên Vương, trải thân làm lễ. Trăm vạn ức Hoá Lạc Thiên Vương, đỉnh đầu lễ kính. Trăm vạn ức Tha Hoá Thiên Vương, cung kính chấp tay. Trăm vạn ức Phạm Thiên Vương, một lòng quán sát. Trăm vạn ức Ma Hê Thủ La Thiên Vương, cung kính cúng dường. Trăm vạn ức Bồ Tát, phát tiếng khen ngợi.

Có trăm vạn ức các Thiên Vương, các Ngài đồng thời ở trong Điện Bảo Trang Nghiêm, cung kính lễ bái Đức Phật. Có trăm vạn ức Long Vương, các Ngài đồng thời ở trong Điện Phổ Trang Nghiêm, quán sát lắng nghe Phật nói diệu pháp, nhờ cơ duyên này chiêm ngưỡng Đức Phật, mà không nhàm mỏi. Nguyên nhân gì rỗng lại làm rỗng ? Vì trong quá khứ tu hành pháp đại thừa rất là tinh tấn, nhưng chẳng giữ giới luật, do đó: "Thừa cấp giới hoãn". Vì thừa cấp, cho nên có thần thông. Vì giới hoãn, cho nên làm súc sinh. Rỗng có thể biến lớn hoá nhỏ, biến hoá vô cùng, có thể bay trong hư không, có thể đi trong nước, có thể đi trên đất, cho nên nói thần thông quảng đại. Khi biến thân lớn, thì đầy khắp hư không; khi biến thân nhỏ, thì như hạt bụi. Tuy rỗng có thần thông, nhưng có rất nhiều trùng ở trong thân ăn thịt uống máu. Tại sao phải thọ quả báo như thế ? Vì rỗng rất nóng giận, thường phun chất độc hại chúng sinh, cho nên thọ quả báo trùng rúc rĩa thân.

Tại Chùa Nam Hoa tỉnh Quảng Đông, có đầm rỗng ác. Trong đó có con rỗng độc, thường phun khí độc, khiến cho Tăng chúng ở Chùa Nam Hoa chẳng được an ninh, thậm chí sinh ra đủ thứ bệnh tật. Một ngày nọ, rỗng lại xuất hiện ở trong đầm, giờ canh múa vuốt, rất là oai phong. Bấy giờ, Lục Tổ Huệ Năng đi đến bên đầm, và nói với rỗng rằng: "Bản lãnh nhà ngươi không nhỏ ! Ngươi có thể biến lớn như thế, nhưng ngươi không thể biến nhỏ".

- Rỗng độc nghe nói, lập tức thu thân lớn thành thân nhỏ, dài khoảng bảy tám tấc, bơi tới bơi lui ở trong đầm, rất là tụt tụt.

- Lục Tổ Huệ Năng lại nói với nó: "Người có chút bản lãnh, từ thân lớn biến thành thân nhỏ, nhưng người không dám nhảy vào trong bát của ta".

- Ròng độc nghe nói, liền nhảy vào trong bát của Lục Tổ.

Lúc đó, Lục Tổ bèn vì ròng thuyết pháp, siêu độ nó vãng sinh, hiện ở tại Chùa Nam Hoa vẫn còn giữ thi thể con ròng ở trong tháp.

Có trăm vạn ức Dạ Xoa Thiên Vương, các Ngài chấp tay ở trên đỉnh đầu, giống như mật tông chấp tay. Dạ Xoa dịch là "quỷ tốc tạt", có ba thứ:

- Một là quỷ đi trên không

- Hai là quỷ đi trên trời.

- Ba là quỷ đi dưới đất, đi như bay, rất là nhanh chóng, cho nên gọi là tốc tạt quỷ.

Dạ Xoa là một trong Thiên long bát bộ, cũng là thần hộ pháp. Dạ Xoa hoan hỉ đội mũ cao, có người vái xá, khen ngợi chúng, thì chúng rất cao hứng, trong tâm rất thoải mái. Ai thích đội mũ cao, thì tương lai nhất định làm quỷ Dạ Xoa.

Có trăm vạn ức Càn Thát Bà Vương, chúng ở trong Điện Bảo Trang Nghiêm, lắng nghe Phật nói Pháp, sinh khởi tâm tín ngưỡng thanh tịnh, cung kính Đức Phật, cúng dường Phật. Nhưng tâm tham rất lớn, chẳng chịu bố thí, do đó: "Thừa cấp thí hoãn". Càn Thát Bà dịch là "thần ngửi hương", rất thích ngửi mùi hương. Nơi nào có mùi hương, thì chúng ngửi mùi hương mà đến. Cho nên khi Ngọc Hoàng muốn thưởng thức âm nhạc, bèn đốt một thứ hương đặc biệt lên, chúng sẽ ngửi mùi hương sẽ đến cung điện của Trời Đế Thích, vì Ngọc Hoàng diễn tấu ca khúc. Điện

mạo của chúng tuy xấu xí, nhưng âm nhạc rất êm tai, khiến cho người thích nghe, cho nên gọi là thần nhạc.

Có trăm vạn ức A Tu La Vương, chúng đều đã dứt trừ tư tưởng kiêu ngạo và ngã mạn. A tu la dịch là "không đoan chánh", vì ngũ quan của chúng chẳng đoan chánh, rất là xấu xí. Tại sao tướng mạo rất là khó coi? Vì tánh nóng giận của chúng rất lớn. Các vị nhìn xem! Mặt mũi của người nổi giận như thế nào? Nghĩ thì sẽ biết. Ai muốn có mặt mũi tốt đẹp, thì đừng nổi giận. Chẳng những đối với sư trưởng không nổi giận, mà đối với bạn đạo cùng tu, sư huynh sư đệ, cũng đừng nổi giận, mọi người hoà mục tương xử. Nếu như nhẫn chẳng được mà nổi giận, thì tương lai nhất định sẽ làm "xú bát quái", so với "trụ bát giới" còn xấu hơn rất nhiều. Ai muốn có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm, thì thứ nhất đừng có nóng giận. Một khi nóng giận, thì biến thành giống như A tu la.

Cá tánh của A tu la rất thích đấu tranh, ưa tìm người làm phiền nhiễu loạn. Ở trên trời có A tu la, ở nhân gian cũng có A tu la, trong súc sinh cũng có A tu la, trong ngựa quỷ cũng có A tu la. Phạm là chướng ngại sự tự do của kẻ khác tức là A tu la.

Hiện tại là thời đại đấu tranh kiên cố, chính là lúc A tu la hoành hành thiên hạ, cho nên người với người đấu tranh, nhà với nhà đấu tranh, nước này với nước nọ đấu tranh. Tương lai địa cầu với tinh cầu đấu tranh. Nếu ai ai cũng chẳng có tâm kiêu ngạo, chẳng có tâm ngã mạn, được như vậy thì mọi người sẽ sống trong hoà bình, thế giới sẽ vô sự.

Có trăm vạn ức Ca Lô La Vương, trong miệng ngâm vài lạy, làm trang nghiêm. Ca Lô La dịch là "chim

đại bàng cánh vàng", chúng chuyên bắt rồng ăn. Lượng ăn của chúng rất lớn, mỗi ngày phải ăn một con rồng lớn và năm trăm con rồng nhỏ, là khắc tinh với rồng. Phàm là rồng sắp chết, thì sẽ bị chúng bắt ăn.

Có trăm vạn ức Khẩn Na La Vương, chúng rất vui mừng nhảy nhót, tức cũng là múa chân múa tay. Khẩn Na La dịch là "nghi thần", vì trên đầu của chúng sinh ra một cái sừng. Chẳng biết là người hay là thần, chúng cũng là thần nhạc của Ngọc Hoàng, chuyên tấu khúc nhạc trang nghiêm, khiến cho người nghe sinh tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng Tam Bảo. Chúng múa rất trang nghiêm, tướng mạo rất xinh đẹp, đều là thần ca hay khéo múa, cũng là thần hộ pháp.

Có trăm vạn ức Ma Hầu La Già Vương, chúng hoan hỉ chiêm ngưỡng Phật, mắt chẳng tạm nháy, không lúc nào nhắm chán. Ma Hầu La Già dịch là "thần mẫn xà", còn gọi là đại phục hành, còn gọi là địa long, nhưng chẳng có thần thông. Vì chúng chẳng tu pháp đại thừa, cũng chẳng giữ giới luật. Tâm đồ kị lại rất nặng, lại thường hay phun khí độc hại người, cho nên chiêu cảm làm loài này. Về sau được Phật pháp cảm hoá, mà làm thần hộ pháp.

Có trăm vạn ức chủ thể gian, tức cũng là Chuyển Luân Thánh Vương. Họ hướng về Phật đánh lễ, rất là cung kính. Có trăm vạn ức Đạo Lợi Thiên Vương, tức cũng là Thích Đề Hoàn Nhân, hoặc là Ngọc Hoàng Đại Đế, hoặc là Thiên Chủ, hoặc là Thượng Đế. Tóm lại, chỉ có một người mà thôi. Họ chiêm ngưỡng Phật, mắt chẳng chớp nháy. Có trăm vạn ức Dạ Ma Thiên Vương, họ hoan hỉ khen ngợi Phật, ca tụng Phật. Có trăm vạn ức Đâu Xuất Thiên Vương, họ trải thân làm lễ, tức là nằm xuống đất, thỉnh

Phật đi trên thân thể của họ, làm lễ pháp cung kính Phật. Có trăm vạn ức Hoá Lạc Thiên Vương, họ năm thể xuống đất, đánh lễ Đức Phật. Có trăm vạn ức Tha Hoá Thiên Vương, họ cung kính chấp tay, hướng về Phật. Có trăm vạn ức Phạm Thiên Vương, họ một lòng một dạ quán sát Đức Phật, giống như nhập định an tĩnh. Họ phát nguyện, bất cứ vị Phật nào thành Chánh Giác, thì làm người thỉnh pháp đầu tiên. Có trăm vạn ức Ma Hê Thủ La Thiên Vương (Trời Đại Tự Tại), họ cung kính Phật, cúng dường Phật. Dung nhan của họ, ba mắt tám tay, tay cầm bạch phất trần, cỡi trâu trắng lớn, rất là tự tại. Có trăm vạn ức Bồ Tát, các Ngài khen ngợi Phật, thừa sự nơi Phật.

Trăm vạn ức Thiên nữ, chuyên tâm cúng dường. Trăm vạn ức trời đồng nguyện, nhảy nhót hoan hỉ. Trăm vạn ức trời thuở xưa cùng ở, khen ngợi tiếng hay. Trăm vạn ức trời Phạm Thân, bày thân kính lễ. Trăm vạn ức trời Phạm Phụ, chấp tay trên đỉnh. Trăm vạn ức trời Phạm Chúng, vây quanh hầu hạ. Trăm vạn ức trời Đại Phạm, khen ngợi tán thán vô lượng công đức.

Có trăm vạn ức Thiên nữ, chuyên tâm rộng tu cúng dường. Có trăm vạn ức trời đồng nguyện, Thiên chúng cỡi trời này, thuở xưa cùng phát nguyện sinh về trời, sẽ được gặp Phật, hoan hỉ như cuồng, cao hứng đến cực điểm, tình

chẳng tự chủ, bèn nhảy nhót lên, quên mất chính mình. Có trăm vạn ức trời cùng ở, Thiên chúng cõi trời này, thưở xưa cùng phát nguyện, sinh về cõi trời, mọi người cùng ở với nhau. Họ đồng thời phát ra âm thanh rất hay, khen ngợi Đức Phật. Có trăm vạn ức Trời Phạm Thân, Thiên chúng cõi trời này, họ tu pháp môn hạnh thanh tịnh, mà được thân thanh tịnh. Họ bày thân ra để cung kính lễ bái Đức Phật. Có trăm vạn ức Trời Phạm Phụ, Thiên chúng cõi trời này, họ chấp tay trên đầu, cung kính hoan nghênh đức Phật. Có trăm vạn ức Trời Phạm Chúng, Thiên chúng cõi trời này, họ vây quanh bốn phía đạo tràng, ủng hộ đạo tràng, khiến cho đạo tràng an tĩnh, không có sự ồn ào. Có trăm vạn ức trời Đại Phạm, Thiên chúng cõi trời này, họ khen ngợi Phật, tán thán Phật có vô lượng vô biên công đức, công đức này suốt thưở vị lai cũng nói không hết được. Trong Phẩm Vào Pháp Giới của Kinh này có nói:

"Hạt bụi tâm niệm đếm biết được
Nước trong biển cả uống hết được
Hư không lường được gió buộc được
Không thể nói hết công đức Phật".

Trăm vạn ức trời Thiên Quang, năm thể sát đất. Trăm vạn ức trời Thiểu Quang, tuyên dương khen ngợi Phật ra đời khó gặp được. Trăm vạn ức trời Vô Lượng Quang, từ xa hướng về đức Phật làm lễ. Trăm vạn ức trời Quang Âm, khen ngợi Như Lai rất khó gặp được. Trăm vạn ức

trời Tịnh, với cung điện đều đi đến đây. Trăm vạn ức trời Thiếu Tịnh, dùng tâm thanh tịnh, cuối đầu làm lễ. Trăm vạn ức trời Vô Lượng Tịnh, nguyện muốn gặp Phật, nằm dài dưới đất. Trăm vạn ức trời Biến Tịnh, cung kính tôn trọng, gần gũi cúng dường.

Có trăm vạn ức trời Quang Thiên, Thiên chúng cõi trời này rất tôn kính Phật. Năm thể sát đất, đánh lễ Đức Phật, biểu thị rất hoan nghênh Phật vì Thiên chúng nói Pháp. Có trăm vạn ức trời Thiếu Quang, Thiên chúng cõi trời này tuyên dương công đức và thần thông của Phật, khen ngợi Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Khi Phật còn ở đời, khó gặp khó thấy, chẳng dễ gì thấy được kim dung của Phật, chẳng dễ gì nghe được Phật nói Pháp. Có trăm vạn ức trời Vô Lượng Quang, Thiên chúng cõi trời này, từ xa hướng về Đức Phật đánh lễ bái lạy. Đại sư Trí Giả, nghe nói ở Ấn Độ có bộ Kinh Lăng Nghiêm, đáng tiếc chưa được truyền sang Trung Quốc, Ngài bèn hướng về phương tây nam lễ bái mười tám năm, cũng không thấy được Kinh Lăng Nghiêm. Đây tức là "vọng bái" (từ xa lễ lạy). Có trăm vạn ức trời Quang Âm, Thiên chúng cõi trời này, khen ngợi tướng tốt quang minh của Phật, oai đức trang nghiêm, rất khó được gặp. Không sinh ra trước Phật, thì sinh ra sau Phật, trăm ngàn vạn ức kiếp khó gặp Phật. Có trăm vạn ức trời Tịnh Thiên, Thiên chúng cõi trời này, chẳng những thân thanh tịnh, mà tâm cũng

thanh tịnh, họ với cung điện của họ ở cùng nhau đến nơi này (Trời Đâu Suất). Có trăm vạn ức trời Thiếu Tịnh, Thiên chúng ở cõi trời này, họ muốn thấy được Phật, nằm dài dưới đất làm lễ. Có trăm vạn ức trời Biến Tịnh, Thiên chúng cõi trời này, cung kính Đức Phật, tôn trọng Đức Phật, gần gũi Phật, cúng dường Phật, biểu thị sự lễ bái chí thành đối với Phật.

Trăm vạn ức trời Quảng Thiên, nhớ lại căn lành thuở xưa. Trăm vạn ức trời Thiếu Quảng, ở chỗ Như Lai, sinh nghĩ tưởng hy hữu. Trăm vạn ức trời Vô Lượng Quảng, quyết định tôn trọng, sinh các nghiệp lành. Trăm vạn ức trời Quảng Quả, cúi mình cung kính. Trăm vạn ức trời Vô Nã, tín căn kiên cố, cung kính lễ bái. Trăm vạn ức trời Vô Nhiệt, chấp tay niệm Phật, chẳng khi nào nhàm đủ. Trăm vạn ức trời Thiện Kiến, đầu mặt làm lễ. Trăm vạn ức trời Thiện Hiện, niệm cúng dường Phật, tâm chẳng giải đãi. Trăm vạn ức trời Sắc Cứu Cánh, cung kính đánh lễ. Trăm vạn ức đủ thứ các vị trời, đều đại hoan hỉ, phát tiếng khen ngợi. Trăm vạn ức chư

Thiên, ai nấy đều tư duy để làm sự trang nghiêm.

Có trăm vạn ức trời Quảng Thiên, Thiên chúng cõi này, họ đắc được túc mạng thông, nghĩ nhớ lại căn lành và tất cả nhân duyên đã tạo trong quá khứ. Có trăm vạn ức trời Thiểu Quảng, Thiên chúng cõi này, họ ở tại chỗ Đức Phật, thấy Phật nghe pháp, nhận rằng đây là cơ hội hiếm có. Họ nghĩ tưởng như thế. Có trăm vạn ức trời Vô Lượng Quảng, Thiên chúng cõi này, thuở xưa họ chẳng tôn trọng Phật. Hiện tại họ gặp được Phật, mới quyết định tôn trọng "Không làm điều ác, làm các điều lành", sinh trưởng tất cả căn lành. Có trăm vạn ức trời Quảng Quả, Thiên chúng cõi này, họ cúi mình cung kính Phật, hoan nghênh Phật đến nói diệu pháp, để khai mở đại trí huệ.

Có trăm vạn ức trời Vô Phiền, Thiên chúng cõi này, rất là mát mẻ, chẳng có phiền não, lắng nghe Phật nói Hoa Nghiêm Pháp lớn, tín căn rất kiên cố, cung kính Phật, lễ bái Phật. Có trăm vạn ức trời Vô Nhiệt, Thiên chúng cõi này, chẳng có nhiệt phiền não, thấy Phật đến nói Pháp, bèn chấp tay lại niệm "Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật". Họ khẩn thiết chí thành, chẳng lúc nào nhàm đủ. Có trăm vạn ức trời Thiện Kiến, Thiên chúng cõi trời này, niệm Phật, cúng dường Phật, rất kiên thành ! Tâm chẳng có lúc nào giải đãi nghỉ ngơi. Có trăm vạn ức trời Sắc Cứu Cánh (tầng trời thứ mười tám thuộc sắc giới). Thiên chúng cõi này, thấy Phật đến nghe pháp, cung kính đánh lễ Phật. Có trăm vạn ức các vị trời, những Thiên chúng này đều đại hoan hỉ, khác miệng cùng lời khen ngợi Phật. Có trăm vạn ức chư Thiên, tức là cõi dục sáu cõi trời, cõi sắc mười tám cõi trời,

cõi vô sắc bốn cõi trời, tổng cộng có hai mươi tám cõi trời. Thiên chúng những cõi trời này, ai nấy đều tư duy để trang nghiêm, hộ trì đạo tràng này.

Trăm vạn ức Bồ Tát Thiên, hộ trì Phật toà, trang nghiêm chẳng đoạn tuyệt. Trăm vạn ức Hoa Thủ Bồ Tát, mưa xuống tất cả hoa. Trăm vạn ức Hương Thủ Bồ Tát, mưa xuống tất cả hương. Trăm vạn ức Man Thủ Bồ Tát, mưa xuống tất cả man. Trăm vạn ức Mạt Hương Thủ Bồ Tát, mưa xuống tất cả hương bột. Trăm vạn ức Đề Hương Thủ Bồ Tát, mưa xuống tất cả hương thoa. Trăm vạn ức Y Thủ Bồ Tát, mưa xuống tất cả y. Trăm vạn ức Cái Thủ Bồ Tát, mưa xuống tất cả lọng. Trăm vạn ức Tràng Thủ Bồ Tát, mưa xuống tất cả tràng. Trăm vạn ức Phan Thủ Bồ Tát, mưa xuống tất cả phan. Trăm vạn ức Bảo Thủ Bồ Tát, mưa xuống tất cả châu báu. Trăm vạn ức Trang Nghiêm Thủ Bồ Tát, mưa xuống tất cả đồ trang nghiêm.

Có trăm vạn ức Bồ Tát Thiên, đó là Thiên hành Bồ Tát đạo. Ở tại đây hộ trì Phật toà, dùng đủ thứ đồ trang nghiêm để trang nghiêm đạo tràng, mà chẳng đoạn tuyệt.

Có trăm vạn ức Hoa Thủ Bồ Tát, các Ngài mưa xuống tất cả hương hoa, để trang nghiêm đạo tràng Hoa Nghiêm Pháp Hội. Hoa Thủ Bồ Tát, thưở xưa rộng tu cúng dường, dùng đủ thứ hương hoa để cúng dường Phật, cho nên tay của các Ngài có thể mưa xuống tất cả hoa quý. Có trăm vạn ức Hương Thủ Bồ Tát, các Ngài trong quá khứ tu hành Bồ Tát đạo, thì đã từng dùng hương để cúng dường Phật Pháp Tăng Tam Bảo, cho nên đắc được hương thủ, có thể mưa xuống tất cả hương để trang nghiêm đạo tràng. Có trăm vạn ức Man Thủ Bồ Tát, trong quá khứ, các Ngài ở trước Phật dùng đủ thứ tràng hoa để trang nghiêm đạo tràng, cho nên đắc được man thủ, có thể mưa xuống tất cả tràng hoa để trang nghiêm đạo tràng. Có trăm vạn ức Mạt Hương thủ Bồ Tát, trong quá khứ, các Ngài ở trước Phật cúng dường hương bột, cho nên đắc được mạt hương thủ, có thể mưa xuống tất cả hương bột để trang nghiêm đạo tràng. Có trăm vạn ức Đồ Hương Thủ Bồ Tát, trong quá khứ, khi tu hành Bồ Tát đạo, dùng hương thoa cúng dường Tam Bảo, cho nên đắc được đồ hương thủ, có thể mưa xuống tất cả hương thoa để trang nghiêm đạo tràng. Có trăm vạn ức Y Thủ Bồ Tát, trong quá khứ, dùng đủ thứ y phục cúng dường Tam Bảo, cho nên đắc được y thủ, có thể mưa xuống tất cả báu để trang nghiêm đạo tràng.

Trăm vạn ức các Thiên Tử, từ thiên cung đi đến chỗ toà của đức Phật. Trăm vạn ức các Thiên Tử, dùng tâm tin thanh tịnh, và cung điện cùng nhau đi đến. Trăm vạn ức sinh quý Thiên Tử, dùng thân giữ

toà. Trăm vạn ức quán đảnh Thiên Tử, dùng toàn thân giữ toà.

Có trăm vạn ức các Thiên Tử, tức cũng là con vua trời. Họ từ cung điện chỗ ở, đi đến chỗ toà của Đức Phật. Có trăm vạn ức các Thiên Tử, dùng tâm tin thanh tịnh và cung điện chỗ ở, cùng đến đạo tràng. Có trăm vạn ức sinh quý Thiên Tử, dùng thân thể của họ để giữ gìn pháp toà của Phật. Có trăm vạn ức quán đảnh Thiên Tử, dùng toàn thân của họ, để giữ gìn pháp toà của Phật.

Trăm vạn ức tư duy Bồ Tát, cung kính tư duy. Trăm vạn ức sinh quý Bồ Tát, phát tâm thanh tịnh. Trăm vạn ức Bồ Tát, các căn vui mừng. Trăm vạn ức Bồ Tát, tâm thanh tịnh thâm sâu. Trăm vạn ức Bồ Tát, tin hiểu thanh tịnh. Trăm vạn ức Bồ Tát, các nghiệp thanh tịnh. Trăm vạn ức Bồ Tát, thọ sinh tự tại. Trăm vạn ức Bồ Tát, pháp quang chiếu sáng. Trăm vạn ức Bồ Tát, thành tựu các bậc. Trăm vạn ức Bồ Tát, khéo giáo hoá tất cả chúng sinh.

Có trăm vạn ức tư duy Bồ Tát, các Ngài cung kính Phật, tư duy về Phật, vào tư duy tam muôi. Có trăm vạn ức sinh quý Bồ Tát, các Ngài phát tâm thanh tịnh, đã lia tất cả nhiễm ô. Có trăm vạn ức Bồ Tát, các Ngài sáu căn đều thanh tịnh, rất là vui mừng. Có trăm vạn ức Bồ Tát, các

Ngài tâm thanh tịnh thâm sâu, chẳng có bất cứ sự hoài nghi gì. Có trăm vạn ức Bồ Tát, các Ngài tin cũng thanh tịnh, hiểu cũng thanh tịnh. Có trăm vạn ức Bồ Tát, các Ngài thân miệng ý ba nghiệp, thấy đều thanh tịnh. Có trăm vạn ức Bồ Tát, các Ngài tùy ý thọ sinh, rất là tự tại, bất cứ ở trong loài chúng sinh nào, tuyệt đối chẳng phiền não. Có trăm vạn ức Bồ Tát, các Ngài thường vì chúng sinh nói pháp, trí huệ quang minh, chiếu khắp tất cả mọi nơi. Chúng sinh được quang minh này chiếu đến, đều lìa khổ được vui. Có trăm vạn ức Bồ Tát, các Ngài đều thành tựu quả vị thập địa (pháp vân địa). Có trăm vạn ức Bồ Tát, các Ngài khéo dùng pháp môn phương tiện quyền xảo, để giáo hoá tất cả chúng sinh, khiến cho họ phát tâm bồ đề, tu đạo vô thượng.

Trăm vạn ức căn lành sinh ra. Trăm vạn ức chư Phật hộ trì. Trăm vạn ức phước đức viên mãn. Trăm vạn ức tâm thù thắng thanh tịnh. Trăm vạn ức đại nguyện nghiêm khiết. Trăm vạn ức thiện hạnh sinh khởi. Trăm vạn ức pháp lành kiên cố. Trăm vạn ức thần lực thị hiện. Trăm vạn ức công đức thành tựu. Trăm vạn ức pháp khen ngợi dùng để khen ngợi.

Do trăm vạn ức căn lành của chư Phật Bồ Tát, sinh ra đủ thứ sự trang nghiêm đạo tràng. Có trăm vạn ức chư Phật Bồ Tát, đồng thời đến hộ trì đạo tràng này, do trăm vạn ức phước đức của chư Phật Bồ Tát tu hành, mà viên

mãn thành tựu đạo tràng này. Có trăm vạn ức chư Phật Bồ Tát tâm thù thắng, đến thanh tịnh trang nghiêm đạo tràng này, do trăm vạn ức đại nguyện của chư Phật Bồ Tát đã phát ra trong quá khứ, mà nghiêm khiết đạo tràng này. Có trăm vạn ức chư Phật Bồ Tát thuở xưa tu pháp lành, đến kiên cố đạo tràng này, do trăm vạn ức thần lực của chư Phật Bồ Tát, thị hiện đủ thứ sự trang nghiêm trong đạo tràng. Có trăm vạn ức công đức của chư Phật Bồ Tát, thành tựu trang nghiêm đạo tràng này. Có trăm vạn ức chư Phật Bồ Tát dùng pháp khen ngợi để khen ngợi Phật, khen ngợi đạo tràng, và khen ngợi hết thầy cảnh giới.

Như Đâu Suất Thiên Vương ở thế giới này, vì Như Lai mà trang trí toà cao. Các Đâu Suất Thiên Vương của tất cả thế giới, cũng đều vì đức Phật, trang trí toà báu. Trang nghiêm như vậy. Nghi thức như vậy. Tin vui thích như vậy. Tâm thanh tịnh như vậy. Vui mừng như vậy. Hoan hỉ như vậy. Tôn trọng như vậy. Sinh nghĩ tưởng hy hữu như vậy. Nhảy nhót như vậy. Khát ngưỡng như vậy, thầy đều giống nhau.

Giống như Đâu Suất Thiên Vương ở thế giới Ta Bà này, vì cúng dường Phật, mà trang trí chung bày toà cao, thỉnh Phật vì tất cả chúng sinh thuyết pháp. Đâu Suất Thiên Vương ở trong mười phương tất cả thế giới, cũng giống hoàn toàn như vậy, thỉnh Phật thuyết pháp, vì Phật mà

chung bày trang trí toà báu. Đâu Suất Thiên Vương ở thế giới Ta Bà, trang nghiêm đạo tràng như vậy. Dùng đủ thứ báu, hương, hoa, lọng, tràng, phan .v.v...Đề nghiêm sức pháp hội. Nghi thức pháp tắc như vậy, thấy Phật từ xa đến, đành lễ bái lạy, thỉnh Phật thăng lên toà thuyết pháp. Tín ngưỡng vui mừng như vậy, sinh ra tâm thanh tịnh, sinh ra tâm hoan hỷ. Cung kính Phật như vậy, tôn trong Phật, khen ngợi Phật, tán thán Phật. Sinh ra nghĩ tưởng hy hữu, nói Phật trăm ngàn kiếp khó gặp được. Nhảy nhót như vậy, khát ngưỡng như vậy. Trong mỗi thế giới khắp mười phương, mỗi vị Đâu Suất Thiên Vương, đều giống như tình hình ở thế giới Ta Bà này.

Bấy giờ, Đâu Suất Thiên Vương, vì Như Lai trang bày toà rồi, tâm sinh tôn trọng, với mười vạn ức A tăng kỳ Thiên tử Đâu Suất, phụng nghênh đức Như Lai.

Lúc đó, Đâu Suất Thiên Vương vì Phật trang trí chung bày toà sư tử rồi, trong tâm rất vui mừng mà sinh tâm tôn trọng, cùng với mười vạn ức A tăng kỳ Đâu Suất Thiên tử, chí thành khẩn thiết đến nghênh tiếp Đức Phật, thỉnh Đức Phật tiến vào Điện Bảo Trang Nghiêm, vì đại chúng khai thị.

Dùng tâm thanh tịnh, mưa xuống mây hoa màu sắc nhiều A tăng kỳ. Mưa mây hương màu sắc không nghĩ bàn. Mưa mây man đủ thứ màu sắc. Mưa mây chiêm đàn

rộng lớn thanh tịnh. Mưa vô lượng đủ thứ mây lọng. Mưa mây y trời đẹp mịn. Mưa vô biên mây báu đẹp. Mưa mây đồ trang nghiêm trời. Mưa vô lượng đủ thứ mây hương đốt. Mưa tất cả mây hương bột chiên đàn trầm thủy kiên cố. Các chúng Thiên tử, ai nấy đều từ trong thân phóng ra các thứ mây đó rồi.

Bấy giờ, trăm ngàn ức A tăng kỳ Đâu Suất Thiên tử, cùng với các chúng Thiên tử khác trong pháp hội, tâm đại hoan hỷ, cung kính đảnh lễ. A tăng kỳ Thiên nữ, nhảy nhót reo mừng, nhìn kỹ đức Như Lai.

Mười vạn A tăng kỳ Đâu Suất Thiên Tử, dùng tâm thuần nhất thanh tịnh, mưa xuống mây hoa nhiều màu sắc A tăng kỳ. Lại mưa mây hương màu sắc không thể nghĩ bàn. Lại mưa mây man đủ thứ màu sắc. Lại mưa mây chiên đàn rộng lớn thanh tịnh. Lại mưa vô lượng đủ thứ mây lọng. Lại mưa mây y trời rất đẹp mịn màng. Lại mưa vô lượng đủ thứ mây các báu đẹp. Lại mưa vô lượng số mây đồ trang nghiêm trời. Lại mưa vô lượng đủ thứ mây hương đốt. Lại mưa tất cả mây hương bột chiên đàn trầm thủy kiên cố. Dùng đủ thứ những mây báu đó, để cúng dường Đức Phật, biểu thị sự cung kính. Tất cả các chúng Thiên Tử, ai nấy từ trong thân phóng ra đủ thứ mây rồi.

Bấy giờ, có trăm ngàn ức A tăng kỳ Thiên Tử, cùng với các chúng Thiên Tử khác trong pháp hội, trong tâm đều đại hoan hỉ, cung kính Phật, đánh lễ Phật. Lại có A tăng kỳ các Thiên nữ, vui mừng tốt độ, nhảy nhót, reo mừng ngưỡng mộ Đức Phật, chiêm ngưỡng Đức Phật rất kỹ.

Trong cung trời Đâu Suất, có các chúng Bồ Tát nhiều bất khả thuyết. Trụ ở trong hư không, chuyên tâm cúng dường đức Phật, nhiều hơn đồ cúng dường của các Thiên tử. Cung kính làm lễ rồi, có A tăng kỳ âm nhạc, đồng thời hoà tấu lên.

Ở trong cung trời Đâu Suất, Điện Bảo Trang Nghiêm, có đại chúng Bồ Tát nhiều bất khả thuyết, trụ ở trong hư không, chuyên tâm hướng về Đức Phật cúng dường. Những đồ cúng dường đó, rất đặc biệt thù thắng, hơn hẳn đồ cúng dường của các Thiên Tử. Các Ngài cung kính Phật, đánh lễ Phật. Lại có A tăng kỳ âm nhạc, đồng thời hoà tấu lên, để cúng dường Đức Phật.

Bấy giờ, do oai thần lực của Như Lai. Do căn lành thuở xưa. Do sức tự tại không thể nghĩ bàn. Tất cả chư Thiên và các Thiên nữ trong cung Đâu Suất, từ xa đều thấy đức Phật, như ở trước mắt. Đồng thời nghĩ rằng: Đức Như Lai ra đời, khó có thể gặp được. Tôi nay được thấy bậc đủ nhất

thiết trí, bậc Chánh Đẳng Giác nơi pháp vô ngại. Tư duy như vậy, quán sát như vậy. Với các chúng hội, thấy đều cùng nhau đồng thời nghênh tiếp đức Như Lai.

Lúc đó, do đại oai thần lực của Đức Phật, sức đại từ bi, sức đại nguyện. Do căn lành thuở xưa. Vì quá khứ tu hành đủ thứ hạnh môn, đắc được sức tự tại không thể nghĩ bàn, nên có sức lực này. Do có những nguyên nhân này, cho nên trong cung trời Đâu Suất, tất cả chư Thiên, các Thiên nữ, thấy đều từ xa nhìn thấy Đức Phật, như ở trước mắt mình mà đến. Họ đồng thời cùng nghĩ như vậy: "Phật xuất hiện ra đời, rất khó được gặp. Nay tôi gặp được Phật ra đời, lại thấy được Phật. Phật là Thánh nhân đầy đủ nhất thiết trí huệ, nơi pháp đắc được tự tại, viên dung vô ngại, đã chứng được quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác". Tư duy như vậy, quán sát như vậy, mọi người đồng thời cùng nhau nghênh tiếp được Phật, nắm thể sát đất kính thỉnh Đức Phật lên pháp toà.

Ai nấy dùng y trời dựng tất cả hoa. Dựng tất cả hương. Dựng tất cả báu. Dựng tất cả đồ trang nghiêm. Dựng tất cả hương bột chiên đàn trời. Dựng tất cả hương trầm thủy trời. Dựng tất cả hương bột báu trời vi diệu. Dựng tất cả hương hoa trời. Dựng

**tất cả hoa trời mạn đà la, thủy đều rải lên
cúng dường đức Phật.**

Các chư Thiên, các Thiên tử, các Thiên nữ, ai nấy đều dùng y trời để đựng tất cả các hoa, đựng tất cả hương, đựng tất cả châu báu, đựng tất cả đồ trang nghiêm, đựng tất cả hương trầm thủy trời, đựng tất cả hương bột báu trời vi diệu, đựng tất cả hương hoa trời, đựng tất cả hoa mạn đà la trời. Dùng đủ thứ hương hoa rải lên phía trên Đức Phật để cúng dường Phật.

Trăm vạn ức Na do tha A tăng kỳ Thiên tử trời Đâu Suất, trụ ở trong hư không, đều ở chỗ đức Phật, khởi tâm trí huệ cảnh giới. Đốt tất cả hương, khói hương kết thành mây, trang nghiêm hư không. Lại ở chỗ đức Phật, khởi tâm hoan hỷ, mưa tất cả mây hoa trời, trang nghiêm hư không. Lại ở chỗ đức Phật, khởi tâm tôn trọng, mưa tất cả mây lọng trời, trang nghiêm hư không. Lại ở chỗ đức Phật, khởi tâm cúng dường, rải tất cả mây man trời, trang nghiêm hư không.

Có trăm vạn ức Na do tha A tăng kỳ Thiên tử trời Đâu Suất, dùng sức căn lành đã tu trong quá khứ, có đại thần thông, do đó mà có thể trụ ở trong hư không. Họ thuở

xưa cũng có tham sân si, vì có tham sân si, cho nên chẳng có trí huệ. Hiện tại họ đều đến chỗ Đức Phật, nhờ đại oai thần lực gia trì của Đức Phật, họ đều sinh ra tâm trí huệ cảnh giới. Họ đốt lên đủ thứ tất cả hương thơm, để cúng dường Phật, khói hương toả lên trên bầu trời Đâu Suất, kết thành mây báu, để trang nghiêm hư không.

Những vị Thiên tử này, lại ở chỗ Đức Phật, sinh khởi tâm hoan hỷ. Vì họ thưở xưa cũng có phiền não. Tại sao ? Vì chẳng có trí huệ. Phàm là người thích nóng giận, đa số là ngu si, vô minh quá nặng, chẳng có công phu hàm dưỡng. Nếu chẳng có vô minh, thì chẳng có phiền não, chẳng có phiền não, thì luôn luôn sinh tâm hoan hỷ. Do đó:

"Từ xưa thần tiên chẳng pháp nào khác
Rộng sinh hoan hỷ chẳng sinh sầu".

Hiện tại Phật đến cung trời Đâu Suất ảnh hưởng tâm tham của họ cũng bớt đi, đều sinh tâm hoan hỷ, mà mưa xuống tất cả mây hoa trời, để trang nghiêm hư không, thanh tịnh hư không.

Những vị Thiên tử này, lại ở chỗ Đức Phật, sinh khởi tâm tôn trọng Phật, mà mưa xuống mây lọng trời, để trang nghiêm hư không, thanh tịnh hư không.

Những vị Thiên tử này, lại ở chỗ Đức Phật, sinh khởi tâm cúng dường Phật, mà rải xuống mây man trời, để trang nghiêm hư không, thanh tịnh hư không.

Lại ở chỗ đức Phật, sinh tâm tin hiểu, giảng bày A tạng kỳ lười vàng, che phủ hư không. Tất cả linh báu, thường vang ra tiếng vi diệu. Lại ở chỗ đức Phật, sinh tâm

ruộng phước tối thắng, dùng A tăng kỳ trưởng, trang nghiêm hư không, mưa tất cả mây chuỗi, chẳng có đoạn tuyệt. Lại ở chỗ Đức Phật, sinh tâm tin thâm sâu, dùng A tăng kỳ các cung điện trời, trang nghiêm hư không. Tất cả nhạc trời vang ra âm thanh vi diệu.

Có trăm vạn ức A tăng kỳ Thiên tử Đâu Suất, lại ở chỗ Đức Phật, sinh ra tâm tin hiểu. Thuở xưa họ tín căn không đầy đủ, chẳng có sinh ra tâm tin. Hiện tại nghe Phật nói pháp, bèn sinh ra tâm tin. Do đó:

"Phật pháp như biển,
Tin mới vào được".

Có tâm tin, mới vào được trong biển cả Phật pháp. Vào trong biển Phật pháp, mới minh bạch Phật pháp triệt để. Họ giăng bày vô lượng số lưới vàng, che phủ trong hư không. Trên lưới vàng lại treo rất nhiều linh báu. Khi gió thổi, linh báu sẽ vang ra tiếng hay vi diệu, trong tiếng đó diễn nói diệu pháp, để giáo hoá tất cả chúng sinh.

Vô lượng số những Thiên tử đó, lại ở chỗ Đức Phật, sinh ra tâm ruộng phước tối thắng, nói Phật là ruộng phước thù thắng nhất. Nếu chúng sinh muốn gieo trồng ruộng phước, thì phải cúng dường Tam Bảo. Do đó:

"Hiền Thánh phước điền Tăng".

Họ dùng vô lượng số trưởng báu, trang nghiêm trong hư không. Lại mưa tất cả mây chuỗi. Thứ mây đó nhìn rất

đẹp và trang nghiêm, chẳng có lúc nào gián đoạn. Thời thời trang nghiêm đạo tràng, thời thời thanh tịnh đạo tràng, thỉnh Phật diễn xướng Hoa Nghiêm đại pháp, khiến cho người nghe khai mở đại trí huệ.

Vô lượng số những Thiên tử này, lại ở chỗ Đức Phật, sinh khởi tâm tin thâm sâu. Tin thâm sâu tức là kiên cố không nghi ngờ. Dùng vô lượng số các cung điện trời để trang nghiêm hư không. Ở trong mỗi cung điện, vang ra hết thảy tiếng nhạc trời. Trong tiếng nhạc đó, lại vang ra tiếng hay vi diệu, rất là êm tai. Khiến cho người nghe được tiếng này, thì tất cả phiền não đều quét sạch.

Lại ở chỗ đức Phật, sinh tâm tối thắng khó gặp. Dùng A tăng kỳ mây y trời đủ thứ màu sắc, trang nghiêm hư không. Mưa xuống đủ thứ diệu y không gì sánh bằng. Lại ở chỗ đức Phật, sinh tâm vô lượng hoan hỉ nhảy nhót. Dùng A tăng kỳ các mũ báu trời, trang nghiêm hư không, mưa xuống vô lượng mũ trời, rộng lớn kết thành mây. Lại ở chỗ đức Phật, sinh tâm hoan hỉ. Dùng A tăng kỳ châu báu đủ thứ màu sắc, trang nghiêm hư không. Mưa xuống tất cả mây chuỗi, không có đoạn tuyệt.

Vô lượng số các Thiên tử đó, lại ở chỗ Đức Phật, sinh ra tâm tối thù thắng khó gặp nhất. Vì Phật xuất hiện ra

đời, phải trải qua bao nhiêu năm, mới thị hiện một lần. Hiện tại gặp Phật đến thuyết pháp, thật là cơ hội tốt ngàn năm khó gặp. Cho nên dùng vô lượng mây y trời nhiều màu sắc, để trang nghiêm hư không. Từ trong mây y trời, mưa xuống đủ thứ y đẹp không thể sánh.

Vô lượng số các Thiên tử đó, lại ở chỗ Đức Phật, sinh ra tâm hoan hỷ vô lượng vô biên, tình chẳng tự chủ được, mà nhảy nhót lên, phần khởi như được châu báu. Dùng vô lượng số các mũ báu trời, để trang nghiêm hư không. Từ trong mũ báu, lại mưa xuống vô lượng mũ trời, đủ thứ sự biến hoá, kết thành mây mũ báu trời.

Vô lượng số các Thiên tử đó, lại ở chỗ Đức Phật, sinh ra tâm hoan hỷ. Sự hoan hỷ này là vì cầu pháp mà hoan hỷ, chứ chẳng phải vì cầu dục mà hoan hỷ. Cho nên dùng vô lượng số châu báu đủ thứ màu sắc, để trang nghiêm hư không. Từ trong sắc báu, mưa xuống tất cả mây chuỗi, luôn luôn trang nghiêm đạo tràng, chẳng có lúc nào gián đoạn.

Trăm ngàn ức Na do tha A tăng kỳ Thiên tử, đều ở chỗ đức Phật, sinh tâm tin thanh tịnh, rải vô số hoa trời đủ thứ màu sắc, đốt lên vô số hương trời đủ thứ màu sắc, để cúng dường Như Lai. Lại ở chỗ đức Phật, khởi tâm đại trang nghiêm biến hoá, cầm vô số hương bột chiên đàn trời đủ thứ màu sắc, rải lên Như Lai để cúng dường. Lại ở chỗ đức Phật, khởi tâm hoan hỷ nhảy nhót, cầm vô lượng lọng đủ thứ màu sắc, đi

theo Như Lai. Lại ở chỗ Đức Phật, khởi tâm tăng thượng, cầm vô số y báu trời đủ thứ màu sắc, trải trên đường để cúng dường Như Lai. Lại ở chỗ Đức Phật, khởi tâm thanh tịnh, cầm vô số tràng báu trời đủ thứ màu sắc, để nghênh tiếp cúng dường Như Lai.

Có trăm vạn ức A tăng kỳ các Thiên tử, đều ở chỗ Đức Phật sinh tâm tin thanh tịnh. Rải khắp vô lượng số hoa trời đủ thứ màu sắc, đốt lên vô số lượng hương trời đủ thứ màu sắc, để cúng dường Đức Phật.

Lại ở chỗ Đức Phật, sinh khởi tâm đại trang nghiêm biến hoá, tận hư không khắp pháp giới, thấy đều trang nghiêm. Tại sao lại có cảnh giới như thế ? Vì có thần thông biến hoá. Ở thế giới Ta Bà trang nghiêm như vậy, trong mười phương thế giới, cũng đều trang nghiêm như vậy. Do đó: "Biến hoá khó dò", là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Họ cầm vô số lượng hương bột chiên đàn trời đủ thứ màu sắc, rải lên trên Đức Phật, để cúng dường Đức Phật.

Lại ở chỗ Đức Phật, sinh khởi tâm hoan hỷ và nhảy nhót. Tại sao ? Vì thấy Phật nghe pháp, đây là cơ hội ngàn năm một thuở, cho nên hoan hỷ như cuồng, chẳng tự chủ được, nên tay múa chân nhảy. Đây là sự vui mừng đến cực điểm, mới có sự biểu hiện này. Họ cầm vô số lượng lọng báu đủ thứ màu sắc, đi theo Đức Phật. Phật đến đâu thì họ cầm lọng báu đi theo Phật đến đó.

Lại ở chỗ Đức Phật, sinh khởi tâm tăng thượng, tức cũng là dũng mãnh tinh tấn, chẳng có tư hào tư tưởng giải đãi. Họ cầm vô số lượng y báu trời đủ thứ màu sắc. Thứ y phục này, giống như trái trái đường, trái ở trên đường. (hiện tại khi nghênh tiếp các nguyên thủ quốc gia, tại phi trường, đều trái trái đỏ, biểu thị sự nghênh tiếp). Trong Kinh vẫn nói các chư Thiên thỉnh Đức Phật đi trên y trời, đây là biểu thị sự cung kính với Phật. Đây là một thứ đồ cúng dường, dâng lên cúng dường Đức Phật.

Lại ở chỗ Đức Phật, sinh khởi tâm thanh tịnh, thanh tịnh như gương sáng, chẳng có bụi bặm dính. Họ cầm vô số lượng tràng báu trời đủ thứ màu sắc, cúng dường nghênh tiếp Đức Phật. Đây là biểu thị sự trang nghiêm và giao tiếp, khiến cho người thấy, phát tâm khởi kính, hướng Phật đánh lễ.

Lại ở chỗ đức Phật, khởi tâm tăng thượng hoan hỷ, cầm vô số đồ trang nghiêm trời đủ thứ màu sắc, cúng dường Như Lai. Lại ở chỗ đức Phật, sinh tâm tin bất hoại, cầm vô số man báu trời, cúng dường Như Lai. Lại ở chỗ đức Phật, sinh tâm hoan hỷ vô tỉ. Cầm vô số phan báu trời đủ thứ màu sắc, cúng dường Như Lai. Trăm ngàn ức Na do tha A tăng kỳ các Thiên tử, dùng tâm điều thuận tịch tĩnh không phóng dật,

cầm vô số nhạc trời đủ thứ màu sắc, vang ra âm thanh vi diệu, cúng dường Như Lai.

Trăm ngàn ức Na do tha A tăng kỳ các Thiên tử, lại ở chỗ Đức Phật, sinh khởi tâm tăng thượng hoan hỷ. Tức cũng là hoan hỷ lại tăng thêm hoan hỷ. Họ cầm vô số lượng đồ trang nghiêm trời đủ thứ màu sắc, tức cũng là các thứ đồ trang nghiêm, để cúng dường Đức Phật.

Lại ở chỗ Đức Phật, sinh tâm tin bất hoại. Thứ tâm tin này rất kiên cố, không dễ gì phá hoại được. Có thể nói có đủ trí huệ chánh tri chánh kiến, không thể bị tà tri tà kiến phá hoại. Họ cầm vô số lượng man báu trời đủ thứ màu sắc. Thứ man báu này là dùng hoa trời kết thành, không những tươi tốt mà còn vĩnh viễn không héo tàn, dùng để cúng dường Đức Phật.

Lại ở chỗ Đức Phật, sinh tâm hoan hỷ vô tỉ. Tâm hoan hỷ này là do pháp hoan hỷ sung mãn mà có được, cho nên chẳng có sự vui nào sánh bằng. Họ cầm vô số lượng phan báu trời đủ thứ màu sắc, để cúng dường Đức Phật. Dùng phan này để trang nghiêm đạo tràng, cung thỉnh Phật nói Hoa Nghiêm pháp lớn.

Có trăm vạn ức Na do tha A tăng kỳ các Thiên tử, dùng tâm điều thuận tịch tĩnh chẳng có phóng dật: Điều là điều hoà, thuận là nhu thuận. Tánh tình nhu hoà, thuận thọ nơi tâm, mà đắc được tự tại. Tịch là tịch nhiên bất động, Do đó: "Tĩnh cực quang thông đạt". Tịch tĩnh đến cực điểm, sẽ sinh ra trí huệ quang minh. Đắc được cảnh giới này, thì thời thời khắc khắc sẽ chẳng phóng dật. Phóng dật tức là không giữ quy cụ, Do đó: "Vô quy cụ bất thành phương viên". Nghĩa là không có quy cụ thì không thể

thành vuông tròn đượ". Chúng ta người tu đạo, nhất định phải giữ gìn quy cụ mà tu hành, không đượ giải đãi (lười biếng), không đượ phóng dật (tuỳ tiện). Họ cảm vô số lượng khí nhạc trời đủ thứ màu sắc, diễn tấu đủ thứ âm thanh vi diệu, khen ngợi công đức của Phật, tán thán công đức của Phật, dùng sự trang nghiêm này để cúng dường Đức Phật.

Ở trước dùng đủ thứ sắc trần để cúng dường Phật. Dùng đủ thứ thanh trần để cúng dường Phật. Dùng đủ thứ hương trần để cúng dường Phật. Dùng đủ thứ vị trần để cúng dường Phật. Dùng đủ thứ đồ trang nghiêm để cúng dường Phật. Hiện tại dùng đủ thứ âm nhạc để cúng dường Phật. Những vị Thiên tử này, phát đại nguyện rộng tu cúng dường, tận hết khả năng của họ để cúng dường Phật.

Trăm ngàn ức Na do tha bất khả thuyết các chúng Bồ Tát, ở trước cung trời Đâu Suất. Dùng pháp sinh ra vượt qua từ ba cõi. Hành sinh ra lìa các phiền não. Tâm sinh ra khắp cùng vô ngại. Pháp sinh ra phương tiện thâm sâu. Trí sinh ra rộng lớn vô lượng. Niềm tin thanh tịnh kiên cố tăng trưởng. Căn lành không nghĩ bàn sinh ra. A tăng kỳ thiện xảo biến hoá thành tựu. Tâm cúng dường Phật hiện ra. Ấn pháp môn vô tác, các đồ cúng dường vượt hơn chư Thiên, để cúng dường đức Phật.

Có trăm vạn ức Na do tha bất khả thuyết các chúng Bồ Tát, ở trước cung trời Đâu Suất, họ dùng pháp sinh ra vượt qua từ ba cõi (lục độ vạn hạnh). Hành sinh ra từ lia khỏi tất cả phiền não (phá trừ vô minh). Tâm sinh ra từ khắp cùng vô ngại. Pháp sinh ra từ phương tiện thâm sâu. Trí huệ rộng lớn vô lượng sinh ra. Tâm tin thanh tịnh kiên cố tăng trưởng. Căn lành không thể nghĩ bàn sinh khởi. A tăng kỳ thiện xảo biến hoá thành tựu. Tâm cúng dường Phật hiện ra. Pháp môn ẩn chứng từ vô tác (không tu không chứng). Đồ cúng dường vượt hơn chư Thiên, để cúng dường Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Dùng tất cả lọng báu từ Ba La Mật sinh ra. Tất cả trướng hoa từ nơi hiểu thanh tịnh tất cả cảnh giới Phật sinh ra. Tất cả y từ vô sinh pháp nhẫn sinh ra. Tất cả lưới linh vào pháp kim cương tâm vô ngại sinh ra. Tất cả hương kiên cố, từ tâm hiểu tất cả pháp như huyễn sinh ra. Tất cả Phật chúng toà diệu báu, từ tâm khắp cùng tất cả Phật cảnh giới Như Lai toà sinh ra. Tất cả tràng báu, từ cúng dường Phật tâm không giải đãi sinh ra. Tất cả cung điện báu chỗ Phật ở, từ sự hiểu các pháp như mộng tâm hoan hỉ sinh ra.

Dùng tất cả lọng báu từ Ba La Mật sinh ra, tất cả trướng hoa từ hiểu thanh tịnh tất cả cảnh giới Phật sinh ra. Tất cả y trời từ vô sinh pháp nhẫn sinh ra. Tất cả lưới linh từ vào pháp kim cương tâm vô ngại sinh ra. Tất cả hương kiên cố, từ tâm hiểu rõ tất cả pháp như huyễn sinh ra. Tất cả Phật chúng toà báu diệu, từ tâm khắp cùng tất cả Phật cảnh giới Như Lai toà sinh ra. Tất cả tràng báu, từ sự cúng dường Phật tâm không giải đãi sinh ra. Tất cả cung điện báu chỗ Phật ở, do sự thấu hiểu các pháp như mộng tâm hoan hỷ sinh ra.

Không chấp trước căn lành, không sinh căn lành, sinh ra tất cả mây hoa sen báu. Tất cả mây hương kiên cố. Tất cả mây hoa vô biên sắc. Tất cả mây y đủ thứ sắc đẹp. Tất cả mây hương chiên đàn thanh tịnh vô biên. Tất cả mây lọng báu đẹp trang nghiêm. Tất cả mây hương đốt. Tất cả mây man đẹp. Tất cả mây đồ trang nghiêm thanh tịnh, đều khắp pháp giới, vượt hơn đồ các chư Thiên cúng dường, để cúng dường Phật.

Căn lành do không có sự chấp trước và căn lành không sinh không diệt, sinh ra tất cả mây hoa sen báu. Tất cả mây hương kiên cố. Tất cả mây hoa vô biên màu sắc. Tất cả mây y đủ thứ sắc đẹp. Tất cả mây hương chiên đàn vô biên thanh tịnh. Tất cả mây mây lọng báu đẹp trang

nghiêm. Tất cả mây hương hốt. Tất cả mây man đẹp. Tất cả mây đồ trang nghiêm thanh tịnh. Hết thấy những thứ mây này, đều khắp cùng pháp giới, vượt hơn đồ cúng dường của chư Thiên, đều đem cúng dường Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Trên mỗi thân của các Bồ Tát đó, đều hiện ra bất khả thuyết trăm ngàn ức Na do tha Bồ Tát, thấy đều đầy khắp pháp giới hư không giới. Tâm của các ngài đồng với ba đời chư Phật. Dùng pháp từ không điên đảo khởi lên, sức gia trì của vô lượng Như Lai, khai thị chúng sinh đạo an ổn. Đầy đủ bất khả thuyết danh vị cú. Vào khắp vô lượng pháp, trong tất cả Đà la ni, sinh ra tạng biện tài không thể cùng tận. Tâm chẳng sợ hãi. Sinh đại hoan hỷ, dùng bất khả thuyết vô lượng vô tận, như thật khen ngợi pháp, khen ngợi Như Lai, chẳng có nhàm đủ.

Các Bồ Tát xuất hiện từ cung trời Đâu Suất, trên thân của mỗi vị Bồ Tát, lại hoá hiện ra bất khả thuyết trăm ngàn ức Na do tha các Bồ Tát. Những hoá thân Bồ Tát đó, đều đầy khắp pháp giới, đầy khắp hư không giới. Tâm của Bồ Tát đồng với mười phương ba đời tất cả chư Phật, tức cũng là hợp mà làm một. Là từ pháp không điên đảo sinh

ra, được sức gia bị của mười phương vô lượng chư Phật. Các Ngài khai thị đạo an ổn cho tất cả chúng sinh, tức là làm thế nào thoát khỏi ba cõi, làm thế nào đắc được an vui. Các Ngài lại đầy đủ đạo lý bất khả thuyết danh vị cú, vào khắp trong vô lượng pháp. Trong tất cả các môn tông trì, sinh ra pháp tạng biện tài không thể cùng tận. Bồ Tát đắc được sự gia trì của chư Phật, nên trong tâm chẳng có tư tưởng sợ hãi sinh tử, do đó nương thuyền từ bi trở lại, thường đến nhân gian, hiện ra các thứ thân hình, để giáo hoá chúng sinh. Vì có tâm từ bi, chẳng phân oán thân, đều xem như nhau, cho nên sinh đại hoan hỷ. Các Ngài độ hoá chúng sinh chẳng có lúc nào nhàm chán. Dùng bất khả thuyết vô lượng vô tận như thật khen ngợi pháp, khen ngợi công đức của Phật. Bất cứ lúc nào, cũng chẳng cảm thấy nhàm mỏi và biết đủ.

Bấy giờ, tất cả chư Thiên, và các chúng Bồ Tát, thấy Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không thể nghĩ bàn, đại anh hùng trong loài người.

Lúc đó, hết thấy tất cả chư Thiên, hết thấy tất cả Bồ Tát, họ thấy được cảnh giới của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, biết là không thể nghĩ bàn. Phật là bậc đại anh hùng trong loài người, cho nên các Chùa đều có ghi câu "đại hùng bảo điện".

Thân Phật vô lượng, không thể tính đếm. Hiện đủ thứ thần biến không thể nghĩ

bàn. Khiến cho vô số chúng sinh, tâm đại hoan hỷ. Khắp cùng tất cả hư không giới tất cả pháp giới. Dùng sự trang nghiêm của Phật mà trang nghiêm cho mình, khiến cho tất cả chúng sinh an trụ nơi căn lành. Thị hiện vô lượng thần lực của chư Phật, vượt qua tất cả các đường lối lẽ. Các đại Bồ Tát cùng khâm phục kính ngưỡng. Tuỳ sự ứng hoá, đều khiến cho họ hoan hỷ. Trụ nơi thân rộng lớn của chư Phật. Công đức căn lành đều đã thanh tịnh, sắc tướng bậc nhất, chẳng có ai hơn được.

Hoá thân của Phật thị hiện vô lượng vô biên, không thể nào tính đếm được. Lại hiện ra đủ thứ thân thông biến hoá không thể nghĩ bàn, khiến cho tất cả chúng sinh, thấy được cảnh giới của Phật, đều đại hoan hỷ. Pháp thân của Phật sung mãn khắp cùng tất cả hư không giới, lại sung mãn khắp tất cả pháp giới. Do đó: "Tận hư không, khắp pháp giới". Những vị đại Bồ Tát này, dùng sự trang nghiêm của Phật, làm trang nghiêm của mình. Khiến cho tất cả chúng sinh đều an trụ vào căn lành của họ đã gieo trồng, đắc được sức tinh tấn không thôi chuyển. Thị hiện vô lượng sức thần thông của chư Phật, vượt qua tất cả sự hình dung của lời nói. Vì tất cả các đại Bồ Tát cùng nhau khâm phục và kính ngưỡng. Tuỳ chúng sinh được giáo hoá, đều khiến cho họ đắc được đại hoan hỷ, trụ nơi thân rộng lớn

của chư Phật. Pháp thân của Phật đầy khắp mọi nơi, công đức của Phật rớt ráo thanh tịnh viên mãn, căn lành của Phật hoàn toàn thanh tịnh mà thành thực. Sắc tướng của Phật đều bậc nhất, có ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp. Chẳng có ai có thể vượt hơn cảnh giới của Phật.

Cảnh giới trí huệ không thể cùng tận, từ trong tam muội vô tử sinh ra. Thân Phật chẳng có bờ mé, trụ khắp ở trong tất cả thân chúng sinh. Khiến cho vô lượng chúng sinh đều đại hoan hỷ, khiến cho tất cả chúng tánh trí huệ không đoạn tuyệt.

Cảnh giới trí huệ của Phật không thể cùng tận, là từ trong tam muội không thể so sánh sinh ra. Pháp thân của Phật chẳng có bờ mé, trụ khắp ở trong tất cả thân chúng sinh, khiến cho vô lượng chúng sinh đều đại hoan hỷ. Khiến cho chúng tánh nhất thiết trí huệ vĩnh viễn chẳng đoạn tuyệt.

Chúng ta chúng sinh với chư Phật, có quan hệ không thể phân ly, chư Phật đã thành Phật, chúng sinh chưa thành Phật. Pháp thân của Phật trụ khắp trong thân chúng sinh chưa thành Phật. Do đó:

"Nay con đều hiểu các Như Lai,
Như Lai với con không khác biệt.
Như Lai thường ở trong thân con,
Như Lai tức là ngã chân như".

Chư Phật chẳng lìa khỏi thân của chúng ta, cho nên đừng đi khắp nơi tìm Phật. Chỉ cần quay đầu lại, thì có thể sẽ thấy được Phật. Do đó:

"Biên khô không bờ
Quay đầu là bến".

Nếu bạn giác ngộ tất cả các pháp, tức là trở về nguồn cội, cũng là rõ tâm thấy tánh, nghĩa là chứng được bản thể của Như Lai.

Chúng ta chúng sinh đều đang sống ở trong pháp thân Như Lai, nếu chẳng phải ở trong pháp thân Như Lai, thì chúng sinh cũng đều chết. Giống như trong thân thể của mỗi người chúng ta, đều có vô lượng vi khuẩn. Những vi khuẩn này, nương thân người mà tồn tại. Con người chết đi, thì vi khuẩn cũng chết. Pháp thân Như Lai ví như thân thể con người, chúng sinh ví như vi khuẩn. Chúng ta tồn tại ở trong pháp thân Như Lai, cũng giống như vi khuẩn tồn tại ở trong thân người, cùng một đạo lý. Pháp thân của Như Lai không thể nào chết, mà chúng ta ở trong luân hồi chuyển lại chuyển đi, sinh tồn ở trong luân hồi. Bản tánh của chúng ta tức là Phật tánh. Do đó:

"Tất cả chúng sinh,
Đều sẽ thành Phật".

Đáng tiếc chúng ta không biết tu hành, cho nên chưa có thể thành Phật.

Bồ Tát trụ nơi chỗ trụ rốt ráo của chư Phật. Sinh vào nhà của ba đời chư Phật. Khiến cho các chúng sinh nhiều không thể

tính đẽm, sinh niềm tin hiểu biết thanh tịnh. Khiến cho trí huệ của tất cả Bồ Tát đều thành tựu. Các căn vui thích. Mây pháp che khắp hư không pháp giới. Giáo hoá điều phục chúng sinh không sót thừa. Tuỳ tâm chúng sinh, đều khiến cho họ được đầy đủ. Khiến cho họ an trụ nơi trí huệ không phân biệt, vượt qua trên tất cả chúng sinh.

Bồ Tát trụ nơi chỗ trụ rốt ráo của chư Phật, tức là Thường Tịch Quang Tịnh Độ, tức cũng là quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bồ Tát sinh vào trong nhà của mười phương ba đời tất cả chư Phật, tức cũng là trí huệ rốt ráo thanh tịnh. Thường ở chung với Phật, nghe pháp nghe Kinh, sớm sẽ thành Phật. Phật là cha lành của chúng ta, thương xót chúng ta, giáo hoá chúng ta, khiến cho chúng ta tu hành, chứng đạo, khổ nhọc dạy dỗ, khuyên chỉ dạy không biết chán.

Phật có thể khiến cho chúng sinh nhiều bất khả số, tin sâu pháp thanh tịnh, tức là siêng tu giới định huệ, để diệt trừ pháp nhiễm ô, tức là tiêu diệt tham sân si. Phật có thể khiến cho trí huệ của tất cả Bồ Tát, đều có thể thành tựu, đắc được đại viên cảnh trí. Bồ Tát tự giác cũng viên mãn, giác tha cũng viên mãn. Trí huệ này sẽ thành tựu đạo quả của chính mình. Sáu căn vui thích: Tức là bên ngoài hiện ra hiện tượng hoan hỷ, bên trong cũng có tâm hoan hỷ. Mây pháp giáo hoá chúng sinh, che phủ khắp tất cả mọi

nơi, tức cũng là tận hư không biến pháp giới. Bồ Tát giáo hoá chúng sinh, điều phục chúng sinh. Tuy nhiên chúng sinh ở trong thế giới Ta Bà, khó điều khó phục, nhưng hết thấy chúng sinh cang cường, đều bị điều phục, chẳng có một chúng sinh nào chẳng bị điều phục. Bồ Tát tùy thuận tâm nguyện của chúng sinh, khiến cho họ được đầy đủ. Muốn cầu gì thì khiến cho họ được cái đó; hy vọng việc gì, thì khiến cho họ thành công việc đó. Khiến cho tất cả chúng sinh, an trụ nơi trí huệ không có sự phân biệt, vượt qua trên tất cả chúng sinh.

Đắc được nhất thiết trí, phóng đại quang minh. Cản lạnh đời trước đều khiến cho hiển hiện. Khấp khiến cho tất cả chúng sinh, phát tâm đại nguyện. Khiến cho họ an trụ nơi trí huệ Phổ Hiền không thể hoại. Trụ khắp tất cả cõi nước chúng sinh. Trụ trong chánh pháp bất thối mà sinh ra. Trụ nơi tất cả pháp giới bình đẳng. Biết rõ cơ nghi tâm của chúng sinh. Hiện bất khả thuyết bất khả thuyết đủ thứ thân Như Lai khác nhau. Chẳng phải lời lẽ thế gian có thể khen ngợi hết được. Hay khiến cho tất cả chúng sinh thường nhớ niệm Phật. Đầy khắp pháp giới, rộng độ quần sinh. Tùy người sơ pháp tâm muốn được lợi ích, mà

dùng pháp bố thí, khiến cho họ được điều phục. Tin hiểu thanh tịnh, thị hiện sắc thân, không thể nghĩ bàn.

Khiến cho tất cả chúng sinh, đều đắc được nhất thiết trí huệ, phóng ra đại quang minh, chiếu khắp mười phương thế giới. Khiến cho tất cả chúng sinh, thưở xưa đã tạo tất cả nghiệp thiện, gieo trồng tất cả căn lành, đều khiến cho hiển hiện ra. Khiến cho tất cả chúng sinh, đều biết rõ căn lành của mình trong đời trước như thế nào. Khắp khiến cho tất cả chúng sinh, phát tâm rộng lớn.

Giống như chúng ta lần này đã thất Đại Bi, Quả Đĩnh (Thầy Hằng Triều) tự biết đời trước của mình (vua Lương Võ Đế tái sinh), cho nên pháp danh là Quả Đĩnh, hiệu là Hằng Triều. Nghĩa là triều đĩnh. Anh ta biết đời này và hiện tại phải làm gì, nên quy y Tam Bảo, biết rồi, anh ta phát tâm rộng lớn, cũng ảnh hưởng đến rất nhiều người phát tâm rộng lớn. (Ghi chú: Tháng 5/1977, Thầy Hằng Thật vì cầu cho thế giới hoà bình, mà phát tâm "Tam bộ nhất bái", từ Chùa Kim Luân ở Los Angeles lạy đến Vạn Phật Thánh Thành, dài khoảng hơn bảy trăm dặm. Dùng hành động để cảm hoá người đời, cải ác hướng thiện. Thầy Hằng Triều thọ sự cảm động, bèn phát tâm làm hộ pháp cho Thầy Hằng Thật, chiếu cố Thầy Hằng Thật.

Khiến cho tất cả chúng sinh, an trụ trong trí huệ Phổ Hiền Bồ Tát, kiên cố xa xa không thể hoại. Bồ Tát khắp trụ ở trong cõi nước của tất cả chúng sinh. Từ trong chánh pháp bất thối chuyển sinh ra. Thường trụ trong tất cả pháp giới bình đẳng. Thấu suốt biết rõ mọi sự mong muốn trong tâm của tất cả chúng sinh. Hiện ra bất khả thuyết bất khả

thuyết đủ thứ thân Như Lai khác nhau. Chẳng phải lời lẽ và văn từ thế gian có thể khen ngợi hết được. Chư Phật Bồ Tát dùng sức thần thông cảm ứng đạo giao, khiến cho hết thảy tất cả chúng sinh, thường nhớ niệm Phật, thường nghĩ tưởng đến Phật, thì tương lai nhất định sẽ gặp Phật. Thân Như Lai hiện ra sung mãn pháp giới, và tất cả cõi Phật, hay rộng độ tất cả chúng sinh. Tùy thuận những người ban đầu phát tâm mong cầu, đều khiến cho họ đắc được lợi ích. Tức cũng là, ai muốn cầu thành Phật mà phát tâm, thì khiến cho họ đều thành Phật. Ai cầu thần thông mà phát tâm, thì khiến cho họ đắc được thần thông. Dùng Phật pháp để bố thí cho chúng sinh, khiến cho chúng sinh càng cường, đều được điều phục, đắc được sự tin hiểu, đắc được thanh tịnh. Thị hiện vô lượng sắc thân, đây thật là cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Bình đẳng quán sát chúng sinh, tâm không chấp trước, trụ nơi vô ngại. Đắc được mười lực của Phật, không có chướng ngại. Tâm thường ở trong định, chưa từng tán loạn, trụ nhất thiết trí.

Bồ Tát bình đẳng quán sát tất cả chúng sinh, chẳng có tâm phân biệt, chẳng có tâm chấp trước, trụ nơi cảnh giới viên dung vô ngại, đắc được mười thứ lực của Phật. Chẳng có mọi sự chướng ngại, nhậm vận vô ngại. Tâm chư Phật Bồ Tát, thường ở trong định, chưa từng tán loạn, trụ nơi nhất thiết trí huệ.

Khéo khai thị diễn nói đủ thứ câu văn nghĩa lý chân thật. Vào được biển trí huệ thâm sâu không bờ. Sinh ra vô lượng công đức trí huệ tạng.

Bồ Tát khéo khai thị diễn nói đủ thứ lời lẽ, đủ thứ câu văn, đủ thứ diệu pháp, đều là nghĩa lý chân thật, hoàn toàn vào sâu được tạng Kinh, đắc được trí huệ không bờ bến, như biển cả. Hay sinh ra vô lượng công đức trí huệ tạng.

Luôn luôn dùng Phật nhục, chiếu khắp pháp giới. Tùy theo nguyện lực thuở xưa, thường hiện không ẩn mất. Luôn luôn trụ nơi pháp giới, trụ chỗ Phật trụ, chẳng có biến đổi. Nơi cái ta và của ta đều chẳng chấp trước. Trụ nơi pháp xuất thế gian, chẳng nhiễm pháp thế gian.

Bồ Tát luôn luôn dùng Phật nhục, chiếu sáng khắp thế giới. Tùy theo nguyện lực thuở xưa đã phát, thường xuất hiện ra đời, mà chẳng vào Niết Bàn. Luôn luôn trụ nơi pháp giới, trụ ở chỗ Phật trụ, chẳng có lúc nào biến đổi. Đối với cái ta và của ta đều chẳng chấp trước. Chúng ta chúng sinh đối với cái ta và của ta, hai sự việc này nhìn chẳng thấu được, buông bỏ chẳng đặng, có sự chấp trước, đây là thân thể của ta, phải thương yêu nó, phải bảo vệ nuôi dưỡng nó, phải lo cho nó. Cho nên suốt ngày vì nó mà phải

bận rộn, tức nhiên có cái ta, thì sinh ra tư tưởng sở hữu của ta: Đây là thuộc về ta, kia là sở hữu của ta. Nói rộng ra, đây là đất nước của ta, đây là nhà của ta, đây là tài sản của ta. Có cái ta rồi thì có sở hữu của ta—đây tức là ích kỷ, tự lợi. Nếu chẳng ích kỷ, thì chẳng có cái ta. Nếu chẳng có tự lợi, thì chẳng có sở hữu của ta. Vậy, cái ta không có, của ta không có, đây tức là pháp xuất thế gian. Khi tu đến trình độ này thì đắc được giải thoát, tất cả đều tự tại. Tuy trụ tại pháp xuất thế, nhưng đối với pháp thế gian chẳng nhiễm trước. Tóm lại, không bị pháp thế gian làm giao động, không bị cảnh giới chuyển biến, đây là yếu tố của pháp xuất thế gian.

Nơi tất cả thế gian, kiến lập tràng trí huệ. Trí huệ đó rộng lớn, vượt khỏi thế gian. Không nhiễm trước, cứu các chúng sinh, khiến cho họ thoát khỏi bùn lầy, để nơi trí huệ tối thượng. Hết thấy phước đức, lợi ích chúng sinh, mà không hết được. Biết rõ trí huệ của tất cả Bồ Tát, tin và xu hướng quyết định, sẽ thành Chánh Giác. Dùng đại từ bi, hiện bất khả thuyết vô lượng thân Phật, đủ thứ sự trang nghiêm. Dùng âm thanh vi diệu, để diễn nói vô lượng pháp. Tùy theo ý của chúng sinh, đều khiến cho họ được đầy đủ.

Ở trong tất cả thế gian, kiến lập tràng trí huệ. Tràng là hình tướng vuông tròn, biểu thị dùng trí huệ quang minh chiếu khắp tất cả chúng sinh. Thứ trí huệ này rộng lớn không thể sánh, vượt qua pháp thế gian, chẳng có nhiễm trước. Đã lìa khỏi sự chấp trước cái ta và của ta, thì còn gì để chấp trước ? Có thể cứu độ khổ não của tất cả chúng sinh, khiến cho chúng sinh thoát khỏi bùn lầy, để họ ở nơi trí huệ vô thượng, tức cũng là đạt đến quả vị Phật.

Chúng ta chúng sinh ở trong bùn lầy như huyễn, như hoá, mà chẳng tự giác, vẫn đang nằm mộng, mê mê hồ hồ, nhiễm khổ làm vui. Đối với thị phi thiện ác chẳng phân rõ ràng, dùng phải làm trái, dùng trái làm phải, dùng thiện làm ác, dùng ác làm thiện. Điên điên, đảo đảo, phải trái chẳng phân rõ ràng, thiện ác chẳng rõ. Nói chung, cong thẳng không biết, trắng đen chẳng rõ, đây cũng giống như ở trong bùn lầy.

Tại sao chúng ta ở trong bùn lầy ? Vì ngu si. Con người luôn luôn quay lưng với giác ngộ mà hợp với trần lao, mà chẳng quay lưng với trần lao để hợp với giác ngộ, đây tức là ở trong bùn. Lúc chẳng minh bạch, lúc chẳng thoát khỏi ba cõi, vì đó là bị bùn lầy vô minh phiền não làm nhiễm trước. Vậy làm thế nào mới thoát khỏi được bùn lầy ? Tức là phải học Phật pháp. Phật pháp là phương hướng chỉ bày đường mê, là hải đăng của biển cả, chiếu sáng khắp nơi, khiến cho người mê mất phương hướng, đi trên con đường chân chánh.

Bồ Tát dùng đủ thứ phước đức đã tu trong quá khứ, để lợi ích chúng sinh, khiến cho họ đắc được sự lợi ích, thường thường làm như vậy chẳng có khi nào hết được. Các Ngài minh bạch trí huệ của tất cả Bồ Tát, là thâm sâu

vô thượng, tâm tin nguyện và tâm hồi tiểu hướng đại, quyết định rồi, thì tương lai chắc chắn sẽ thành Phật.

Dùng tâm đại từ đại bi, hiện ra bất khả thuyết bất khả thuyết vô lượng thân Phật, tức cũng là hoá thân. Dùng đủ thứ công đức và trí huệ để trang nghiêm. Dùng đủ thứ âm thanh vi diệu, để diễn nói vô lượng pháp, tức cũng là từ một pháp mà diễn nói vô lượng pháp, vô lượng pháp quy về một pháp. Do đó:

"Một làm vô lượng
Vô lượng làm một".

Đây là pháp viên dung vô ngại. Tuỳ thuận tâm ý của chúng sinh, khiến cho dục vọng của họ đều được đầy đủ, tức cũng là nguyện vọng thành Phật, làm tổ, chứ chẳng phải tham luyện vui năm dục.

Tại quá khứ vị lai hiện tại, tâm thường thanh tịnh, khiến cho các chúng sinh, chẳng chấp trước cảnh giới. Luôn thọ ký cho tất cả các Bồ Tát, khiến cho các Ngài đều vào trong chủng tánh của Phật. Sinh tại nhà Phật, được Phật quán đánh.

Bồ Tát trong quá khứ, vị lai, hiện tại, ba đời, tâm luôn luôn thanh tịnh, một niệm không sinh, một bụi trần không nhiễm. Bồ Tát chẳng những tự mình chẳng chấp trước cái ta và của ta, mà cũng khiến cho tất cả chúng sinh, chẳng chấp trước vào cảnh giới cái ta và của ta. Thường thường vì chúng sinh thọ ký cho tất cả các Bồ Tát, khiến

cho tất cả chúng sinh, đều vào trong chủng tánh của Phật, sinh tại nhà của Phật (tức cũng là cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ), sẽ đắc được mười phương chư Phật quán đánh thọ ký thành Phật.

Thường du hành mười phương, chưa từng ngừng nghỉ, mà nơi tất cả chẳng vui thích chấp trước. Pháp giới cõi Phật, thấy đều đi đến. Tâm của các chúng sinh, thấy đều biết rõ. Hết thấy phước đức xuất thế thanh tịnh, chẳng trụ sinh tử, mà nơi thế gian như hình ảnh hiện khắp.

Bồ Tát thường du hành mười phương thế giới, đi giáo hoá tất cả chúng sinh, chưa từng lúc nào ngừng nghỉ. Chư Phật Bồ Tát giáo hoá chúng sinh không ngừng nghỉ, chúng ta học tập Phật pháp, thì thường ngừng nghỉ. Tập khí của chúng sinh và tập khí của chư Phật Bồ Tát hoàn toàn khác nhau. Chư Phật Bồ Tát đối với tất cả cảnh giới năm dục sáu trần, chẳng chấp trước, chẳng sinh tâm tham. Song, chúng sinh thì ngược lại, tham vui năm dục, ưa thích cảnh sáu trần.

Bất cứ pháp giới cõi Phật nào, Bồ Tát đều có thể tùy ý đi đến, du hành vô ngại, chẳng bị hạn chế. Bồ Tát đối với tâm niệm của tất cả chúng sinh, đều thấu suốt biết rõ. Tôi cũng biết tâm chúng sinh, đều có tham sân si, suốt ngày đến tối bị ba độc mê hoặc, chẳng có lúc nào tỉnh táo. Nếu chẳng có tham sân si, thì sẽ siêng tu giới định huệ.

Hết thấy phước đức của Bồ Tát, đều do xuất ly thế gian mà được thanh tịnh, chẳng tham trước nơi sinh tử, cũng chẳng trụ nơi Niết Bàn. Tuy sinh mà không sinh, tuy chết mà không chết. Do đó:

"Sinh tử tức Niết Bàn
Phiền não tức bồ đề".

Bồ Tát tại thế gian, giống như hình ảnh, hay hiện khắp trong tâm của chúng sinh.

Dùng trí huệ mặt trăng, chiếu khắp pháp giới. Thông đạt tất cả, thấy đều không có chỗ được. Luôn dùng trí huệ, biết các thế gian như huyễn, như hình ảnh, như mộng, như biến hoá. Tất cả đều lấy tâm làm tự tánh. Như vậy mà trụ.

Bồ Tát dùng ánh sáng trí huệ mặt trăng, chiếu khắp pháp giới tâm của tất cả chúng sinh, khiến cho họ thấu rõ thông đạt tất cả hết thấy thế gian, như huyễn, như hoá, đều không thể đắc được. Tại sao ? Vì đều hư vọng không thật thể, cho nên chẳng chấp trước. Bồ Tát dùng trí huệ chân thật, biết tất cả pháp thế gian, đều là huyễn hoá, giống như nằm mộng, đều là biến hoá. Hư vọng không thật, chẳng chấp trước. Đòi người giống như diễn phim, trên màn ảnh có đủ thứ cảnh giới hiện ra, nhìn xem tựa như thật, kỳ thật là giả. Song, vẫn dẫn dụ chúng sinh làm cho điên điên đảo đảo, chuyên theo cảnh giới, mà không chuyển được cảnh giới.

Bồ Tát biết tất cả hết thấy, đều dùng tâm làm tự tánh (tâm là có sự phân biệt, là hữu vi; tánh là không phân biệt, là vô vi). Cho nên như vậy mà trụ. Tánh của chúng sinh là Phật tánh, tâm của chúng sinh là vọng tâm, cho nên chẳng thành Phật. Người tu đạo tức là tu tâm, biến vọng tâm thành chân tâm. Chân tâm tức là tánh Như Lai tạng, tức cũng là đại quang minh tạng.

Tùy theo các chúng sinh nghiệp báo khác nhau. Tâm ưa thích khác nhau. Các căn đều khác nhau, mà thị hiện thân Phật. Như Lai luôn dùng vô số chúng sinh, mà vì họ sở duyên, để vì họ nói thế gian đều do duyên khởi. Biết các pháp tướng, thấy đều vô tướng, chỉ là một tướng, gốc của trí huệ. Muốn khiến cho chúng sinh lìa khỏi sự chấp trước các tướng, nên thị hiện tất cả tánh và tướng của thế gian, mà hành nơi thế gian, vì họ khai thị vô thượng bồ đề.

Tùy thuận nghiệp báo khác nhau của chúng sinh, tâm ưa thích khác nhau, các căn khác nhau, mà thị hiện thân Phật. Phật thường dùng vô số chúng sinh vì sở duyên, cho nên thường muốn độ chúng sinh, thoát khỏi biển khổ, vì chúng sinh nói tất cả pháp thế gian, đều từ đạo lý duyên khởi, Do đó: "Duyên sinh vô tánh". Phật biết tất cả pháp là vô tướng, nhưng vì chúng sinh có tâm phân biệt, cho nên có pháp tướng, kỳ thật rốt ráo là vô tướng, mà vô tướng

này là gốc rễ của trí huệ, vì tất cả pháp đều từ trí huệ sinh ra. Trí huệ là như thế nào ? Là vô tướng ! Cho nên nói "Chỉ là một tướng, gốc của trí huệ". Trong Đại Trí Độ Luận có nói:

"Pháp do nhân duyên sinh
Ta nói tức là không
Cũng gọi là giả danh
Cũng gọi nghĩa trung đạo".

Đây là nói rõ đạo lý duyên khởi. Chư Phật Bồ Tát muốn khiến cho tất cả chúng sinh, lìa khỏi sự chấp trước tất cả các tướng, cho nên thị hiện tánh và tướng của tất cả thế gian, mà đến thế gian giáo hoá chúng sinh, vì hết thảy chúng sinh, mà khai thị giác đạo vô thượng.

Vì muốn cứu hộ tất cả chúng sinh, nên xuất hiện nơi thế gian. Khai thị Phật đạo, khiến cho họ được thấy thân tướng của Như Lai. Phan duyên nghĩ nhớ, siêng năng tu tập, để diệt trừ tướng phiền não của thế gian. Tu hạnh bồ đề, tâm chẳng tán loạn lay động. Nơi môn đại thừa, đều đắc được viên mãn, thành tựu nghĩa lợi của tất cả chư Phật.

Chư Phật Bồ Tát, vì muốn cứu hộ tất cả chúng sinh, cho nên xuất hiện nơi thế gian, khai thị chánh đạo của chư Phật tu hành, tức cũng là khiến cho chúng sinh thành tựu Phật đạo. Khiến cho chúng sinh thấy được 32 tướng và 80

vẻ đẹp của Phật, bèn sinh ra tâm phan duyên, nghĩ nhớ thân tướng tốt trang nghiêm của Như Lai, mà siêng năng tu tập, để diệt trừ tướng tất cả phiền não của thế gian, chuyên tâm tu tập hạnh Bồ đề, tâm chẳng tán loạn giao động, thời thời ở trong định. Đối với pháp môn đại thừa, thấy đều tu tập viên mãn. Thành tựu nghĩa lợi của mười phương ba đời tất cả chư Phật, tức cũng là đắc được quả Bồ đề viên mãn.

Đều có thể quán sát căn lành của chúng sinh, mà không hoại diệt nghiệp báo thanh tịnh. Trí huệ thấu rõ, vào khắp ba đời.

Chư Phật Bồ Tát có thể quán sát căn lành của tất cả chúng sinh, khiến cho nghiệp báo thanh tịnh của tất cả chúng sinh, đều được thành tựu. Chúng sinh có trí huệ chân chánh, thấu rõ tất cả Phật pháp, sẽ vào khắp ba đời.

Vĩnh viễn lìa khỏi sự phân biệt của tất cả thế gian, phóng lưới quang minh, chiếu khắp mười phương tất cả thế giới, chẳng có nơi nào mà không chiếu đến. Sắc thân tốt đẹp, ai thấy được cũng đều không nhầm. Dùng đại công đức trí huệ thần thông, sinh ra đủ thứ các hạnh Bồ Tát. Các căn cảnh giới, tự tại viên mãn, làm các Phật sự, làm xong liền chẳng còn nữa.

Phật Bồ Tát vĩnh viễn lìa khỏi tâm phân biệt tất cả thế gian, phóng lưới đại trí huệ quang minh, chiếu soi khắp mười phương tất cả thế giới, chẳng có nơi nào mà không sung mãn. Sắc thân của Phật tốt đẹp trang nghiêm, tất cả chúng sinh thấy được sắc thân tốt đẹp này, mắt chiêm ngưỡng đều không tạm rời, chẳng có lúc nào nhàm chán. Dùng đại công đức, đại trí huệ, đại thần thông, sinh ra đủ thứ lục độ vạn hạnh của Bồ Tát tu, cảnh giới các căn đều tự tại viên mãn, cho nên những việc làm, đều làm tất cả mọi Phật sự. Làm xong Phật sự, thì chẳng còn nữa. Bồ Tát chẳng chấp trước vào làm Phật sự. Do đó: "Làm mà không làm, hành mà không hành". Cho nên mới nói "Làm xong chẳng còn nữa".

Khéo hay khai thị nhất thiết trí đạo quá khứ hiện tại vị lai. Vì các Bồ Tát, khắp mưa vô lượng pháp vũ Đà la ni, khiến cho họ phát khởi sự ưa muốn vui thích rộng lớn, mà thọ trì tu tập.

Chư Phật Bồ Tát khéo dùng thiện xảo phương tiện để khai thị ngộ nhập, khiến cho tất cả chúng sinh đều minh bạch đạo nhất thiết trí huệ quá khứ hiện tại và vị lai. Vì hết thảy Bồ Tát khắp mưa vô lượng pháp vũ Đà la ni, khiến cho họ phát khởi tâm bồ đề rộng lớn, tu trì tâm bồ đề rộng lớn, dùng tâm bồ đề làm sự ưa thích, thọ trì pháp tổng trì này, tu tập pháp tổng trì này.

Thành tựu công đức của tất cả chư Phật, viên mãn mạnh mẽ, vô biên sắc đẹp trang nghiêm thân. Tất cả thế gian chẳng có đâu mà không thấy. Vĩnh viễn lìa khỏi tất cả pháp chướng ngại. Nơi tất cả pháp nghĩa chân thật, đã được thanh tịnh. Nơi pháp công đức đặc được tự tại.

Bồ Tát thành tựu công đức của tất cả chư Phật đã thành tựu, công đức cũng viên mãn, trí huệ cũng viên mãn, quang minh cũng viên mãn. Chẳng những viên mãn, mà còn mạnh mẽ, tức cũng là quang minh chiếu khắp. Có vô biên diệu sắc để trang nghiêm thân. Ở trong mười phương tất cả cõi nước chư Phật, chẳng có ai mà không thấy thân tướng tốt trang nghiêm đó. Và vĩnh viễn lìa khỏi tất cả pháp chướng ngại.

Gì là pháp chướng ngại ? Nói đơn giản đó là tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến, sáu thứ gốc rễ phiền não. Sáu thứ phiền não này hay nhiều loạn tâm thanh tịnh của mình và kẻ khác. Do đó: "Phiền não tâm".

Chúng ta tu đạo, tu đến trình độ chẳng còn phiền não, thì sẽ thoát khỏi ba cõi. Do đó:

"Đừng sinh phiền não tâm chớ nghi
Đều phải lo mình bớt lo người
Nhẫn nhiều chẳng phải bớt tranh lý
An nhiên thanh tịnh trí huệ sinh".

Cũng chẳng có phiền não, cũng chẳng có hoài nghi, thường lo cho mình, đừng lo việc của người ta. Do đó:

"Hay lo việc nhân rồi,
Tự chuốt lấy khổ não".

Thường nhận rằng mình không phải, đừng tranh luận với người. Lúc đó, rất an nhiên, rất thanh tịnh, trí huệ sẽ hiện ra.

"Rõ tâm chẳng có việc ngại khó
Thấy tánh chẳng có tâm sầu lo
Phật quang chẳng phải chẳng chiếu khắp
Lo nghĩ hận oán tâm loạn mê".

Người thấy rõ tâm, thì chẳng có việc chướng ngại khó khăn. Người thấy tánh, chẳng có tâm lo nghĩ sầu buồn. Quang minh của Phật chiếu khắp tất cả, giống như ánh sáng mặt trời, mà tại sao chúng ta không thấy quang minh của Phật ? Vì có sầu lo và oán hận, cho nên tâm loạn mê, do đó, trí huệ quang minh không thể hiện tiền.

Tôi thường nói:

"Tâm thanh thủy hiện nguyệt,
Ý định thiên vô vân".

Nghĩa là:

Tâm tịnh nước hiện trăng
Ý lặng trời không mây.

"Tâm bình bách nạn tán,
Ý định vạn sự cát".

Nghĩa là:

Tâm bình trăm nạn tiêu tan
Ý định vạn sự cát tường.

"Tâm chỉ niệm tuyệt chân phú quý,
Tư dục đoạn tận chân phước điền".

Nghĩa là:

Tâm niệm ngừng bất giàu sang thật
Dục niệm dứt sạch ruộng phước thật.

"Một thời thanh tịnh,
Một thời tại núi Linh Sơn.
Thời thời thanh tịnh
Thời thời tại núi Linh Sơn".

"Một niệm không sinh toàn thể hiện,
Lục căn hốt động bị vôn giá".

Nghĩa là:

Một niệm không sinh toàn thể hiện ra
Sáu căn giao động bị mây che lấp.

Những câu này đều là châm ngôn. Đối với tất cả đạo lý pháp chân thật, đã đắc được thanh tịnh, tức cũng là đã minh bạch bản thể của pháp là vắng lặng thanh tịnh, cho nên chẳng có sự chấp trước. Bồ Tát thì tức tướng là tướng, tức pháp phi pháp, chẳng có sự chấp trước, cho nên thanh tịnh. Nếu có những sự chấp trước, thì chẳng đắc được thanh tịnh. Đối với pháp công đức lành tu hành của mười phương ba đời tất cả chư Phật, đều đắc được tự tại viên mãn.

Làm đại Pháp Vương, như mặt trời chiếu khắp. Làm ruộng phước thế gian, đủ đại oai đức. Nơi tất cả thế gian, khắp hiện

hoá thân, phóng quang minh trí huệ, đều khiến cho họ khai ngộ. Muốn khiến cho chúng sinh, biết Phật đầy đủ vô biên công đức. Dùng tơ lụa vô ngại, vãng đánh thọ ngôi. Tuỳ thuận thể gian, phương tiện khai đạo. Dùng tay trí huệ, an ủi chúng sinh. Làm đại y vương, khéo chữa các bệnh.

Đức Phật làm đại Pháp Vương, giống như mặt trời chiếu khắp đại địa vạn vật, làm ruộng phước của thế gian, đầy đủ đại oai đức. Đối với tất cả chúng sinh phát tâm từ bi, cho nên tại tất cả thế gian, khắp hiện hoá thân, phóng quang minh trí huệ, chiếu phá đen tối. Khiến cho chúng sinh được quang minh của Phật chiếu đến, liền được khai ngộ. Muốn khiến cho chúng sinh biết Phật có đầy đủ vô biên công đức. Dùng vải tơ lụa vô ngại, vãng trên đánh thọ ngôi Pháp Vương. Tuỳ thuận pháp thế gian, phương tiện để khai đạo chúng sinh. Dùng tay trí huệ để xoa đánh đầu chúng sinh; dùng tiếng nói từ bi, để an ủi tâm chúng sinh. Làm đại y vương chữa trị tất cả bệnh tật của chúng sinh. Vì chúng sinh có tám vạn bốn ngàn bệnh phiền não, cho nên Phật dùng tám vạn bốn ngàn pháp môn để đối trị.

Tam Bảo là ruộng phước của chúng sinh, tại sao phải cúng dường Tam Bảo ? Vì muốn gieo trồng ruộng phước. Nhưng một số người không nhận thức được chân tướng, chẳng minh bạch chân lý, cho nên chẳng muốn gieo trồng ruộng phước trước Tam Bảo. Có người ở trước Tam Bảo cầu xin phước báo, hy vọng có điều gì linh cảm, hy vọng

có cảnh giới gì đó, những tư tưởng này là sai lầm. Có người ở trước Tam Bảo cầu xin con cái, cầu phát tài, cầu mạnh khỏe, cầu cát tường, đây là không đúng. Vậy tại sao phải cúng dường Tam Bảo ? Vì muốn tu phước, muốn tu huệ. Phước huệ viên mãn, thì sẽ thoát khỏi ba cõi, chấm dứt sinh tử, và sẽ không còn ở trong thế giới Ta Bà chịu đủ thứ khổ nữa, có thể đến thế giới Cực Lạc hưởng thọ sự sung sướng.

Gieo trồng ruộng phước trước Tam Bảo, đừng có tâm phân biệt. Rằng chỗ này có Phật chăng ? Có Tăng chăng ? Nếu có tâm phân biệt như thế, thì chẳng có công đức, sẽ chẳng đắc được ruộng phước. Phải biết:

"Rồng bùn tuy không thể mưa xuống,
Cầu mưa phải cầu rồng bùn.
Phàm Tăng tuy không thể ban phước,
Trồng phước phải cầu nơi phàm Tăng".

Cho nên nói "Thành Hiền phước điền Tăng". Thành tâm cúng dường Tam Bảo, phước tự nhiên trồng xuống, thì chắc chắn sẽ đắc được sự giàu sang mai sau, cúng dường không chấp trước, thì mới là thật cúng dường. Nếu có sự xí đồ, thì là giả cúng dường. Do đó: "Tam luân thể không", thì công đức sẽ vô lượng.

Tất cả thế gian vô lượng cõi nước, thấy đều đi đến, chưa từng ngừng nghỉ. Thanh tịnh huệ nhãn, lìa khỏi các chướng lòa, sẽ được thấy rõ. Chúng sinh làm nghiệp ác không thiện, có đủ thứ sự điều

phục, khiến cho họ vào đạo. Khéo nắm lấy thời cơ, không có ngừng nghỉ.

Trong hết thấy tất cả thế gian, có vô lượng vô biên cõi nước, Bồ Tát thấy đều đi đến tất cả cõi nước để giáo hoá chúng sinh, chẳng có lúc nào ngừng nghỉ. Bồ Tát thanh tịnh huệ nhãn, đã lìa khỏi tất cả chướng loà, thấy đều thấy rõ tất cả tâm tánh của chúng sinh. Trong Kinh Kim Cang có nói:

"Chúng sinh có bao nhiêu thứ tâm,
Nhu Lai đều biết đều thấy".

Đối với chúng sinh làm nghiệp ác chẳng thiện, dùng đủ thứ pháp môn phương tiện, để điều phục những chúng sinh cương cố, khiến cho họ cải ác hướng thiện, phát tâm bồ đề, tu đạo vô thượng. Bồ Tát khéo léo nắm lấy thời cơ, chẳng ngừng nghỉ để giáo hoá.

Đối với chúng sinh nghiệp thiện, thì khiến cho nghiệp thiện của họ tăng trưởng. Đối với chúng sinh nghiệp bất thiện, thì khiến cho họ tài bồi nghiệp thiện, chẳng tạo nghiệp ác. Đối với chúng sinh chẳng thiện chẳng ác, thì khiến cho họ biết gieo trồng căn lành, làm công đức nghiệp thiện. Vì chúng sinh nói pháp, lựa chọn thời cơ, chẳng để bỏ lỡ cơ hội. Tóm lại, khi chúng sinh này được độ, đáng tiếp thọ pháp thì vì họ nói pháp. Do đó: "Quán cơ đầu giáo, vì người nói pháp". Người nào cơ duyên thành thực thì vì họ nói pháp, người nào cơ duyên chưa thành thực thì đợi thời cơ, sẽ vì họ nói pháp. Đây gọi là "khéo nắm lấy thời cơ". Thời cơ tức là lúc nói pháp hợp thời. Do đó:

"Thời nhiên hậu ngôn
Lạc nhiên hậu tiếu
Nghĩa nhiên hậu thủ".

Nghĩa là: Đến lúc đáng nói mới nói. Lúc vui vẻ, sau đó mới cười. Việc hợp với nghĩa, mới có thể lấy, nếu vật không hợp nghĩa, thì tuyệt đối không lấy.

Nếu các chúng sinh khởi tâm bình đẳng, tức là hoá hiện nghiệp báo bình đẳng. Tùy theo tâm ưa thích của họ, tùy theo nghiệp quả của họ, mà hiện thân Phật đủ thứ thần thông biến hoá, để vì họ nói pháp, khiến cho họ ngộ hiểu. Đắc được pháp trí huệ, tâm đại hoan hỷ, các căn hớn hở, thấy vô lượng Phật. Khởi niềm tin thâm sâu. Sinh ra các căn lành, vĩnh viễn không thoái chuyển.

Giả sử tất cả chúng sinh, sinh khởi tâm bình đẳng, chẳng có tâm phân biệt, chẳng có tâm thương ghét, chẳng có tâm thân sơ, chẳng có tâm cao thấp, đều là tâm bình đẳng, tức là hoá hiện nghiệp báo bình đẳng.

Tùy thuận việc chúng sinh ưa thích, tùy thuận nghiệp của chúng sinh tạo ra, tùy thuận báo của chúng sinh thọ, mà thị hiện thân Phật. Dùng đủ thứ thần thông biến hoá, mà vì họ nói pháp, khiến cho họ khai ngộ, đắc được Phật pháp, trí huệ, giải thoát. Thấu rõ tất cả rồi, thì tâm sinh đại hoan hỷ, tứ chi hớn hở nhảy nhót, do đó: "Tình chẳng tự

chủ, tay múa chân nhảy". Lại thấy được mười phương ba đời tất cả vô lượng chư Phật, sinh khởi tâm tin thâm sâu, sinh trưởng tất cả căn lành, vĩnh viễn chẳng thối chuyển, dũng mãnh tinh tấn tiến về trước.

Tất cả chúng sinh, tùy theo nghiệp ràng buộc, ngủ mãi trong sinh tử. Như Lai ra đời, giác ngộ cho họ, an ủi tâm của họ, khiến cho họ không lo sợ. Nếu người thấy được Như Lai, đều khiến cho họ chứng nhập trí vô y nghĩa. Trí huệ thiện xảo thông đạt cảnh giới. Trang nghiêm tốt đẹp, không gì chói sáng lẫn được. Núi trí huệ mầu pháp đều đã thanh tịnh. Hoặc hiện thân Phật, hoặc hiện thân Bồ Tát, khiến cho các chúng sinh đến nơi không hoạn nạn. Vô số công đức trang nghiêm, nghiệp hạnh thành tựu, hiện nơi thế gian. Tất cả chư Phật trang nghiêm thanh tịnh, thấy đều dùng tất cả trí nghiệp để thành tựu.

Hết thấy tất cả chúng sinh, đều khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo. Khởi hoặc tức là một niệm vô minh. Vì không minh bạch, cho nên mê hoặc. Vì mê hoặc cho nên tạo ra nghiệp điên đảo. Có nghiệp điên đảo, thì phải thọ quả báo ở trong luân hồi sinh tử. Do đó:

"Trông thiện kết quả thiện
Trông ác kết quả ác".

Nếu nhân không thiện không ác, thì đương nhiên sẽ kết quả không thiện không ác. Đây là định luật từ ngàn xưa không thay đổi. Cho nên tất cả chúng sinh, do nghiệp ràng buộc, bị nghiệp vây khốn. Nghiệp do mình tạo, và chính mình phải thọ quả báo, luân chuyển ở trong luân hồi, giống như ngủ ở trong luân hồi, thuy chung mê mộng không tỉnh, không thể chấm dứt sinh tử. Do đó:

"Danh lợi việc nhỏ người người ham,
Sinh tử việc lớn chẳng ai màng".

Con người đối với việc lớn sinh tử chẳng thấu hiểu, cứu kính sinh ra như thế nào ? Chết rồi sẽ đi về đâu ? Chẳng ai nghiên cứu ! Cứu kính từ đâu đến ? Sẽ đi về đâu ? Chẳng biết ! Con người đều là hồ đồ sinh ra, hồ đồ chết đi. Do đó: "Tuý sinh mộng tử". Nghĩa là: "Sinh say chết mộng". Khi sinh thì giống như say rượu, khi chết thì giống như xuân mộng. Suốt ngày hồ đồ điên đảo, vô dụng giống như người chết sống lại.

Phật quán sát tất cả nhân duyên, mới xuất hiện ra thế gian. Phật là ứng duyên của chúng sinh, mà xuất hiện ra đời, khiến cho chúng sinh giác ngộ, phát tâm Bồ đề, bỏ mê về với giác ngộ, chấm dứt sinh tử. Dùng lời tốt an ủi chúng sinh, khiến cho họ không sầu lo sợ hãi, xa lìa điên đảo mộng tưởng. Nếu có chúng sinh gặp được Phật, đều có thể chứng nhập trí huệ vô y nghĩa, tức cũng là bốn trí (Thành sở tác trí, diệu quán sát trí, bình đẳng tánh trí, đại viên cảnh trí). Có trí huệ rồi, sẽ sử dụng pháp môn phương tiện khéo léo, để giáo hoá tất cả chúng sinh. Do đó:

"Vào sâu tạng Kinh,
Trí huệ như biển".

Có trí huệ như biển, thì mới có thể giáo hoá chúng sinh, khiến cho họ được giải thoát, khiến cho họ thấu hiểu cảnh giới. Nhận thức cảnh giới rồi, thì sẽ chẳng bị cảnh giới lay chuyển, chẳng bị cảnh giới mê hoặc. Do đó:

"Người chuyển được cảnh giới
Cảnh giới không chuyển được người".

Tất cả cảnh giới hiện tiền, nếu như như chẳng động, rõ ràng sáng suốt, thì sẽ chuyển được cảnh giới.

Thân Phật thanh tịnh trang nghiêm, quang minh tốt đẹp, chẳng có gì trang nghiêm tốt đẹp hơn được, cho nên không có gì chói sáng lẫn được. Núi trí huệ, mầm diệu pháp, đều đã thanh tịnh viên mãn. Hoặc hiện thân Bồ Tát, vì chúng sinh nói pháp. Hoặc hiện thân Phật, vì chúng sinh nói pháp. Khiến cho tất cả chúng sinh, đều chẳng có chỗ hoạn nạn. Tức cũng là phá tan vô minh, hiển pháp tánh. Đây tức là nơi không hoạn nạn. Tóm lại, chấm dứt sinh tử, tức là nơi không hoạn nạn. Nơi chẳng có hoạn nạn, tức là thế giới Cực Lạc.

Phật dùng vô lượng công đức tu hành, cùng nhau để trang nghiêm. Thế giới này vì tu nghiệp hạnh thành tựu, mới xuất hiện nơi thế gian. Dùng sự trang nghiêm của tất cả chư Phật, để tự trang nghiêm cho chính mình; dùng sự thanh tịnh của tất cả chư Phật, để thanh tịnh cho chính mình. Sự trang nghiêm thanh tịnh này, đều do nhất thiết trí nghiệp tu hành thuở xưa thành tựu.

Thường giữ nguyện xưa, chẳng xả bỏ thế gian. Làm bạn lành kiên cố của các chúng sinh, thanh tịnh bậc nhất. Là cầu quang minh, khiến cho tất cả chúng sinh, đều được hiện thấy.

Bồ Tát thường giữ nguyện xưa, chẳng xả bỏ tất cả chúng sinh thế gian, nguyện làm bạn lành kiên cố của tất cả chúng sinh, dùng nguyện lực chí thành khẩn thiết, để giáo hoá bạn bè (chúng sinh) kiên cố. Khiến cho tất cả chúng sinh, đều đắc được viên mãn diệu quả bồ đề, có thể phá được một phần sinh tướng vô minh cuối cùng, đây tức là thanh tịnh bậc nhất. Thanh tịnh bậc nhất là chúng được quả vị Phật Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Như vậy sẽ lìa khỏi kiến tư hoặc, trần sa hoặc, vô minh hoặc, đây tức là lìa cầu. Lìa khỏi trần cầu, thì trí huệ quang minh tự nhiên sẽ hiện tiền. Quang minh chiếu khắp, khiến cho chúng sinh có cảnh giới cảm ứng đạo giao, đều đắc được hiện thấy.

Chúng sinh trong sáu nẻo, vô lượng vô biên. Phật dùng thần lực, thường tùy theo không xả bỏ. Nếu có người thở xưa cùng gieo trồng căn lành, thì đều khiến cho họ thanh tịnh. mà nơi tất cả chúng sinh trong sáu nẻo, không xả bỏ nguyện xưa, chẳng khi dôi, thấy đều dùng pháp lành, phương tiện nhiếp lấy, khiến cho họ tu tập nghiệp thanh tịnh, phá tan sự đấu tranh của tất cả các ma.

Chúng sinh ở trong sáu nẻo, có nhiều vô lượng vô biên. Chúng sinh giống như hạt bụi, lúc trên trời, lúc ở dưới đất, lúc

làm súc sinh, lúc làm ngựa quý, lúc làm A tu la, lúc làm người. Trong sáu nẻo luân hồi, cùng nhau biến hoá, chẳng có lúc nào ngừng nghỉ. Phật dùng sức thần thông, luôn luôn tùy theo chúng sinh trong sáu nẻo, mà chẳng xả bỏ, thị hiện thân họ, để giáo hoá chúng sinh.

Giả xử thuở xưa, có người cùng nhau phát tâm, cùng nhau gieo trồng căn lành, đều khiến cho căn lành tăng trưởng, chín mùi, giải thoát, sau đó thanh tịnh. Mà đối với tất cả chúng sinh trong sáu nẻo, chẳng xả bỏ nguyện xưa, đối với chúng sinh không khi dối. Dùng lời chân thật để giáo hoá chúng sinh, dùng đủ thứ pháp môn phương tiện khéo léo để nhiếp lấy. Khiến cho hết thấy chúng sinh tu tập nghiệp thanh tịnh, siêng tu giới định huệ, diệt trừ tham sân si. Khiến cho nghiệp thân miệng ý thanh tịnh: Thân chẳng giết hại, trộm cắp, tà dâm ba nghiệp ác. Miệng không nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, chưởi mắng bốn nghiệp ác. Ý không tham, sân, si, ba nghiệp ác. Nếu dứt trừ mười điều ác, tức là tu mười điều lành.

Giới định huệ ba học vô lậu, khi tu hành viên mãn, thì sẽ hàng phục được sự đấu tranh của tất cả các ma, phá hoại được sự đấu tranh của tất cả các ma. Ma là gì ? Phạm là đối với cảnh giới không nhận thức được, đều gọi là ma. Ma có nhiều thứ, một lối nói gồm có: Thiên ma, địa ma, người mà, quỷ ma, thần ma, phiền não ma, chúng sinh ma, bệnh ma, tâm ma .v.v... Ma khó phá nhất, tức là phiền não

ma và tâm ma. Nếu chẳng có trí huệ chân chánh, thì không thể phá được những thứ ma này.

Việc ma hoan hỉ nhất là đấu tranh, do đó: "Chỉ sợ thiên hạ chẳng loạn". Thế giới càng tệ hại thì càng loạn, ma sẽ rất vui mừng. Tại sao ? Vì tâm lý đổ kị chướng ngại tác quái. Phàm là ai có tư tưởng như thế, tức là ma, ma chẳng có tâm từ bi, bất cứ ai cũng đều muốn tranh luận, lấy sự đấu tranh làm sự nghiệp.

Hiện tại là thời đại mạc pháp, là thời kỳ đấu tranh kiến cố. Ai ai cũng thích đấu tranh, ma cũng hoan hỉ đấu tranh. A tu la trên trời, A tu la ở nhân gian, A tu la trong loài súc sinh, A tu la trong loài ngựa quý, chúng suốt ngày tới tỗi đều đấu tranh. Cho nên A tu la thuộc về các loài ma. Nói đơn giản, phàm là kẻ ưa thích đấu tranh tức là A tu la.

A tu la trên trời, vì có phước trời, mà chẳng có đức trời, cho nên thường đấu tranh với trời Đế Thích, để tranh giành ngôi Thiên chủ. A tu la ở nhân gian thì tranh danh đoạt lợi. A tu la trong loài súc sinh thì uy hiếp kẻ yếu. Do đó: "ngựa hại bầy", biểu thị tác phong của loài A tu la. A tu la trong loài ngựa quý, thì ưa thích giành thức ăn, ích kỷ lợi mình, chẳng có đạo nghĩa. Tóm lại, chướng ngại sự tự do của kẻ khác, đều là A tu la.

Sự nóng giận của A tu la lớn nhất, phiền não nhiều nhất. Vì vậy cho nên tướng mạo của A tu la rất xấu xí vô cùng (Nam A tu la rất xấu xí, nhưng nữ A tu la rất đẹp). Xấu xí đại biểu cho phiền não, nóng giận.

Con người bây giờ, tại sao vẫn còn đấu tranh, vẫn thích đấu tranh ? Vì A tu la đang làm sóng làm gió, chỉ dẫn đấu tranh, chỉ huy đấu tranh. Phàm là những người tham gia đấu tranh, đều là hoá thân của A tu la.

Từ nơi vô ngại, sinh ra sức lực rộng lớn, nhật tạng tối thắng, chẳng có chướng ngại. Nơi tịnh tâm giới, hiện ra hình bóng, tất cả thế gian, thấy đều thấy được. Dùng đủ thứ pháp, rộng bố thí cho chúng sinh. Phật là tạng vô biên quang minh. Các lực trí huệ, thấy đều viên mãn. Luôn dùng đại quang minh chiếu khắp chúng sinh. Tùy theo nguyện của họ, đều khiến cho họ được đầy đủ. Là khỏi các oán địch.

Từ nơi viên dung vô ngại, sinh ra sức lực trí huệ rộng lớn, hàng phục tất cả thiên ma ngoại đạo. Thứ trí huệ này thù thắng nhất, giống như ánh sáng mặt trời, phá tan tất cả đen tối, chẳng có mọi sự chướng ngại. Trong thanh tịnh tâm giới, hiện ra tất cả hình bóng. Do đó:

"Phật như thanh lương nguyệt
Thường du tất kính không
Chúng sinh tâm cầu tịnh
Bồ đề ảnh hiện trung".

Hết thấy tất cả chúng sinh thế gian, đều nhìn thấy được Phật. Phật dùng đủ thứ pháp môn phương tiện, rộng bố thí cho chúng sinh. Do đó: "Trong các sự bố thí, bố thí pháp là hơn hết". Dùng pháp bố thí, công đức lớn nhất. Chúng sinh y theo pháp tu hành, tương lai sẽ thành tựu quả

Phật. Pháp tức là mẫu thể của chư Phật. Tất cả chư Phật đều từ trong pháp sinh ra.

Có người khởi vọng tưởng: "Pháp là Phật nói, Phật y Phật pháp để tu hành. Vậy trước hết có Phật, hay là trước hết có pháp ? Nếu nói trước hết có Phật, chẳng có ai nói pháp, làm sao Phật y pháp tu hành ? Làm sao có thể thành Phật ? Nếu nói trước hết có pháp, vậy pháp từ đâu đến ? Pháp là do Phật nói, nếu chẳng có Phật nói, làm thế nào có pháp ?" Nghiên cứu như vậy thì có nhiều vấn đề ! Có thể hỏi một câu: "Trước có gà, hay trước có trứng ? Nếu chẳng có gà, gà là từ trong trứng nở ra, chẳng có trứng làm sao có gà ? Nếu nói trước hết có trứng sau có gà, trứng là do gà đẻ ra, chẳng có gà làm sao có trứng ?" Đạo lý như thế nói không hết được !

Phật là tạng quang minh vô lượng, có trí huệ mười lực, đều tu hành được thanh tịnh viên mãn, thường dùng đại trí huệ quang minh, chiếu soi khắp chúng sinh. Tùy thuận nguyện lực của chúng sinh, đều khiến cho họ được đầy đủ, toại tâm như ý, lìa khỏi tất cả oán địch.

Người tu đạo, phải lấy đức báo oán, hoá kẻ địch làm bạn, đừng có kẻ oán hận. Có người đối với mình không tốt, thì mình càng đối với họ tốt. Dùng đạo để khuyến hoá họ, dùng đức để cảm hoá họ, không thể dùng thế lực để đàn áp người, không thể dùng vũ lực để uy hiếp người. Mạnh Tử có nói:

"Kẻ dùng lực đối đãi người
Tâm họ chẳng phục vậy
Lực chẳng cấp giúp vậy.
Kẻ dùng đức đối đãi người
Trong tâm vui mà thành phục vậy".

Đây tức là lia khỏi oán địch. Đối với bất cứ ai đừng có thù địch, dùng đức để cảm hoá họ, dùng dùng thế lực để đàn áp. Nếu dùng lực để chinh phục người, đó là khẩu phục mà tâm chẳng phục. Giống như nước lớn dùng quân lực để chinh phục nước nhỏ, tuy nhiên nước nhỏ đầu hàng, nhưng tâm chẳng đầu hàng, đó là tình hình bất đắc dĩ, mới đầu hàng xung thân. Đợi đến lúc có cơ hội phản công, thì họ nhất định sẽ phục thù. Song, nếu dùng đức để đối đãi người, thì khiến cho đối phương khẩu phục tâm phục. Khẩn thiết sùng bái bạn, chân thành bội phục bạn.

Là phước điền tối thượng. Tất cả chúng sinh cùng nhau nương nhờ. Phạm là có sự bố thí, đều khiến cho thanh tịnh. Tu chút hạnh lành, thọ vô lượng phước, đều khiến cho được vào vô tận trí địa. Là chủ của tất cả chúng sinh gieo trồng căn lành tâm tịnh. Là ruộng tốt tối thượng của tất cả chúng sinh phát sinh phước đức. Trí huệ thâm sâu, phương tiện khéo léo, hay cứu tất cả khổ ba đường ác.

Bồ Tát là ruộng phước tối thượng của chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh có đại trí huệ, sinh đại căn lành, phát tâm bồ đề, thành vô thượng đạo. Hết thấy chúng sinh ngưỡng vọng Bồ Tát làm chỗ nương nhờ, tức cũng là người bảo hộ. Tất cả chúng sinh, phạm có sự bố thí, đều khiến cho thanh tịnh. Dù bố thí nhỏ như một sợi lông, cũng

sẽ gieo trồng vô lượng căn lành. Khi bố thí, chẳng những là tài thí và pháp thí, mà còn có tinh thần vô úy thí. Khi người gặp lúc hoảng sợ bối rối, phải dùng lời lẽ để an ủi, để khai đạo, khiến cho họ chẳng sợ hãi, thậm chí dùng hành động để giải quyết sự khó khăn của họ. Tóm lại, cứu họ lìa khổ được vui, tình nguyện hy sinh chính mình, dù có nhảy vào dầu sôi lửa bỏng, cũng không từ nan, đó mới là hành vi thực hành Bồ Tát đạo.

Khi Phật còn ở đời, có người lão già 88 tuổi, cảm thấy đời người vô thường, muốn xuất gia tu hành. Do đó, bèn đến Tịnh xá Kỳ Viên, xin Phật cho ông ta xuống tóc xuất gia, thu làm đệ tử. Lúc ấy, Phật chẳng có ở Tịnh xá, đi ra ngoài hoằng pháp. Tôn giả Xá Lợi Phất (trí huệ bậc nhất) là thượng toà, tiếp đãi ông lão già đó. Hỏi rõ ý định đến, bèn ở trong định quán sát nhân duyên của vị lão già đó. Trong tám vạn đại kiếp, tìm không ra tơ hào căn lành của vị lão già nọ, ông ta cũng chẳng có công đức bố thí, cho nên chẳng có tư cách làm Tỳ Kheo.

- Tôn giả Xá Lợi Phất bèn nói với ông lão: "Ông không thể xuất gia ! Vì thuở xưa ông chưa gieo trồng căn lành nào, chưa từng bố thí, xin ông hãy trở về !"

- Ông già nghe Tôn giả Xá Lợi Phất nói chẳng cho mình xuất gia, thì rất là thất vọng đi ra khỏi Tịnh xá.

Cổ đức đã từng nói:

"Mạc đạo xuất gia dung dịch đắc
Giai nhân lũy thế chủng bồ đề".

Nghĩa là:

Xuất gia chẳng phải việc dễ dàng
Đều do nhiều đời gieo giống bồ đề.

Do thưở xưa nhiều đời nhiều kiếp, đã từng gieo trồng căn lành, mới có cơ hội xuất gia tu đạo. Bằng không, dù có tâm xuất gia, cũng chẳng tìm đến cửa Chùa. Do đó: "Chẳng thấy Phật, chẳng nghe pháp, chẳng gặp Tăng". Hôm nay các vị có thể học Phật pháp, là do thưở xưa đã gieo trồng căn lành lớn, mới có hoàn cảnh này, được nghe pháp lớn Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật. Người chẳng có căn lành, thì dù tên của bộ Kinh này cũng chẳng được nghe, làm gì nói đến nghiên cứu ! Hy vọng các vị ! Tụ tinh hội thần để nghe Kinh, chuyên tâm để nghiên cứu, đây là cơ hội khó gặp được. Không thể vào núi báu mà tay không ra về, cuối cùng chẳng được gì hết, thật là đáng tiếc.

Vị lão già đó cuối đầu buồn bã đi ra khỏi Tịnh Xá, vừa đi vừa nghĩ: "Mình là kẻ lão già nghèo khổ, không có con cái, độc thân một mình, đời sống khốn khổ, từ nay về sau sinh sống như thế nào ? Cảm thấy tiền đồ thật là hoang mang, chẳng có chỗ nương tựa tá túc". Ông ta đã đi đến đường cùng, bèn khởi lên ý niệm muốn tự tử. Do đó đi đến bên vực thẳm, quyết tâm nhảy xuống sông tự tử. Lúc đang nhảy xuống sông, thì cảm thấy có người vịn vai lại, quay đầu lại nhìn, là vị Tỳ Kheo già, bèn hỏi:

- "Tại sao ông kéo tôi lại, cản trở tôi quyên sinh ?"

- Vị Tỳ Kheo già hỏi: "Tại sao ông muốn nhảy xuống sông, có phải có vấn đề không thể giải quyết được chăng ?"

- Lão già đáp: "Tôi muốn xuất gia tu đạo, vừa mới đến chỗ đức Phật, xin Phật từ bi, thu nhận tôi làm đệ tử. Bất hạnh Phật không có ở Tịnh Xá, có vị Tỳ Kheo lớn chẳng thu nạp tôi, nói tôi trong tám vạn đại kiếp chẳng gieo

trông căn lành gì, cho nên tôi cảm thấy sống chẳng còn ý nghĩa gì nữa, chẳng bằng tự tử cho xong".

- Vị Tỳ Kheo già nói: "Ông muốn xuất gia, thì hãy theo tôi đi xuất gia".

- Lão già nói: "Ngài là ai ?"

- Lão Tỳ Kheo nói: "Ta là Phật Thích Ca Mâu Ni".

Lão già nghe nói, rất là vui mừng, hướng về đức Phật đánh lễ. Theo Phật về Tịnh Xá, Phật liền cử hành lễ xuống tóc xuất gia, trong miệng nói: "Thiện lai Tỳ Kheo, đầu tóc tự rụng, mặc áo Cà Sa". Nói xong rồi, lão già bèn hiện ra tướng Tỳ Kheo. Phật vì ông ta nói pháp, khai thị một phen, lão già nghe pháp khai ngộ, liền chứng được Sơ quả. Các vị Tỳ Kheo lớn tại đạo tràng, đều sinh ra hoài nghi, trong tâm nghĩ: "Vị lão già này, vốn chẳng có căn lành, tại sao Phật cho ông ta xuất gia ? Còn vì ông ta nói pháp, mà chứng được Sơ quả, đây là nhân duyên gì ?"

- Tôn giả Xá Lợi Phất bèn thỉnh Phật khai thị: "Đức Thế Tôn ! Vị lão già này có căn lành gì mà được xuất gia ? Lại chứng được Sơ quả ? Con đối với nhân quả này thật không rõ, xin đức Thế Tôn từ bi, khai thị cho con được rõ".

- Phật bèn nói: "Xá Lợi Phất ! Con chỉ quán sát được nhân duyên trong tám vạn đại kiếp, mà không thể quán được nhân duyên ngoài tám vạn đại kiếp, cho nên con không biết nhân duyên của vị lão già này".

Phật rất hoà mục tươi cười nói nhân duyên xuất gia của vị lão già này: "Cách đây khoảng chín vạn đại kiếp, ông ta là một người tiều phu đốn củi, ngày ngày lên núi hái củi, gánh ra chợ bán đổi gạo về ăn, để duy trì đời sống của gia đình.

Một ngày nọ, đang lúc đi hái củi thì gặp một con cọp dữ, nhe nanh múa vuốt chạy về phía ông ta, muốn ăn thịt ông ta. Vị tiều phu đó trong lúc nguy hiểm bèn trèo lên trên cây, nhưng cọp chẳng chịu buông tha, dùng nanh vuốt cắn cào thân cây, khiến cho cây muốn ngã, vị tiều phu ở trên cây rất hoảng sợ, bèn thốt lên: "Nam Mô Phật"! Cọp dữ nghe, giống như tiếng sấm, bèn bỏ chạy đi xa, vị tiều phu thoát hiểm, mạng sống được an toàn. Thuở xưa chỉ niệm một tiếng Phật, mà đời này có căn lành được xuất gia". Tôn giả Xá Lợi Phật và các vị Tỳ Kheo nghe Phật khai thị, không nói gì mà lui đi.

Tại sao sao hôm nay (01/05/1976) tôi nói câu chuyện này ? Vì đã mấy ngày qua, tức là ngày mùng tám tháng tư (ngày Phật Đản). Tại Chùa Kim Sơn Viện Dịch Kinh (San Francisco), có vị lão cư sĩ họ Ngô muốn xuất gia. Đã lựa chọn ngày này cho xuất gia. Vị lão cư sĩ này trong tám vạn đại kiếp, đã từng gieo trồng căn lành, đời này nhân duyên chín mùi, nên thành tựu nguyện vọng.

Chỉ cần niệm một câu "Nam Mô Phật", thì có vô lượng công đức, gieo xuống nhân duyên xuất gia. Xuất gia thì thanh tịnh, cho nên nói thanh tịnh phước điền Tăng. Xuất gia rồi, dù tu hạnh lành rất nhỏ, nhưng có vô lượng phước báu, sẽ đắc được vô lượng trí địa.

Phật Bồ Tát vì tất cả chúng sinh, rộng gieo trồng căn lành, trở thành chủ của tịnh tâm, tức cũng là thành Phật. Phật Bồ Tát là ruộng phước tốt tối thượng của chúng sinh, cho nên khiến cho chúng sinh chẳng có phước đức, phát sinh phước đức, gieo trồng phước đức, tăng trưởng phước đức, đắc được ruộng phước tốt. Phật Bồ Tát đều đắc được trí huệ thâm sâu, hay xử dụng pháp môn phương tiện khéo

léo, để giáo hoá chúng sinh, hay cứu tất cả chúng sinh trong ba đường ác, thoát khỏi biển khổ, đắc được giải thoát.

Chúng sinh trong ba đường ác, vì tham sân si quá nặng, cho nên đoạ lạc vào trong ba đường ác thọ khổ. Dùng phương pháp gì cứu họ lìa khổ, khiến cho họ được an vui ? Chỉ có một phương pháp, đó là khiến cho họ tin ngưỡng Phật pháp, siêng tu pháp môn giới định huệ. Chúng sinh có tâm tham, thì không còn tham nữa, chúng sinh có tâm sân, thì không còn sân nữa, chúng sinh có tâm si, thì không còn si nữa. Không tham, không sân, không si, là biện pháp tốt nhất để lìa khỏi ba đường ác.

Ở trong ba đường ác, mỗi đường ác có vô lượng vô biên chúng sinh. Mỗi chúng sinh đều có vô số vô tận tội nghiệp. Phật Bồ Tát từ bi, vì tất cả chúng sinh thọ khổ mà nói pháp, một mặt cứu chúng sinh thoát khỏi biển khổ, một mặt tiêu diệt tội chướng của tất cả chúng sinh, nghiệp chướng tiêu diệt, thì khổ sẽ chấm dứt, khổ ba đường ác tiêu sạch, thì lìa khổ được vui. Tu đạo phải siêng tu giới định huệ, tu đến lúc viên mãn, thì tự nhiên sẽ tiêu diệt tham sân si, tham sân si không khởi tác dụng, thì tự nhiên sẽ giải thoát. Giải thoát tức là mục tiêu tiến tới của sự tu đạo.

**Tin hiểu như vậy. Quán sát như vậy.
Vào trí huệ thâm sâu như vậy. Ngao du nơi
biển công đức như vậy. Đến khắp nơi trí
huệ hư không như vậy. Biết phước điền
của chúng sinh như vậy. Chánh niệm hiện
tiền quán sát như vậy. Quán các nghiệp**

tướng tốt của Phật như vậy. Quán sự hiện khắp thế gian của Phật như vậy. Quán thần thông tự tại của Phật như vậy.

Đạo lý ở trên vừa nói, là nên tin như vậy, nên hiểu như vậy. Cảnh giới ở trên vừa nói, là nên quán sát như vậy, nên tin thọ như vậy. Nếu như có thể y pháp tu hành, thì sẽ chứng nhập được trí huệ thâm sâu. Nếu có thể y chiếu pháp Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, để tu vạn hạnh, thì sẽ có thể ngao du nơi biển cả công đức. Hay tu hành như vậy, thì chẳng có mọi sự chấp trước, phá trừ tất cả sự chấp trước, như có thể liễu ngộ tự tánh, giống như hư không, thì chứng được trí huệ hư không, chẳng có tham sân si phiền não.

Quán sát như vậy, thì sẽ biết được làm thế nào khiến cho chúng sinh gieo trồng phước điền, làm thế nào khiến cho chúng sinh tăng thêm phước điền. Quán sát như vậy, phải có chánh tri chánh kiến, không tồn tại tà tri tà kiến. Lúc đó chánh niệm sẽ hiện tiền, có thể quán sát tất cả đạo lý. Do đó:

"Người chánh tu pháp tà,
Pháp tà cũng thành chánh.
Người tà tu pháp chánh,
Pháp chánh cũng thành tà".

Chánh pháp hiện tiền, thì tà pháp tiêu diệt; tà pháp hiện tiền, thì chánh pháp ẩn mất. Cho nên chánh tà không đứng cả hai. Thế nào là chánh ? Tức là chẳng có tham. Thế nào là tà ? Tức là có tham. Tóm lại, phàm là có sự mong

cầu, tức là bất chánh, chẳng có tâm phan duyên, tức là chánh.

Dùng chánh niệm để quán sát tất cả nhân quả, tất cả nghiệp báo, đều có tuần hoàn báo ứng. Do đó: "Nhân thế nào, thì quả thế ấy", tơ hào không sai, thiên cổ không thay đổi. Người học Phật, trước hết phải tin sâu nhân quả, đừng có bất không có nhân quả, càng không thể bán tín bán nghi. Tư tưởng như vậy thì không thể được, cũng giống như đá cột chân sự tu đạo. Không cẩn thận thì sẽ bị trở ngại giữa chừng, không dễ gì bò lên được (thối lùi tâm tu đạo), tức là dậm chân tại chỗ, cũng lãng phí mất rất nhiều thời gian. Nếu có lối nghĩ như thế, thì hãy mau phát tâm rộng lớn, vượt qua đầu sào. Bằng không, thì sẽ cách Phật đạo mười vạn tám ngàn dặm.

Quán sát tất cả nghiệp của chư Phật như vậy, đều là thanh tịnh, tướng tốt trang nghiêm. Quán sát pháp thân của chư Phật như vậy, là tận hư không khắp pháp giới, tức cũng là đầy khắp tất cả mọi nơi. Quán sát thần thông của chư Phật như vậy, tự tại diệu dụng, có cảnh giới không thể nghĩ bàn. Minh bạch đạo lý này rồi, sẽ siêng tu lục độ vạn hạnh, siêng hành Bồ Tát đạo, tương lai công đức viên mãn, thì chắc chắn sẽ thành Phật.

Bấy giờ, đại chúng đó thấy mỗi lỗ chân lông của Như Lai, đều phóng ra trăm ngàn ức Na do tha A tăng kỳ quang minh. Mỗi quang minh, có A tăng kỳ màu sắc, A tăng kỳ sự thanh tịnh, A tăng kỳ sự chiếu sáng, khiến cho A tăng kỳ chúng sinh quán sát, A

tăng kỳ chúng sinh hoan hỷ, A tăng kỳ chúng sinh tin sâu tăng trưởng, A tăng kỳ chúng sinh ý chí ưa thích thanh tịnh, A tăng kỳ chúng sinh các căn mát mẻ, A tăng kỳ chúng sinh cung kính tôn trọng.

Lúc đó, pháp hội Hoa Nghiêm tại Điện Bảo Trang Nghiêm ở cung trời Đâu Suất, hết thấy đại chúng (Bồ Tát, Thiên Vương, Thiên tử, Thiên nữ, Thiên chúng), đều thấy trong mỗi chân lông trên thân của Đức Phật Thích Ca, phóng ra trăm ngàn ức Na do tha A tăng kỳ (vô lượng số) quang minh. Trong mỗi thứ quang minh lại có vô lượng số màu sắc, vô lượng số sự thanh tịnh, vô lượng số chiếu sáng, đầy khắp pháp giới. Khiến cho vô lượng số chúng sinh đều quán sát quang minh đó. Khiến cho vô lượng số chúng sinh đều đại hoan hỷ, tin thọ phụng hành. Khiến cho vô lượng số chúng sinh đều đại khoái lạc, y pháp tu hành. Khiến cho vô lượng số chúng sinh tâm tin tăng trưởng, từ không tin mà tin, từ tin mà tin sâu. Khiến cho vô lượng số chúng sinh, chí nguyện tu hành hạnh thanh tịnh, thành tựu quả thanh tịnh, đắc được trí huệ thanh tịnh. Khiến cho vô lượng số chúng sinh, sáu căn thanh tịnh, đắc được tự tại mát mẻ. Khiến cho vô lượng số chúng sinh, sinh tâm cung kính Đức Phật, sinh tâm tôn trọng pháp. Ba nghiệp thanh tịnh tức là cung kính tôn trọng.

Bấy giờ, đại chúng đều thấy thân Phật, phóng ra trăm ngàn ức Na do tha bất tư nghì đại quang minh. Mỗi quang minh đều

có nhiều màu sắc không nghĩ bàn, nhiều quang minh không nghĩ bàn, chiếu đến vô biên pháp giới không nghĩ bàn.

Lúc đó, đại chúng trong pháp hội, đều thấy được trên thân tướng tốt trang nghiêm của Đức Phật, phóng ra trăm ngàn ức Na do tha đại quang minh không nghĩ bàn. Trong mỗi luồng quang minh, đều có nhiều màu sắc không thể nghĩ bàn, lại có nhiều quang minh không thể nghĩ bàn. Quang minh đó chiếu khắp vô biên pháp giới không thể nghĩ bàn, tức cũng là tận hư không biến pháp giới, chiếu khắp mọi nơi.

Do thần lực của Phật, vang ra âm thanh lớn vi diệu. Âm thanh đó diễn xướng trăm ngàn ức Na do tha bài kệ không thể nghĩ bàn, vượt hơn hết thảy lời lẽ của các thế gian. Do tu căn lành xuất thế gian mà thành tựu.

Nhờ sức thần thông biến hoá của Đức Phật, ở trong quang minh có hoá Phật, có Bồ Tát, lại vang ra âm thanh lớn vi diệu, âm thanh vi diệu đó, truyền đến khắp mười phương, hết thảy chúng sinh thảy đều nghe được, trong âm thanh vi diệu đó, diễn xướng trăm ngàn ức Na do tha bài kệ không thể nghĩ bàn, đều là bài kệ tán thán khen ngợi công đức của Phật. Những bài kệ đó, vượt hơn hết thảy lời lẽ của thế gian. Đây là lúc Phật tại nhân địa, tu hành pháp xuất thế

gian, pháp vượt qua ba cõi, do căn lành đó mà thành tựu âm thanh lớn vi diệu.

Lại hiện ra trăm ngàn ức Na do tha sự trang nghiêm vi diệu không thể nghĩ bàn. Trong trăm ngàn ức Na do tha kiếp không thể nghĩ bàn, khen ngợi không thể hết được. Điều từ vô tận tự tại của Như Lai sinh ra.

Ở trong quang minh, lại hiện ra trăm ngàn ức Na do tha sự trang nghiêm vi diệu không thể nghĩ bàn. Trong trăm ngàn ức Na do tha kiếp không thể nghĩ bàn, để tán thán khen ngợi công đức của Phật, cũng không thể hết được. Do đó:

"Sát trần tâm niệm khả sở tri
Đại hải trung thủy khả âm tận
Hư không khả lượng phong khả khế
Vô năng tận thuyết Phật công đức".

Nghĩa là:

Hạt bụi tâm niệm đếm biết được
Nước trong biển cả uống hết được
Hư không lường được, gió buộc được
Không thể nói hết công đức Phật.

Đây là trong quá khứ Phật tu đủ thứ pháp môn vô tận, mới có sự trang nghiêm vi diệu không thể nghĩ bàn như thế, đây là từ cảnh giới vô tận tự tại sinh ra.

Lại hiện ra bất khả thuyết chư Phật Như Lai xuất hiện ra đời, khiến cho các chúng sinh vào môn trí huệ, hiểu rõ nghĩa thâm sâu.

Ở trong quang minh, lại hiện ra bất khả thuyết chư Phật xuất hiện ra đời, khiến cho tất cả chúng sinh, vào sâu môn trí huệ, thấu hiểu nghĩa thâm sâu, tức cũng là minh bạch nghĩa chân thật pháp môn Bát Nhã do chư Phật nói.

Lại hiện ra bất khả thuyết hết thảy sự biến hoá của chư Phật Như Lai. Tận pháp giới hư không giới, khiến cho tất cả thế gian bình đẳng thanh tịnh. Đó là do từ chỗ trụ vô chướng ngại nhất thiết trí của Như Lai sinh ra, cũng từ sự tu hành đức hạnh thù thắng không thể nghĩ bàn của Như Lai sinh ra.

Ở trong quang minh lại hiện ra bất khả thuyết hết thảy thần thông biến hoá của chư Phật, tận hư không khắp pháp giới, đều có biến hoá của chư Phật. Khiến cho tất cả thế gian, đều bình đẳng thanh tịnh. Cảnh giới đó, đều từ chỗ trụ vô chướng ngại nhất thiết trí của Phật sinh ra, cũng từ sự tu hành đức hạnh thù thắng không thể nghĩ bàn của Như Lai sinh ra.

Lại hiện ra trăm ngàn ức Na do tha quang minh báu sáng chói vi diệu, từ căn lành đại nguyện xưa phát sinh. Nhờ đã từng cúng dường vô lượng Như Lai, tu hạnh thanh tịnh, không phóng dật. Tâm Tát bà nhạ¹ chẳng có chướng ngại, vì sinh ra căn lành.

Ở trong quang minh lại hiện ra trăm ngàn ức Na do tha quang minh báu sáng chói vi diệu không thể nghĩ bàn. Quang minh đó, là từ căn lành đại nguyện xưa phát sinh ra. Chúng ta người tu đạo, phải phát đại nguyện kiên cố như kim cương. Biển có thể cạn, đá có thể mòn, nhưng đại nguyện đó không thể thay đổi. Chẳng những phát nguyện, mà hằng ngày còn phải nghĩ nhớ, giống như việc tụng Kinh, hằng ngày phải y theo lời nguyện đã phát mà thực hành. Bằng không thì, giống như hoa đại nở, chẳng có ích gì.

Những vị Bồ Tát đó, đã từng cúng dường mười phương tất cả chư Phật, thời thời tu hành pháp môn thanh tịnh giới định huệ, khiến cho thân miệng ý ba nghiệp thanh tịnh, chẳng còn tư hào tạp niệm. Do đó:

"Sai một li, đi ngàn dặm".

Tại sao chúng ta tu hành chẳng thành tựu ? Vì chẳng có tu hạnh thanh tịnh.

¹ Tâm Tát bà nhạ: Tâm nhất thiết trí.

Gì là hạnh thanh tịnh ? Tức là không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không lợi mình, không nói dối (sáu tông chỉ của Vạn Phật Thành). Cũng có thể nói không tham, không sân, không si. Hạnh thanh tịnh, chẳng phải là pháp môn đặc biệt vi diệu, mà là dạy người trừ khử tâm tham, sân, si, ba độc. Nếu trừ khử sạch tâm ba độc, đó là tu hạnh thanh tịnh. Tóm lại, hạnh thanh tịnh tức là chẳng có tư tưởng và hành vi ô nhiễm. Bạn có tham dục, sân hận, ngu si, thì chẳng thanh tịnh. Nếu bạn chẳng có nóng giận, phiền não, vô minh, tức là thanh tịnh. Người tu hạnh thanh tịnh tuyệt đối chẳng phóng dật.

Phóng dật là gì ? Nói đơn giản đó là chẳng giữ quy cụ. Giống như đệ tử Phật, đã giữ năm giới, là không giết hại, nhưng họ làm cho kiến và côn trùng chết. Không trộm cắp, nhưng lại lấy đồ người khác chưa cho phép. Không tà dâm, nhưng lại đi tìm người khác giới, phát sinh quan hệ nhục thể. Không nói dối, nhưng chuyên nói lời không thật, hoặc nói thị phi. Không uống rượu, nhưng lại đi đến quán rượu mua rượu uống, hoặc hút thuốc, hoặc hút độc. Biết rõ là tập quán không tốt, hoặc có hại cho thân tâm, nhưng cố ý đi làm, đó tức là phóng dật.

Trong bài kệ cảnh chúng của Bồ Tát Phổ Hiền rằng:

"Ngày đã qua rồi
Mạng sống cũng giảm dần.
Như cá thiếu nước
Nào có vui gì ?
Đại chúng !
Hãy siêng tinh tấn
Như cứu đầu lửa cháy.
Chỉ nhớ vô thường

Đừng có phóng dật!"

Nghĩa là: Một ngày đã trôi qua, thì tánh mạng cũng theo thời gian mà tiêu giảm một chút. Giống như cá thiếu nước, càng ngày càng giảm bớt nước, còn có gì để vui ? Các vị phải biết ! Nên siêng năng mà tu hành, hãy dũng mãnh tiến về trước. Sự tinh tấn cũng giống như cứu lửa cấp bách đang cháy trên đầu của mình, một phút một giây không thể đợi chờ, mà lúc nào cũng nghĩ: Vô thường chẳng bao lâu sẽ đến, thời gian không còn nhiều, phải cố gắng tinh tấn, đừng có phóng dật. Phải luôn luôn giữ quy cụ, đi đứng nằm ngồi đừng phạm giới luật, đó mới là bốn phận của người tu đạo.

Vì không phóng dật, cho nên tâm Tát Bà Nhạ (nhất thiết trí) hiện tiền, thì chẳng có tất cả chướng ngại, sẽ sinh ra căn lành. Có căn lành, thì tất cả sẽ được giải thoát. Do đó: "Vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu kính Niết Bàn". Nghĩa là: Vì không quái ngại, nên chẳng có sợ hãi, xa lìa điên đảo mộng tưởng, rốt ráo Niết Bàn. Đây là nơi trở về cuối cùng của người tu đạo.

Vì hiển Như Lai lực rộng khắp, vì dứt trừ nghi hoặc của tất cả chúng sinh, vì khiến cho đều được thấy Như Lai, vì khiến cho vô lượng chúng sinh trụ nơi căn lành. Vì hiển bày sức thần thông của Như Lai, không ai chiếu sáng lẫn được. Vì muốn khiến cho chúng sinh khắp được vào nơi biển rốt ráo. Vì khiến cho đại chúng Bồ Tát

của tất cả cõi nước chư Phật, đều đến tụ tập. Vì muốn khai thị môn Phật pháp không thể nghĩ bàn.

Vì hiển bày thập lực của Phật, nên rộng lớn khắp tất cả. Vì dứt trừ nghi hoặc của tất cả chúng sinh. Vì khiến cho vô lượng chúng sinh được thấy Phật. Vì khiến cho vô lượng chúng sinh tu hành pháp lành, kiên cố trụ nơi căn lành. Vì hiển bày sức thần thông của Phật, nên thiên ma ngoại đạo không thể chiếu sáng lần được. Vì muốn khiến cho tất cả chúng sinh khắp vào biển trí huệ rốt ráo. Vì khiến cho tất cả các Bồ Tát trong tất cả cõi nước chư Phật, đều vân tập đến cung trời Đâu Suất. Vì khai thị tất cả chúng sinh, tu pháp môn của Phật không thể nghĩ bàn, thành tựu quả giác không thể nghĩ bàn. Cho nên trước khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết pháp, phải phóng ra đủ thứ quang minh, hiện ra đủ thứ màu sắc, chiếu sáng vô lượng thế giới, tại sao ? Vì đủ thứ nguyên nhân ở trên mà phóng quang minh. Lại có một thứ nguyên nhân, dùng quang sắc này, thỉnh các đại Bồ Tát đến tham gia pháp hội, hoặc làm đương chúng cơ, hoặc làm ảnh hưởng chúng.

Bấy giờ, Như Lai dùng tâm bi che khắp, hiển bày nhất thiết trí, trang nghiêm tất cả. Muốn khiến cho chúng sinh trong thế giới nhiều bất khả thuyết trăm ngàn ức Na do tha A tăng kỳ, người chưa tin thì tin, người tin rồi thì tăng trưởng, người đã

tăng trưởng thì khiến cho thanh tịnh. Người đã thanh tịnh thì khiến cho thành thực. Người đã thành thực thì khiến cho tâm được điều phục.

Lúc đó, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dùng tâm đại bi, che phủ hộ khắp tất cả chúng sinh, hiển rõ chỉ bày nhất thiết trí huệ trang nghiêm hết thảy, tức cũng là biểu hiện trí huệ. Trí huệ của Phật, chúng sinh vốn cũng đầy đủ. Bất quá, chúng sinh không thể dùng mà thôi, cho nên chẳng có trang nghiêm. Nếu dùng được, cũng sẽ có sự trang nghiêm.

Phật muốn khiến cho hết thảy chúng sinh trong thế giới nhiều bất khả thuyết bất khả thuyết trăm ngàn ức Na do tha A tăng kỳ, người chẳng tin Phật, khiến cho họ phát tâm Bồ đề, sinh ra căn tin. Người đã có căn tin, thì khiến cho tăng trưởng. Người căn lành và tâm tin đã tăng trưởng, thì khiến cho được thanh tịnh (chẳng có tham sân si, chỉ có giới định huệ). Người đã tu hành hạnh thanh tịnh, thì khiến cho họ căn lành thành thực. Người căn lành đã thành thực, thì khiến cho họ tâm được điều phục, chúng được quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Quán sát pháp thâm sâu. Đầy đủ vô lượng trí huệ quang minh. Phát sinh tâm rộng lớn vô lượng. Tâm Tát bà nhạ chẳng có thói chuyển, chẳng trái với pháp tánh, chẳng sợ thật tế. Chúng được lý chân thật, đầy đủ tất cả hạnh Ba La Mật. Sinh ra căn

lành xuất thế, thấy đều thanh tịnh. Như Bồ Tát Phổ Hiền, đắc được tự tại của Phật.

Quán sát diệu pháp thâm sâu vô thượng, sau đó mới đầy đủ vô lượng trí huệ quang minh, phát sinh tâm Bồ đề rộng lớn vô lượng, tâm Tát bà nhạ (nhất thiết trí). Trong trí huệ này lại hiện trí huệ, trí huệ này vô cùng vô tận, chỉ có tăng trưởng, chẳng có thoái lui. Nó chẳng trái với pháp tánh chân thật. Pháp tánh chân thật tức là không. Phật phóng quang gia bị chúng sinh, khiến cho họ không thể vì pháp tánh chân thật và hư không đồng thể, mà sinh ra lý thể chân thật sợ hãi. Chúng sinh nghe nói lý thể chân thật, trên thật tế gì cũng chẳng có, càng sinh ra sợ hãi mà thoái lui về sau. Nếu chẳng sợ hãi thật tế, thì sẽ chứng được lý thể chân thật. Nếu sợ hãi thì không thể chứng được. Tại sao ? Vì sắp chứng được, mà bị tâm sợ hãi che lấp.

Đầy đủ tất cả hạnh Ba La Mật (mười Ba La Mật), thì đắc được căn lành xuất thế, thấy đều thanh tịnh. Giống như Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát, tu hành Phổ Hiền hạnh nguyện, mà đắc được sức thần thông tự tại của Phật.

Mười Ba La Mật tức là pháp môn thập độ, pháp môn tu hành của Bồ Tát. Nay giải thích sơ lược một phen. Người đã nghe qua đừng ngại nghe thêm lần nữa, Do đó: "Ôn cố mà tri tân". Biết cái mới là do từ biết cái cũ diễn biến mà ra. Nghe thêm lần nữa, thì sẽ có lợi ích. Ai chưa nghe qua, thì phải chú ý nghe, nghiên cứu tỉ mỉ, thì chắc chắn sẽ đắc được diệu dụng không thể nghĩ bàn.

Những gì là mười Ba La Mật ? Ba La Mật dịch là "đáo bỉ ngạn" (đến bờ kia). Bờ kia tức là Niết Bàn không sinh không diệt. Hiện tại chúng ta trụ ở trong thế giới Ta

Bà, tức là bờ bên này. Thế giới Cực Lạc là bờ bên kia. Chúng ta phải đi qua dòng sông phiền não, thì sẽ đến bờ bên kia. Bờ này có các thứ khổ, bờ kia có các thứ vui. Làm thế nào để đến được bờ bên kia ? Tức là phải học tập Phật pháp, Phật pháp tức là "bảo phiệt", có thể đưa chúng ta từ bờ sinh tử bên này, đi qua biển sinh tử, đạt đến bờ kia không còn sinh tử. Mục đích chúng ta học Phật pháp là phải chấm dứt sinh tử. Đức Phật Thích Ca vì muốn cầu chấm dứt sinh tử, mà từ bỏ ngôi vua, đến núi Tuyết nghiên cứu đại pháp chấm dứt sinh tử, ở dưới cội bồ đề chứng được pháp chấm dứt sinh tử - pháp mười hai nhân duyên. Phật từ bi chúng sinh, đem pháp đã chứng được, lưu truyền cho đời sau không thiếu một chữ. Chúng ta rất được may mắn, gặp được kim chỉ nam của Phật pháp - Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật. Kinh này là vua trong các Kinh. Nghĩa lý nói về Kinh này, là vì Bồ Tát mà diễn nói tu hành Bồ Tát đạo như thế nào, cứu chúng sinh lìa khổ được vui như thế nào, hoàn toàn vì người chẳng vì mình. Muốn khiến cho pháp đại thừa tồn tại, thì phải đọc tụng Hoa Nghiêm, lễ Hoa Nghiêm, tu trì Hoa Nghiêm, ấn tống lưu truyền Hoa Nghiêm. Như vậy mới khiến cho chánh pháp trụ thế lâu dài. Bằng không, tức là thời đại mạt pháp. Nay giải thích thập độ Ba La Mật như sau:

- Thứ nhất là bố thí Ba La Mật: Bố thí có tài thí, pháp thí, vô úy thí. Ba sự bố thí này, tu đến lúc viên mãn, thì đều đến được bờ kia.

- Thứ hai là trì giới Ba La Mật: Trì giới chủ yếu là: "Đừng làm các điều ác, hãy làm các điều lành", tu thân miệng ý ba nghiệp thanh tịnh.

- Thứ ba là nhãn nhục Ba La Mật: Nhãn có sinh nhãn, pháp nhãn, vô sinh pháp nhãn ba thứ nhãn, tức cũng là không thể nhãn cũng phải nhãn, nhãn không được cũng phải nhãn. Tóm lại, nhãn ! Nhãn ! Nhãn ! Nhãn đến chỗ cùng cực, sẽ chứng được cảnh giới vô sinh pháp nhãn. Chẳng thấy có chút pháp sinh, cũng chẳng thấy có chút pháp diệt, nhãn thọ nơi tâm. Nghĩ muốn nói cảnh giới này, nhưng cũng nói không ra, nghĩ muốn suy tư cảnh giới này cũng không suy tư ra được.

- Thứ tư là tinh tấn Ba La Mật: Chẳng những ngày tinh tấn đêm tinh tấn, còn phải thân tinh tấn tâm tinh tấn. Tinh tấn phải có kiên, thành, hằng, ba yếu tố, tinh tấn tâm kiên cố, tâm chí thành, tâm hằng thường.

- Thứ năm là thiền định Ba La Mật: Tiếng Phạn là thiền na, dịch là "tư duy tu", chẳng những phải tư duy, mà còn phải tu trì. Nếu chỉ có tư duy, mà không thể tu trì, thì cũng giống "khẩu đầu thiền" (thiền ngoài miệng). Hay tu mà không tư duy, thì cũng giống như mù luyện đui, dễ bị tẩu hoả nhập ma, cho nên phải có cả tư duy và tu, mới có sự thành công. Thiền na còn dịch là "tĩnh lự". Tĩnh là thanh tịnh, lự là tư lự, tư lự thanh tịnh tâm thức. Tĩnh đến cực điểm sẽ hiện ra trí huệ. Do đó:

"Tĩnh cực quang thông đạt".

- Thứ sáu là Bát Nhã Ba La Mật: Bát Nhã dịch là "trí huệ". Bát Nhã có văn tự Bát Nhã, quán chiếu Bát Nhã, và thật tướng Bát Nhã. Do văn tự Bát Nhã mà khởi quán chiếu Bát Nhã, do quán chiếu Bát Nhã mà đạt được thật tướng Bát Nhã.

- Thứ bảy là phương tiện Ba La Mật: Dùng đủ thứ phương tiện, như đại từ phương tiện, đại bi phương tiện, giác ngộ phương tiện, pháp luân phương tiện .v.v... cũng có thể đạt đến bờ kia.

Thứ tám là nguyện Ba La Mật: Phát nguyện siêng tu giới định huệ, phát nguyện tiêu diệt tham sân si, phát nguyện tu trì các hạnh của chư Phật, phát nguyện thành tựu quả vị của chư Phật, phát nguyện hành Bồ Tát đạo, phát nguyện tu các pháp môn. Tu hành không phát nguyện, cũng giống như hoa nở không kết quả.

- Thứ chín là lực Ba La Mật: Phải có sức lực để tu trì Phật pháp. Lực gì ? Tư trạch lực, tu tập lực, biến hoá lực .v.v...

- Thứ mười là trí Ba La Mật: Trí huệ này là trí huệ xuất thế, chẳng phải trí huệ thế trí biện thông. Bất cứ tu trì pháp môn nào, nếu chẳng có trí huệ, thì không thể có sự thành tựu. Mười thứ Ba La Mật này, là pháp môn Bồ Tát phải tu, tức cũng là giáo nghĩa cơ bản của pháp đại thừa.

Lìa khỏi cảnh giới ma, vào cảnh giới của chư Phật. Biết rõ pháp thâm sâu. Đắc được trí huệ khó nghĩ bàn. Thệ nguyện đại thừa, vĩnh viễn không thoái chuyển. Thường thấy chư Phật, chưa từng xả lìa. Thành tựu chứng đắc trí huệ, chứng được vô lượng pháp, đầy đủ tạng lực vô biên phước đức. Phát tâm hoan hỷ, vào bậc vô nghi hoặc, lìa ác thanh tịnh, y chiếu nhất thiết trí, thấy

pháp chẳng động. Được vào tất cả chúng hội Bồ Tát. Thường sinh vào nhà các Như Lai ba đời.

Đã lìa khỏi tất cả cảnh giới ma, chúng vào cảnh giới của chư Phật, thấu rõ biết được diệu pháp thâm sâu, hoạch được trí huệ không thể nghĩ bàn. Lại phát thệ nguyện đại thừa:

"Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành".

Vĩnh viễn tinh tấn, chẳng thôi chuyển. Nếu hay tu hành như thế, thì sẽ thấy được mười phương chư Phật đến gia trì, chẳng có lúc nào xả lìa. Do đó mà thành tựu nhất thiết trí, chúng được tất cả pháp, đầy đủ tạng lực vô biên phước đức. Phát tâm đại hoan hỷ, đã vào bậc không nghi hoặc, tức cũng là phá được vô minh, hiển bày pháp tánh vốn có. Lìa khỏi ba đường ác, đắc được thanh tịnh, y chiếu nhất thiết trí huệ để quán sát, đối với các pháp, vắng lặng chẳng động. Được vào trong tất cả chúng hội của Bồ Tát, làm bạn lành với Bồ Tát. Thường ở trong nhà của mười phương ba đời chư Phật, làm con của đấng Pháp Vương.

Đức Thế Tôn hiện ra sự trang nghiêm như vậy, đều do quá khứ tích tập các căn lành mà thành tựu. Vì muốn điều phục các chúng sinh.

Phật thị hiện ra đủ thứ cảnh giới trang nghiêm như vậy, đều do thưở quá khứ, đời đời kiếp kiếp tu đủ thứ căn lành, tích tập mà thành tựu. Tại sao phải thị hiện những cảnh giới như vậy ? Vì chúng sinh ở thế giới Ta Bà, rất là cương cường, khó điều khó phục. Vì chẳng dễ gì điều phục, cho nên Phật vẫn muốn điều phục. Những chúng sinh đó, giống như ngựa hoang, chẳng dễ gì điều phục, nhưng Phật Bồ Tát dùng đủ thứ pháp môn phương tiện khéo léo, để điều phục họ, khiến cho họ phát tâm bồ đề, tu đạo vô thượng. Chúng sinh giống như các em học sinh nhỏ bướng bỉnh, chẳng nghe thầy cô dạy. Song, thầy cô dùng hết khả năng, tìm biện pháp để dạy dỗ, không thể vì họ khó dạy mà không giáo dục. Phật Bồ Tát đối với chúng sinh cũng giống như thế, tuy chúng sinh cương cường, không nghe lời Phật Bồ Tát, không tin chân lý, nhưng Phật Bồ Tát vẫn cố gắng tìm cách khuyên nói, giáo hoá không mệt mỏi, khiến cho chúng sinh khó điều khó phục, y pháp phụng hành.

Vì khai thị đại oai đức của Như Lai. Vì chiếu rõ tạng trí huệ vô ngại. Vì thị hiện vô biên thắng đức của Như Lai, rất dũng mãnh. Vì hiển bày đại thần thông không thể nghĩ bàn của Như Lai. Dùng sức thần thông, nơi tất cả cõi, hiện ra thân Phật. Vì thị hiện thần thông biến hoá của Như Lai không bờ mé. Vì chí nguyện xưa thấy đều thành tựu viên mãn. Vì hiển bày trí huệ dũng mãnh của Như Lai, có thể đến khắp

tất cả. Vì nơi pháp tự tại, thành đấng Pháp Vương. Vì sinh ra môn nhất thiết trí huệ. Vì thị hiện thân thanh tịnh của Như Lai. Vì lại hiện thân tối thù thắng vi diệu. Vì hiển bày chứng được pháp bình đẳng của chư Phật ba đời. Vì khai thị tạng căn lành thanh tịnh. Vì hiển bày sắc đẹp thể gian không gì sánh bằng. Vì hiển bày tướng đầy đủ thập lực, khiến cho người thấy được không nhàm đủ. Vì làm mặt trời thế gian, chiếu soi ba đời.

Vì chúng sinh không biết đại oai đức của Phật, cho nên Bồ Tát muốn khai thị đại oai đức của Phật, tức cũng là vô sở úy của Phật. Phật có bốn đại vô sở úy:

1. Nhất thiết trí vô sở úy.
2. Lậu tận vô sở úy.
3. Thuyết chương đạo vô sở úy.
4. Thuyết tận khổ đạo vô sở úy.

Chẳng có người nào có oai đức hơn Phật, Phật là bậc Thánh nhân có oai đức nhất. Trí huệ quang minh của Phật, chiếu sáng tạng trí huệ vô ngại. Thị hiện vô biên thắng đức của Phật, giống như lúc lửa ngọn hùng hực. Hiển bày đại thân thông và đại biến hoá không thể nghĩ bàn, dùng sức đại thân thông, ở trong sáu nẻo thị hiện thân của tất cả chư Phật. Lại thị hiện thân thông biến hoá của Phật, chẳng có lúc nào hết được.

Bồ Tát trong quá khứ phát nguyện lực, đều toại tâm mãn nguyện. Tóm lại, phát nguyện thành Phật, sẽ mãn nguyện thành Phật. Phát nguyện thành Bồ Tát, sẽ thành Bồ Tát. Phát nguyện thành chúng sinh, sẽ thành chúng sinh. Hiện bày trí huệ dững mãnh của Phật, tức cũng là thần thông diệu dụng. Trí huệ này, có thể đi đến khắp mười phương thế giới, để giáo hoá tất cả chúng sinh. Thần thông và trí huệ của Phật, đều viên dung vô ngại, đối với tất cả các pháp, rất là tự tại, chúng được nhất thiết trí huệ, chiếu rõ các pháp thật tướng, cho nên trở thành đấng Pháp Vương. Sinh ra môn nhất thiết trí huệ. Phật đầy đủ nhất thiết trí, chúng ta phải y theo tạng Phật pháp, mới có thể vào được môn trí huệ. Thị hiện pháp thân thanh tịnh của Phật, thị hiện diệu thân thù thắng của Phật. Pháp thân là vô tướng, là tận hư không khắp pháp giới, đầy khắp mọi nơi. Diệu thân là có tướng, tức là thân trang nghiêm ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp. Hiện bày chỉ thị chúng sinh, chúng được pháp bình đẳng của chư Phật ba đời. Do đó: "Là pháp bình đẳng, chẳng có cao thấp, gọi là A nậu đa la tam miệu tam bồ đề". Tức cũng là chúng được pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Khai thị chúng sinh, đều có căn lành thành Phật, đều có bản tánh thanh tịnh tạng. Hiện bày sắc thân tốt đẹp nhất, mà trong thế gian không gì sánh bằng, sắc thân đẹp của chư Phật không thể nghĩ bàn. Hiện bày chúng sinh biết Phật đầy đủ tướng mười lực, khiến cho hết thảy chúng sinh, thấy được tướng tốt trang nghiêm của Phật, nhìn mãi không nhàm, chẳng có lúc nào biết đủ nhàm mỏi. Phật là mặt trời của thế gian, chiếu sáng ba đời. Kỳ thật, mặt trời chỉ có thể chiếu một mặt, không

thể chiếu mặt sau. Nhưng quang minh của Phật chẳng những chiếu sáng vạn vật, còn có thể chiếu sáng tâm thức.

Tự tại Pháp Vương tất cả công đức, đều từ căn lành thuở xưa hiện ra. Tất cả Bồ Tát nơi tất cả kiếp, tán thán khen ngợi, không thể hết được.

Tại sao tự tại Pháp Vương thành Phật ? Vì có tất cả công đức. Những công đức đó, đều từ lúc tại nhân địa tu Bồ Tát đạo, tích tập căn lành, thành tựu mà hiện ra. Tất cả Bồ Tát, ở trong vô lượng kiếp khen ngợi công đức của chư Phật, chẳng khi nào hết được.

Bấy giờ, Đâu Suất Đà Thiên Vương dâng lên cúng dường Như Lai, các thứ đồ trang nghiêm như vậy rồi, cùng với trăm ngàn ức Na do tha A tăng kỳ Thiên tử Đâu Suất, hướng về đức Phật chấp tay, bạch Phật rằng: Thiện lai Thế Tôn ! Thiện lai Thiện Thệ ! Thiện lai Như Lai ! Ứng Chánh Đẳng Giác, xin thương xót mà ngự nơi cung điện này.

Lúc đó, Đâu Suất Thiên Vương, dâng cúng Đức Phật đủ thứ đồ cúng dường, rất trang nghiêm. Ông ta chuẩn bị hết thảy đồ trang nghiêm rồi, bèn cùng với trăm ngàn ức Na do tha A tăng kỳ Thiên tử Đâu Suất, hướng về Đức

Phật cung kính chấp tay, biểu thị thân nghiệp thanh tịnh. Đối với Phật mà nói, là biểu thị khẩu nghiệp thanh tịnh, bèn nói: "Thiện lai Đức Thế Tôn ! Ngài đến thật là đúng thời. Thiện lai Đấng Thiện Thệ ! Nơi Ngài đến cũng là nơi tốt đẹp. Thiện lai Đức Như Lai ! (Thừa đạo như thật, Lai thành chánh giác). Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Đó là mười hiệu của Phật. Chúng con chỉ cầu khẩn Đức Phật, thương xót chúng con ! Ai mẫn chúng con ! Từ bi chúng con ! Mong Phật tiếp thọ sự cúng dường của chúng con, vào ngự trong cung điện của chúng con, vì chúng con nói pháp".

Bấy giờ, đức Thế Tôn dùng sự trang nghiêm của Phật mà tự trang nghiêm. Đây đủ đại oai đức. Vì khiến cho tất cả chúng sinh, sinh đại hoan hỷ. Vì Tất cả Bồ Tát phát sinh tâm ngộ hiểu thâm sâu. Vì tất cả Thiên tử Đâu Suất Đà tăng thêm lợi ích dục lạc. Vì Thiên Vương Đâu Suất Đà cúng dường thừa sự không nhàm đủ. Vì vô lượng chúng sinh, duyên niệm Phật mà phát tâm. Vì vô lượng chúng sinh, gieo trồng căn lành thấy Phật, phước đức vô tận. Vì hay phát khởi niềm tin thanh tịnh. Vì thấy Phật cúng dường không mong cầu.

Vì hết thủy chí nguyện đều thanh tịnh. Vì siêng tích tập căn lành, không giải đãi. Vì phát đại thệ nguyện, cầu nhất thiết trí. Nhận sự thỉnh cầu của Thiên Vương, đức Phật bèn vào Điện Tất Cả Bảo Trang Nghiêm. Như ở thế giới này, mười phương hết thủy tất cả thế giới, cũng đều như vậy.

Lúc đó, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dùng sự trang nghiêm của mười phương chư Phật, làm sự trang nghiêm của chính mình, đầy đủ thần lực đại oai đức. Vì khiến cho tất cả chúng sinh, sinh ra đại hoan hỉ. Vì khiến cho tất cả Bồ Tát, phát tâm tin ngộ hiểu thâm sâu. Vì khiến cho tất cả Thiên Tử Trời Đâu Suất tăng thêm khoái lạc. Vì khiến cho Thiên Vương Đâu Suất cúng dường Phật, thừa sự Phật, chẳng nhàm đủ. Vì khiến cho vô lượng chúng sinh trong tâm niệm Phật, tùy thuận sự giáo hoá của Phật, mà phát tâm bồ đề. Vì khiến cho vô lượng chúng sinh gieo trồng căn lành gặp Phật, đắc được phước đức vô lượng.

Phật khiến cho tất cả chúng sinh, gieo trồng căn lành, tức là cơ sở thành Phật. Thường phát tâm tin thanh tịnh, cầu đạo vô thượng, thì tương lai sẽ thành tựu quả giác bồ đề. Chúng sinh tu đạo bồ đề, thường thường cúng Phật, thường thường thấy Phật. Tuy nhiên cúng dường Phật, nhưng phải đừng mong cầu gì. Bồ Tát phát nguyện lớn:

"Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thế nguyện thành".

Phát chí nguyện kiên cố này, đều đắc được thanh tịnh. Vì cầu vô thượng bồ đề giác đạo, và chân Phật nguồn gốc thanh tịnh của tự tánh. Bồ Tát tu công đức, siêng tích tập căn lành, không màng việc thiện lớn nhỏ đều đi làm, chẳng có lúc nào giải đãi. Do đó:

"Đừng cho rằng việc thiện nhỏ mà không làm
Đừng cho rằng việc ác nhỏ mà làm".

Phải biết việc thiện nhiều, là do việc thiện ít tích tập mà thành, việc ác lớn là do việc ác nhỏ tích tập mà thành.

Người tu đạo, cần tích tập căn lành, thấu triệt thủy chung, phải biết căn lành do ít mà thành nhiều. Do đó: "Thái sơn là do các hạt bụi, nên thành lớn; biển cả là do từng giọt nước, nên thành rộng sâu". Bất cứ tu pháp môn nào, nếu chân thật mà tu hành, khi công phu đến nhà, tự nhiên sẽ thành tựu. Tu hành tối kỵ nhất là một nóng mười lạnh (tu một ngày nghỉ mười ngày), hoặc chẳng chuyên nhất. Ví như, hôm nay tu hiền giáo, ngày mai tu mật giáo, kết quả không thành tựu gì cả. Nếu chuyên tu một pháp môn, hoặc niệm danh hiệu Phật, hoặc tụng trì Kinh điển, hoặc tham thiền đả tọa, công đạo tự nhiên thành. Phải phát đủ thứ đại thế nguyện. Tại sao ? Vì cầu nhất thiết trí huệ.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nhận lời thành tâm thỉnh cầu của Thiên Vương Đâu Suất, đến cung điện Tất Cả Bảo Trang Nghiêm, vì các Thiên chúng, diễn nói Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật, pháp vi diệu thâm sâu vô thượng. Tình hình ở thế giới Ta Bà là như vậy, trong mười phương hết thấy tất cả thế giới cũng như vậy. Cảnh giới đó thật là không thể nghĩ bàn.

Bấy giờ, điện Tất Cả Báu Trang Nghiêm, tự nhiên có sự tốt đẹp trang nghiêm vi diệu. Vượt hơn sự trang nghiêm của chư Thiên. Tất cả lưới báu giăng bày che phủ chung quanh. Khắp mưa tất cả mây báu thượng diệu. Khắp mưa tất cả mây đồ trang nghiêm. Khắp mưa tất cả mây y báu. Khắp mưa tất cả mây hương chiên đàn. Khắp mưa tất cả mây hương kiên cố. Khắp mưa tất cả mây lọng báu trang nghiêm. Khắp mưa mây hoa tụ không thể nghĩ bàn. Khắp vang ra âm thanh kĩ nhạc không thể nghĩ bàn. Khen ngợi nhất thiết chủng trí của Như Lai. Và diệu pháp cùng tương ứng. Tất cả các đồ cúng dường như vậy, đều vượt hơn sự cúng dường của chư Thiên.

Lúc đó, cung Trời Đâu Suất dùng tất cả báu trang nghiêm cung điện. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đến rồi, thì bảo điện tự nhiên hiện ra tất cả sự tốt đẹp trang nghiêm vi diệu. Sự trang nghiêm đó, vượt hơn sự trang nghiêm của tất cả chư Thiên. Có tất cả lưới báu giăng bày che phủ phía trên cung điện. Khắp mưa tất cả mây diệu báu tối thượng. Khắp mưa tất cả mây đồ trang nghiêm. Khắp mưa tất cả

mây y báu. Khắp mưa tất cả mây hương chiên đàn, thứ hương này đốt lên, hương thơm toả ra khoảng bốn mươi do tuần. Khắp mưa tất cả mây hương kiên cố, thứ hương này đốt lên thời gian rất dài, hương thơm toả khắp tận hư không biến pháp giới. Lại khắp mưa tất cả mây long báu trang nghiêm. Khắp mưa hoa tụ không thể nghĩ bàn. Khắp vang ra âm thanh kĩ nhạc không thể nghĩ bàn, khen ngợi tán thán nhất thiết chủng trí của Phật, và diệu pháp hoàn toàn tương ứng. Đủ thứ cảnh giới ở trên, đều do công đức trong quá khứ Phật tích tụ mà thành tựu. Dùng đủ thứ sự cúng dường này, để trang nghiêm đạo tràng pháp hội, vượt hơn đồ cúng dường trang nghiêm của chư Thiên.

Bấy giờ, trong cung điện Đâu Suất, kĩ nhạc ca hát vang lên không ngừng. Nhờ thần lực của Phật, khiến cho Thiên Vương Đâu Suất tâm chẳng động loạn, căn lành thưở xưa đều được viên mãn. Vô lượng pháp lành tăng thêm kiên cố, tăng trưởng niềm tin thanh tịnh, khởi đại tinh tấn, sinh đại hoan hỉ. Chí thích thanh tịnh thâm sâu, phát tâm bồ đề, niệm pháp không dứt, tổng trì không quên.

Lúc đó, trong cung điện Trời Đâu Suất, có đủ thứ kĩ nhạc, âm nhạc, ca hát diễn tấu, đủ thứ tiết mục, trình diễn không ngừng nghỉ. Nhờ sự gia trì của Đức Phật, khiến cho Thiên Vương Đâu Suất hân thưởng cảnh giới này, tâm có

định lực, chẳng có động loạn. Tức cũng là chẳng bị cảnh giới làm lay chuyển. Căn lành quá khứ của Vua Trời Đâu Suất tu hành, đã viên mãn thành thực, cho nên cảm ứng được Phật đến vì họ nói pháp.

Các vị ! Các vị đến Chùa Kim Sơn nghe Kinh, nghe pháp, cũng là nhờ quá khứ đã gieo trồng căn lành, hiện tại đã thành thực, cho nên đến được Chùa Kim Sơn. Nếu căn lành chẳng thành thực, thì muốn đến Chùa Kim Sơn cũng đến không được. Tại sao ? Vì chưa thành thực ! Căn lành chẳng đầy đủ ! Giống như trước đây mấy hôm, có vị Thầy đến, ông ta có đệ tử bị bệnh ung thư. Muốn đến Chùa Kim Sơn thọ giới Tỳ Kheo, thỉnh đại chúng trợ giúp ông ta hoàn thành tâm nguyện. Bất hạnh thay tối hôm qua đã qua đời, đáng tiếc chưa thọ được giới Cụ Túc. Do đó có thể chứng minh, người căn lành chưa thành thực, thì chẳng vào được cửa Chùa Kim Sơn.

Thiên Vương Đâu Suất đối với tám vạn bốn ngàn pháp lành, đều sinh tâm kiên cố, niềm tin thanh tịnh tăng trưởng. Sinh tâm đại tinh tấn, sinh tâm đại hoan hỷ, phát chí nguyện thanh tịnh thâm sâu, đắc được khoái lạc vô thượng. Phát đại tâm bồ đề kiên cố, cầu được giác đạo vô thượng. Tâm niệm pháp, vĩnh viễn không gián đoạn. Tâm tổng trì vĩnh viễn không quên.

Chúng ta người tu đạo, thời thời tinh tấn, khắc khắc dụng công, một thời một khắc cũng không giải đãi, không thể "Một ngày nóng, mười ngày lạnh". Nếu như tinh tấn một ngày, nghỉ mười ngày, thì không thể nào thành tựu. Quan trọng nhất là phải nhẫn chịu. Nhẫn chịu tức là nhẫn đói, nhẫn khát, nhẫn lạnh, nhẫn nóng, chịu gió, chịu mưa .v.v... Tóm lại, phải nhẫn chịu những gì người khác không

nhẫn chịu được. Không nhẫn chịu được thì không thể qua cửa ải được, công phu tham thiền đả tọa sẽ chẳng tương ứng, trí huệ cũng chẳng hiện tiền. Cho nên nhẫn là pháp môn quan trọng nhất, chẳng có tâm nhẫn thì không thể thành đạo.

Các vị ! Nên nhớ điểm này, sự nóng giận nổi lên thì phải nhẫn. Phiền não nổi lên cũng phải nhẫn. Nhẫn chịu được thì chẳng có vô minh. Do đó, tất cả mọi thời, tất cả mọi nơi, đều phải nhẫn. Cổ nhân có nói:

"Nhỏ không nhẫn thì đại mưu loạn".

Bao nhiêu người không có công phu hàm dưỡng (nhẫn), thì trở thành thiên hạ đại loạn. Do đó:

"Nhẫn được một lúc
Tránh được một ngày buồn".

Đây là nói về sự kinh nghiệm, có thể làm châm ngôn.

Bấy giờ, Thiên Vương Đâu Suất Đà, nương oai lực của đức Phật, liền tự nhớ lại căn lành đã gieo trồng trong quá khứ ở chỗ các đức Phật, mà nói kệ rằng:

Lúc đó, Thiên Vương Đâu Suất, nương đại oai thân lực gia trì của chư Phật, lập tức nhớ lại trong quá khứ, ở trong đạo tràng của chư Phật, đã gieo trồng căn lành. Đã từng cúng dường vị Phật đó, thậm chí cúng dường vị Phật ở thế giới đó, thấy đều nghĩ nhớ lại hết. Vị Phật nào đã từng đến cung trời Đâu Suất thuyết pháp, đều nhớ lại hết.

Lúc đó, Thiên Vương Đâu Suất dùng kệ, để nói rõ danh hiệu của chư Phật đến thuyết pháp.

**Xưa có Như Lai Vô Ngại Nguyệt
Trong những cát tường thù thắng nhất
Phật từng vào điện Trang Nghiêm này
Cho nên chốn này cát tường nhất.**

Trong quá khứ có vị Phật, danh hiệu là Phật Vô Ngại Nguyệt. Vị Phật đó, trong những sự cát tường, thì Phật cát tường thù thắng nhất. Vị Phật đó, đã từng vào cung điện Trang Nghiêm này, vì đại chúng nói diệu pháp Hoa Nghiêm. Do nguyên nhân đó, cho nên điện Trang Nghiêm này, là đạo tràng cát tường nhất trong những sự cát tường.

Tôi nhớ tại Hương Cảng núi Đại Tự, kiến lập Từ Hưng Thiền Tự, khi khoá lễ lạc thành (ngày 16 tháng 03 âm lịch) khai quang tượng Bốn Sư Thích Ca, lại lạy ba ngày Sám Đại Bi, chuẩn bị một trăm dãy bàn (mỗi bàn mười hai vị) để chiêu đãi thiện nam tín nữ, nhưng thời tiết chẳng tốt, ngày nào trời cũng mưa, đi đứng chẳng phương tiện.

Buổi tối ngày 15/03, có người nói với tôi:

- "Sư Phụ ! Trời mưa to, ngày mai sẽ chẳng có đông người đến, Thầy chuẩn bị bàn nhiều như thế, biết làm sao ?"

- Tôi nói với anh ta: "Đừng lo, tự có người đến tham gia, đừng lo dư bàn". Vừa nói dứt lời, một lát sau trời hết mưa, nhìn thấy đất ngập nước chẳng bao lâu sẽ khô.

Sáng ngày sau (ngày 16/03), tượng Phật khai quang, trời tuy âm u nhưng không mưa. Tín đồ Hương Cảng từ

sáng sớm ngồi thuyền đến núi Đại Tự, tham gia pháp hội, khi đúng giờ trưa, ước có hơn một ngàn người đến, một trăm dãy bàn đã chuẩn bị, đã ngồi hết chín mươi sáu dãy bàn. Còn dư lại bốn dãy bàn, ngày sau những người ở trong Chùa đông đảo, đều dùng hết sạch thức ăn, chẳng còn gì thừa lại. Tại sao ? Vì tôi đã tự tay làm việc này, không cho thức ăn thừa lại. Cho nên có sự cảm ứng như thế.

Tại sao hôm nay tôi nói việc này ? Vì hôm qua là ngày Phật Đản, các vị làm thức ăn quá nhiều, chẳng ăn hết, vứt nó vào thùng rác, đó là tổn phước. Nếu tôi làm việc này, thì sẽ không thừa nhiều như thế, có thể không nhiều không ít, rất vừa đủ, thấy đều hoan hỷ. Do đó, hôm nay nhớ đến việc ở núi Đại Tự, nói cho các vị nghe.

**Xưa có Như Lai hiệu Quảng Trí
Trong những cát tường thù thắng nhất
Phật từng vào điện Sắc Vàng này
Cho nên chốn này cát tường nhất.**

Thuở xưa có vị Phật, danh hiệu là Phật Quảng Trí. Vị Phật đó, ở trong những sự cát tường, thì Phật cát tường thù thắng nhất. Vị Phật đó đã từng đến điện Sắc Vàng này, vì đại chúng nói diệu pháp Hoa Nghiêm. Bởi nhân duyên đó, cho nên điện này là đạo tràng cát tường nhất.

**Xưa có Như Lai hiệu Phổ Nhãn
Trong những cát tường thù thắng nhất
Phật từng vào điện Liên Hoa này
Cho nên chốn này cát tường nhất.**

Thuở xưa có vị Phật, danh hiệu là Phật Phổ Nhãn. Vị Phật đó, trong những sự cát tường, thì Phật cát tường thù thắng nhất. Vị Phật đó, đã từng đến điện Liên Hoa này, vì đại chúng diên nói diệu pháp Hoa Nghiêm. Bởi nhân duyên đó, cho nên điện này là đạo tràng cát tường nhất.

**Xưa có Như Lai hiệu San Hô
Trong những cát tường thù thắng nhất
Phật từng vào điện Bảo Tạng này
Cho nên chốn này cát tường nhất.**

Thuở xưa có vị Phật, danh hiệu là Phật San Hô. Vị Phật đó, trong những sự cát tường, thì Phật cát tường thù thắng nhất. Vị Phật đó, đã từng đến điện Bảo Tạng này, vì đại chúng diên nói diệu pháp Hoa Nghiêm. Bởi nhân duyên đó, cho nên điện này là đạo tràng cát tường nhất.

**Xưa có Như Lai Luân Sư Tử
Trong những cát tường thù thắng nhất
Phật từng vào điện Sơn Vương này
Cho nên chốn này cát tường nhất.**

Thuở xưa có vị Phật, danh hiệu là Phật Luân Sư Tử. Vị Phật đó, trong những sự cát tường, thì Phật cát tường thù thắng nhất. Vị Phật đó, đã từng đến điện Sơn Vương này, vì đại chúng diên nói diệu pháp Hoa Nghiêm. Bởi nhân duyên đó, cho nên điện này là đạo tràng cát tường nhất.

**Xưa có Như Lai hiệu Nhựt Chiếu
Trong những cát tường thù thắng nhất
Phật từng vào điện Chúng Hoa này
Cho nên chốn này cát tường nhất.**

Thuở xưa có vị Phật, danh hiệu là Phật Nhựt Chiếu. Vị Phật đó, trong những sự cát tường, thì Phật cát tường thù thắng nhất. Vị Phật đó, đã từng đến điện Chúng Hoa này, vì đại chúng diễn nói diệu pháp Hoa Nghiêm. Bởi nhân duyên đó, cho nên điện này là đạo tràng cát tường nhất.

**Xưa có Như Lai Vô Biên Quang
Trong những cát tường thù thắng nhất
Phật từng vào điện Thụ Nghiêm này
Cho nên chốn này cát tường nhất.**

Thuở xưa có vị Phật, danh hiệu là Phật Vô Biên Quang. Vị Phật đó, trong những sự cát tường, thì Phật cát tường thù thắng nhất. Vị Phật đó, đã từng đến điện Thụ Nghiêm này, vì đại chúng diễn nói diệu pháp Hoa Nghiêm. Bởi nhân duyên đó, cho nên điện này là đạo tràng cát tường nhất.

**Xưa có Như Lai hiệu Pháp Tràng
Trong những cát tường thù thắng nhất
Phật từng vào điện Bảo Cung này
Cho nên chốn này cát tường nhất.**

Thuở xưa có vị Phật, danh hiệu là Phật Pháp Tràng. Vị Phật đó, trong những sự cát tường, thì Phật cát tường thù thắng nhất. Vị Phật đó, đã từng đến điện Bảo Cung này, vì đại chúng diễn nói diệu pháp Hoa Nghiêm. Bởi nhân duyên đó, cho nên điện này là đạo tràng cát tường nhất.

**Xưa có Như Lai hiệu Trí Đăng
Trong những cát tường thù thắng nhất
Phật từng vào điện Hương Sơn này
Cho nên chốn này cát tường nhất.**

Thuở xưa có vị Phật, danh hiệu là Phật Trí Đăng. Vị Phật đó, trong những sự cát tường, thì Phật cát tường thù thắng nhất. Vị Phật đó, đã từng đến điện Hương Sơn này, vì đại chúng diễn nói diệu pháp Hoa Nghiêm. Bởi nhân duyên đó, cho nên điện này là đạo tràng cát tường nhất.

**Xưa có Như Lai Công Đức Quang
Trong những cát tường thù thắng nhất
Phật từng vào điện Ma Ni này
Cho nên chốn này cát tường nhất.**

Thuở xưa có vị Phật, danh hiệu là Phật Công Đức Quang. Vị Phật đó, trong những sự cát tường, thì Phật cát tường thù thắng nhất. Vị Phật đó, đã từng đến điện Ma Ni này, vì đại chúng diễn nói diệu pháp Hoa Nghiêm. Bởi nhân duyên đó, cho nên điện này là đạo tràng cát tường nhất.

Như ở thế giới này, Thiên Vương Đâu Suất nương thần lực của đức Phật, dùng kệ khen ngợi chư Phật quá khứ. Các Thiên Vương Đâu Suất trong mười phương tất cả thế giới, cũng đều khen ngợi công đức của Phật như vậy.

Giống như ở thế giới Ta Bà, Thiên Vương Đâu Suất, nương đại oai thần lực gia trì của đức Phật, dùng kệ để tán thán khen ngợi chư Phật quá khứ, ở tại điện Bảo Trang Nghiêm này nói pháp. Ở trong mười phương tất cả thế giới, hết thấy Thiên Vương Đâu Suất, cũng đều cúng dường Phật, thừa sự nơi Phật, khen ngợi công đức của Phật.

Bấy giờ, đức Thế Tôn ở tại điện Tất Cả Bảo Trang Nghiêm, ngồi kiết già trên toà sư tử Ma Ni Bảo Tạng.

Lúc đó, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở trong điện Tất Cả Bảo Trang Nghiêm, ngồi kiết già trên Toà Sư Tử Ma Ni Bảo Tạng. Tướng ngồi kiết già, hay hàng phục đợc ma, rất dễ nhập định, sinh ra tất cả sức tam muội. Khi chư Phật nói pháp thì đều ngồi kiết già, còn gọi là ngồi tư thế cát tường.

Pháp thân thanh tịnh, diệu dụng tự tại, đồng một cảnh giới với chư Phật ba đời. Cùng vào một tánh với tất cả chư

Phật. Mắt Phật thấu suốt, thấy tất cả pháp, đều không chướng ngại. Có oai lực rất lớn, du khắp pháp giới, chưa từng ngừng nghỉ. Đầy đủ đại thần thông, tùy theo nơi nào có chúng sinh có thể hoá độ được, thấy đều đi đến. Dùng sự trang nghiêm vô ngại của tất cả chư Phật, mà trang nghiêm thân mình, khéo biết thời cơ, vì chúng sinh nói pháp.

Pháp thân của Phật, rất thanh tịnh như hư không. Tất cả thần thông diệu dụng nhậm vận tự tại, đồng với ba đời chư Phật, đồng một cảnh giới, trụ nơi bậc nhất thiết trí huệ, để giáo hoá chúng sinh. Cùng vào một Phật tánh với tất cả chư Phật. Do đó:

"Ba đời mười phương Phật
Đều cùng một pháp thân".

Tất cả chư Phật tức là một vị Phật, một vị Phật tức là tất cả chư Phật. Tại sao ? Vì Phật Phật đồng thể, Phật Phật đạo đồng, Phật Phật bình đẳng. Mắt Phật như ngàn mặt trời, thấu rõ thật tướng lý thể của tất cả các pháp, cho nên thấy tất cả pháp đều chẳng có chướng ngại.

Chúng ta chúng sinh cũng đầy đủ ngũ nhãn (Thiên nhãn, nhục nhãn, pháp nhãn, huệ nhãn, Phật nhãn). Nhưng vì bị vô minh phiền não che đậy, cho nên chẳng hiện. Nếu chân thật tu hành, mới có thể chứng được cảnh giới ngũ nhãn. Người khai mở ngũ nhãn cũng còn phiền não: Trên thì thấy sự sung sướng của chư Thiên, dưới thì thấy sự khổ

sở dưới địa ngục. Nếu người không đủ định lực, thì dễ bị cảnh giới làm tâm giao động, mất đi thời gian tu đạo.

Có bài kệ nói về ngũ nhãn như sau:

"Thiên nhãn thông phi ngại
Nhục nhãn ngại phi thông
Pháp nhãn duy quán tục
Huệ nhãn liễu chân không
Phật nhãn như Thiên nhật
Chiếu dị thể hoàn đồng
Viên minh pháp giới cảnh
Vô xứ bất hàm dung".

Cho nên nói mắt Phật thấu rõ, giống như ánh sáng ngàn mặt trời. Chỗ chiếu đến tuy khác nhau, nhưng bản thể là một. Khai mở mắt trí huệ của Phật, sẽ thấy được tất cả các pháp, đều chẳng có chướng ngại. Người khai mở pháp nhãn, sẽ quán sát được tất cả mọi nơi, Tam Tạng mười hai bộ Kinh điển, nhìn một cái sẽ biết rõ. Phật tụng Kinh của Phật, Bồ Tát tụng Kinh của Bồ Tát, Duyên Giác tụng Kinh của Duyên Giác, Thanh Văn tụng Kinh của Thanh Văn. Mỗi người đều đều có sở tu, đều có sở học. Chẳng phải nói đến được quả vị Phật, thì không tu không chứng. Phật vẫn thường tụng Kinh, bất quá phương pháp tụng Kinh của Phật với chúng ta khác nhau. Phật dùng mắt Phật xem, thì lập tức từ "Như thị ngã văn", tụng đến "Tín thọ phụng hành". Thời gian nháy mắt sẽ tụng xong một bộ kinh điển.

Chư Phật đầy đủ sức đại oai đức, hay du khắp pháp giới, tại sao ? Vì phải cứu chúng sinh trong biển khổ. Phật có tâm thương xót, cho nên chẳng có lúc nào ngừng nghỉ. Phật Bồ Tát đều dùng sức thần thông biến hoá, thấy đều đi

đến khắp mọi nơi, khiến cho chúng sinh được độ lìa khổ được vui.

Bồ Tát dùng sự trang nghiêm vô ngại của chư Phật, để tự trang nghiêm thân mình. Bồ Tát giáo hoá chúng sinh, khéo quán sát thời cơ, khéo biết thời cơ, khéo dùng thời cơ, không bỏ lỡ cơ hội nói pháp. Tức cũng là quán sát căn cơ, vì người nói pháp. Thấy người căn tánh đại thừa, thì nói pháp đại thừa, lục độ vạn hạnh. Thấy người căn tánh tiểu thừa, thì vì họ nói pháp tiểu thừa, pháp bốn Diệu Đế, hoặc pháp Mười Hai Nhân Duyên. Ba thứ pháp này là tu đạo cơ bản, giống như kiền ba chân, không thể thiếu một. Tu đạo không thể dụng sự cảm tình, càng không thể dụng sự ý khí. Điều là kim khâu của Phật nói, hà tất phân ra đại thừa tiểu thừa. Tu đạo phải lựa chọn pháp hợp với mình để tu, đừng phân biệt đó đây, như thế sẽ mất đi chân tinh thần của sự tu đạo, cầu trí huệ của Phật, nối tiếp huệ mạng của Phật.

Bất khả thuyết các chúng Bồ Tát, đều từ các phương khác, đủ thứ cõi nước cùng nhau tụ tập. Chúng hội thanh tịnh. Pháp thân không hai. Không chỗ y chỉ, mà có thể tự tại sinh khởi hạnh môn của Phật.

Có bất khả thuyết bất khả thuyết các chúng Bồ Tát, mỗi vị Bồ Tát, đều từ phương khác đủ thứ cõi nước khác nhau, mà đến thế giới Ta Bà cung trời Đâu Suất, tụ tập với nhau tại pháp hội Hoa Nghiêm, lắng nghe Đức Phật Thích Ca Mâu Ni diễn nói pháp lớn Hoa Nghiêm. Đại chúng pháp hội rất thanh tịnh. Pháp thân không hai, đồng một thể

với Phật. Không chỗ nương tựa, mà được tự tại, sinh khởi tất cả hạnh môn của Phật tu.

Đức Phật ngự trên toà sư tử rồi, ở trong cung điện tự nhiên có vô lượng vô số sự thù thắng đặc biệt tốt đẹp hiện ra, vượt hơn đồ cúng dường của chư Thiên. Đó là: Hoa, tràng hoa, y phục, hương thoa, hương bột, lọng báu, tràng phan, kỹ nhạc, ca tán. Những việc như vậy, mỗi mỗi đều nhiều không thể tính đếm được. Dùng tâm rộng lớn, cung kính tôn trọng, cúng dường đức Phật.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ngự trên toà sư tử rồi, ở trong Điện Bảo Trang Nghiêm, tự nhiên có vô lượng vô số đồ cúng dường thù thắng đặc biệt tốt đẹp. Những đồ cúng dường đó hơn hẳn đồ cúng dường của chư Thiên. Đó là: Hoa báu, man báu, y phục báu, hương thoa, hương bột, lọng báu, tràng báu, phan báu, kỹ nhạc, ca tụng, tán thán .v.v... Đủ thứ những sự như thế, đều rất nhiều nói không hết được. Mỗi chúng sinh dùng tâm rộng lớn, cung kính Đức Phật, tôn trọng Đức Phật, cúng dường Đức Phật.

Tất cả trời Đâu Suất trong mười phương, cũng đều như thế.

Chẳng những Điện Bảo Trang Nghiêm cõi trời Đâu Suất ở thế giới Ta Bà, là như thế, mà tất cả Điện Bảo Trang Nghiêm cõi trời Đâu Suất trong mười phương, cũng tình hình như vậy, rất trang nghiêm, rất thanh tịnh.



KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT PHẨM KỆ TÁN TRÊN CUNG TRỜI ĐÂU SUẤT THỨ HAI MƯƠI BỐN

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở tại cung trời Đâu Suất, trong pháp hội Hoa Nghiêm Điện Bảo Trang Nghiêm, khi đối với đại chúng diễn nói pháp lớn Hoa Nghiêm, thì Bồ Tát từ mười phương thế giới đến, các Ngài ở tại mỗi phương lựa chọn một vị đại Bồ Tát, để làm thượng thủ, dùng kệ để tán thán công đức của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Phẩm này là phẩm thứ hai mươi bốn.

Bấy giờ, do thần lực của đức Phật, mỗi phương trong mười phương, đều có một vị đại Bồ Tát. Mỗi vị đều cùng với các Bồ Tát nhiều như số hạt bụi vạn cõi Phật tụ lại. Từ trong các thế giới ngoài số hạt bụi vạn cõi Phật, đến chỗ đức Phật.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở tại cung trời Đâu Suất, vì đại chúng pháp hội Hoa Nghiêm, trước lúc muốn nói, thì hiện ra đủ thứ sự trang nghiêm, đủ thứ sự tốt đẹp, đủ thứ âm nhạc, đủ thứ mây báu, đủ thứ hoa báu .v.v... Lúc đó, do đại oai thần lực của Đức Phật, mỗi phương trong mười phương, đều có một vị đại Bồ Tát, làm thượng thủ, làm

lãnh tụ trong các Bồ Tát. Mỗi vị đại Bồ Tát cùng với các Bồ Tát nhiều như số hạt bụi vạn cõi Phật, các Ngài đều từ các thế giới ngoài số hạt bụi vạn cõi Phật, đến chỗ Đức Phật, làm ảnh hưởng chúng.

Danh hiệu của các Ngài là: Bồ Tát Kim Cang Tràng. Bồ Tát Kiên Cố Tràng. Bồ Tát Dũng Mãnh Tràng. Bồ Tát Quang Minh Tràng. Bồ Tát Trí Tràng. Bồ Tát Bảo Tràng. Bồ Tát Tinh Tấn Tràng. Bồ Tát Ly Cấu Tràng. Bồ Tát Tinh Tú Tràng. Bồ Tát Pháp Tràng.

Danh hiệu của mười vị đại Bồ Tát này, đều dùng chữ tràng. Tràng có năm ý nghĩa:

1. Nghĩa cao xuất. Biểu thị Tam Bảo (Thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng).
2. Nghĩa kiên lập. Đại bi đại trí, kiên lập chúng sinh và bồ đề.
3. Nghĩa quy hướng. Tức là đại bi nhiếp thọ chúng sinh, trí nguyện nhiếp thọ căn lành, quy hướng bồ đề và thực tế.

4. Nghĩa thời diễn. Giống như tràng báu mãnh tướng, hàng phục được tất cả mười đại quân ma.

5. Nghĩa diệt bỏ úy. Giống như lưới La Tràng của trời Đế Thích, chẳng sợ hoặc nghiệp, cho nên gọi là tràng.

Danh hiệu của mười vị đại Bồ Tát đó là:

1. Phương đông Bồ Tát Kim Cang Tràng, Ngài là chủ thuyết pháp của bốn hội (hội thứ năm). Kim Cang đại

biểu cho kiên cố sắc bén. Kiên cố, hàng nhị thừa thật tế không thể hoại. Sắc bén, có thể dứt được nghi ngờ khó dứt. Do đó: "Ái kiến không thể động, gọi là kiên; không chỗ nào không cứu được, gọi là sắc bén".

2. Phương nam Bồ Tát Kiên Cố Tràng, tâm Bồ đề của Ngài rất kiên cố, vì không hoại hồi hướng. Lại vì quán sát chiêm ngưỡng Phật không nhằm mỗi, cho nên gọi là Bồ Tát Kiên Cố Tràng.

3. Phương tây Bồ Tát Dũng Mãnh Tràng, vị Bồ Tát này dũng mãnh tinh tấn, giáo hoá chúng sinh, tuyệt đối không nghỉ ngơi, cũng chẳng thôi chuyển. Dũng là dũng về sửa đổi lỗi lầm, mãnh là mãnh tiến về trước. Vì dũng mãnh sửa lỗi, thương tiếc thời gian, cho nên gọi là Bồ Tát Dũng Mãnh Tràng.

4. Phương bắc Bồ Tát Quang Minh Tràng, vị Bồ Tát này dùng sức đại bi, phóng trí huệ đại quang minh, chiếu phá tan sự đen tối ngu si. Ở trong quang minh, lại hiện ra tràng báu, khiến cho tất cả căn lành, không chỗ nào mà không đến được, cho nên gọi là Bồ Tát Quang Minh Tràng.

5. Phương đông bắc Bồ Tát Trí Tràng, trí huệ của vị Bồ Tát này rất cao, không có gì sánh bằng. Dùng trí huệ chỉ đạo vạn hạnh, sinh ra vô tận, cho nên gọi là Bồ Tát Trí Tràng.

6. Phương đông nam Bồ Tát Bảo Tràng, tâm từ bi của vị Bồ Tát này như tràng báu. Dùng trí huệ viên tịnh, chiếu rõ lý bình đẳng. Không ngại ứng hiện, tùy thuận tất cả. Quang minh giống như báu ma ni, cho nên gọi là Bồ Tát Bảo Tràng.

7. Phương tây nam Bồ Tát Tinh Tấn Tràng, vị Bồ Tát này, thân cũng tinh tấn, tâm cũng tinh tấn, ngày cũng

ting tấn, đêm cũng ting tấn, không giải đãi, không phóng dật, cho nên gọi là Bồ Tát Ting Tấn Tràng.

8. Phương tây bắc Bồ Tát Ly Cầu Tràng, vị Bồ Tát này lia khỏi tất cả nhiễm ô, trong tâm rất thanh tịnh, thể chân như cũng thanh tịnh, lại thanh tịnh thể gian, cho nên gọi là Bồ Tát Ly Cầu Tràng.

9. Phương dưới Bồ Tát Ting Tú Tràng, trí huệ của vị Bồ Tát này giống như ting tú, chiếu sáng trong hư không, cho nên gọi là Bồ Tát Ting Tú Tràng.

10. Phương trên Bồ Tát Pháp Tràng, vị Bồ Tát này, kiến lập pháp tràng khắp mọi nơi, phá lưới nghi trùng trùng, biết pháp chân thật, vào khắp pháp giới, tức sự tu hành chẳng có phân biệt, cho nên gọi là Bồ Tát Pháp Tràng.

Đến từ các cõi nước. Đó là: Thế giới Diệu Bảo. Thế giới Diệu Lạc. Thế giới Diệu Ngân. Thế giới Diệu Kim. Thế giới Diệu Ma Ni. Thế giới Diệu Kim Cang. Thế giới Diệu Ba Đầu Ma. Thế giới Diệu Bát La Hoa. Thế giới Diệu Chiên Đàn. Thế giới Diệu Hương.

Những vị đại Bồ Tát đó đến từ thế giới nào ? Có vị đến từ thế giới Diệu Bảo. Có vị đến từ thế giới Diệu Ngân. Có vị đến từ thế giới Diệu Kim. Có vị đến từ thế giới Diệu Ma Ni. Có vị đến từ thế giới Diệu Kim Cang. Có vị đến từ thế giới Diệu Ba Đầu Ma (hoa sen đỏ). Có vị đến từ thế giới Diệu Bát La Hoa (hoa sen xanh). Có vị đến từ thế giới

Diệu Chiên Đàn. Có vị đến từ thế giới Diệu Hương. Đều từ trong những thế giới này, đến thế giới Ta Bà cung trời Đâu Suất pháp hội Hoa Nghiêm, lắng nghe Đức Phật Thích Ca diễn nói pháp lớn Hoa Nghiêm.

Mỗi vị đại Bồ Tát, đều ở chỗ đức Phật, tịnh tu phạm hạnh. Đó là: Phật Vô Tận Tràng. Phật Phong Tràng. Phật Giải Thoát Tràng. Phật Oai Nghi Tràng. Phật Minh Tướng Tràng. Phật Thường Tràng. Phật Tối Thắng Tràng. Phật Tự Tại Tràng. Phật Phạm Tràng. Phật Quán Sát Tràng.

Mười vị đại Bồ Tát đó, từ mười phương thế giới đến. Trong mười phương thế giới, thường theo mười vị Phật học tập Phật Pháp, tịnh tu phạm hạnh (hạnh thanh tịnh), xa lìa tất cả pháp nhiễm ô. Có vị từ đạo tràng của Phật Vô Tận Tràng mà đến. Có vị từ đạo tràng của Phật Phong Tràng mà đến. Có vị từ đạo tràng của Phật Giải Thoát Tràng mà đến. Có vị từ đạo tràng của Phật Oai Nghi Tràng mà đến. Có vị từ đạo tràng của Phật Minh Tướng Tràng mà đến. Có vị từ đạo tràng của Phật Thường Tràng mà đến. Có vị từ đạo tràng của Phật Tối Thắng Tràng mà đến. Có vị từ đạo tràng của Phật Tự Tại Tràng mà đến. Có vị từ đạo tràng của Phật Phạm Tràng mà đến. Có vị từ đạo tràng của Phật Quán Sát Tràng mà đến.

Các vị đại Bồ Tát đó, đến chỗ đức Phật rồi, đảnh lễ chân Phật. Nhờ thần lực

của đức Phật, liền hoá làm toà sư tử Diệu Bảo Tạng. Có lưới báu giăng che đầy khắp chung quanh. Các chúng Bồ Tát, tùy theo phương của mình đến, ai nấy đều ngồi kiết già trên toà.

Các vị đại Bồ Tát đó, đến chỗ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni rồi, thân tâm cung kính, đánh lễ Đức Phật. Nhờ đại oai thần lực của Phật, ở trước mặt mỗi vị Bồ Tát, liền hoá hiện ra toà sư tử Diệu Bảo Tạng. Ở trên mỗi toà, đều có lưới báu giăng che khắp đầy tất cả mọi nơi. Hết thấy các Bồ Tát, đều tùy theo phương hướng của mình đến, ai nấy đều ngồi kiết già trên toà sư tử.

Thân của các vị đó, đều phóng ra trăm ngàn ức Na do tha A tăng kỳ quang minh thanh tịnh. Vô lượng quang minh đó, đều từ tâm báu thanh tịnh của Bồ Tát, lia các lỗi ác đại nguyện mà sinh ra. Hiện bày pháp thanh tịnh tự tại của tất cả chư Phật. Dùng nguyện lực bình đẳng của các Bồ Tát, có thể khắp cứu hộ tất cả chúng sinh. Tất cả sự ưa thấy của thế gian, kẻ thấy được đều không hư vọng, thấy đều được điều phục.

Trên thân của mỗi vị đại Bồ Tát đó, phóng ra trăm ngàn ức Na do tha A tăng kỳ quang minh thanh tịnh. Vô lượng quang minh đó, đều từ tâm báu thanh tịnh của Bồ Tát, lia các lỗi ác đại nguyện mà sinh ra. Gì là lỗi ác ? Tức là ích kỷ lợi mình, chẳng muốn kẻ khác nhìn thấy và biết lỗi lầm của mình. Bồ Tát chẳng có lỗi ác như thế. Bồ Tát thuở xưa trong đời đời kiếp kiếp, phát đủ thứ đại nguyện độ chúng sinh, cho nên sinh ra vô lượng quang minh.

Bồ Tát hiển rõ chỉ bày cho tất cả chúng sinh, làm thế nào để tu hành pháp thanh tịnh tự tại của chư Phật. Cho nên mới hiển bày pháp thanh tịnh tự tại của chư Phật, khiến cho tất cả chúng sinh y theo pháp mà tu hành. Bồ Tát dùng nguyện lực bình đẳng đã phát, chẳng lựa chọn, chẳng phân biệt, cứu hộ khắp tất cả chúng sinh. Tất cả chúng sinh thế gian, đều hoan hỉ được thấy Phật Bồ Tát. Ai thấy được, thì người đó gieo xuống căn lành bồ đề. Hết thấy chúng sinh cang cường khó điều, khó phục, thấy được Phật Bồ Tát rồi, thì tự nhiên bị điều phục.

Chúng Bồ Tát đó, đều đã thành tựu vô lượng công đức. Đó là: Du hí tất cả cõi nước chư Phật, chẳng có chướng ngại. Thấy pháp thân thanh tịnh không y chỉ. Dùng thân trí huệ, hiện vô lượng thân, đến khắp mười phương thừa sự chư Phật. Vào nơi vô lượng vô biên pháp tự tại không thể nghĩ bàn của chư Phật.

Các chúng Bồ Tát đến từ mười phương thế giới, các Ngài đều đã thành tựu vô lượng vô biên công đức. Các Ngài hy vọng tất cả chúng sinh, cũng có thể thành tựu vô lượng vô biên công đức. Đây tức là tinh thần của Bồ Tát, chẳng có tư tưởng ích kỷ lợi mình. Do đó:

"Tự giác giác tha
Tự độ độ tha
Tự lợi lợi tha".

Bồ Tát thành tựu vô lượng vô biên công đức rồi, có thể đi đến khắp tất cả cõi nước chư Phật, chẳng có mọi sự chướng ngại nào, thấy được pháp thân thanh tịnh chẳng có chỗ y chỉ. Pháp thân là tận hư không khắp pháp giới, vô tại vô bất tại, Do đó: "Thanh Tịnh Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na Phật". Tỳ Lô Giá Na dịch là "khắp tất cả mọi nơi". Vì khắp tất cả mọi nơi, cho nên chẳng chỗ y chỉ. Không chỗ y chỉ mới là pháp thân thanh tịnh. Dùng thân trí huệ để hiện vô lượng thân, đến khắp mười phương thế giới thừa sự chư Phật, cúng dường chư Phật. Gần gũi chư Phật như vậy mới có thể chứng được vô lượng vô biên pháp nhậm vận tự tại không thể nghĩ bàn của chư Phật.

Trụ nơi vô lượng tất cả môn trí huệ, dùng trí huệ quang minh, khéo thấu rõ các pháp. Ở trong các pháp, đắc được vô sở úy, tùy chỗ diễn nói, hết thuở vị lai, biện tài vô tận. Dùng đại trí huệ, khai môn tổng trì. Mắt huệ thanh tịnh, vào pháp giới thâm

sâu. Trí huệ cảnh giới, không có bờ mé, rốt ráo thanh tịnh, giống như hư không.

Bồ Tát đã thành tựu vô lượng công đức, mới có thể trụ ở môn vô lượng nhất thiết trí huệ, dùng trí huệ quang minh, khéo thấu rõ tất cả các pháp. Ở trong các pháp đắc được vô sở úy, tùy chỗ diễn nói, hết thảy vị lai, cũng nói không hết. Phương tiện biện tài khéo léo, cũng chẳng có chướng ngại, cũng chẳng cùng tận. Dùng trí huệ rộng lớn, khai diễn pháp môn tổng trì. Bồ Tát có mắt huệ thanh tịnh, vào khắp pháp giới thâm sâu. Dùng pháp giới làm tâm, dùng pháp giới làm thể, dùng pháp giới làm tánh. Cảnh giới trí huệ tối cao chẳng có bờ mé. Rốt ráo thanh tịnh giống như hư không, vật gì cũng chẳng có.

Như cung trời Đâu Suất ở thế giới này, các chúng Bồ Tát vân tập như vậy. Mười phương tất cả cung trời Đâu Suất, đều có danh hiệu Bồ Tát như vậy, mà vân tập đến. Từ cõi nước đến, danh hiệu chư Phật, cũng đều giống nhau, chẳng có khác biệt.

Giống như ở thế giới Ta Bà, trong pháp hội Hoa Nghiêm Cung Trời Đâu Suất, hết thảy tất cả Bồ Tát, vân tập như vậy, lắng nghe Đức Phật Thích Ca Mâu Ni diễn nói pháp lớn Hoa Nghiêm. Tất cả cung trời Đâu Suất trong mười phương thế giới, cũng giống tình hình như vậy, hoàn toàn giống nhau. Cũng có nhiều Bồ Tát danh hiệu giống như vậy, mà vân tập đến. Đến từ các cõi nước, tên gọi cũng

như vậy. Danh hiệu của chư Phật cũng như vậy. Tóm lại, tất cả hết thảy đều giống nhau, chẳng có gì khác biệt. Đây tức là cảnh giới sự sự vô ngại "Một làm vô lượng, vô lượng làm một", là cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Thanh tịnh pháp thân đầy khắp tất cả mọi nơi, xứ này có Phật, xứ kia cũng có Phật, Phật Phật đạo đồng. Xứ này có Bồ Tát, xứ kia cũng có Bồ Tát. Danh hiệu của Bồ Tát và Bồ Tát cũng giống nhau. Có phải là một chăng? Vốn cũng chẳng có hai. Giống như máy truyền hình, trong gia đình này cũng cảnh giới này, gia đình kia cũng cảnh giới này. Một số người dùng khoa học để phát ra cảnh giới này. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở cung trời Đâu Suất thế giới Ta Bà diễn nói pháp lớn Hoa Nghiêm, ở tại cung trời Đâu Suất trong mười phương thế giới, cũng đồng thời hiện ra cảnh giới Phật đang diễn nói pháp lớn Hoa Nghiêm. Đây cũng giống như đạo lý truyền hình. Dùng truyền hình làm ví dụ để mọi người dễ hiểu. Song, cảnh giới của chư Phật Bồ Tát vượt trội hơn cảnh giới truyền hình, diệu không thể tả.

Bấy giờ, từ hai đầu gối của đức Thế Tôn, phóng ra trăm ngàn ức Na do tha quang minh, chiếu khắp mười phương, tận pháp giới hư không giới, tất cả thế giới.

Lúc đó, từ hai đầu gối của Đức Thế Tôn, phóng ra trăm ngàn ức Na do tha quang minh, chiếu sáng khắp mười phương thế giới. Tận pháp giới, tận hư không giới, tận tất cả hết thảy thế giới.

Phóng quang minh ở hai đầu gối, là biểu thị Bồ Tát vị từ từ tăng lên cao. Biểu thị hồi nhân hướng quả. Cầu trên hướng dưới hồi hướng, tự tại vô ngại. Thăng lên cung trời Đâu Suất nói pháp, hướng trên hướng dưới hành động tự do. Cho nên tại hội này, diễn nói pháp môn thập hồi hướng.

Các Bồ Tát đó, đều thấy tướng thần thông biến hoá của Phật ở đây. Các Bồ Tát đó, cũng thấy tướng thần thông biến hoá của tất cả Như Lai đó. Như vậy các Bồ Tát, lúc thưở xưa, cùng gieo trồng căn lành, tu hạnh Bồ Tát, với Tỳ Lô Giá Na Như Lai.

Các Bồ Tát trong mười phương thế giới, đều nhìn thấy tướng thần thông biến hoá của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở thế giới Ta Bà này. Các Bồ Tát trong thế giới Ta Bà, cũng đều nhìn thấy tướng thần thông biến hoá của tất cả Như Lai trong mười phương thế giới, hoàn toàn giống nhau. Thế giới này thế giới kia, mười phương các thế giới, hết thấy Bồ Tát, lúc thưở xưa cùng gieo trồng căn lành, cùng tu hành hạnh Bồ Tát với Tỳ Lô Giá Na Như Lai (Phật Thích Ca Mâu Ni).

Đều đã ngộ nhập tự tại giải thoát thâm sâu của chur Phật, đắc được thân pháp giới không khác biệt. Vào tất cả cõi, mà chẳng chỗ trụ. Thấy vô lượng Phật, đều đến thừa sự. Ở trong một niệm, đi khắp pháp giới,

tự tại vô ngại. Tâm ý thanh tịnh, như báu vô giá. Vô lượng vô số chư Phật Như Lai, thường gia trì hộ niệm, cùng ban cho sức lực, đến nơi rốt ráo bậc nhất bờ bên kia.

Những vị Bồ Tát này, minh bạch tự tại và giải thoát của chư Phật rồi, chứng được thân pháp giới chẳng có phân biệt, tức cũng là pháp thân. Pháp thân này, vào được trong tất cả cõi nước, chẳng trụ đâu chẳng trụ (vô trụ vô bất trụ), chẳng tại đâu chẳng tại (vô tại vô bất tại). Ở trong pháp giới tất cả cõi nước, thấy được vô lượng vô số chư Phật. Bồ Tát đều đến trước thừa sự chư Phật, cúng dường chư Phật, gần gũi chư Phật. Ở trong một niệm đi khắp pháp giới. Tại sao Bồ Tát có được cảnh giới như thế ? Vì Bồ Tát đã chứng được thân thông tự tại vô ngại. Tâm ý của Bồ Tát thanh tịnh như hư không, chẳng có vật gì tồn tại, tôn trọng giống như báu vô giá. Được mười phương vô lượng vô số chư Phật, thường thường gia trì hộ niệm, cùng ban cho sức lực, đến được nơi rốt ráo bậc nhất bờ bên kia.

Luôn dùng tịnh niệm, trụ vô thượng giác. Niệm niệm luôn nhập vào nơi nhất thiết trí. Dùng nhỏ vào lớn, dùng lớn vào nhỏ, đều được tự tại, thông đạt vô ngại. Đã được thân Phật, đồng tánh với Phật, được nhất thiết trí. Từ nhất thiết trí mà sinh trí thân. Chỗ tu hành của tất cả Như Lai, đều

có thể theo vào. Khai xiển vô lượng pháp môn trí huệ. Đến được kim cang tràng đại trí bờ bên kia.

Bồ Tát thường dùng niệm thanh tịnh không nhiễm, trụ trong biển giác trí huệ vô thượng. Trong niệm niệm, thường vào nơi nhất thiết trí huệ. Cảnh giới này, dùng một hạt bụi mà nhiếp thế giới vào được, dùng thế giới mà vào được trong một hạt bụi. Đây tức là cảnh giới dùng nhỏ vào lớn, dùng lớn vào nhỏ, viên dung vô ngại, nhậm vận tự tại, thông đạt vô ngại. Bồ Tát đã chứng được pháp thân của Phật, cho nên cùng ở với Phật, đắc được nhất thiết trí huệ. Thường phóng trí huệ quang minh, chẳng có vô minh. Từ trong nhất thiết trí huệ, sinh ra trí huệ thân. Pháp môn của tất cả chư Phật tu hành, hoàn toàn đều theo vào được. Đã vào pháp môn trí huệ, sẽ khai xiển được pháp môn vô lượng trí huệ. Đạt được giống như kim cang tràng đại trí đại huệ bờ bên kia.

Đắc được định kim cang, sẽ dứt trừ các nghi hoặc. Đã đắc được thân thông tự tại của chư Phật, thì sẽ ở khắp tất cả mười phương cõi nước, giáo hoá điều phục, trăm ngàn vạn ức vô số chúng sinh. Nơi tất cả số, tuy chẳng chấp trước, nhưng khéo tu học thành tựu rốt ráo, phương tiện an lập tất cả các pháp.

Bồ Tát đắc được định kim cương rồi, thì sẽ đoạn trừ sạch tất cả hoài nghi và mê hoặc. Đã đắc được sức thần thông tự tại của chư Phật, thì có thể ở khắp trong cõi nước chư Phật mười phương, để giáo hoá tất cả chúng sinh, điều phục tất cả chúng sinh. Rất ráo có bao nhiêu chúng sinh bị giáo hoá và điều phục ? Có trăm ngàn vạn ức vô số chúng sinh. Bồ Tát đối với tất cả số (sắc tâm hữu vi, đều gọi là số), tuy nhiên chẳng chấp trước, nhưng khéo tu học thành tựu rất ráo, phương tiện an lập tất cả các pháp.

Như vậy thấy trăm ngàn ức Na do tha, bất khả thuyết vô tận tất cả vô lượng tạng công đức thanh tịnh ba đời, các chúng Bồ Tát, đều tập hội đến, ở chỗ đức Phật, Nhờ quang minh được thấy. Ở chỗ tất cả chư Phật, cũng đều như vậy.

Giống như trăm ngàn ức Na do tha bất khả thuyết vô cùng vô tận sự thanh tịnh, ba đời tất cả vô lượng tạng công đức của các chúng Bồ Tát, thấy đều tập hội đến cung trời Đâu Suất thế giới Ta Bà. Ở tại đạo tràng của Phật, nhờ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni phóng ra trăm ngàn ức Na do tha quang minh từ hai đầu gối, mà thấy được đạo tràng của tất cả chư Phật trong mười phương thế giới, cũng đều giống như tình hình ở thế giới Ta Bà. Ở trong pháp hội của Phật, diễn xướng pháp lớn Hoa Nghiêm, vô lượng Bồ Tát ở trong pháp hội lắng nghe Phật nói diệu pháp, đắc được vô lượng lợi ích. Mười vị Bồ Tát đó, mỗi vị đều nói mười bài kệ, để khen ngợi công đức của Phật.

Bấy giờ, Bồ Tát Kim Cang Tràng, nương thân lực của đức Phật, quán sát khắp mười phương, mà nói kệ rằng.

Lúc đó, phương đông Bồ Tát Kim Cang Tràng đại biểu, nương đại oai thần lực gia trì của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, tỉ mỉ quán sát khắp nhân duyên của tất cả chúng sinh trong mười phương cõi nước, như có kẻ được độ thì liền vì họ nói pháp. Hiện tại dùng kệ đơn giản để vì chúng sinh đáng được độ nói pháp, để khen ngợi Đức Phật.

**Như Lai chẳng ra đời
Cũng chẳng có Niết Bàn
Dùng đại nguyện lực xưa
Thị hiện pháp tự tại.**

Thế nào là Như Lai ? Như là thừa đạo như thật, Lai là lai thành chánh giác. Vì đạo như thật, thì chẳng đến, cũng chẳng đi. Lai thành chánh giác, đối với chúng sinh mà nói, thì có đến, có đi. Kỳ thật, vốn chẳng có đến, cũng chẳng có đi. Trong Kinh Kim Cang có nói:

"Bậc Như Lai,
Chẳng từ đâu đến,
Cũng chẳng đi về đâu,
Nên gọi là Như Lai".

Phật ở cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ, như như chẳng động, rõ ràng sáng suốt. Do đó:

"Không lớn không nhỏ

Không trong không ngoài
Không đến không đi
Không đi không đến".

Vì trụ ở cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ, cho nên nói Như Lai chẳng ra đời. Tức nhiên Phật chẳng ra đời, tại sao chúng sinh lại nhìn thấy Phật được ? Vì cơ duyên của chúng sinh thành thực, cho nên hiện ra một thân Phật biến hoá, để đến thế giới này, giáo hoá tất cả chúng sinh. Do đó: "Thiên Bách ức Hoá Thân Thích Ca Mâu Ni Phật".

Vì Phật chẳng xuất hiện ra đời, cho nên cũng chẳng có tướng vào Niết Bàn. Vốn chẳng Niết Bàn, tức cũng là ứng cơ duyên của chúng sinh, mà thị hiện có Niết Bàn. Nếu chẳng thị hiện Niết Bàn, thì tất cả chúng sinh, đều sinh tâm ý lại, chờ đợi Phật đến giúp đỡ họ khai ngộ, chờ đợi Phật đến giúp đỡ họ thành Phật. Vì mỗi quan hệ đó, cho nên Phật thị hiện ra đời, thì hiện vào Niết Bàn.

Thuở xưa khi Phật tu hành, thì đã từng phát đại nguyện: "Tôi thành Phật rồi, nhất định sẽ dẫn dắt tất cả chúng sinh, đều cùng thành Phật đạo". Do phát đại nguyện như thế, cho nên chẳng xả bỏ một chúng sinh. Thị hiện pháp tự tại này, tức cũng là cảnh giới ra đời mà không ra đời, vào Niết Bàn mà chẳng vào Niết Bàn.

**Pháp đó khó nghĩ bàn
Chẳng phải chỗ tâm hành
Trí huệ đến bờ kia
Mới thấy các cảnh Phật.**

Thị hiện pháp tự tại này, chẳng phải tất cả chúng sinh có thể dùng lời lẽ diễn đạt được, dùng tư tưởng có thể thể tưởng tượng ra được. Do đó:

"Đường lời lẽ đã bạc
Chỗ tâm hành đã diệt".

Pháp tự tại này không thể nghĩ bàn, chẳng phải chỗ tâm đạt đến nơi rốt ráo được. Mà là dùng trí huệ của Phật, mới đạt đến bờ bên kia được, mới thấy được cảnh giới của mười phương chư Phật.

Sắc thân chẳng phải Phật Âm thanh cũng như thế Cũng chẳng lìa sắc thanh Thấy sức thần thông Phật.

Phật có thân tốt đẹp 32 tướng, 80 vẻ đẹp. Nhưng sắc thân này chẳng phải là thân Phật. Thân Phật chẳng có sắc thân. Trong Kinh Kim Cang có nói:

"Phàm tất cả tướng đều là hư vọng.
Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng,
Tức thấy Như Lai".

Đây là dạy chúng sinh thấy tướng lìa tướng, chẳng chấp trước tướng. Vậy, tại sao Phật lại thị hiện 32 tướng, 80 vẻ đẹp ? Vì chúng sinh chấp trước tướng. Nếu lìa tướng, thì chúng sinh chẳng nhận thức được. Phải có tướng, thì chúng sinh mới biết đó là Phật.

Ở trong hư không pháp giới, đều là thân Phật. Do đó:

"Nếu ai muốn biết cảnh giới Phật

Hãy tịnh ý mình như hư không".

Hư không chẳng có mọi vật chướng ngại. Người tu đạo, tu đến trình độ chẳng có mọi sự chướng ngại, thì đó tức là thân Phật. Do đó:

Thân Phật chẳng đến, cũng chẳng đi.
Thân Phật chẳng sinh, cũng chẳng diệt.
Thân Phật chẳng dơ, cũng chẳng sạch.
Thân Phật chẳng tăng, cũng chẳng giảm.

Sắc thân chẳng phải Phật, âm thanh cũng chẳng phải Phật. Song, cũng không thể lìa khỏi sắc thân và âm thanh. Tại sắc thân và âm thanh, sẽ thấy được tất cả thần thông biến hoá của Phật. Nhưng, cũng đừng chấp trước tướng sắc âm. Trong Kinh Kim Cang có nói:

"Nếu dùng sắc thấy ta
Dùng âm thanh cầu ta
Người đó hành tà đạo
Chẳng thấy được Như Lai".

**Trí ít không biết được
Cảnh thật của chư Phật
Lâu tu nghiệp thanh tịnh
Lúc đó mới thấu được.**

Chẳng có đại trí đại huệ, thì không biết được cảnh giới thật tại của chư Phật. Từ vô thủy kiếp đến nay, tu đạo nghiệp thanh tịnh, tức cũng là chẳng có tâm ô nhiễm. Lúc đó, mới thấu rõ được đạo lý "Sắc thân chẳng phải Phật, âm

thanh cũng như thế, cũng chẳng lia sắc thanh, thấy sức thần thông Phật".

Chúng ta tu đạo, thì phải chân thật tu hành, không thể tự mình lừa dối mình. Hãy tự hỏi mình, rốt ráo có còn tâm dục chẳng ? Bất cứ là vọng tưởng về người nữ, hoặc vọng tưởng về người nam. Hoặc vọng tưởng về ăn uống, hoặc vọng tưởng về quần áo. Hoặc vọng tưởng về danh lợi, hoặc vọng tưởng về hơn thua. Nói tóm lại, có vọng tưởng thì có dục vọng, có dục vọng thì chướng ngại sự tu đạo.

Phải biết rằng có lòng dục háo danh, thì sẽ bị danh làm nhiễm ô. Có dục háo lợi, thì sẽ bị lợi làm nhiễm ô. Bị nhiễm ô, thì chẳng thanh tịnh, không màng tu đến đâu, cũng sẽ chẳng có sự thành tựu. Hiện tại hãy phản tỉnh lại, kiểm điểm triệt để: Rốt ráo đã đoạn được dục vọng đó chưa ? Nếu dục vọng chưa đoạn trừ, thì phải thời khắc coi chừng. Nếu chạy theo dục vọng, thì sẽ chẳng được thanh tịnh. Do đó:

"Sai một ly, đi ngàn dặm".

Ở tại chỗ này cần phải dụng công phu. Hằng ngày phải hồi quang phản chiếu: "Dục niệm của tôi tăng thêm hay giảm bớt ? Là thanh tâm quả dục ? Hay là vọng tưởng lẫn lẫn". Nếu chẳng phải thanh tâm quả dục, thì là vọng tưởng lẫn lẫn. Như vậy hãy mau tu nghiệp thanh tịnh, đoạn dục khử ái. Bằng không, thì sẽ cách xa đạo mười vạn tám ngàn dặm. Thậm chí quay lưng lại với đạo mà bỏ chạy, cách xa nhà xưa (nhà Phật) của mình càng ngày càng xa.

Tu hạnh thanh tịnh, mới có trí huệ chân chánh, tức cũng là đến được trí huệ bờ bên kia. Chẳng tu hạnh thanh tịnh, tức là ngu si. Một khi thấy tiền tài thì phát cuồng, một

khi thấy sắc đẹp thì phát cuồng, một khi thấy danh thì phát cuồng, một khi thấy lợi thì phát cuồng. Đó tức là pháp nhiệm ô.

Các vị thiện tri thức ! Phải ở tại chỗ này mà dụng công. Nếu chẳng ở tại chỗ này dụng công thì dù có tu tám vạn đại kiếp, cũng không thành tựu nghiệp thanh tịnh của bạn. Không thành tựu nghiệp thanh tịnh, thì không thể minh bạch cảnh giới của Phật.

**Chánh giác không chỗ đến
Cũng chẳng có chỗ đi
Thanh tịnh diệu sắc thân
Do thần lực hiển hiện.**

Chánh giác tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, còn là danh hiệu của Phật. Tức cũng là chẳng chỗ nào mà không giác, không chỗ nào mà không ngộ. Còn gọi là đại giác, còn gọi là diệu giác. Phật chẳng có chỗ đến, cũng chẳng có chỗ đi. Do đó:

"Không đến cũng không đi".

Pháp thân của Phật là tận hư không khắp pháp giới, sung mãn tất cả cõi nước chư Phật. Tất cả cõi nước, đều là chỗ sở tại pháp thân của Phật. Pháp thân là vô tại vô bất tại. Chỗ sở tại, cũng là chỗ không sở tại. Diệu sắc thân của Phật là thanh tịnh, tức cũng là thân khẩu ý ba nghiệp thanh tịnh. Thân chẳng giết hại, trộm cắp, tà dâm, ba điều ác. Miệng chẳng nói dối, thêu dệt, hai lưỡi, chửi mắng, bốn điều ác. Ý chẳng tham, sân, si, ba điều ác. Phật cho đến mười thứ ý niệm này cũng chẳng có. Ba nghiệp thanh tịnh

rồi, thì sẽ đắc được diệu sắc thân thanh tịnh. Phật dùng sức thần thông, mà hiển hiện ra diệu sắc thân trang nghiêm 32 tướng, 80 vẻ đẹp.

32 tướng: Tức là:

1. Đầu có quang minh tròn.
2. Đầu có nhục kế.
3. Giữa mày có luồng quang trắng.
4. Mắt xanh biếc.
5. Mắt như trắng rằm.
6. Răng trắng đều khít.
7. Có 40 cái răng.
8. Được hai răng.
9. Lưỡi rộng dài.
10. Trong miệng toả hương thơm.
11. Tiếng Phạm loa.
12. Tiếng mềm mại.
13. Thân sắc vàng tía.
14. Da mịn láng.
15. Thân tròn đầy.
16. Ngực có chữ vạn.
17. Thân vuông thẳng.
18. Lông thân tốt đẹp.
19. Lông thân vòng qua phải.
20. Khiêu tay thon nhỏ.
21. Tay dài quá đầu gối.
22. Ngón tay nhỏ dài.
23. Tay chân có lưới màng.
24. Tay chân mềm mại.
25. Tướng mã âm tàng.
26. Ngực như nai chúa.

27. Mắt cá chân mập đầy.
28. Dưới bàn chân bằng như đáy hộp.
29. Dưới bàn chân có bánh xe ngàn cãm.
30. Mu bàn chân cao dày.
31. Bấy nơi bằng và đầy.
32. Khuyết cốt sung mãn.

80 vẻ đẹp: Tức là :

1. Không thấy được tướng đánh.
2. Tóc dài tốt.
3. Tóc không dôi loạn.
4. Tóc quấn về phía phải tốt.
5. Màu tóc như thanh châu.
6. Mi như trắng non.
7. Mắt rộng dài.
8. Mũi cao chẳng hiện lỗ.
9. Môi đỏ như quả Tần Bà.
10. Bốn răng to trắng bén nhọn.
11. Lưỡi màu đỏ.
12. Lưỡi quá mũi.
13. Miệng toả hương thơm.
14. Lời nói sâu xa.
15. Phát âm ứng với các âm thanh.
16. Thứ lớp dùng nhân duyên nói pháp.
17. Tuỳ theo ngôn ngữ của chúng sinh mà nói pháp.
18. Tuỳ theo ý hoà duyệt của chúng sinh mà nói.
19. Tuỳ theo âm thanh của chúng sinh, không tăng không giảm.
20. Tất cả âm thanh phân biệt đầy đủ.
21. Nói pháp chẳng trước.
22. Lỗ tai dài.

23. Mặt sáng như trăng rằm.
24. Mặt rộng tốt đẹp.
25. Mặt chẳng dài lớn.
26. Mặt đủ đầy đủ.
27. Nghi dung đầy đủ.
28. Nghi dung như sư tử.
29. Dung mạo chẳng nhân nhỏ.
30. Dung nghi mãn túc.
31. Đầu như quả Ma Đà Na.
32. Lông vòng qua bên phải.
33. Lông mềm sạch.
34. Lông màu đỏ.
35. Lỗ chân lông toả ra hương thơm.
36. Thân cứng chắc như Na la diên.
37. Thân thanh tịnh.
38. Thân nhẵn trơn.
39. Thân mềm mại.
40. Thân đầy đủ.
41. Thân chẳng cong.
42. Thân trì nặng.
43. Thân chẳng khuynh động.
44. Thân tự trì chẳng đi liêng xiêng.
45. Thân nhứt thời hồi lại như voi chúa.
46. Thân có ánh sáng màu vàng.
47. Thân dài.
48. Rốn sâu mà tròn.
49. Rốn chẳng lòi ra.
50. Bụng chẳng hiện ra.
51. Bụng nhỏ.
52. Ngón tay tròn nhỏ.

53. Vân tay ẩn che.
54. Vân tay rõ thẳng.
55. Vân tay dài.
56. Vân tay không dứt.
57. Móng tay như màu đồng đỏ, mỏng mà bóng mượt.
58. Xương cốt giao nhau như vòng móc.
59. Xương đầu gối cứng tròn đẹp.
60. Tay chân đầy đủ.
61. Tay chân như ý.
62. Tay chân đỏ trắng, như màu hoa sen.
63. Tay chân mềm sạch trơn nhẵn.
64. Tay chân có đức tướng.
65. Mạch máu sâu chẳng hiện.
66. Mắt cá chân chẳng hiện.
67. Khi đi chân cách đất bốn tấc, mà hiện dấu chân dưới đất.
68. Đi như ngỗng chúa.
69. Tiến lùi như voi chúa.
70. Trụ xứ yên không ai lay động được.
71. Tướng cửa tử đầy đủ.
72. Oai chấn tất cả.
73. Tất cả chúng sinh thấy đều ưa thích.
74. Tất cả chúng sinh ác tâm thấy đều vui mừng.
75. Tất cả chúng sinh quát sát tướng không hết được.
76. Quán sát không nhàm đủ.
77. Bốn phía hào quang đều dài một trượng.
78. Hào quang chiếu thân mà đi.
79. Đồng xem chúng sinh.
80. Chẳng khinh chúng sinh.

**Trong vô lượng thế giới
Thị hiện thân Như Lai
Rộng nói pháp vi diệu
Tâm Phật chẳng chấp trước.**

Thế giới có nhiều không cách chi nói hết được, Phật ở trong mỗi thế giới, đều thị hiện thân Như Lai, rộng nói pháp vi diệu thâm sâu vô thượng. Song, tâm của Phật chẳng chấp trước. Tức cũng chẳng chấp cái ta và chấp pháp, tất cả sự chấp trước chẳng còn nữa.

**Trí huệ không bờ mé
Thấu đạt tất cả pháp
Vào khắp nơi pháp giới
Thị hiện sức tự tại.**

Trí huệ của Phật chẳng có bờ mé, cho nên thấu rõ thông đạt tất cả các pháp thật tướng. Pháp thân của Phật vào khắp nơi pháp giới, Do đó: "Tận hư không khắp pháp giới". Thị hiện sức thần thông tự tại, giáo hoá tất cả chúng sinh.

**Chúng sinh và các pháp
Thấu đạt đều vô ngại
Khắp hiện các sắc tướng
Hết thấy tất cả cõi.**

Phật đối với tất cả chúng sinh và tất cả các pháp, thấy đều thông đạt mà chẳng có chướng ngại. Tức cũng là thông đạt vô ngại, đến cảnh giới viên dung. Phật hay hiện ra đủ thứ tướng tốt đẹp, khắp tất cả cõi nước chư Phật.

**Muốn cầu nhất thiết trí
Sớm thành Vô Thượng Giác
Nên dùng tâm tịnh diệu
Tu tập hạnh bồ đề.**

Muốn cầu trí huệ chí cao vô thượng, sớm thành quả vị Phật Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì nên dùng diệu tâm thanh tịnh, để tu hạnh môn bồ đề. Diệu tâm thanh tịnh thì chẳng có tâm ô nhiễm, tâm điên đảo, tâm vô minh.

**Nếu có thấy Như Lai
Oai thần lực như vậy
Ở nơi đáng Tối Thắng
Cúng dường chớ sinh nghi.**

Nếu như có chúng sinh thấy được Phật, đó là nhờ đại oai thần lực của Phật, nên ở trước đáng Tối Thắng (Phật), rộng tu cúng dường, đừng có sinh tâm hoài nghi. Đây là khuyên nhủ chúng sinh, phải y pháp tu hành. Nếu không sinh nghi, thì thắng đức của Phật, nhất định sẽ gia bị cho bạn, khiến cho bạn đắc được đại trí huệ, tức cũng là cảnh giới khai ngộ, đắc được năm nhãn sáu thông.

Bấy giờ, Bồ Tát Kiên Cố Tràng nương thần lực của đức Phật, quán sát khắp mười phương, mà nói kệ rằng.

Lúc đó, phương nam Bồ Tát Kiên Cố Tràng, nương đại oai thần lực gia trì của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, quán sát khắp nhân duyên của tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới, dùng kệ để khen ngợi Đức Phật.

**Phật hơn không ai bằng
Thâm sâu không thể nói
Vượt khỏi đường lời lẽ
Thanh tịnh như hư không.**

Đức Phật là người thù thắng nhất, chẳng có ai sánh bằng. Tức là nói:

"Thiên thượng Thiên hạ
Duy ngã độc tôn".

Nghĩa là:

"Trên trời dưới nhân gian,
Mình ta tôn quý hơn hết".

Lại có thể nói:

"Thiên thượng thiên hạ vô như Phật,
Thập phương thế giới diệc vô tỉ
Thế gian sở hữu ngã tận kiến
Nhất thiết vô hữu như Phật giả".

Nghĩa là:

"Trên trời dưới nhân gian không ai giống như Phật
Mười phương thế giới cũng chẳng sánh bằng
Hết thấy thế gian ta thấy hết
Tất cả chẳng có ai như Phật".

Cảnh giới vi diệu của Phật, là thâm sâu vô lượng không thể nói không thể nào nói được, đã vượt khỏi tất cả con đường lời lẽ. Cảnh giới của Phật thanh tịnh như hư không.

**Ông quán Nhân Sư Tử
Sức thần thông tự tại
Đã lia sự phân biệt
Mà khiến phân biệt thấy.**

Hết thấy chúng sinh, các vị hãy nhìn Đức Phật, Ngài có sức đại thần thông tự tại. Đã lia khỏi tất cả tâm phân biệt và tướng phân biệt. Mà khiến cho chúng sinh có tâm phân biệt, luôn luôn thấy được Nhân Sư Tử, tức cũng là Phật.

**Đạo Sư vì khai diễn
Pháp vi diệu thâm sâu
Do bởi nhân duyên đó
Hiện thân không sánh này.**

Phật vì chúng sinh khai diễn tất cả diệu pháp, tức cũng là pháp vi diệu thâm sâu vô thượng. Vì muốn khai diễn diệu pháp, mới thị hiện diệu sắc thân không thể sánh này.

**Đây là đại trí huệ
Nơi chư Phật tu hành
Nếu ai muốn biết rõ
Phải thường gần gũi Phật.**

Kinh Hoa Nghiêm tức là đại trí huệ của chư Phật. Thứ trí huệ này, tức cũng là nơi chư Phật tu hành. Nếu ai muốn có đại trí huệ, thì phải đọc tụng Kinh Hoa Nghiêm, y chiếu đạo lý Kinh Hoa Nghiêm mà tu hành, tức cũng là hạnh của chư Phật tu. Muốn chân chánh thấu rõ triệt để minh bạch đạo lý của Kinh Hoa Nghiêm, thì phải luôn luôn gần gũi Phật, đừng lìa khỏi Phật pháp, phải siêng năng nghiên cứu đạo lý của Kinh Hoa Nghiêm. Nói tóm lại, gần gũi chư Phật, cúng dường chư Phật, tu hành hạnh của chư Phật tu. Chẳng những khi nghe Kinh, thì phải chuyên tâm để nghe Kinh Hoa Nghiêm, mà lúc bình thường cũng phải chuyên tâm thọ trì Kinh Hoa Nghiêm. Như đọc tụng, biên chép, phiên dịch, lễ lạy, ấn tống, truyền bá .v.v... Nói chung, thấy được Kinh Hoa Nghiêm, tức là thấy được chư Phật. Nếu muốn thấy Phật, thì phải tu trì Kinh Hoa Nghiêm.

**Ý nghiệp thường thanh tịnh
Cúng dường các Như Lai
Tâm trọn chẳng nhàm chán
Vào được nơi Phật đạo.**

Ở trong ý chẳng có tham sân si ba độc, đó tức là ý thanh tịnh. Dùng thân miệng ý ba nghiệp thanh tịnh để

cúng dường mười phương ba đời tất cả các Đức Phật. Phát tâm bồ đề, rộng tu cúng dường, thủy chung chẳng có tâm nhàm chán mỗi mảy. Như vậy lâu dần, sẽ vào được Phật đạo, mới có cơ hội thành Phật.

**Đủ vô lượng công đức
Vững trụ tâm bồ đề
Nhờ đó trừ lưới nghi
Quán Phật không nhàm đủ.**

Đầy đủ viên mãn vô lượng công đức, mới trụ bền vững tâm bồ đề được. Như vậy mới tiêu trừ sạch được lưới nghi hoặc, sẽ quán thấy được Phật, mà chẳng bao giờ nhàm đủ. Đây chẳng phải là tâm tham, mà là tâm thiết tha cầu pháp.

Người tu đạo, phải đời đời kiếp kiếp lập công, lập đức, lập ngôn. Lập công tức là kiến lập công tích. Lập đức tức là thụ lập đức nghiệp. Lập ngôn tức là phán lập ngôn luận. Từ ít thành nhiều, từ nhỏ lớn dần, do hữu tận biến thành vô tận. Có công đức như thế rồi, thì tâm bồ đề mới vững chắc. Bằng không, thì tâm bồ đề không thể vững bền được. Ví như có một người, hai tâm không cố định, một chân bước lên hai chiếc thuyền; lại muốn đến giang nam, lại muốn đến giang bắc. Đây tức là tâm bồ đề chẳng kiên cố. Cũng có thể nói: "Một niệm trước muốn đi đến hướng tây, một niệm sau muốn đi đến hướng đông". Tư tưởng như thế, tức là định lực không đủ, không thể lựa chọn con đường của mình đi. Đây tức là trụ tâm bồ đề chẳng bền vững.

Gì là tâm bồ đề bền vững ? Tức là phát nguyện tu đạo, bất cứ gặp chướng ngại gì, nhất định cũng muốn tu đạo. Dù gặp khốn khổ hoạn nạn gì, nhất định cũng muốn tu đạo. Tuyệt đối chẳng thay đổi lời nguyện ban đầu đã phát, cũng chẳng thấy khác, nghĩ đổi thay, biến đổi tư tưởng. Bất cứ là cảnh giới thuận, hoặc là cảnh giới nghịch, nhất định phải tùy duyên không đổi, không đổi mà tùy duyên, bền vững tâm bồ đề.

Nếu bền vững trụ tâm bồ đề, thì tuyệt đối sẽ chẳng hoài nghi có Phật chẳng ? Có Bồ Tát và A la hán chẳng ? Pháp trong Kinh Phật nói có thật chẳng ? Kiên quyết tin sâu không nghi. Đó chẳng phải là mê tín, mà là chánh tín. Phật là người quá khứ, đã lưu truyền pháp bảo lại cho tất cả chúng sinh chẳng thiếu một chữ nào. Chúng sinh chỉ cần y pháp tu hành, thì nhất định sẽ thành Phật.

Một số người thường sinh tâm hoài nghi, tu đạo có thiệt thòi chẳng ? Có hy vọng thành Phật chẳng ? Do đó:

"Phá nghi vọng ư trùng trùng,
Kiến pháp tràng ư xứ xứ".

Tức nghĩa là phá sạch mọi nghi hoặc, nơi nơi chốn chốn kiến lập đại đạo tràng, đừng kiến lập đạo tràng nhỏ. Tôi chủ trương Phật giáo phải đoàn kết nhất chí, phải cùng nhau vì Phật giáo mà nỗ lực, đừng có phân biệt tông phái.

**Thông đạt tất cả pháp
Đó là chân Phật tử
Người đó biết rõ được
Sức tự tại chư Phật.**

Nếu hay gạn gỏi Tam Bảo, cúng dường Tam Bảo, lễ lạy Tam Bảo, mới có thể thông đạt tất cả pháp. Thông đạt tất cả pháp, mới là Phật tử chân chánh. Người đó sẽ minh bạch biết rõ tất cả sức thần thông tự tại của chư Phật, là không thể nghĩ bàn.

Bậc đại trí nói pháp Muốn vì các pháp bản Nên khởi thắng hy vọng Chí cầu vô thượng giác.

Bậc trí huệ rộng lớn, tức là Phật. Pháp của Phật nói, muốn vì các pháp căn bản. Muốn tức là hy vọng, do đó: "Dục vọng vô chỉ cảnh". Nghĩa là dục vọng không bao giờ ngừng. Tham tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn ngon, ngủ nhiều, đủ thứ sự hưởng thụ, đó cũng là muốn (dục). Tham cầu tu hành, tham cầu trí huệ, tham cầu khai ngộ, tham cầu thành Phật, đây cũng là muốn (dục). Muốn có sự khác biệt thượng đạt (đạt đi lên) và hạ đạt (đạt đi xuống). Do đó: "Quân tử thượng đạt, tiểu nhân hạ đạt". Tóm lại, cầu Phật pháp là thượng đạt, cầu hưởng thụ là hạ đạt.

Muốn vì các pháp bản, phải sinh khởi hy vọng thù thắng, hy vọng thanh tịnh, lập chí cầu được giác đạo vô thượng. Gì là giác đạo vô thượng ? Tức là cứu kính Niết Bàn, tức cũng là thành Phật. Phát tâm Bồ đề kiên cố, mới đắc được quả vị vô thượng giác.

Nếu ai tôn kính Phật Nhớ báo đáp ơn Phật

Người đó trọn không lìa Chỗ trụ của chư Phật.

Nếu như có người tôn kính Đức Phật, thì phải nhớ báo đáp ân đức của chư Phật. Báo đáp như thế nào ? Tức là phải thường theo Phật học, thủy chung không lìa khỏi đạo tràng của Phật. Gì là đạo tràng ? "Tâm thẳng là đạo tràng". Người đó, sẽ không lìa khỏi nơi trụ xứ của tất cả chư Phật.

Sao người có trí huệ Nơi Phật được thấy nghe Chẳng tu nguyện thanh tịnh Phải hành đạo Phật tu.

Tại sao người có trí huệ, thường thấy được thân Phật, lại hay nghe được Phật pháp, đây là nguyên nhân gì ? Vì tu nguyện thanh tịnh. Nếu chẳng tu hành nguyện thanh tịnh, cứ khởi vọng tưởng nhiễm ô, chẳng những chẳng thấy được Phật, mà cũng chẳng nghe được pháp. Phải làm thế nào ? Phải đi con đường của chư Phật tu hành, thân miệng ý ba nghiệp thanh tịnh.

Bấy giờ, Bồ Tát Dũng Mãnh Tràng, nương thần lực của đức Phật, mà nói kê rằng.

Lúc đó, phương tây Bồ Tát Dũng Mãnh Tràng làm đại biểu, nương đại oai thần lực gia trì của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, quán sát khắp nhân duyên của tất cả chúng

sinh trong mười phương, đối cơ nói pháp, dùng kệ để khen ngợi công đức của Phật.

**Ví như mắt thanh tịnh
Nhờ mặt trời thấy sắc
Tâm tịnh cũng như vậy
Phật lực thấy Như Lai.**

Ví như có người, họ có con mắt quang minh thanh tịnh, thì nhờ ánh sáng mặt trời, mới thấy được đủ thứ hình sắc. Tâm quang minh thanh tịnh, cũng tình hình như vậy. Tuy nhiên có mắt và tâm quang minh thanh tịnh, nhưng chẳng có Phật lực gia trì, cũng chẳng thấy được Phật. Khi tâm thanh tịnh và thật tướng lý thể của Phật hợp mà làm một, thì mới thấy được Phật.

Tâm của người tu đạo chúng ta, nếu thanh tịnh chẳng nhiễm, thì sẽ được Phật gia trì, mới có thể thấy được Phật. Tâm thanh tịnh ví như nước trong sạch, từ phía trên sẽ thấy được phía dưới, Do đó: "Thấu triệt nguồn đáy của pháp". Nếu tâm chẳng thanh tịnh, sẽ trở thành nước hỗn đục, gì cũng chẳng hiện ra. Lúc đó, Phật cũng chẳng có biện pháp giúp đỡ bạn. Bạn tu đạo là cảm, Phật hiện thân thông là ứng, tức là đạo lý "Cảm ứng đạo giao". Hiện tại nói tâm linh cảm ứng tác dụng, kỳ thật đại đồng tiểu dị. Cổ đức có nói:

"Tâm thanh thủy hiện nguyệt
Ý định thiên vô vân".

Nghĩa là:

"Nước tâm lắng trong sẽ hiện ra mặt trăng

Ý định như trời xanh chẳng có mây".

Tức là đạo lý này.

**Như dùng sức tinh tấn
Tột nguồn đáy biển pháp
Trí lực cũng như vậy
Được thấy vô lượng Phật.**

Nếu dùng sức dũng mãnh tinh tấn, đề tu hành các pháp, thì mới tận cùng được nguồn đáy của biển pháp, tức cũng là đến được nơi rốt ráo. Sức trí huệ cũng tình hình như vậy. Nếu có đại trí huệ, sẽ thấy được vô lượng vô biên chư Phật.

**Ví như ruộng màu mỡ
Gieo trồng sẽ tươi tốt
Đất tâm tịnh như vậy
Sinh ra các Phật pháp.**

Giống như ruộng màu mỡ phì nhiêu, trồng trọt ngũ cốc, thì nhất định sẽ lớn lên tươi tốt. Cũng như vậy, đất thanh tịnh, hay sinh ra tất cả các Phật pháp. Tức cũng là nói, nếu tâm của bạn thanh tịnh, thì tất cả Phật pháp sẽ hiện tiền. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, không lìa khỏi một tâm niệm hiện tiền của bạn. Một niệm thanh tịnh là Phật, một niệm nhiễm ô là chúng sinh. Đừng đi tìm Phật pháp bên ngoài, Phật pháp sẽ hiện ra trong tự tánh.

Như người được tặng báu

**Lìa hẳn khổ bần cùng
Bồ Tát được Phật pháp
Lìa tâm bần thanh tịnh.**

Ví như có người lượm được kho tàng bảy báu ở dưới đất, thì họ sẽ vĩnh viễn lìa khỏi khổ bần cùng, trở thành người giàu có. Bồ Tát đắc được Phật pháp, cũng giống như được tạng báu, vĩnh viễn xa lìa tâm nhiễm ô. Khôi phục lại sự thanh tịnh vốn có, thì trí huệ sẽ hiện tiền.

**Ví như thuốc Già Đà
Tiêu được tất cả độc
Phật pháp cũng như vậy
Diệt được các phiền não.**

Giống như thuốc Già Đà, Già Đà dịch là "thuốc hay". Thuốc hay này, trị lành tất cả tật bệnh, giải trừ tất cả chất độc, công hiệu giống như cam thảo. Do đó: "Cam thảo hợp các thứ thuốc mà giải được trăm độc". Thảo dược Trung Quốc, phân ra : Quân, thân, tả, sử, bốn thứ. Cam thảo là tể tướng đại thần, bệnh gì cũng trị hết, độc gì cũng tiêu trừ hết. Tánh của cam thảo rất hoà bình, bất cứ hoà với thuốc gì, cũng đều hoà bình với nhau, chẳng khởi xung đột.

Pháp của Phật nói, giống như thuốc Già Đà, hay tiêu trừ được tám vạn bốn ngàn bệnh phiền não của chúng sinh. Phật nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, là đối trị bệnh tham sân si của chúng sinh, cho nên nói Phật pháp tức là toa thuốc hay, tiêu trừ được tất cả các bệnh phiền não.

**Chân thật thiện tri thức
Được Như Lai khen ngợi
Nhờ oai thần của Phật
Được nghe các Phật pháp.**

Thiện tri thức là khéo giáo hoá chúng sinh, khiến cho họ đắc được tri thức chánh tri chánh kiến. Chân thật thiện tri thức, chỉ có Đức Phật; ngoài ra các Bồ Tát và A La Hán Thánh Hiền .v.v...tuy vẫn gọi là thiện tri thức, nhưng chẳng được chân thật thiện tri thức viên mãn. Hiện tại trong Kinh nói: Thiện tri thức, mới là thiện tri thức chân ngữ, thật ngữ, như ngữ, chẳng vọng ngữ, thiện tri thức chẳng có tham sân si ba độc, thiện tri thức siêng tu giới định huệ ba học, đây là thiện tri thức được Phật khen ngợi, có thể làm sư biểu của trời người, có thể xứng đáng thọ nhận cúng dường của trời người. Nhờ đại oai thần lực của chư Phật, mà được nghe tất cả pháp của chư Phật nói.

**Ví như vô số kiếp
Tài báu thí cho Phật
Chẳng biết Phật thật tướng
Đây cũng chẳng gọi thí.**

Giả sử có người, ở trong vô số đại kiếp, dùng tất cả tiền tài châu báu, bố thí cho Đức Phật. Nếu chẳng biết được đạo lý thật tướng của Phật (vô tướng vô sở bất tướng), thì đây cũng chẳng cho là bố thí. Tại sao ? Vì chấp trước tướng bố thí, chỉ có phước báo sinh về cõi trời. Do đó:

"Trụ tướng bố thí sinh phước cõi trời,

Giống như ngựa mặt bắn tên lên hư không.
Lực hết tên sẽ rơi xuống,
Chiêu đến đời sau chẳng như ý".

Nếu nhận thức được thật tướng của Phật, tâm bồ thí, cũng chẳng có kẻ thí, cũng chẳng có kẻ nhận, ở giữa cũng chẳng vật bồ thí. Đó là thể ba vòng đều không. Tóm lại, lia tướng bồ thí, thì mới là thật bồ thí. Công đức chấp tướng bồ thí thì có hạn, công đức lia tướng bồ thí thì vô tận.

**Vô lượng các sắc tướng
Trang nghiêm nơi thân Phật
Chẳng phải trong sắc tướng
Mà thấy được đức Phật.**

Thân Phật có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, cho nên nói vô lượng các sắc tướng, trang nghiêm nơi thân Phật. Những tướng tốt trang nghiêm đó, bất quá là một bộ phận của thân Phật mà thôi. Bản thể của Phật chẳng phải là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp. Người chân chánh minh bạch Phật pháp, thì phải ở trong vô tướng mà cầu thấy Phật. Ở trong Kinh Kim Cang có nói:

"Nếu dùng sắc thấy ta
Dùng âm thanh cầu ta
Người đó hành tà đạo
Chẳng thấy được Như Lai".

Phật dùng vô tướng làm tướng, dùng thật tướng làm tướng. Thật tướng tức là vô tướng, cho nên không thể dùng sắc để thấy Phật, không thể dùng âm thanh để cầu Phật. Nếu chấp trụ vào sắc và âm thanh, thì đó chẳng phải là

chân chánh thấy được Phật. Nếu tại nơi sắc tướng cầu Phật, thì vua Chuyển Luân Thánh Vương tức cũng là Phật. Vì vua Chuyển Luân Thánh Vương cũng có đầy đủ sắc tướng giống như Phật, cho nên không thể ở trong sắc tướng, mà thấy được Đức Phật.

**Như Lai đấng chánh giác
Vắng lặng luôn chẳng động
Mà hay hiện thân khắp
Đầy khắp mười phương cõi.**

Phật đã thành tựu quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cho nên luôn luôn vắng lặng thanh tịnh. Tuy Phật vắng lặng chẳng động, nhưng lại hay cảm mà toại thông. Tuy cảm mà toại thông, nhưng vắng lặng chẳng động. Đây là đạo lý tùy duyên không đổi, không đổi mà tùy duyên. Mà có thể hiện thân khắp, đây là tùy duyên; vắng lặng luôn chẳng động, đây là không đổi. Đầy đầy mười phương cõi, đây là tùy duyên không đổi, không đổi mà tùy duyên.

**Ví như cõi hư không
Chẳng sinh cũng chẳng diệt
Các Phật pháp như vậy
Rất ráo chẳng sinh diệt.**

Pháp thân của Phật, đầy khắp hư không. Những hạt bụi ở trong hư không, chẳng có một hạt bụi nào, mà chẳng phải là nơi pháp thân của Phật ở tại đó, chẳng phải là nơi

Phật pháp ở tại đó, chẳng phải là nơi mười phương hiện Thánh Tăng ở tại đó. Cho nên ở trong hư không đầy khắp Phật Pháp Tăng Tam Bảo. Tức nhiên đầy khắp hư không, nhưng vẫn là chân không. Tức cũng là trong chân không có diệu hữu, trong diệu hữu đầy đủ chân không. Do đó:

"Chân không chẳng ngại diệu hữu
Diệu hữu chẳng ngại chân không".

Tóm lại, chân không chẳng không mà sinh diệu hữu, diệu hữu chẳng hữu mà sinh chân không, đây tức là trung đạo.

Giống như cõi hư không, cũng chẳng sinh, cũng chẳng diệt. Khi nào sinh ra, chẳng có ai biết. Khi nào tiêu diệt, chẳng có ai hay. Nếu có thể đập vụn hư không ra, thì lúc đó, sự chấp trước sẽ phá tan. Nếu không thể đập vụn hư không, thì vẫn có cái "không" tồn tại. Không sinh không diệt tức là bản tánh của hư không. Pháp của chư Phật nói, cũng giống như hư không, cũng chẳng sinh chẳng diệt. Đến lúc cứu kính cũng chẳng có sinh diệt.

Bấy giờ, Bồ Tát Quang Minh Tràng, nương thần lực của đức Phật, quán sát khắp mười phương, mà nói kệ rằng.

Lúc đó, phương bắc Bồ Tát Quang Minh Tràng làm đại biểu, nương đại oai thần lực gia trì của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, quán sát khắp nhân duyên của tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới, dùng kệ khen ngợi Đức Phật.

**Nhân gian và trên trời
Tất cả các thế giới
Khắp hiện diệu sắc thân
Thanh tịnh của Như Lai.**

Ở nhân gian và trên trời, cùng với trong mười phương tất cả thế giới, hết thấy chúng sinh, đều thấy được thanh tịnh diệu sắc thân của Phật, tức cũng là thân tướng tốt trang nghiêm 32 tướng, 80 vẻ đẹp.

**Ví như sức nhất tâm
Sinh ra đủ thứ tâm
Như vậy một thân Phật
Khắp hiện tất cả Phật.**

Nhất tâm là tâm vương, đủ thứ tâm là tâm sở. Một thân Phật tức là chân thân của Phật, tất cả Phật là hoá thân của Phật. Ví như một tâm vương, sức lực có thể sinh ra đủ thứ tâm sở pháp. Do đó, chân thân của Phật (pháp thân), có thể hiện ra tất cả ứng hoá thân Phật.

**Bồ đề chẳng hai pháp
Cũng chẳng có các tướng
Mà ở trong hai pháp
Hiện tướng thân trang nghiêm.**

Bồ đề chẳng có hai thứ pháp, tức là một pháp cũng chẳng lập. Bất quá, chỉ là danh từ mà thôi. Danh từ vốn cũng là không, cho nên nói:

"Một pháp chẳng lập
Vạn pháp đều không".

Vì nguyên nhân đó, mà chẳng chấp trước vào bờ đề. Không thể ở trong "có không" đi tìm bờ đề. Bờ đề cũng chẳng có các tướng, nhưng ở trong hai pháp "có không", có thể thị hiện thân trang nghiêm 32 tướng, 80 vẻ đẹp.

**Rõ pháp tánh vắng lặng
Như huyễn mà sinh khởi
Chỗ hành chẳng hết được
Đạo sư hiện như vậy.**

Nếu thấu hiểu pháp tánh của các pháp, vốn là vắng lặng. Do đó:

"Đường lời lẽ đã dứt
Nơi tâm hành đã diệt".

Là do hư vọng không thật như huyễn mà hoá sinh. Tuy nhiên do vắng lặng hiện ra tất cả các pháp, như huyễn, như hoá, nhưng giống như trong hư không hiện ra mây, trùng trùng vô tận. Ứng hoá thân của Phật, cũng là trùng trùng vô tận, biến hoá vô cùng, ứng hiện không ngừng.

**Ba đời tất cả Phật
Pháp thân đều thanh tịnh
Tuỳ theo sự ứng hoá
Khắp hiện diệu sắc thân.**

Mười phương ba đời tất cả chư Phật, tuy nhiên danh hiệu khác nhau, nhưng bản thể là một. Do đó:

"Mười phương ba đời tất cả Phật
Đều cùng một pháp thân".

Một pháp thân, tức là thanh tịnh pháp thân. Sự quan hệ giữa Phật với Phật là :

"Tâm tâm tương ấn,
Thân thân đồng thể".

Cũng có thể nói quang quang chiếu với nhau, lỗ lỗ thông với nhau, chẳng có sự phân biệt đó đây. Một vị Phật đang giáo hoá chúng sinh, tức cũng là tất cả vị Phật đang giáo hoá chúng sinh. Tất cả vị Phật đang giáo hoá chúng sinh, tức cũng là một vị Phật đang giáo hoá chúng sinh. Pháp thân, báo thân, ứng hoá thân của Phật, đều đồng thể, chẳng có khác biệt. Cũng có thể nói tất cả vị Phật, tức là một vị Phật; một vị Phật tức là tất cả vị Phật. Phân chia mà chẳng phân chia, hợp mà chẳng hợp. Vì giữa Phật với Phật, chẳng có sự phân biệt, cho nên chẳng có giới hạn đó đây.

Phật là gì ? Nói đơn giản, Phật tức là chân lý, chân lý tức là Phật. Hiểu biết chân lý, tức là minh bạch Phật pháp; chẳng hiểu biết chân lý, thì chẳng minh bạch Phật pháp. Chân lý là do trí huệ mà tu, do tu trì mà vào. Tức cũng là có trí huệ rồi, y pháp tu hành, thì sẽ thâm nhập vào thể tánh của Phật. Chẳng có trí huệ, thì không thể tu hành, không thể vào thể tánh của Phật. Nhưng bạn cũng chẳng lìa khỏi thể tánh của Phật, vẫn ở trong chân lý.

Ở trước có nói không thể dùng sắc tướng thấy Phật. Vậy, thấy cái gì ? Tức là thấy chân lý. Chân lý thì chẳng có

thê tướng, tức cũng là thật tướng, thật tướng tức là vô tướng. Vì chẳng có tướng, cho nên chẳng có phân biệt.

Tuy nhiên vô tướng, nhưng ở trong chân không, vẫn không ngại diệu hữu. Cho nên bản thể không biến đổi, lại có thể tùy duyên. Tùy duyên tức là tùy theo sự ứng hoá, ứng hoá tất cả chúng sinh. Do đó: "Người đáng dùng thân Phật độ được, liền hiện thân Phật, vì họ nói pháp. Người đáng dùng thân Bồ Tát độ được, liền hiện thân Bồ Tát, vì họ nói pháp. Người đáng dùng thân Bích Chi Phật độ được, liền hiện thân Bích Chi Phật, vì họ nói pháp. Người đáng dùng thân Thanh Văn độ được, liền hiện thân Thanh Văn, vì họ nói pháp..." Tóm lại, Người đáng dùng thân gì độ được, liền hiện thân đó, để vì họ nói pháp. Cho nên khắp hiện diệu sắc thân, để vì tất cả chúng sinh nói pháp.

**Như Lai không nghĩ nói
Ta hiện thân như vậy
Tự nhiên mà thị hiện
Chưa từng khởi phân biệt.**

Phật chẳng nghĩ như vậy: Ta hiện thân Phật, Ta hiện thân Bồ Tát, Ta hiện thân Thanh Văn .v.v... Phật chẳng cần suy nghĩ, tự nhiên mà hiện ra đủ thứ thân biến hoá, chưa từng sinh khởi tâm phân biệt. Tại sao ? Vì do thuở xưa phát nguyện lực và tu hạnh môn, mà thành tựu. Chẳng cần phải có bất cứ sự tạo tác gì, bất cứ có việc gì khó khăn, đều ghênh nhận mà giải quyết.

**Pháp giới chẳng khác biệt
Cũng chẳng chỗ y chỉ**

Mà ở trong thế gian Thị hiện vô lượng thân.

Phật ở trong pháp giới, đối với trong mười phương thế giới, cảm thấy chẳng có sự phân biệt. Nhận rằng một thế giới, tức là tất cả thế giới. Tất cả thế giới, tức là một thế giới. Tận hư không khắp pháp giới hết thấy thế giới, đó đây chẳng có sự phân biệt. Pháp giới cũng chẳng có chỗ y chỉ. Pháp thân của Phật, cũng chẳng có chỗ y chỉ. Tuy nhiên chẳng có chỗ y chỉ, nhưng ở trong thế gian, vẫn thị hiện vô lượng vô biên thân.

Thân Phật chẳng biến hoá Chẳng phải chẳng biến hoá Ở trong pháp không biến Thị hiện hình biến hoá.

Thân Phật vốn không thể dùng sắc để cầu, nhưng không thể lìa khỏi sắc mà có thân Phật. Thân Phật chẳng phải biến hoá, nhưng không thể lìa khỏi sự biến hoá đi tìm Phật. Chẳng biến hoá tức là chẳng biến, tức là chân như. Chân như tức là pháp thân của Phật. Pháp thân thì chẳng biến. Tuy nhiên chẳng biến, nhưng hay tùy duyên. Tức nhiên tùy duyên, không thể nói nó chẳng phải biến hoá. Ở trong pháp chẳng biến tùy duyên, mà thị hiện có hình biến hoá tùy duyên.

Ví như có người ban đêm đi đường, ở xa phía trước, có một khúc gỗ. Vì nhìn chẳng rõ là cái gì, cho nên sinh ra tâm nghi hoặc:

- "Ồ ! Đó là người chằng !"

- Người có trí huệ, thì mắt rất sáng suốt, nhìn thấy rõ ràng, mới nói với họ rằng: "Đó chẳng phải là người".

- Người ngu si đó lại hỏi: "Đó chẳng phải là người, vậy chắc chắn là quỷ".

Vốn là một khúc gỗ, mà nghĩ tưởng là quý. Chúng ta có biến kế chấp tánh, nương nó khởi tánh. Cho nên sinh ra đủ thứ vọng tưởng, nếu minh bạch đạo lý này, thì sẽ minh bạch thân Phật là biến hoá tùy duyên, tùy duyên biến hoá. Cho nên bốn câu kệ này, mới nói như vậy:

"Thân Phật chẳng biến hoá
Chẳng phải chẳng biến hoá
Ở trong pháp không biến
Thị hiện hình biến hoá".

**Chánh Giác không thể lường
Pháp giới hư không thấy
Sâu rộng không bờ đáy
Đường lời nói đều bạc.**

Chánh Giác tức là Phật. Phật rốt ráo có bao nhiêu ? Có nhiều vô lượng vô biên. Nói tóm lại, có bao nhiêu chúng sinh, thì có bấy nhiêu Phật. Tại sao ? Vì chúng sinh tức là phân thân của Phật, Phật tức là bản thể của chúng sinh. Phân ra thì vô lượng, hợp lại thì là một. Cho nên chúng sinh với Phật chẳng có sự phân biệt, Phật là Phật của chúng sinh, chúng sinh là chúng sinh của Phật. Vậy, chúng sinh làm thế nào có thể thành Phật ? Trước hết phải trừ sạch tham sân si, phải siêng tu giới định huệ.

Ai ai cũng đều có tâm tham, tham mà không biết chán. Tham cầu chẳng được, thì sinh vô minh. Vô minh khởi lên, thì có phiền não. Có phiền não rồi thì lý trí không chế chẳng được tình cảm, thậm chí mất đi trí huệ, bèn tạo ra những việc ngu si, cho nên gọi tham sân si là ba độc.

Tham đó, bao gồm đủ thứ sự mong muốn hy vọng. Hoặc tham danh lợi, hoặc tham phú quý. Sự tham đó, chẳng có lúc nào biết đủ. Tham dục đó từ đâu đến ? Tức là từ trong sự ích kỷ mà sinh ra. Nếu chẳng có ích kỷ tác quái, thì chẳng có tâm tham dục lớn như thế. Chẳng có tham dục lớn, thì chẳng có phiền não lớn. Chẳng có phiền não, thì trí huệ sẽ hiện tiền, lúc đó chẳng còn ngu si nữa.

Chúng ta tu đạo tu cái gì ? Tức là :

"Siêng tu giới định huệ,
Diệt trừ tham sân si".

Giới là ngừa ác phòng quấy, tức cũng là :

"Không làm các điều ác,
Làm hết các điều lành".

Lại thường tu định, thì sẽ sinh ra trí huệ. Do đó:

"Do giới sinh định,
Do định sinh huệ".

Có trí huệ rồi, thì sẽ phá tan vô minh phiền não.

Tại sao chúng ta chẳng thành Phật ? Vì có tham sân si, chưa thể siêng tu giới định huệ. Phật ở trong vô lượng kiếp, siêng tu giới định huệ, diệt trừ tham sân si, tu hành từng chút từng chút, trải qua ba đại A tăng kỳ kiếp tinh tấn tu hành, mới ngồi ở dưới cội bồ đề thành Phật.

Phật với chúng ta chúng sinh đều giống nhau, nhưng vì Phật trừ khử sạch tất cả mao bệnh, tất cả tập khí chẳng còn nữa, cho nên mới thành Phật. Chúng ta người tu đạo, nếu trừ khử sạch các mao bệnh, chẳng còn tập khí, thì cũng sẽ sớm thành Phật.

Phật cứu kính là gì ? Phật là người đại giác ngộ. Ngài biết rõ đạo lý ai ai cũng đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật, cho nên cực lực đề xướng sự tu hành, biến vô minh thành quang minh, biến phiền não thành bồ đề. Phật khổ nhọc thuyết pháp 49 năm, dạy dỗ chúng sinh ngu si, buông xả tham sân si, thì sẽ có sự hy vọng thành Phật. Phật chẳng phải chuyên lợi, chẳng phải độc quyền, mà là bình đẳng, vì ai ai cũng đều có thể thành Phật.

Phật ở dưới cội bồ đề, đêm thấy sao mai mọc mà ngộ đạo, câu thứ nhất bèn nói: "Lành thay ! Lành thay ! Tất cả chúng sinh, đều đầy đủ trí huệ đức tướng của Như Lai, nhưng vì vọng tưởng chấp trước, nên không chứng đắc". Do đó, có thể biết chúng ta cũng là một loài chúng sinh, cũng có tư cách làm Phật, cũng có cơ hội thành Phật.

Phật và chúng sinh đều bình đẳng; bất quá, Phật đã đắc được đại trí huệ vốn có, mà chúng ta chúng sinh chưa đắc được, vẫn còn ngu si như vậy, vẫn còn chấp trước như thế, vẫn điên đảo như vậy, thật là đáng thương xót. Nếu chúng sinh hồi đầu, thì sẽ được cứu, do đó:

"Biển khổ không bờ
Hồi đầu là bến".

Phật ban đầu tu đạo, là từ con người mà tu hành. Ngài nhẫn những điều mà người khác không nhẫn được, Ngài chịu đựng những điều mà người khác không chịu

đựng được, Ngài nhường những điều mà người khác không thể nhường, Ngài ăn những thứ mà người khác không thể ăn. Tu đủ thứ sự khổ hạnh, cho nên mới siêu hơn tất cả mọi người, trở về nguồn cội, khôi phục lại trí huệ vốn có.

Khi thuở xưa Phật tu đạo Bồ Tát, thì xả mình vì người, từ bi cứu những chúng sinh khổ nạn. Đã từng xả thân cứu cọp đói, lóc thịt cứu chim ung. Hành khổ hạnh người khó làm được. Vì người mà phát tâm tu hành, sau trở thành A La Hán, về sau tu hành lục độ vạn hạnh Bồ Tát đạo, cứu giúp tất cả chúng sinh lia khổ được vui. Ban đầu đắc được tự giác, tức cũng là tự mình đắc được đại trí huệ. Sau đắc được giác tha, khiến cho họ cũng đắc được đại trí huệ. Tự giác giác tha đều tu đến lúc viên mãn, thì sẽ được giác hạnh viên mãn. Ba thứ giác này viên mãn rồi, vạn thứ đức hạnh cũng đầy đủ, thì lúc đó sẽ thành Phật.

Phật tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cho nên xưng là bậc đại giác ngộ, tức cũng là bậc đại trí huệ. Mỗi vị Phật đều do chúng sinh mà thành tựu. Vì chúng sinh có nhiều vô lượng, cho nên Phật cũng không thể lường. Phật tức là chúng sinh chuyển thân lại. Phật là người thấy rõ tâm tánh, biết sinh như thế nào, biết chết như thế nào. Sinh từ đâu đến, chết đi về đâu, đây là chỗ Phật với chúng sinh khác nhau.

Chúng sinh quá ngu si, sinh ra chẳng biết từ đâu đến, chết rồi chẳng biết đi về đâu. Hồ đồ mà đến, hồ đồ mà đi. Ở trong thế giới này, chẳng phải tranh danh, thì tranh lợi, bận rộn bôn ba một đời, chẳng biết vì ai hạnh khổ, vì ai mà bận rộn. Khi sớm muộn minh bạch, thì lại chết đi, thật là đáng thương.

Pháp thân của Phật, với cõi hư không đều giống nhau, cũng có thể nói hư không pháp giới lớn bao nhiêu, thì pháp thân của Phật cũng lớn bấy nhiêu. Do đó: "Tận hư không biến pháp giới". Pháp thân của Phật, nói sâu thì chẳng có đáy, nói rộng thì chẳng có bờ mé. Nói rốt ráo thì Phật như thế nào cũng nói không ra. Đường lời lẽ đã dứt, không có cách gì có thể hình dung, do đó:

"Đường lời lẽ đã dứt
Nơi tâm hành đã diệt".

Tóm lại, pháp thân của Phật đầy khắp tất cả mọi nơi.

Như Lai khéo thông đạt Tất cả nơi hành đạo Pháp giới các cõi nước Chỗ đến đều vô ngại.

Phật khéo thông đạt tất cả đạo lý. Phật hành đạo ở tất cả mọi nơi, giáo hoá tất cả chúng sinh. Trong pháp giới, hết thấy các cõi nước chư Phật, đến đi tự do, chẳng bị hạn chế. Muốn đến cõi nước nào, thì đi đến cõi nước đó, tuyệt đối chẳng bị chướng ngại gì. Tại sao ? Vì pháp thân của Phật là vô tại vô bất tại, chẳng có một nơi nào mà chẳng phải là chỗ sở tại của Phật, cũng chẳng có một nơi nào là chỗ sở tại của Phật. Tận mười phương thế giới hết thấy hạt bụi, chẳng có một hạt bụi nào chẳng phải là nơi quá khứ, hiện tại, vị lai, chư Phật xả thân giáo hoá chúng sinh. Phật vì giáo hoá chúng sinh, thà xả bỏ ngàn thân mà không tiếc. Tâm từ bi như thế, khiến cho chúng sinh cảm động rơi lệ.

Chúng ta không những không thể xả bỏ ngàn thân, dù xả bỏ một ngón tay để giúp đỡ người, cũng chẳng muốn. Thậm chí nhỏ một sợi lông lợi ích thiên hạ, cũng chẳng làm. Do đó có thể thấy, chúng ta quá ích kỷ. Nếu không ích kỷ, thì sẽ khai mở đại trí huệ. Tại sao chúng ta chẳng có trí huệ ? Vì ích kỷ. Có tâm ích kỷ, thì vô minh sẽ tác quái, tâm địa đen tối, chấp đông, chấp tây, tất cả là của ta, là sở hữu của ta; chẳng chịu bố thí, chẳng chịu cứu giúp. Người có tâm lý như thế, thì trí huệ của họ sẽ bị vô minh che đậy, tuyệt đối chẳng hiện tiền. Hồ đồ mà đến, hồ đồ mà đi, uổng thay một giác xuân mộng !

Bấy giờ, Bồ Tát Trí Tràng, nương thân lực của đức Phật, quán sát khắp mười phương, mà nói kệ rằng.

Lúc đó, phương nam Bồ Tát Trí Tràng làm đại biểu, nương đại oai thân lực gia trì của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, quán sát khắp nhân duyên của tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới, dùng kệ để khen ngợi công đức của Phật.

Hôm nay có mấy vị học sinh đến, tôi có thể truyền thọ phương pháp học cho các vị. Phương pháp rất đơn giản, có ba thứ, tức là mắt, miệng, tâm. Mắt phải nhìn sách vở học, trong miệng phải niệm sách vở học, trong tâm phải nghĩ sách vở học. Có thể học hành như thế, thì rất mau sẽ ghi nhớ câu văn đã học, lại có thể đọc thuộc lòng nghĩa lý trong sách vở, và tâm của mình hợp thành một thể, đây tức là bí quyết học hành.

Còn có phương pháp "Ba đến", tức là "mắt đến", "miệng đến", "tâm đến". Công phu "ba đến" này làm được viên mãn, thì sẽ thành công. Học hành chẳng sợ ngu si, cũng chẳng sợ ngốc, chỉ sợ chẳng dụng công, công đáo tự nhiên thành. Học hành và tu hành đều giống nhau, do đó:

"Trông trọng một phần,
Thì thu hoạch một phần".

Thiên hạ chẳng có việc, không bỏ công sức mà thu hoạch bao giờ.

Còn có phương pháp "Ba trên", tức là "trên đường", "trên nhà cầu", "trên gối". Trên đường tức là lúc đi đường, có thể đọc bài vở đã học. Trên nhà cầu tức là lúc đi cầu, cũng phải suy gẫm bài vở đã học. Trên gối tức là lúc đi ngủ, đầu dựa trên gối, đừng khởi vọng tưởng bạn nam, hoặc bạn nữ, cũng đừng khởi vọng tưởng bạn bè. Lúc đó, tư tưởng lắng xuống suy gẫm đại ý bài vở đã học, thì rất dễ nằm lòng. Đây là phương pháp học hành thứ ba.

Tại sao phải học hành ? Nói đơn giản là vì cầu trí huệ và tri thức mà học hành. Lúc còn đang đi học thì hãy chuyên tâm để nghiên cứu quá trình học. Học tập siêng năng, cần mẫn, thì nhất định sẽ thành tựu, rất mau sẽ khai mở đại trí huệ. Bằng không, cứ khởi những vọng tưởng điên đảo, thì sẽ lãng phí thời gian, tuyệt đối chẳng có sự thành tựu. Các vị bạn học ! Phải ở tại chỗ này mà hạ thủ công phu.

Các bạn hôm nay rất thành tâm đến Chùa Kim Sơn nghe Kinh, cho nên tôi nói ra những phương pháp học hành đơn giản, để cho các vị tham khảo. Chẳng những học hành là tình hình như vậy, mà dù làm người cũng phải như

thể. Làm người phải có tông chỉ, phải có tâm trạng xót trời thương người, phải có tinh thần xả mình vì người. Hãy tự hỏi mình: "Tôi học hành là vì mình học ? Hay là vì mọi người mà học ?" Nếu vì mình; thì đó là ích kỷ; nếu vì mọi người, thì đó là lợi tha. Chỉ cần phóng tư tưởng cho rộng lớn, thì tiền đồ tương lai chẳng có hạn lượng. Vĩ nhân của thế giới đều là vì mọi người mưu hạnh phúc, do đó:

"Hy sinh tiểu ngã,
Để hoàn thành đại ngã" !

**Nếu người hay tin thọ
Nhất thiết trí vô ngại
Tu tập hạnh bồ đề
Tâm đó không thể lường.**

Nếu như có người, hay tin thọ pháp của Phật nói. Pháp của Phật nói, là pháp viên dung vô ngại. Như vậy, nhất thiết trí huệ sẽ chẳng có sự chướng ngại. Tu hành học tập hạnh bồ đề, thì tâm đó chẳng có hạn lượng, do đó:

"Tâm bao quát thái hư,
Lượng bao khắp pháp giới".

Tức cũng là tận hư không khắp pháp giới.

**Trong tất cả cõi nước
Khắp hiện vô lượng thân
Mà thân chẳng tại xứ
Cũng chẳng trụ nơi pháp.**

Phật ở trong mười phương hết thầy cõi nước, khắp thị hiện vô lượng diệu sắc thân. Tuy nhiên vô lượng, nhưng thân chẳng trụ tại xứ, cũng chẳng trụ tại pháp. Tức cũng là người và pháp đều không. Vì người không, cho nên chẳng trụ tại xứ. Vì pháp không, cho nên chẳng trụ nơi pháp. Ta và pháp hai chấp đã không, thì sẽ lìa khỏi tất cả sự chấp trước, đây tức là cảnh giới vô tại vô bất tại.

**Mỗi mỗi các Như Lai
Thần lực thị hiện thân
Kiếp không thể nghĩ bàn
Tính đếm không hết được.**

Mười phương ba đời tất cả chư Phật, mỗi vị Phật đều có trăm ngàn ức hoá thân. Đó là đại oai thần lực của chư Phật thị hiện thân, các thân thị hiện đều khác nhau. Ở trong số kiếp không thể nghĩ bàn, dùng toán số cũng không thể tính đếm được thân Phật rất ráo có bao nhiêu?

**Ba đời các chúng sinh
Đều biết được số đó
Thân Như Lai thị hiện
Số đó không biết được.**

Phật có ba đời chư Phật, chúng sinh cũng có ba đời chúng sinh. Ở trong ba đời, số lượng của hết thầy chúng sinh, có thể biết được rất ráo số lượng bao nhiêu. Nhưng hoá thân của Phật thị hiện, rất ráo có bao nhiêu ? Số mục

này chẳng cách chi tính đếm được, cho nên nói số đó không biết được.

**Lúc hiện một hai thân
Cho đến vô lượng thân
Khắp hiện mười phương cõi
Kỳ thật chẳng hai thứ.**

Có lúc, Phật thị hiện một thân Phật, hoặc thị hiện hai thân Phật, cho đến vô lượng thân Phật, khắp thị hiện ở trong mười phương các cõi nước chư Phật. Kỳ thật, Phật chẳng có hai thân, thị hiện vô lượng thân, cũng là một pháp thân. Do đó:

"Một pháp thân thị hiện vô lượng thân
Vô lượng thân quy về một pháp thân".

Cho nên nói "Kỳ thật chẳng hai thứ".

**Ví như trăng tròn sáng
Khắp hiện tất cả nước
Hình bóng tuy vô lượng
Gốc trăng chưa từng hai.**

Cảnh giới của Phật, giống như mặt trăng tròn sáng suốt, mặt trăng khắp hiện vào trong tất cả nơi có nước. Chẳng phải bản thể của mặt trăng phân ra vào trong nước, chỉ có vô lượng hình bóng, nhưng gốc mặt trăng chỉ có một, chẳng có hai.

Phật cũng như mặt trăng tròn sáng, tất cả chúng sinh đều cảm thấy mình đối diện ở trước Phật, nhưng Phật chỉ có một pháp thân. Đây tức là đạo lý:

"Thiên đằm hữu thủy, thiên đằm nguyệt
Vạn lý vô vân, vạn lý thiên".

Nghĩa là:

"Ngàn đằm có nước, ngàn đằm có trăng
Vạn dặm không mây, vạn dặm trời xanh.

**Như vậy trí vô ngại
Thành tựu Đẳng Chánh Giác
Khắp hiện tất cả cõi
Thế Phật cũng không hai.**

Phật có trí huệ viên dung vô ngại, có trí huệ như vậy, mới chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Phật thành Phật rồi, ở thế giới này, ở thế giới khác, vô lượng các thế giới, thị hiện thành Phật. Bất cứ đến thế giới nào thị hiện thành Phật, thì bản thể của Phật vẫn là một, chẳng có hai.

**Chẳng một cũng chẳng hai
Cũng chẳng phải vô lượng
Tuỳ theo sự ứng hoá
Thị hiện vô lượng thân.**

Bản thể của Phật, chẳng những chẳng phải hai, mà cho đến một cũng chẳng có, cũng chẳng phải vô lượng. Chỉ

là tùy theo sự ứng hoá mà thôi. Phật thì quán sát căn cơ của chúng sinh, vì họ nói pháp, tùy theo căn tánh của chúng sinh mà đến giáo hoá. Người chưa trồng căn lành, thì khiến cho trồng căn lành. Người đã trồng căn lành, thì khiến cho tăng trưởng. Người căn lành đã tăng trưởng, thì khiến cho thành thực. Người đã thành thực, thì khiến cho được giải thoát. Phật thì tùy thời tùy lúc giáo hoá chúng sinh đáng được giáo hoá, mới thị hiện vô lượng thân. Đây là đến phá sự chấp trước của chúng sinh, khiến cho chúng sinh trở về cội nguồn, rốt ráo thành Phật, đây là bản hoài của Phật.

Thân Phật chẳng quá khứ Cũng chẳng phải vị lai Một niệm hiện sinh ra Thành đạo và Niết Bàn.

Bài kệ ở trước, là phá chấp trước của chúng sinh, đừng sinh vọng tưởng tính xem Phật có bao nhiêu thân, đây là không việc tìm việc làm, gây thêm phiền não cho chính mình. Hiện tại lại nói thân Phật, tức nhiên là vô lượng. Vậy, thân Phật là quá khứ, quá khứ có thân Phật chăng ? Chẳng phải. Thân Phật chẳng có quá khứ, chẳng có vị lai. Vậy, hiện tại có thân Phật chăng ? Cũng chẳng có. Phật tức là trong khoảng một niệm, có thể thị hiện sinh ra, thị hiện thành đạo, thị hiện Niết Bàn. Nói tóm lại, Phật thị hiện tám tướng thành đạo, chẳng lìa khỏi một tâm niệm hiện tiền.

Thế nào là tám tướng thành đạo ?

1. Hàng sinh từ Trời Đâu Suất: Bồ Tát một đời bồ xứ, trụ ở nội viện Đâu Suất, đợi đến khi nhân duyên chín mùi, thì cưỡi voi trắng lớn mà xuống nhân gian.

2. Nhập thai: Phật Thích Ca Mâu Ni, chọn lựa vua Tịnh Phạn làm cha, hoàng hậu Ma Gia làm mẹ.

3. Xuất thai: Hoàng hậu Ma Gia mang Thánh thai rồi, thì thân thể khoẻ mạnh, tinh thần thoải mái. Mười tháng đã mãn, Phật hàng sinh dưới cội Vô Ưu. Bảy ngày sau, hoàng hậu Ma Gia qua đời.

4. Xuất gia: Vì giải trừ sinh già bệnh chết bốn khổ lớn, mà từ bỏ hoàng cung, đi đến núi Tuyết tu hành. Tìm đạo sáu năm, tu khổ hạnh sáu năm, chẳng giải quyết được sinh tử, bèn tĩnh tọa ở dưới cội bồ đề, suy gẫm pháp môn sinh tử.

5. Hàng ma: Ma vương biết Phật sắp thành Phật, bèn sai ma nữ đến nhiễu loạn tâm Ngài, khiến cho mất đạo nghiệp. Nhưng Phật có định lực kim cương kiên cố, không lay động tâm, ma nữ biết khó mà làm cho Ngài thôi chuyên.

6. Thành Chánh Giác: Phật chẳng bị vũ lực của ma vương uy hiếp, chẳng bị sắc đẹp của ma nữ dụ dỗ, bèn phát thệ nguyện: "Nếu không thành Chánh Giác, thì thề sẽ không đứng dậy". Đêm thấy sao mai mọc mà ngộ đạo, tức thành Chánh Giác.

7. Chuyển Pháp luân: Ngộ đạo rồi, liền nói Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật, sau đến vương Lộc Uyển vì năm anh em Kiều Trần Như nói phát bốn Diệu Đế. Về sau nói pháp bốn mươi chín năm, hơn ba trăm hội. Lưu lại Ba Tạng Kinh điển, mười hai bộ.

8. Nhập Niết Bàn: Tám mươi tuổi, tại rừng Sa La song thọ, an tường thị hiện vào Niết Bàn.

**Như huyễn hoá màu sắc
Không sinh cũng không khởi
Thân Phật cũng như vậy
Thị hiện chẳng có sinh.**

Giống như huyễn hoá làm ra màu sắc, rốt ráo mà nói thì chẳng có sinh, cũng chẳng có khởi. Thân Phật cũng tình hình như vậy, chẳng có sinh khởi. Phật thì thị hiện, cho nên chẳng có sinh. Tức nhiên chẳng có sinh, thì đương nhiên chẳng có diệt. Do đó:

"Chẳng sinh chẳng diệt
Chẳng nơ chẳng sạch
Chẳng tăng chẳng giảm".

Đây tức là bản thể của Phật, đã đến được cảnh giới "Nhu như chẳng động, rõ ràng sáng suốt".

**Bảy giờ, Bồ Tát Bảo Tràng, nương
thần lực của Phật, quán sát khắp mười
phương, mà nói kệ rằng.**

Lúc đó, phương đông nam Bồ Tát Bảo Tràng làm đại biểu, nương đại oai thần lực gia trì của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, quán sát khắp nhân duyên của tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới, mà nói kệ khen ngợi công đức của Phật.

**Thân Phật không số lượng
Thị hiện thân có lượng
Tuỳ theo người được thấy
Đạo Sư hiện như vậy.**

Chân thân của Phật là đầy khắp tất cả mọi nơi, không thể nói thân Phật là có lượng. Thân Phật tận hư không khắp pháp giới, thân Phật chẳng có số lượng. Tuy vô lượng, nhưng hay thị hiện thân có số lượng, hoặc hiện một thân, hoặc hiện nhiều thân. Tuỳ theo nhân duyên của chúng sinh đáng được thấy, mà Phật hiện thân ở trước họ. Do đó:

"Phật như thanh lương nguyệt,
Thường du tất kính không
Chúng sinh tâm cầu tịnh
Bồ đề ảnh hiện trung".

Tức là đạo lý này. Bản thể của Phật là vô lượng, nhưng cảm ứng của chúng sinh thì có lượng, cho nên nói tuỳ theo người được thấy, Đạo Sư hiện như vậy. Đạo Sư tức là Phật. Chúng ta niệm Phật, tụng Kinh, trì Chú .v.v...đây tức là cảm. Nếu thành tâm đến cực điểm, thì sẽ cảm động chư Phật Bồ Tát, liền đáp ứng sở cầu của chúng ta. Do đó, cảnh giới "Cảm ứng đạo giao". Nên nhớ ! Có tâm là vọng tưởng, vô tâm là cảm ứng. Đốt hương lễ lạy, có sự mong cầu, thì chẳng có cảm ứng, vĩnh viễn chẳng thấy được Phật Bồ Tát.

**Thân Phật chẳng xứ sở
Đầy đầy khắp mọi nơi**

**Như không chẳng bờ mé
Như vậy khó nghĩ bàn.**

Thân thể của Phật, chẳng có xứ sở nhất định. Phật là vô tại vô bất tại. Tuy nhiên không có xứ sở (vô tại), nhưng vẫn có thể đầy khắp tất cả mọi nơi (vô bất tại). Thân thể của Phật, đồng với hư không, chẳng có bờ mé. Cảnh giới này, không thể nghĩ bàn.

**Chẳng phải nơi tâm hành
Tâm chẳng ở trong khởi
Trong cảnh giới chư Phật
Rốt ráo chẳng sinh diệt.**

Thân thể của Phật, chẳng phải ở trong tâm có thể tưởng tượng được. Ở trong tâm không thể sinh khởi thấu hiểu đạo lý. Tại sao phải nói "Chẳng phải nơi tâm hành, tâm chẳng ở trong khởi?" Ở trong cảnh giới của chư Phật, rốt ráo chẳng sinh chẳng diệt, cho nên ở trong tâm làm sao sinh khởi ?

**Như mắt sinh ra màng
Chẳng trong cũng chẳng ngoài
Thế gian thấy chư Phật
Nên biết cũng như vậy.**

Giống như trong con mắt sinh ra màng, màng đó chẳng ở trong con mắt, cũng chẳng ở ngoài con mắt. Chúng sinh thế gian nhìn thấy chư Phật, nên biết thân Phật

cũng như vậy. Cũng chẳng ở trong, cũng chẳng ở ngoài. Vậy, có phải ở giữa chăng ? Đây cũng không nhất định. Chúng sinh thấy thân Phật, đó là hoá thân của Phật, ứng thân của Phật. Bản thể của Phật, chẳng phải hoá thân và ứng thân, mà là pháp thân. Pháp thân là đầy đầy khắp mọi nơi.

**Vì lợi ích chúng sinh
Như Lai hiện ra đời
Chúng sinh thấy có hiện
Mà thật chẳng ra đời.**

Tại sao Phật phải xuất hiện ra đời ? Vì muốn lợi ích tất cả chúng sinh, khiến cho chúng sinh thấy được Phật, mà phát tâm bồ đề, tu đạo vô thượng, thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cho nên Phật mới xuất hiện nơi thế gian. Chúng sinh đều chấp trước tướng huyễn, nhận giả làm chân, chẳng biết Phật ở trong cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ, vắng lặng chẳng động. Thật ra Phật chẳng xuất hiện ra đời, cũng chẳng có vào Niết Bàn. Nhưng chúng sinh có tâm chấp trước, thấy Phật hiện ra đời, thấy Phật vào Niết Bàn.

**Không thể dùng cõi nước
Ngày đêm mà thấy Phật
Năm tháng một sát na
Nên biết đều như vậy.**

Pháp thân của Phật, tận hư không khắp pháp giới. Không thể nói Phật ở cõi nước này ra đời, ở cõi nước kia chẳng ra đời. Sở dĩ Phật ra đời, là vì ứng duyên của chúng sinh. Cũng không thể ngày đêm mà thấy được Phật, hoặc một năm, hoặc một tháng, hoặc một sát na. Không thể dùng thời gian để tính đếm, cũng không thể dùng không gian để tưởng niệm. Phật là vượt thời gian và không gian. Phật có thể dung nạp vô lượng kiếp làm một niệm, lại có thể kéo dài một sát na làm vô lượng kiếp. Đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Nên biết, hoàn toàn là tình hình như vậy. Không thể dùng cõi nước, ngày đêm, năm tháng, một sát na, để trắc lượng và minh bạch cảnh giới không thể nghĩ bàn nào của Phật.

Người học Phật pháp, nên lấy sự nghiên cứu thế giới làm trách nhiệm của mình. Cử chỉ, hành động, lời nói của mỗi người, nên tưởng nghĩ đến thế giới. Tại sao hiện tại trên thế giới có nhiều chiến tranh như thế ? Là vì ở trong tâm của mỗi người đặc biệt có nhiều chiến tranh. Chiến tranh trong tâm, tức là vọng tưởng ở trong tâm. Vọng tưởng ở trong tâm tức là chiến tranh lý và dục. Lý tức là thiên lý, chân lý tự nhiên. Dục là dục niệm, tham mà chẳng biết chán. Dục niệm thời thường chiến tranh lý trí, là vì dục niệm chinh phục lý trí, cho nên thế giới càng ngày càng xấu đi.

Nếu đầu óc của mỗi người đều tỉnh táo, tiêu diệt vọng tưởng của mình, thì trí huệ chân chánh sẽ hiện tiền. Một người có trí huệ chân chánh, thì một người được bình an. Mười người có trí huệ chân chánh, thì mười người được bình an. Nhân dân của một quốc gia, đều có lý trí, thì quốc

gia đó sẽ được bình an. Cho đến thế giới cũng đều sẽ bình an.

Tại sao thế giới chẳng bình an ? Vì trong tâm ai ai cũng đều có tâm dâm dục hoành hành, trí huệ bớt đi. Cho nên thế giới càng ngày càng xấu đi. Nếu ai ai cũng hướng thiện, lấy việc cứu giúp thế giới làm trách nhiệm của mình, thì thế giới sẽ vĩnh viễn hoà bình, chẳng có chiến tranh.

Phải biết rằng chẳng phải thế giới chẳng tốt, mà là chính chúng ta chẳng tốt. Nếu muốn thế giới tốt đẹp, thì phải từ bản thân mà làm, giảm bớt đi tâm ích kỷ, tâm tự lợi, tâm tham dục, tâm sân hận, tâm ngu si, hoặc là quét sạch. Được như thế thì thế giới sẽ tốt đẹp.

Phật giáo cũng tình hình giống như vậy, chẳng phải là Phật giáo chẳng tốt, mà là ta chưa tốt. Nếu ta có thể thanh tâm quả dục, chẳng có mọi tập khí mao bệnh, chẳng nghe lời quỷ, mà nghe lời Phật, thì tự nhiên sẽ bình an vô sự.

Nghe lời quỷ, tức là con quỷ ích kỷ tác quái, kiến nghị với bạn rằng: Việc này, đối với bạn chẳng có lợi ích, bạn nên sửa đổi tư tưởng như vậy và như vậy, ra chủ ý thế bạn. Tóm lại, hoàn toàn vì lợi ích của mình mà tính toán.

Nghe lời Phật, tức là xả mình vì người, vì lợi ích của đại chúng mà nỗ lực. Vì hạnh phúc của mọi người mà phát triển, còn sự lợi hại của mình chẳng màng đến, thấy việc nghĩa là làm, thậm chí vào chỗ dầu sôi lửa bỏng cũng không từ. Có tinh thần hy sinh như vậy, đó là tư tưởng và hành vi chân chánh của Phật giáo đồ.

Muốn khiến cho Phật giáo tốt, thì mỗi Phật giáo đồ, chỉ cần quét sạch vọng tưởng của mình, chẳng còn ý niệm nhiễm ô tồn tại. Nếu còn một tơ hào ý niệm nhiễm ô, thì sẽ

không đắc được trí huệ thanh tịnh, cảnh giới thanh tịnh sẽ chẳng hiện tiền. Vĩnh viễn hồ đồ, chỉ biết cầu danh, cầu lợi, cầu phước, cầu lộc, chỉ biết ích kỷ lợi mình, tất cả đều vì mình, chẳng nghĩ đến kẻ khác.

Chúng ta tu hành nhiều năm, tại sao vẫn còn ngu si ? Sự việc gì cũng chẳng minh bạch ? Là vì tâm nhiễm ô quá nặng, trí huệ thanh tịnh chẳng hiện tiền. Ai có thể "Tâm thanh thủy hiện nguyệt, ý định Thiên vô vân". Tâm nước trong hiện trăng, ý định trời không mây, thì người đó chẳng có tư dục tạp niệm, trí huệ chân chánh sẽ hiện tiền.

Chúng ta muốn tu pháp môn nhẫn nhục, thì phải có công phu hàm dưỡng, nghe những lời chẳng thuận tai, cũng chẳng buồn. Cổ nhân có nói:

"Kiến ngô quá giả thị ngô sư".

Nghĩa là:

"Người thấy lỗi tôi là thầy tôi".

Ai thấy được lỗi lầm của tôi, thì người đó là thầy tôi. Tử Lộ thời xưa nghe qua liền hoan hỉ. Đại Câu Vương nghe qua liền lạ. Đó là người dũng mãnh sửa đổi lỗi lầm, có lỗi thì tự sửa, người khác không cách chi giúp bạn sửa đổi, người khác chỉ khuyên nói mà thôi, muốn cho bạn trừ khử sạch tập khí mao bệnh. Sửa hay không là do bạn, người khác chẳng có cách nào khác.

Chúng ta người tu đạo, nên nhớ ! Nên nhớ ! Đừng chướng ngại người khác tu đạo. Mình chẳng tu đạo, thì đã phạm quy cụ, lại làm ảnh hưởng đến người khác không tu đạo, khiến cho tâm của họ chẳng được bình an, dấy khởi vọng tưởng, đó là một việc rất nguy hiểm. Nếu chẳng mau

sửa đổi tư tưởng và hành vi như thế, thì tương lai đọa vào địa ngục, nhất định bạn sẽ có phần.

**Chúng sinh nói như vậy
Ngày đó Phật thành đạo
Như Lai được bồ đề
Thật chẳng liên hệ ngày.**

Tướng thế gian và tướng xuất thế gian chẳng giống nhau. Thế gian thì có tướng, xuất thế gian thì không có tướng. Vì tùy thuận tất cả chúng sinh mà nói như vậy: Ngày đó là Phật ra đời, ngày nọ là Phật xuất gia, ngày đó là Phật thành đạo, ngày đó là Phật vào Niết Bàn. Đó là tùy thuận thế gian tục đế mà nói. Nếu nói về chân đế, thì Phật thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thật chẳng có thời gian nhất định, chẳng có thời kỳ nhất định. Phật trong vô lượng kiếp về trước, đã chứng đạo thành Phật. Cho nên trong Kinh Phạm Võng có nói: "Ta đến thế giới này đã tám ngàn lần". Tóm lại, Phật là tùy căn cơ của chúng sinh mà thị hiện, cho nên nói chẳng có thời kỳ nhất định.

**Như Lai lìa phân biệt
Vượt các số thế gian
Ba đời các Đạo Sư
Xuất hiện đều như vậy.**

Muốn minh bạch cảnh giới của Phật, thì không thể dùng tâm phân biệt để tưởng tượng, để tính lường, vì cảnh

giới của Phật là không thể nghĩ bàn. Nếu dùng tâm suy nghĩ, dùng lời luận bàn, thì đã rơi vào đế thứ hai. Phật chẳng giống như chúng ta, chúng sinh, dùng tâm phân biệt để chấp trước, Phật lìa khỏi tâm phân biệt.

Phật vượt ra ngoài tất cả các số, lìa khỏi tất cả các số, chẳng ở trong tất cả các số. Ba đời tất cả chư Phật, xuất hiện ra đời, đều là tình hình như vậy. Lìa khỏi sự phân biệt, vượt khỏi các số.

Ba đời có thể nói là đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai. Lại có thể nói là hôm qua, ngày nay, ngày mai, ba đời pháp chẳng định.

Mười phương ba đời tất cả các Đạo Sư (Phật), có thể nói là Phật Thích Ca Mâu Ni. Vì Ngài là Đạo Sư quá khứ, cũng là Đạo Sư hiện tại, cũng là Đạo Sư vị lai. Cho nên chữ "các" này, có thể dùng nói nhiều, lại có thể dùng nói một. Một là lời trợ từ, nhiều là hình dung từ. Bất cứ là nhiều, hoặc là một, Phật xuất hiện ra đời, đều là như vậy. Quét sạch tất cả pháp, lìa tất cả tướng, hành sở vô sự. Chúng ta đừng dùng tâm phạm phu, để trắc lượng trí huệ của Thánh nhân.

**Ví như mặt trời sáng
Chẳng hợp với đêm tối
Mà nói ngày đêm ấy
Các Phật pháp như vậy.**

Giống như mặt trời lúc bầu trời không có mây, thì rất sáng, chẳng hợp với đêm tối. Tuy nhiên mặt trời sáng chẳng hợp với đêm tối, có ngày, có đêm, có đêm, có ngày, nhưng một số thế tục tập quán nói, ngày đó, đêm đó, ngày

đem vận hành với nhau. Pháp của ba đời chư Phật, cũng như vậy. Cho nên phải tức tướng lìa tướng, tức pháp lìa pháp, đừng chấp trước tất cả có hình có tướng.

**Ba đời tất cả kiếp
Chẳng hợp với Như Lai
Mà nói Phật ba đời
Pháp Đạo Sư như vậy.**

Tất cả kiếp đời quá khứ, tất cả kiếp đời hiện tại, tất cả kiếp đời vị lai, thấy đều chẳng hợp với tướng Phật. Kiếp là kiếp, Phật là Phật. Tuy nhiên kiếp và Phật chẳng hợp nhau, nhưng một số người thế tục đều nói ba đời chư Phật. Pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni nói, cũng như vậy. Phật chẳng hợp với tướng ba đời tất cả kiếp, ba đời tất cả kiếp cũng chẳng hợp với tướng Phật.

**Bấy giờ, Bồ Tát Tinh Tấn Tràng,
nuơng thân lực của đức Phật, quán sát
khắp mười phương mà nói kệ rằng.**

Lúc đó, phương tây nam Bồ Tát Tinh Tấn Tràng làm đại biểu, Ngài nuơng đại oai thân lực gia trì của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, quán sát khắp nhân duyên của tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới, dùng kệ để nói rõ tất cả Phật pháp.

**Tất cả các Đạo Sư
Thân đồng nghĩa cũng vậy**

Khắp trong mười phương cõi Tùy ứng hiện đủ thân.

Mười phương ba đời tất cả chư Phật, đều đồng một pháp thân. Phật với Phật là một thể, chẳng có phân biệt đó đây. Tuy nhiên ở thế giới phương đông, có vị Phật A Súc. Ở thế giới phương nam có vị Phật Bảo Sinh. Ở thế giới phương tây có vị Phật A Di Đà. Ở thế giới phương bắc, có vị Phật Yết Ma (Phật Bất Không Thành Tựu). Nhưng thật tế là một thể, cho nên nói Phật Phật đạo đồng. Chẳng những thân đồng, mà nghĩa cũng vậy. Hết thấy chư Phật, hiện khắp trong mười phương cõi nước, để tùy tâm cảm ứng của chúng sinh, mà hiện đủ thứ thân, vì chúng sinh nói pháp.

Ông quán đảnh Mâu Ni Chỗ làm rất kỳ đặc Đầy đầy nơi pháp giới Tất cả đều không thừa.

Các vị hãy nhìn Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chỗ thực hành đều rất thù thắng kỳ đặc. Pháp thân của Ngài, đầy khắp nơi pháp giới. Hết thấy tất cả mọi nơi, Phật là vô tại vô bất tại, cũng có thể nói chẳng chỗ nào mà không có. Cảnh giới này diệu không thể tả.

Thân Phật chẳng ở trong Cũng chẳng ở bên ngoài Vì thần lực hiển hiện

Pháp Đạo Sư như vậy.

Pháp thân của Phật, cũng chẳng ở bên trong, cũng chẳng ở bên ngoài, là đại oai thần lực tu từ thuở xưa hiển hiện. Pháp của Phật nói, cũng tình hình như vậy, chẳng ở trong, cũng chẳng ở ngoài.

Tùy các loại chúng sinh Nghiệp đời trước tích tập Đủ thứ thân như vậy Thị hiện đều khác nhau.

Phật là tùy thuận tất cả các loài chúng sinh. Chúng sinh thuở xưa tích tập đủ thứ nghiệp thiện và nghiệp ác, có đủ thứ sự khác nhau, cho nên Phật thị hiện đủ thứ thân khác nhau để giáo hoá. Đây là pháp môn phương tiện khéo léo tùy loại ứng hoá.

Chư Phật thân như vậy Vô lượng không thể đếm Chỉ trừ đấng Đại Giác Không thể nghĩ bàn được.

Ứng hoá thân của mười phương chư Phật, cũng như vậy. Có nhiều vô lượng vô biên, không thể tính đếm. Chỉ có Phật mới rốt ráo được các pháp thật tướng, mới thấu rõ được cảnh giới của Phật. Còn lại chín pháp giới chúng sinh kia, đều không thể trắc lường được cảnh giới của Phật, cho nên nói không thể nghĩ bàn được.

**Như dùng ngã khó nghĩ
Tâm nghiệp không thể lấy
Phật khó nghĩ cũng vậy
Chẳng tâm nghiệp sở hiện.**

Giống như "ngã" khó nghĩ bàn, tâm cũng khó nghĩ bàn, nghiệp tạo ra, cũng không thể nghĩ bàn. Tâm và nghiệp chẳng cách chi thủ lấy được nó. Phật không thể dùng tướng để thấy, không thể dùng âm thanh để cầu, cũng không thể nghĩ bàn. Chẳng phải do tâm và nghiệp tạo ra, mà có thể hiện ra được.

**Như cõi không nghĩ bàn
Mà thấy tịnh trang nghiêm
Phật khó nghĩ cũng vậy
Diệu tướng không thể hiện.**

Cõi Phật nhiều như số hạt bụi, cũng không thể nghĩ bàn. Có cõi nước thanh tịnh, cũng có cõi nhiễm ô. Có cõi trang nghiêm, cũng có cõi chẳng trang nghiêm, cũng là không thể nghĩ bàn. Cõi nước tuy nhiên không thể nghĩ, nhưng chỗ thấy thanh tịnh trang nghiêm. Phật là khó nghĩ bàn, cũng giống như vậy. Diệu sắc thân của Phật, chẳng có cõi nào mà chẳng hiện thân. Phạm là cõi nước, thì Phật đều hiện thân đi giáo hoá chúng sinh.

**Ví như tất cả pháp
Do các duyên sinh khởi
Thấy Phật cũng như vậy**

Hà tất các nghiệp thiện.

Giống như tất cả các pháp, đều do đủ thứ nhân duyên mà sinh khởi. Do đó:

"Pháp do nhân duyên sinh
Ta nói tức là không
Cũng gọi là giả danh
Cũng gọi nghĩa trung đạo".

Đây là đạo lý duyên sinh vô tánh. Phật thì không sinh không diệt. Nếu muốn thấy Phật, thì thuở xưa phải trồng căn lành, phải tu nghiệp thiện, mới có thể thấy được Phật. Bằng không, thì chẳng thấy được Phật, chẳng nghe được Pháp, chẳng gặp được Tăng, chẳng có nhân duyên gần gũi Tam Bảo.

Người phải có căn lành, mới vào được cửa lớn của Chùa Kim Sơn, để nghe Kinh, nghe pháp. Nếu người chẳng có căn lành, thì muốn đến Chùa Kim Sơn cũng chẳng được. Tại sao ? Vì chẳng có nhân duyên. Phàm là người thấy Phật nghe Pháp gặp Tăng, đều phải có căn lành. Người đến Chùa Kim Sơn lạy Phật, niệm Phật, cúng dường Tam Bảo, hộ trì Tam Bảo, đều đã gieo trồng căn lành lớn thuở xưa, đời này nhân duyên chín mùi. Do đó:

"Vô phước nan đặng Tam Bảo địa,
Vô đức nan nhập đại thừa môn".

Nghĩa là:

Không phước khó gặp được Tam Bảo
Không đức khó vào cửa đại thừa.

Tam Bảo tức là Phật, Pháp, Tăng. Chùa Kim Sơn có Phật, có Pháp, có Tăng, tức là Tam Bảo. Phạm là người đến được Chùa Kim Sơn, đều là người có phước báo lớn. Người chẳng có đức, thì sẽ chẳng vào được cửa Chùa Kim Sơn, cảnh giới này cũng là không thể nghĩ bàn.

**Ví như châu như ý
Mãn nguyện tâm chúng sinh
Pháp chư Phật như vậy
Đều mãn tất cả nguyện.**

Ví như châu như ý. Bạn cần gì, thì châu liền hiện ra thứ ấy, khiến cho bạn toại tâm mãn nguyện. Do đó: "Tuỳ tâm mong muốn". Châu như ý hay làm mãn nguyện tâm chúng sinh, muốn gì thì được đó. Pháp của chư Phật nói, cũng giống như châu như ý, hay mãn tâm nguyện của chúng sinh. Muốn được giải thoát, thì sẽ đắc được pháp môn liễu sinh thoát tử. Muốn đắc được đại trí huệ, thì sẽ đắc được đại trí huệ. Bất cứ hy vọng gì, cũng đều mãn tâm nguyện của bạn.

**Trong vô lượng cõi nước
Đạo Sư hiện ra đời
Vì tuỳ nguyện lực họ
Khắp ứng nơi mười phương.**

Phật ở trong vô lượng vô biên cõi nước, thường thường thị hiện thân, xuất hiện ra đời. Do nguyện lực của chư Phật thưở xưa phát ra, do hạnh môn tu hành, mới có

thể khắp hiện trong mười phương thế giới, mãn tâm nguyện của tất cả chúng sinh.

Bảy giờ, Bồ Tát Ly Cấu Tràng nương thần lực của đức Phật, quán sát khắp mười phương, mà nói kệ rằng.

Lúc đó, phương tây bắc Bồ Tát Ly Cấu Tràng làm đại biểu, Ngài nương đại oai thần lực gia trì của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, quán sát khắp nhân duyên của tất cả chúng sinh trong mười phương, dùng kệ để nói rõ tất cả Phật pháp.

**Như Lai đại trí quang
Khắp tịnh các thế gian
Thế gian đã tịnh rồi
Khai thị các Phật pháp.**

Phật có đại trí huệ quang minh, Phật quang chiếu khắp, khiến cho tất cả thế gian đều thanh tịnh, khiến cho tất cả chúng sinh đều tự tại, thấy đều đắc được giải thoát. Phật dùng đại trí quang minh, chiếu phá tất cả thế gian đen tối. Khiến cho thế gian thanh tịnh trang nghiêm rồi, mới khai thị tâm địa pháp môn của chư Phật.

**Nếu có người muốn thấy
Số chúng sinh bằng Phật
Thấy đều ứng tâm họ
Mà thật chẳng chỗ đến.**

Nếu như có người muốn thấy được Phật, số lượng của chúng sinh tuy nhiều, nhưng có thể đồng thời thấy được Phật. Bất cứ chúng sinh nào thấy được Phật, thì Phật đều thị hiện thân, khiến cho chúng sinh thấy được Phật, mà mãi tâm nguyện của họ, sẽ không khiến cho chúng sinh thất vọng. Nhưng Phật thật chẳng có chỗ đến, cũng chẳng có chỗ đi.

**Dùng Phật làm cảnh giới
Chuyên niệm mà chẳng nghỉ
Người đó thấy được Phật
Số đó bằng với tâm.**

Gì là dùng Phật làm cảnh giới ? Tức là mặt đối diện với Phật, chuyên nhất niệm Phật, quán tưởng niệm Phật, mà chẳng ngừng nghỉ. Tức cũng là thời thời niệm Phật, khắc khắc niệm Phật, chuyên tâm nhất chí niệm Phật không ngừng nghỉ. Niệm như vậy, lâu dần thì sẽ đắc được niệm Phật tam muội. Người đó mới có thể thấy được Phật, thấy được vô lượng Phật, nhiều đồng với số tâm niệm của chúng sinh.

**Thành tựu pháp bạch tịnh
Đầy đủ các công đức
Kia nơi nhất thiết trí
Chuyên niệm tâm chẳng xả.**

Nếu có thể thành tựu pháp bạch tịnh, tức cũng là pháp thanh tịnh, tức cũng là pháp chẳng có ô nhiễm. Như

vậy sẽ đầy đủ tất cả các công đức. Người đó, đối với nhất thiết trí huệ, chuyên niệm mà không ngừng nghỉ, tâm cũng chẳng xả bỏ. Phải tu pháp bạch tịnh như vậy, mới đầy đủ các công đức.

**Đạo Sư vì chúng sinh
Như đáng diễn nói pháp
Tuỳ theo nơi giáo hoá
Khắp hiện thân tối thắng.**

Phật vì tất cả chúng sinh người đáng được độ, người nhân duyên thành thực, Phật bèn thị hiện ứng hoá thân, để vì họ nói pháp. Phật tuỳ thuận nơi có thể giáo hoá được chúng sinh, khắp thị hiện hoá thân thù thắng nhất. Bất cứ trong thế giới nào, Phật đều tuỳ cơ ứng hiện thân tối thắng.

**Thân Phật và thể gian
Tất cả đều vô ngã
Ngộ đây thành Chánh Giác
Lại vì chúng sinh nói.**

Thân Phật và tất cả thể gian, đều không có tướng ta. Nếu chẳng chấp trước cái ta, mà ngộ được đạo lý này, thì sẽ thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Lại có thể vì tất cả chúng sinh nói pháp môn thành Chánh Giác đó. Khiến cho chúng sinh không tướng ta, không tướng người, không tướng chúng sinh, không tướng thọ mạng, bốn tướng. Tóm lại, tâm có bốn tướng này, là chúng sinh. Tâm chẳng có bốn tướng này, là Phật, hoặc Bồ Tát.

**Tất cả Nhân Sư Tử
Vô lượng sức tự tại
Thị hiện niệm đồng thân
Thân đó đều khác nhau.**

Mười phương ba đời tất cả chư Phật, mỗi vị Phật, đều có vô lượng đại oai thần lực tự tại, tuy có thể thị hiện nhiều thân đồng với tâm niệm của chúng sinh, nhưng thân thị hiện đều khác nhau. Phật là ứng cơ duyên của chúng sinh mà hiện thân. Nói một cách tổng quát là, người đáng dùng thân gì độ được, liền hiện thân đó mà vì họ nói pháp.

**Thế gian thân như vậy
Thân chư Phật cũng thế
Biết rõ tự tánh đó
Tức là nói danh Phật.**

Thế gian có nhiều thân chúng sinh, thân của chư Phật cũng tương đồng với thân chúng sinh. Nếu biết rõ tánh của chúng sinh, tức là Phật tánh. Phật tánh tức là chúng sinh tánh. Phật tánh và chúng sinh tánh, hai mà chẳng phải hai, chẳng phải hai mà hai. Nếu minh bạch đạo lý đó, thì sẽ minh bạch bản nghĩa của Phật.

**Như Lai khắp thấy biết
Thấu rõ tất cả pháp
Phật pháp và bồ đề
Cả hai không thể được.**

Phật biết khắp và thấy khắp. Do đó:

"Chẳng có gì mà không biết,
Chẳng có gì mà không thấy".

Cho nên Phật thông đạt được bản thể thật tướng của tất cả các pháp. Phật pháp và bồ đề, là hai danh từ mà thôi. Muốn cầu bản thể của cả hai, đều không thể được.

**Đạo Sư không đến đi
Cũng lại chẳng chỗ trụ
Xa lìa các điên đảo
Đó gọi Đẳng Chánh Giác.**

Phật thì chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, tức cũng là "Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm", cho nên cũng lại chẳng chỗ trụ. Phật xa lìa điên đảo mộng tưởng, vào cứu kính Niết Bàn. Phật chẳng có tất cả mọi phiền não, cũng chẳng có tất cả điên đảo, cho nên chứng được quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

**Bấy giờ, Bồ Tát Tinh Tú Tràng,
nương thần lực của đức Phật, quán sát
khắp mười phương, mà nói kệ rằng.**

Lúc đó, phương dưới Bồ Tát Tinh Tú Tràng làm đại biểu, Ngài nương đại oai thần lực gia trì của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, quán sát khắp nhân duyên của tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới, dùng kệ để nói rõ công đức và cảnh giới của Phật.

**Như Lai chẳng chỗ trụ
Khắp trụ tất cả cõi
Tất cả cõi đều đến
Tất cả nơi đều thấy.**

Phật là vô tại vô bất tại, tức cũng là chẳng chỗ trụ, chẳng có chỗ nào mà chẳng trụ. Phật chẳng những trụ ở một cõi nước, mà còn trụ khắp ở tất cả cõi nước. Tất cả cõi nước chư Phật, đều có thể đi đến. Chúng sinh tất cả nơi đều thấy được Phật.

**Phật tùy tâm chúng sinh
Khắp hiện tất cả thân
Thành đạo chuyển pháp luân
Và với Bát Niết Bàn.**

Phật là tùy thuận tâm của chúng sinh, làm mãn nguyện của chúng sinh, mà khắp thị hiện tất cả thân. Chúng sinh muốn thấy thân gì, thì thị hiện thân đó. Phật từ Cung Trời Đâu Suất hàng sinh, nhập thai, xuất thai, xuất gia, hàng ma, thành đạo, chuyển pháp luân, vào Niết Bàn, một đời tám tướng thành đạo, thị hiện ở trong chúng sinh, khiến cho phát tâm bồ đề, tu đạo vô thượng.

**Chư Phật không nghĩ bàn
Ai hay nghĩ bàn Phật
Người đó thấy Chánh Giác
Người đó hiện tối thắng.**

Cảnh giới của mười phương ba đời tất cả chư Phật, không thể suy nghĩ, không thể luận bàn. Tức nhiên là không thể nghĩ bàn, vậy, ai có thể tư nghi Phật ? Ai có thể thấy được Phật ? Ai có thể thị hiện thân tối thù thắng ? Chỉ có Phật mới minh bạch nghĩa lý thật tướng của các pháp, mới thấy được thân Phật, mới có thể thị hiện thân tối thù thắng của Phật, mới có thể giáo hoá chúng sinh.

**Tất cả pháp như vậy
Cảnh chư Phật cũng thế
Cho đến không một pháp
Như trong có sinh diệt.**

Tất cả pháp, bao quát sắc pháp, tâm pháp, tâm sở pháp, bất tương ưng pháp, vô vi pháp, đều là vắng lặng không động. Bản thể của pháp là như. Như tức là vắng lặng. Vốn là như thế. Nó cũng chẳng sinh, cũng chẳng diệt, cũng chẳng như, cũng chẳng sạch, cũng chẳng tăng, cũng chẳng giảm.

Tất cả pháp đều như, nhất như không hai. Cảnh giới của chư Phật, cũng là như, cũng chẳng thêm tạo tác. Cho đến ở trong đủ thứ pháp, phân tích tỉ mỉ, thì một pháp chẳng lập, vạn pháp đều không, đều là như, vốn chẳng động. Ở trong như chẳng có sinh diệt.

**Chúng sinh vọng phân biệt
Là Phật là thế giới
Người thấu đạt pháp tánh
Không Phật không thế giới.**

Pháp này vốn chẳng có sinh diệt. Bất quá, chúng sinh dùng vọng tâm để phân biệt, cho là có sinh diệt. Phân biệt đây là Phật ra đời, đó là Phật vào Niết Bàn. Đây là thể giới của chúng sinh, đó là thể giới của Phật. Có nhiều phân biệt như thế.

Nếu thấu rõ thông đạt thật tướng lý thể của tất cả các pháp, căn bản mà nói xa, thì Phật cũng là như, chúng sinh cũng là như, thể giới cũng là như, đều là bản lai chẳng động, cũng có thể nói bản lai là chẳng có. Nói về rốt ráo thì không Phật, không chúng sinh, không thể giới. Vì chúng sinh có tâm chấp trước, nên mới hiện ra có Phật, có chúng sinh, có thể giới. Do đó:

"Chẳng phải gió động
Chẳng phải phướng động
Tâm các vị động".

Tâm của chúng sinh có sự phân biệt, mới có hiện tượng như thế.

**Như Lai khắp hiện tiền
Khiến chúng sinh tin vui
Phật thể bất khả đắc
Đó cũng không chỗ thấy.**

Phật khắp hiện ở trước tất cả chúng sinh, khiến cho chúng sinh sinh tâm tin và hoan hỷ. Đừng chấp trước rằng Phật có tướng, bản lai Phật thể không thể đắc được. Trong Kinh Kim Cang có nói:

"Phàm hết thấy tướng,

Đều là hư vọng.
Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng,
Tức thấy Như Lai".

Chúng sinh đối với pháp thân của Phật, cũng không cách chi thấy được. Chúng sinh ở trong pháp thân của Phật, mà chẳng tự giác. Tại sao ? Vì pháp thân của Phật, là tận cùng hư không khắp pháp giới, vô tại vô bất tại.

**Nếu ở tại thế gian
Xa lìa mọi chấp trước
Không ngại tâm hoan hỷ
Nơi pháp được khai ngộ.**

Nếu như ở tại hữu tình thế gian (chúng sinh thế gian), mà xa lìa tất cả mọi sự chấp trước, thì sẽ đạt đến cảnh giới viên dung vô ngại, lúc đó, tâm chẳng có mọi sự chấp trước, sẽ sinh tâm đại hoan hỷ, đắc được giải thoát. Sẽ minh bạch tất cả pháp, bỗng lai tự tánh vốn có đủ. Do đó: "Hạt châu ở trong áo, chẳng từ bên ngoài mà có được". Đối với pháp liền đắc được khai ngộ.

Chấp trước tức là chấp giữ vào tất cả những điều tốt. Giống như người tham tiền tài, thì chấp trước vào tiền tài. Người tham sắc đẹp, thì chấp trước vào sắc đẹp. Người tham danh, thì chấp trước vào danh. Người tham ăn, thì chấp trước vào ăn. Người tham ngủ, thì chấp trước vào ngủ. Tóm lại, tham gì thì chấp trước vào đó; có chấp trước thì chẳng đắc được giải thoát.

Còn có chấp về cái ta, tất cả là ta đều tốt, đó tức là ích kỷ. Có ích kỷ, thì muốn lợi cho mình. Người học Phật

pháp, lại có sự chấp trước về pháp. Tôi giảng được bộ Kinh này, thì có chấp trước về bộ Kinh này. Tôi giảng được bộ Kinh nọ, thì có chấp trước về bộ Kinh nọ. Tôi hiểu biết nhiều hơn anh, thì có pháp chấp. Tôi tu hành có công phu hơn anh, cũng là pháp chấp. Trước khi chưa học Phật, thì chẳng có pháp chấp. Học Phật rồi, thì nhìn ai chẳng ra gì, sinh ra đại ngã mạn, đó tức là chấp về pháp. Chúng ta chúng sinh, giống như tầm nhả tơ, tự ràng buộc mình, chẳng được giải thoát.

**Do thần lực hiện ra
Tức nói đó là Phật
Ba đời tất cả thời
Cầu đều chẳng chỗ có.**

Vì do đại oai thần lực thị hiện ra ứng hoá thân, cho nên nói đó là Phật. Kỳ thật, đó là biến hoá thân, chứ chẳng phải thân Phật thật. Ba đời tất cả thời, không thể đắc được. Tại sao ? Vì quá khứ đã qua rồi, hiện tại chẳng ngừng lại, vị lai thì chưa đến, cho nên nói không thể đắc được. Muốn tìm tòi thời gian quyết thật, hoặc ba thời, hoặc ba tâm, đều không thể đắc được. Vì chẳng chỗ có.

**Nếu biết được như vậy
Tâm ý và các pháp
Tất cả đều thấy biết
Sớm được thành Như Lai.**

Nếu mình bạch tất cả đều là vô thường, thì tất cả đều không thể đắc được. Tất cả đều chẳng chân thật, thì tất cả

đều là hư vọng. Bất cứ tâm ý và các pháp, đều ở chỗ thấy biết dụng sự, rốt ráo chẳng có lìa khỏi tất cả sự thấy biết, chẳng lìa khỏi tất cả tâm ý, rốt ráo chẳng đến chỗ trí huệ, vẫn ở nơi sáu căn để dụng sự. Nếu biết tất cả đều là sự thấy biết, thì rất sớm sẽ đắc được trí huệ của Phật.

Trong lời nói hiển bày Tất cả Phật tự tại Chánh Giác vượt lời nói Giả dùng lời lẽ nói.

Là do ở trong lời nói, mà hiển bày tự tại thần lực của tất cả Phật. Chánh Giác (Phật) của sự cứu kính vượt khỏi tất cả lời nói. Do đó:

"Đường lời lẽ đã dứt
Chỗ tâm hành đã bậc".

Tức cũng là nói, con đường lời nói đã dứt hẳn, đã đến trình độ không có lời gì để nói. Chỗ trong tâm nghĩ tưởng đã chẳng còn nữa, nghĩ cũng nghĩ chẳng ra, tưởng cũng tưởng không đến. Đến được trình độ này, thì mới là cảnh giới của bậc Chánh Giác.

Cảnh giới này, tức là:

"Miệng muốn nói mà lời lẽ đã tan mất,
Tâm muốn duyên mà tư lự chẳng còn nữa".

Miệng muốn nói mà lời lẽ chẳng còn nữa, nói chẳng ra. Trong tâm muốn nghĩ tưởng, cũng chẳng cách chi tưởng nghĩ ra. Đây tức là cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Tuy nhiên Phật vượt khỏi tất cả lời lẽ, nhưng vẫn phải dùng lời lẽ để thuyết minh cảnh giới của Phật. Vốn dùng lời lẽ để nói, cũng nói chẳng minh bạch cảnh giới của Phật. Tuy nhiên nói chẳng minh bạch, nhưng vẫn phải miễn cưỡng nói ra. Nếu không nói, thì chẳng có chúng sinh biết được cảnh giới của Phật, cho nên lúc nói không ra cảnh giới chân thật của Phật, cảnh giới của Pháp, vẫn phải nhờ lời lẽ để nói. Song, suốt thủa vị lai cũng nói chẳng hết được.

Bấy giờ, Bồ Tát Pháp Tràng, nương thần lực của đức Phật, quán sát khắp mười phương, mà nói kệ rằng.

Lúc đó, phương trên Bồ Tát Pháp Tràng làm đại biểu, Ngài nương đại oai thần lực gia trì của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, quán sát khắp hết thủy nhân duyên của chúng sinh trong mười phương, dùng kệ để thuyết minh công đức và cảnh giới của Phật.

**Thà luôn luôn thọ đủ
Tất cả khổ thế gian
Quyết không xa Như Lai
Chẳng thấy sức tự tại.**

Thà rằng có thể luôn luôn tiếp thọ đầy đủ tất cả khổ của thế gian. Khổ của thế gian có ba thứ khổ, tám thứ khổ, vô lượng thứ khổ. Tuy nhiên phải tiếp thọ tất cả thứ khổ, nhưng thủy chung chẳng muốn xa lìa Đức Phật, chắc chắn phải tu trì Phật pháp. Nhưng muốn thấy Phật nghe Pháp

gặp Tăng, thì bất cứ thứ khổ nào cũng cam tâm tình nguyện chịu đựng.

**Nếu có các chúng sinh
Chưa phát tâm bồ đề
Khi được nghe danh Phật
Chắc chắn thành bồ đề.**

Giả sử có tất cả chúng sinh, chưa từng phát tâm bồ đề, chưa được gần gũi Tam Bảo, chưa được gặp bậc thiện tri thức. Một khi nghe được tên Phật, thì chắc chắn sẽ thành bồ đề. Tại sao ? Vì nghe tên Phật, một khi lọt qua tai, thì vĩnh viễn là hạt giống đạo. Nghe đến tên Phật, ở trong ruộng tám thức sẽ trồng xuống hạt giống kim cang, vĩnh viễn chẳng tiêu diệt, tương lai nhất định sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

**Nếu có người trí huệ
Một niệm phát đạo tâm
Sẽ thành đấng Vô Thượng
Đừng sinh tâm nghi hoặc.**

Giả sử có người có trí huệ, ở trong một niệm, mà phát tâm bồ đề, thì tương lai nhất định sẽ thành đấng Vô Thượng, tức cũng là Phật. Tất cả chúng sinh nên phải cẩn thận, đừng sinh tâm nghi hoặc đối với đạo lý này. Tại sao ở trong một niệm phát đạo tâm, mà thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ? Vì có người trí huệ, chẳng những ở trong một niệm phát đạo tâm, mà còn ở trong niệm niệm

đều phát đạo tâm, cho nên mới có cảnh giới không thể nghĩ bàn như thế.

**Như Lai tự tại lực
Vô lượng kiếp khó gặp
Nếu sinh một niệm tin
Sớm chứng vô thượng đạo.**

Phật có oai thần lực đại tự tại. Sức tự tại đó, ở trong vô lượng đại kiếp, rất khó được gặp. Giả sử có người ở trong một niệm, sinh ra tâm tin, thì người đó rất sớm sẽ chứng được quả vị Vô Thượng, tức là quả vị Phật.

**Nếu như trong niệm niệm
Cúng dường vô lượng Phật
Chưa biết pháp chân thật
Chẳng gọi là cúng dường.**

Giả sử có người ở trong niệm niệm, cúng dường mười phương ba đời tất cả chư Phật. Nhưng chẳng biết pháp chân thật, tức cũng là pháp chân như thật tướng, pháp rốt ráo Niết Bàn, thì đó không gọi là chân chánh cúng dường.

Gì là chân chánh cúng dường ? Tức là phải minh bạch đạo lý các pháp thật tướng, tức cũng là thật tướng vô tướng. Tất cả các pháp đều là không, không thể chấp trước vào tướng. Tức tướng lìa tướng chẳng chấp tướng, mới là chân thật cúng dường. Nếu chẳng lìa tướng mà cúng dường, tuy nhiên cúng dường vô lượng chư Phật, vẫn không gọi là cúng dường.

**Nếu nghe pháp như vậy
Chư Phật từ đây sinh
Tuy trải vô lượng khổ
Chẳng bỏ hạnh bồ đề.**

Giả sử nghe được pháp chân thật. Pháp chân thật này, tức là lìa tướng pháp. Lìa tướng pháp, tức là tâm ấn pháp. Tâm ấn pháp, tức là lìa tướng lời nói, lìa tâm duyên tướng, lìa pháp tướng văn tự. Do đó:

"Lìa tất cả tướng, tức tất cả pháp".

Tức tất cả pháp là gì ? Nói một cách đơn giản, tức là pháp trung đạo liễu nghĩa. Gì là trung đạo liễu nghĩa ? Tức là chẳng thiên về không, chẳng thiên về có. Không, có, đều chẳng chấp trước, gọi là trung đạo. Nói chung, trung đạo tức là thật tướng diệu pháp, thật tướng diệu pháp tức là trung đạo.

Chư Phật là từ thật tướng (vô tướng, vô sở bất tướng) sinh ra. Tức cũng là từ tâm ấn diệu pháp, trung đạo liễu nghĩa diệu pháp, sinh ra. Trung đạo liễu nghĩa tức là pháp chân không diệu hữu, Do đó:

"Chân không chẳng ngại diệu hữu,
Diệu hữu chẳng ngại chân không".

Cũng là:

"Chân không chẳng không,
Diệu hữu chẳng hữu".

Thứ diệu pháp này không thể nghĩ bàn.

Thứ diệu pháp này, ai có thể đắc được ? Ai y pháp tu hành, thì người đó sẽ thành Phật. Nếu chẳng y chiếu theo pháp chân không diệu hữu của trung đạo liễu nghĩa mà tu hành, thì đó tức là chúng sinh. Người tu đạo, thì dụng công phu ở tại chỗ này. Bằng không, thì tu mù luyện đui, chẳng có ích lợi gì.

Tu pháp này, tuy nhiên trải qua vô lượng khổ, nhưng chẳng xả bỏ hạnh bồ đề. Tức cũng là tu diệu pháp trung đạo liễu nghĩa, Tu diệu pháp tâm ấn, tu diệu pháp thật tướng. Tu đến lúc viên mãn, thì sẽ thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tức là quả vị A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Khi nghe sinh trí huệ Pháp chỗ chư Phật vào Khắp ở trong pháp giới Thành Đạo Sư ba đời.

Một khi nghe được thứ diệu pháp này, thì sinh đại trí huệ. Thứ pháp này, là nơi này chư Phật sinh ra, từ đây mà vào. Tức cũng là pháp của chư Phật tu, thực hành. Minh bạch thứ pháp này, tu hành thứ pháp này, mới có thể thành Phật. Thứ pháp này, tận cùng hư không khắp pháp giới, trở thành Đạo Sư ba đời (đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai).

Tuy hết thưở vị lai Đến khắp các cõi Phật Chẳng cầu diệu pháp này Quyết chẳng thành bồ đề.

Tuy nhiên hết thuở vị lai, du hành khắp hết thủy tất cả cõi nước chư Phật, nhưng chẳng cầu diệu pháp trung đạo liễu nghĩa, chẳng cầu diệu pháp tâm ấn, chẳng cầu diệu pháp thật tướng vô tướng, thì cuối cùng không thể thành Phật được. Nếu muốn thành Phật, thì nhất định phải minh bạch đạo lý diệu pháp này.

Trung đạo liễu nghĩa, là pháp Phật dùng tâm ấn tâm. Do đó: "Truyền Phật tâm ấn". Chẳng đắc được diệu pháp tâm ấn, thì dù tu vô lượng kiếp, cũng không thể thành bồ đề. Pháp môn của thiền tông, là dùng tâm ấn tâm. Do đó: "Tâm tâm ấn nhau". Tâm của vị thầy và tâm của đệ tử khế hợp với nhau, liền thừa y bát. Cho nên thiền tông có bốn đại tông chỉ là:

"Chẳng lập văn tự
Giáo ngoại biệt truyền
Trực chỉ chân tâm
Kiến tánh thành Phật".

Nghĩa là chẳng thiết lập về văn tự, truyền ngoài giáo lý, chỉ thẳng chân tâm, thấy tánh thành Phật.

Tu pháp chân thật như thế nào ? Thứ nhất là dứt trừ tâm dâm dục. Trong Kinh Lăng Nghiêm có nói:

"Dâm tâm bất trừ,
Trần bất khả xuất".

Tâm dâm dục chẳng đoạn trừ, thì không thể thoát khỏi ba cõi, tức cũng có nghĩa là không thể chấm dứt sinh tử. Do đó: "Nếu chẳng dứt dâm dục, thì kẻ tu thiền định, như nấu các đá, muốn biến thành cơm", vĩnh viễn không thể nào thành công. Cho nên người tu đạo, phải tu pháp

môn đoạn dục khứ ái. Ban đầu vô minh chẳng khởi lên, thì chẳng có sinh tử.

**Chúng sinh xưa đến nay
Sinh tử trôi nổi lâu
Chẳng biết pháp chân thật
Nên chư Phật ra đời.**

Chúng sinh từ vô thủy kiếp đến nay, lưu chuyển ở trong sinh tử luân hồi, chuyển tới chuyển lui, cũng chuyển chẳng ra khỏi ngoài sinh tử luân hồi. Giống như hạt bụi, trôi nổi không nhất định, hốt nhiên lên trời, hốt nhiên ở dưới đất, hốt nhiên ở loài người, hốt nhiên ở loài A tu la, hốt nhiên loài súc sinh, hốt nhiên loài ngựa quý. Đây là chẳng có sự bắt đầu, cũng chẳng có sự kết thúc.

Khi nào chúng quả thành Phật, thì lúc đó sẽ thoát khỏi khổ của luân hồi. Trước khi chưa thành Phật, thì vẫn lưu chuyển ở trong sáu nẻo luân hồi. Bồ Tát còn có mê về sự cách âm, A la hán còn hôn mê lúc trụ thai. Pháp thân Đại Sĩ, thị hiện nhân gian, phổ độ chúng sinh, có lúc cũng bị trôi theo dòng sinh tử, trôi nổi khiến cho đầu não hôn mê, chẳng biết làm thế nào chấm dứt sinh tử.

Vô thủy thì chẳng có bắt đầu, vô chung thì chẳng có kết thúc. Giống như số 0, chẳng có sự bắt đầu, cũng chẳng có sự kết thúc. Nó là một nguyên hoá. Nếu đập vỡ số 0, thì sẽ trở thành 1. Đây tức là bắt đầu. Bắt đầu gì ? Bắt đầu số mục. Có số 1 rồi, lại thêm 1, sẽ thành 2. Lại thêm 1, thành 3. Cứ tiếp tục thêm một, sẽ thành 10, thành trăm, thành ngàn, thành vạn, từ vạn biến hoá thành ức, từ ức biến hoá thành triệu, cho đến số nhiều không thể đếm hết được.

Hiện tại là thời đại khoa học, có sức lực ngày đi ngàn dặm, ngày tháng đổi mới khác thường, tiến bộ không ngừng. Dùng hoả tiễn bay vào vệ tinh, vận hành ở trong quỹ đạo hư không chẳng ngừng nghỉ. Thuyền không gian này, với thuyền không gian kia, tiếp hợp ở trong hư không, đây đều là bắt đầu tác dụng của số mục. Dùng số mục để tính toán chi phối hội hợp, dùng số mục để không chế thời gian hội hợp. Cứ phát triển như vậy chẳng có khi nào kết thúc.

Khi nào có thể sẽ kết thúc ? Hiện tại vẫn chưa biết được. Khi kết thúc, thì sẽ đến kiếp không, trong bốn kiếp thành trụ hoại không. Kiếp thành là bắt đầu, kiếp không là kết thúc. Kiếp thành có hai mươi tiểu kiếp, kiếp trụ có hai mươi tiểu kiếp, kiếp hoại có hai mươi tiểu kiếp, kiếp không có hai mươi tiểu kiếp. Tám mươi tiểu kiếp làm một trung kiếp. Bốn trung kiếp làm một đại kiếp. Tuổi thọ của trái đất thời gian chỉ là một đại kiếp.

Chúng sinh từ vô thủy kiếp đến nay, người nam có trước ? Hay người nữ có trước ? Nếu như nói người nam có trước, nhưng nếu chẳng có người nữ, thì làm sao có người nam ? Nếu như nói người nữ có trước, nhưng không có người nam, làm sao có người nữ ? Đây tức là vô thủy (không có sự bắt đầu), chẳng biết từ lúc nào bắt đầu.

Hoặc là gà có trước ? Hay trứng có trước ? Vấn đề này, cũng là đạo lý nghiên cứu chẳng minh bạch được. Cứu kính thì sự việc như thế nào ? Có thể dùng một lời đơn giản để trả lời, đó đều là từ số 0 mà ra. Cho nên nói số 0 là vô thủy vô chung, chẳng có bắt đầu, chẳng có kết thúc, chẳng trong chẳng ngoài, chẳng lớn chẳng nhỏ. Thu nó lại, thì một hạt bụi, phóng nó ra, thì một pháp giới. Tận cùng hư

không khắp pháp giới, chẳng vượt ra ngoài số 0 này. Số 0 này, là gốc sinh sinh hoá hoá, là chân không diệu hữu vô thủy cô chung. Số 0 này phóng lớn ra là chân không, thu nhỏ lại là diệu hữu.

Chân không diệu hữu, tức là chân không chẳng không, sinh ra diệu hữu. Diệu hữu chẳng hữu, chẳng ngại chân không. Không, có, chẳng hai, tức không, tức có, tức có, tức không, đây tức là trung đạo liễu nghĩa, tức cũng là pháp chân thật nghĩa của đại thừa.

Số 0 này, chẳng có lúc nào bắt đầu, tức là chân không diệu hữu. Chân không này chẳng phải ngoan không, diệu hữu này chẳng phải thật hữu, tức cũng là viên dung vô ngại, trung đạo chẳng thiên về một bên nào. Các vị ! Nếu mình bạch đạo lý này, thì sẽ mình bạch pháp chân thật. Nếu chẳng mình bạch pháp này, tức là người hồ đồ, người chẳng có trí huệ chân chánh.

Số 0 này, nếu là khai ngộ, thì nó là trí huệ đại quang minh. Nếu chẳng khai ngộ, thì nó là vô minh đại đen tối. Vô minh cũng là số 0 này, trí huệ cũng là số 0 này. Số 0 này, lớn mà chẳng ở ngoài, nhỏ mà chẳng ở trong. Nói rộng ra, thì chẳng có gì lớn bằng nó; nói hẹp lại, thì chẳng có gì nhỏ bằng nó. Số 0 này, lớn mà hoá, tức là nguồn gốc thanh tịnh, tánh diệu chân như; nhỏ mà ẩn tàng, tức là một niệm vô minh lúc ban đầu. Đây là giải thích về vô thủy (không có bắt đầu).

Tại sao chúng sinh lưu chuyển ở trong sinh tử luân hồi ? Vì chẳng hiểu biết về pháp chân thật. Cho nên nhìn chúng sinh đáng thương xót, từ bi thương xót chúng sinh, bèn phát tâm đại bi, xuất hiện ra đời, để giáo hoá tất cả

chúng sinh lìa khổ được vui, phát tâm bồ đề (trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sinh), tu đạo vô thượng.

Chúng ta ở trong sáu nẻo luân hồi thọ quả báo, là vì trong tâm chúng sinh đã tạo thành thứ nghiệp này, mới thọ quả báo này. Tóm lại, thưở xưa khởi vọng tưởng thiên đàng, thì sinh lên trời; khởi vọng tưởng địa ngục, thì sẽ đọa địa ngục. Nếu tạo tội nghiệp, thì sẽ đọa vào trong ba đường ác. Nếu tạo công đức lành, thì sẽ sinh vào ba đường lành. Tình hình đại khái như vậy, chỉ nói một cách sơ lược. Nếu nói tỉ mỉ, thì hết thưở vị lai cũng nói chẳng hết được.

Thế giới này là do vọng tưởng của chúng sinh tạo thành. Nếu chúng sinh chẳng có vọng tưởng, thì thế giới này sẽ không có. Vì chúng sinh vẫn chưa minh bạch hiểu biết pháp chân như thật tướng, pháp chân không diệu hữu, cho nên thế giới này vẫn tồn tại.

Pháp chân không diệu hữu, tức là số 0. Thế giới do số 0 mà sinh, chúng sinh do số 0 mà sinh. Tất cả hết thảy, đều do số 0 mà sinh ra. Vì số 0 này, chẳng phải số nội, vượt ra số ngoại. Phóng ra thì di lục hợp, cuộn lại thì ẩn tàng nơi mật. Tức cũng là cảnh giới vô thủy vô chung, chẳng trong chẳng ngoài, chẳng lớn chẳng nhỏ.

Pháp chân thật này, tức là chân không diệu hữu. Chân không chẳng không. Tại sao chẳng không ? Vì nó có diệu hữu. Diệu hữu phi hữu, vẫn là chẳng hữu. Tại sao chẳng hữu ? Vì nó có chân không. Do đó:

"Chân không chẳng ngại diệu hữu
Diệu hữu chẳng ngại chân không".

Đạo lý này, có thể giải quyết được vấn đề người nam có trước ? Hay người nữ có trước ? Gà có trước ? Hay

trúng có trước ? Những vấn đề nan giải này dùng số 0 để giải quyết, thì tất cả mọi vấn đề sẽ nghênh nhận mà giải.

Tại sao trong chân không hay sinh ra diệu hữu ? Hay hiện ra tất cả sự vật ? Mà trong diệu hữu vẫn chẳng lia khỏi chân không ? Cảnh giới này, trước khi chưa được tâm ấn của chư Phật, thì không thể minh bạch được. Nếu minh bạch được pháp môn chư Phật dùng tâm ấn tâm, thì sẽ minh bạch pháp môn chân thật này.

Pháp chân thật này, ở trong tự tánh vốn có, chẳng cần tìm cầu bên ngoài. Nếu đi tìm bên ngoài, thì dù có tìm tám vạn đại kiếp, cũng tìm chẳng được. Nếu hồi quang phản chiếu, thì sẽ thấy được. Do đó:

"Biển khổ không bờ
Hồi đầu là bến".

Tóm lại, hướng bên ngoài tìm cầu, tức là biển khổ không bờ. Hướng vào bên trong tìm cầu, ở trong tự tánh dụng công phu, tức là hồi đầu là bến.

Chúng ta suốt ngày đến tối, điên điên đảo đảo, theo đuổi vọng duyên, chạy theo sáu căn sáu trần, chẳng minh bạch pháp chân thật. Chư Phật ở trong cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ, ngồi kiết già mà nhập định. Ở trong định quán sát tất cả chúng sinh, rất là ngu si, thật đáng thương xót, chấp đông chấp tây, lấy khổ làm vui, không biết bỏ mê về với giác ngộ, chẳng biết mượn cái giả tu cái thật, chẳng biết đi ngược lại cái vọng để chuyển thành cái thật, chẳng biết trở lại cầu nơi chính mình. Cho nên chư Phật từ bi, ở trong định đến thế giới chúng sinh nào có duyên đáng được độ, thì chỉ bày bến mê, khiến cho họ quay đầu trở lại. Đáng tiếc là chúng ta cứ theo đuổi gốc không thật, chẳng nhận

thức được pháp chân thật. Phật khổ nhọc vì chúng ta nói pháp, chẳng buồn phiền giáo hoá chúng ta, nhưng chúng ta chẳng nghe lời, quá ngu si, chẳng những chẳng y pháp tu hành, mà ngược lại, thối lùi về sau, chẳng nghe lời vàng ngọc của Phật. Cho nên Phật lại muốn tìm biện pháp, để đến ở trước mặt chúng ta, điều phục giáo hoá chúng sinh cương cứng. Đây là nguyên nhân Phật xuất hiện ra đời.

Các pháp không thể hoại Cũng chẳng ai phá được Tự tại đại quang minh Khắp hiện nơi thế gian.

Pháp chân thật này không thể nào phá hoại được. Thiên ma ngoại đạo cũng chẳng cách chi phá hoại được. Tại sao ? Vì chánh pháp kiên cố giống như kim cương. Cho nên không thể nào phá hoại được. Nếu phá hoại được, thì chẳng phải là pháp chân thật.

Đại tự tại đại quang minh này, khắp thị hiện trong tất cả thế gian. Đại quang minh tạng này, chỉ bày pháp môn chấm dứt sinh tử. Phá trừ vô minh, hiển hiện pháp môn pháp tánh quang minh vốn có.

Các vị ! Nếu không tin, thì có thể thử xem. Đến lúc đó, bạn không cách chi mà không tin. Không tin cũng sẽ tin, vì nó là như vậy, có phương pháp gì không tin chẳng ?

Đại quang minh tạng này là mình vốn có, chẳng phải người khác bố thí cho bạn, cũng chẳng phải chư Phật gia bị cho bạn, mà là bạn tự có đầy đủ. Đại quang minh tạng tức là chân như thật tánh. Nếu tu hành pháp chân thật này, thì thức A lại gia (thức thứ tám) sẽ chuyển thành đại viên cảnh

trí, chấm dứt sinh tử. Nếu chẳng nhận chân tu hành, thì hạt giống của thức A lại gia, sẽ tùy theo nhân duyên của cha mẹ mà đi đầu thai, sinh sinh không ngừng, vĩnh viễn chẳng có lúc nào chấm dứt, như thế thì chẳng đắc được giải thoát.



Hồi hướng công đức

Trong các sự bố thí, thì bố thí pháp là cao thượng nhất. Vì ấn tông Kinh diễn bố thí cho mọi người đọc, khiến cho họ hiểu rõ những lời đức Phật dạy, phát tâm tu học, thực hành hạnh Bồ Tát, tự lợi lợi tha, tự độ độ tha, tích tụ căn lành công đức, hồi hướng về quả Vô thượng bồ đề, cuối cùng sẽ chứng ngộ quả vị Phật. Nhờ giáo lý Pháp bảo mà chúng ta tin, hiểu, thực hành, và chứng ngộ.

Xin hồi hướng công đức pháp thí cao thượng này, đến các bậc Thầy Tổ, và toàn thể tất cả Phật tử đã phát tâm hùn phước ấn tông, hữu danh hoặc vô danh, và thân bằng quyến thuộc của tất cả quý vị còn sống hoặc đã quá vãng, cùng pháp giới chúng sinh, thầy đều được lợi lạc, căn lành tăng trưởng, tâm bồ đề kiên cố, luôn luôn an trụ ở trong chánh pháp, tu hành chánh pháp, rốt ráo được thoát khỏi sinh tử luân hồi, đến được bờ giác ngộ bên kia.





Nam Mô Hộ Pháp Vi Đà Tôn Thiên Bồ Tát

KỆ HỒI HƯƠNG CÔNG ĐỨC

Nguyện đem công đức này
Trang Nghiêm cõi Phật tịnh
Trên đền bốn ân nặng
Dưới cứu ba đường khổ
Nếu có ai thấy nghe
Liên phát tâm bồ đề
Khi bỏ báo thân này
Sinh về cõi Cực Lạc.

Những Kinh sách do Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải, cùng một dịch giả đã in ra:

- Nhân sinh yếu nghĩa.
- Chú đại bi giảng giải.
- Chú lãng nghiêm giảng giải tập 1.
- Chú lãng nghiêm giảng giải tập 2.
- Chú lãng nghiêm giảng giải tập 3.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 1.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 2.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 3.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 4.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 5 (trọn bộ).
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 1.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 2.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 3.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 4.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 5.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 6.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 7.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 8.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 9.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 10.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 11.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 12.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 13.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 14.

Quý vị nào muốn thỉnh, xin liên lạc về Chùa Kim Quang.

- Sắp tới đây sẽ tiếp tục lần lượt in ra những tập kế tiếp Kinh Hoa Nghiêm giảng giải.



Nếu có các chúng sinh
Chưa phát tâm bồ đề
Khi được nghe danh Phật
Chắc chắn thành bồ đề.